NĂM THỨ SÁU • #63 • JULY 1994

English Section Page 45

THẾ KỶ 21

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

PHÙNG QUÁN

TÌM THĂM NGUYỄN HỮU ĐANG

SONG THAO

CỎ MỀM LĂNG ĐĂNG

PHAN THANH TÂM

SOUTH WIND CHANGING VÀ JADE NGỌC QUANG HUỲNH

Trân Trọng Giới Thiệu

Chương Trình Nhạc Hòa Tấu Hợp Xướng

Đêm NGÀN KHƠI

San Jose 17 tháng 9, 1994

- Toàn bộ trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN của Phạm Duy
- Những sáng tác của LÊ VĂN KHOA, VŨ THÀNH, CUNG TIẾN, PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG, NGUYỄN ĐỨC QUANG
- DÂN CA VIỆT NAM do LÊ VĂN KHOA hòa âm cho TỨ CA và dàn nhạc hòa tấu

với

BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI

MAI HƯƠNG • THIÊN THANH • BÍCH LIÊN • NGUYỄN THÀNH VÂN

Đặc biệt

CA ĐOÀN THIẾU NHI NGÀN KHƠI

và

FESTIVAL SYMPHONY ORCHESTRA

FOOTHILL COLLEGE THEATRE

12345 El Monte Rd, Los Altos Hills, CA 94702 (off Freeway 280)

Đúng 8:00 pm Thứ Bảy 17 tháng 9 năm 1994

(Vui lòng đến trước 7:30 pm để sắp xếp chỗ ngồi)

GIÁ VÉ: Ân Nhân: $50 - Đồng Hạng: $25

Checks xin đề tên: NGAN KHOI CHORUS và gửi về địa chỉ: 14265 Brookhurst St Garden Grove CA 92643

Tel: (714) 531-2773 & (408) 274-1339

Vé có bán trước tại: Nhà Sách Toàn Thư (408) 292-2788 • Hải Âu Music (408) 270-4866

Tiền lời sẽ được dùng giúp quỹ cứu trợ tị nạn và các hội thiện nguyện

Chương trình được bảo trợ một phần bởi **MCI**, cơ quan điện thoại viễn liên

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC

❋ *Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo.*
❋ *Để hổ trợ trung tâm sản xuất có điều kiện tiếp tục phục vụ nghệ thuật.*
❋ *Để lưu trữ lâu dài trong tủ nhạc gia đình.*

BĂNG VÀNG VIDEO

PARIS BY NIGHT 26

SACRÉE SOIRÉE 1 — ĐÊM HOA ĐĂNG

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN
NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Giá 25$ / 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí
(TẠI USA & CANADA)

- *Lần đầu tiên thu hình tại phòng thu Sacrée Soirée lớn nhất Âu châu, lộng lẫy hơn cả Paris By Night kỷ niệm 10 năm.*
- *Lần đầu tiên dùng tia sáng Laser để trang trí sân khấu, tạo hình ảnh thật mới lạ, đổi cảnh từng bài hát mà chỉ có các chương trình ca nhạc mang tầm vóc quốc tế mới sử dụng.*

Khánh Hà - Ý Lan - Ái Vân - Hương Lan - Dalena - Phi Khanh - Phương Hồng Quế - Diễm Liên - Trang Thanh Lan - Ái Thanh - Mỹ Lan - Phương Loan - Bảo Hân - Jenny Loan - Ngọc Thúy - Elvis Phương - Duy Quang - Don Hồ - Quang Bình - Thái Tài - Henri Chúc - Tô Chấn Phong - Nguyễn Hưng - Trần Phương - Chí Tài - Chí Thiện và đặc biệt ca sĩ Pháp Frank Oliver...

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry
75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA
Tel. (02) 796-7227

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / Issues (US$17.10) ☐12 số / Issues (US$32.40) ☐24 số / Issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

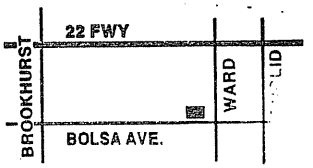

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

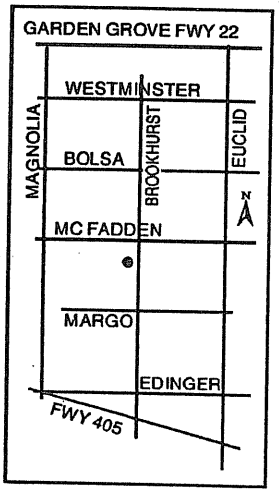

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Bìa: ảnh *Tôn Lập*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng* và *Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Hữu Nhật, Ngọc Dũng*
Hí họa: *Babui Mamburao*
Ảnh: *Trần Đại Lộc, Lê Tam Ca, Lý Kiến Trúc*

MỤC LỤC

SỐ 63 - THÁNG BẢY 1994

CHÍNH TRỊ, KINH TẾ
10 Những vấn đề ngoại thương Việt Nam (*Quân Tử*)
15 Vấn đề luật pháp ở trong nước... (*Vũ Quốc Thúc*)

TƯ TƯỞNG, TÔN GIÁO
18 Giao điểm giữa Phật triết và khoa học tự nhiên (tt) (*Nguyễn Kết* dịch)
26 Tình hình phục hưng Phật giáo miền Bắc (*Phạm Trọng Chánh*)

NHÂN VẬT, CHUYỆN TRÒ
31 Tìm thăm người dựng lễ đài...(*Phùng Quán*)
62 South Wind Changing và Jade Ngọc Quang Huỳnh (*Phan Thanh Tâm*)
77 Nguyễn Cao Kỳ Duyên và "món quà báo hiếu" (*Nguyễn Nam Anh*)

KHOA HỌC
41 Hành tinh quanh sao động mạch (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)

CHỮ VÀ NGHĨA
54 Một số thuật ngữ thông dụng (tt) (*Đỗ Thông Minh*)
55 Điện thư = Fax? Electronic mail? (*Trần Trung Tín*)

THỂ THAO
92 Giải túc cầu World Cup USA 94 (*Hà Tường Cát*)

VĂN HỌC
39 Chuyện một chuyến trở về (Ký, *Lê Hoàng Ân*)
56 Chung quanh câu hỏi "Tại sao viết văn" (*Trần Thanh Hiệp*)
58 Về hạnh bố thí (Tùy bút, *Du Li*)
66 Đồng cỏ năn (Truyện ngắn, *Kim Bồng*)
79 Cỏ mềm lãng đãng (Truyện ngắn, *Song Thao*)
74 Đọc sách: Nghệ thuật tạo hình dân gian (*Phạm Xuân Đài*)

THƠ
33 Sống chết (*Võ Doãn Nhẫn*)
35 Cổ thi (*Lê Ng. Khái*)
60 Chào; An ủi; Gia tài (*Du Li*)
64 Trở lại Springfield (*Đoàn Nhật*)
65 Không (*Trần Mộng Tú*)
67 Vườn xuân (*Nhất Uyên*)
69 Mở cửa ra anh (*Trần Mộng Tú*)
71 Nơi quán cà phê; Qua đường George ngày nghỉ (*Nguyễn Tư*)
81 Những ý nghĩ về đêm (*Bùi Duy Thuyết*)
82 Chuyện kể một mình (*Yên Ty*)
84 Ngộ (*Nguyễn Tấn Hưng*)

MỤC THƯỜNG LỆ
6 Thư Tòa soạn
7 Bạn đọc viết
8 Tòa soạn và bạn đọc
85 Sách báo trong tháng
90 Vòng chân trời văn học nghệ thuật

ANH NGỮ / ENGLISH SECTION
45 Prof. Doan Viet Hoat is shackled and isolated
46 To claim or not to claim (*Lam Le Trinh*)
48 War stories (*Ruth Talovich*)
49 Your neck (a poem by *Do Quy Toan*)
51 Book reviews (*Nguyen Dinh Hoa*)

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St., Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Tháng trước Thế Kỷ 21 có tường thuật tóm lược cuộc nói chuyện của ông Đỗ Ngọc Yến tại tòa soạn với đề tài: "Việt Nam Thế Kỷ 20: những chọn lựa và hậu quả."

Sau đó tòa soạn đã nhận được nhiều ý kiến tỏ ra lưu ý đến đề tài rộng lớn và phong phú này và yêu cầu có một bài tường thuật đầy đủ hơn. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng ở thời điểm chúng ta đang sống hiện nay đã đến lúc nên nhìn lại thế kỷ 20, một trăm năm đầy biến động có ý nghĩa lớn lao trên thế giới và đặc biệt cho Việt Nam. Trong số tới chúng tôi sẽ đăng lại bài nói chuyện nói trên, như là một gợi ý để đón nhận thêm ý kiến từ các văn hữu và độc giả.

Cũng trong thế kỷ 20, người Việt Nam đã chịu nhiều nỗi đau khổ oan khiên, trong số đó phần do chế độ Cộng sản đem lại không phải là nhỏ. Thời gian gần đây các trường hợp bị đàn áp tàn độc trong quá khứ (và cả trong hiện tại) đã dần dần được phơi bày ra dư luận. Thế kỷ 21 sưu tập và lần lượt đăng tải tất cả những tài liệu ấy. Nếu "nhân quyền" là một ý niệm rất chung chung thì những trường hợp này là các chứng từ rất cụ thể cho thấy thế nào là vi phạm quyền làm người. Trong số này mời độc giả đọc bài viết của Phùng Quán, nói về trường hợp của Nguyễn Hữu Đang, để thấy được một phần rất nhỏ nỗi thảm thiết lớn lao của bao cái tinh hoa ưu tú đã bị vùi dập nghiền nát.

Giữa tình hình như thế, tác giả Phạm Trọng Chánh để tâm nghiên cứu một cách cụ thể tình hình phục hưng Phật Giáo miền Bắc qua trường Cơ bản Phật Học Hà Tây, mà có thể tác giả thấy là một dấu hiệu tốt để cứu vãn sự băng hoại của con người.

Một độc giả của Thế Kỷ 21 tháng qua đã góp một ý kiến rất quý báu cho tòa soạn đó là việc nên có Mục Lục Phân Loại các bài đã xuất hiện trên tờ tạp chí của chúng ta từ trước tới nay, để tiện cho việc tra cứu. Nếu mục tiêu của Thế Kỷ 21 là đưa ra những vấn đề nghiêm chỉnh và các bài viết có giá trị không phải loại "coi xong rồi bỏ", thì việc có một mục lục phân loại một cách khoa học đúng là một việc làm cần thiết, chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện.

THẾ KỶ 21

Nên có "mục lục phân loại"

(...) Nhận xét của tôi về lối trình bày trong trang MỤC LỤC các số từ tháng Giêng đến tháng Năm 1994 rõ ràng hơn số báo tháng Mười Hai 1993, và nó đã giúp cho tôi tìm ra ngay những mục nào muốn đọc trước tiên. Xin đề nghị *Thế Kỷ 21* tiếp tục làm phần MỤC LỤC như thế này. Ngoài ra tôi xin góp ý kiến (có lẽ vì tôi làm nghề thư viện nên có hơi "méo mó nghề nghiệp" chăng, nếu xét thấy đúng và có thể làm được thì xin nghiên cứu và thực hiện để mọi người được hưởng lợi ích việc nghiên cứu văn hóa Việt Nam của họ).

Báo *Thế Kỷ 21* đã được sáu năm với 61 số báo, tuy khá nhiều nhưng chưa thấy báo chí nào của Mỹ hay Việt Nam làm "Bảng Dẫn", hay gọi theo lối xưa là "Mục Lục Phân Tích Tạp Chí" (*Periodical Index* như loại "*Reader's Guide to Periodical Literature*" hay "*Asian Studies Bibliography*"). Tôi có đọc phần "Mục Lục Chỉ Dẫn *Thế Kỷ 21*, các số 1,2,3" đăng trong *Thế Kỷ 21* số 4, tháng Tám 1989, do quý báo biếu Thư Viện Trường Modesto Jr. College là nơi tôi làm việc, và tôi nhận thấy là lối làm Index này không phục vụ độc giả một cách thiết thực như lối làm Index của báo Mỹ.

Khi nghiên cứu bất cứ đề tài gì trong sách báo, các nghiên cứu gia cần có những dụng cụ loại Index nói trên để có thể tìm ra xuất xứ của các bài báo đó dựa theo các "Tiêu Đề Đề Mục" (*subject headings*) có trong các "Bảng Dẫn" loại nói trên để tìm đọc một cách dễ dàng. Khi làm *index* người ta sẽ phải đọc bài viết rồi sắp xếp nó vào một loại đề mục (*subject*) nào đó, rồi cho các tiêu đề đề mục (*subject headings*). Nếu bài viết liên quan đến nhiều đề mục thì bài đó cũng được xếp dưới nhiều đề mục khác nhau để độc giả có thể tìm ra tài liệu dễ dàng hơn.

Thí dụ như bài "Giã từ quá khứ" của **Chu Việt** đăng trong số tháng Giêng 1994, trang 61-63, nói về tác giả cuốn "Tiểu Thuyết Vô Đề" là **Dương Thu Hương**, và nội dung của nó liên hệ đến chiến tranh Việt Nam, do đó bài này có thể được xếp dưới hai Tiêu đề đề mục là Dương Thu Hương và **Chiến Tranh Việt Nam — Văn Chương** (tiểu đề mục "Văn Chương" ở đây được gọi là "*Subdivision*" của "*subject headings*" "Chiến Tranh Việt Nam" của thuật ngữ ngành thư viện học). Với lối làm *index* như thế này, nếu độc giả muốn tìm tài liệu "nói về (*about*) Dương Thu Hương", họ có thể tìm ra bài viết này dưới tiêu đề mục Dương Thu Hương, hoặc họ muốn tìm tài liệu viết về chiến tranh Việt Nam họ có thể tìm ra bài viết này cho dù họ không biết tác giả bài "Giã từ quá khứ" là ai.

Tôi đã "làm thử" *Index* TK21 số tháng Giêng 1994 gửi kèm đây để quý ông duyệt lãm. Lối làm *index* này tôi dựa theo lối làm *Index* của báo chí Mỹ như *Reader's Guide to Periodical Literature* do nhà Wilson xuất bản. Nó được sắp xếp theo lối tự điển, và các tiêu đề đề mục cũng như tên tác giả bài báo được xen kẽ tùy theo thứ tự của mẫu tự Việt ngữ.

Vấn đề khó khăn khi làm Index kiểu này là các nhu liệu Việt ngữ như VNI, VNLabs chưa đạt tới mức "siêu việt" như những thảo chương của Mỹ, chẳng hạn như WordPerfect, họ có phần công dụng riêng làm *index* nên dù có làm lẻ tẻ từng số, sau đó kết hợp (*merge*) lại thành một "Hồ sơ" (*file*) để theo đúng thứ tự mẫu tự trong Anh ngữ (*alphabet*) cũng dễ dàng hơn là làm với ngôn ngữ Việt Nam có các dấu thanh đi kèm vào do đó khi viết bằng *ASCII code* để làm thảo chương này, các chữ Anh đã phải thay đổi, bởi thế việc áp dụng mục làm *index* của Word-Perfect vào tiếng Việt trong máy điện toán sẽ không sử dụng được.

Nếu có thể, có lẽ quí vị nên làm 50 số đầu (từ số 1 (5/1989) đến số 50 (6/1993), hoặc là làm từ số của năm thứ nhất đến số kỷ niệm năm thứ 10 của TK21.

Nếu làm được thì xin làm theo lối song ngữ Việt và Anh đối chiếu, vì có thể có nhiều nghiên cứu gia trẻ tuổi gốc Việt nhưng không rành Việt ngữ, hay một số học giả gốc Mỹ rành Việt ngữ nhưng khi nghiên cứu các "Bảng Dẫn" thì phần Anh ngữ có thể giúp họ tìm kiếm dữ kiện một cách nhanh chóng hơn.

Phạm Lệ Hương
Modesto, CA

Toà soạn cám ơn chị Lệ Hương rất nhiều. Chúng tôi sẽ gửi tới chị bộ báo TK21 để chị giúp làm index.

Tuyệt đối bất nhị là gì?

Để trả lời các câu hỏi "quả trứng hay con gà, cái nào có trước", và "vũ trụ có giới hạn hay không", học giả Huỳnh Hữu Cửu, viện dẫn Thiền Tông, đưa ra lập trường: "phải tuyệt đối, bất nhị", và cho rằng như thế, ông đã vượt lên trên những cái đối nghịch: trước và sau, giới hạn và vô hạn.

Tuy nhiên, nói tuyệt đối, là đã hết tuyệt đối rồi. Vì khi đó, cái tuyệt đối phải "đối" với cái tương đối! Tức là có "đối" chứ không còn tuyệt đối nữa. Nói cách khác, tuyệt đối và tương đối trở thành hai phạm trù đối nghịch với nhau, "tương đối" với nhau. Tương tự như vậy, khi nói "phải bất nhị", thì đã là "nhị" rồi! Vì khi đó,

cái "bất nhị" sẽ đối nghịch với cái "nhị", và còn đâu là "bất nhị" nữa? Cho là cái này mới thật, cái kia là giả, chọn cái này là đúng, cái kia là sai, Thiền Tông là khôn, còn mấy "thằng Tây phương" là "cà chớn", là lại ngụp lặn trong tương đối, trong "nhị nguyên đối đãi", có thấy đâu là "tuyệt đối bất nhị"?

Quả trứng hay con gà có trước chỉ có thể được trả lời khi biết: quả trứng nào? và con gà nào? Còn muốn nói chuyện con gà nói chung hay trứng gà nói chung từ đâu ra, thì theo kiến thức khoa học ngày nay, có thể tìm câu trả lời trong thuyết tiến hóa chẳng hạn, chứ không cần chi phải nói chuyện "tuyệt đối bất nhị" cho thêm phiền phức.

Vũ trụ có giới hạn hay không, cũng tùy cách quan niệm "giới hạn". Thí dụ, trái đất có giới hạn hay không? Nhiều người sẽ bảo rằng có. Nhưng nếu những người đó cứ nhắm thẳng hướng trước mặt mà đi thì có bao giờ gặp được cái giới hạn của trái đất hay không? Mà nếu cho rằng trái đất không có "giới hạn", thì vũ trụ có giới hạn không? Nhưng thử tưởng tượng một quan sát viên nhìn vũ trụ như một chú nhóc tì nhìn một trái banh, thì quan sát viên đó sẽ nghĩ sao? Vũ trụ có giới hạn hay không?

Tóm lại, tất cả các vấn đề trên đều mang nặng tính tương đối: con gà này đối với quả trứng kia, vũ trụ này đối với một hệ thống quan sát nọ. Không thấy có gì "tuyệt đối bất nhị", như lời Aristote: "Điều tuyệt đối, là không có gì tuyệt đối cả."

Mặt khác, cố chấp nơi cái tuyệt đối bất nhị, thì không còn tuyệt đối bất nhị nữa. Nếu bảo Phật tánh là tuyệt đối, thì tại sao vị Tổ thứ sáu của Thiền Tông lại nói: Phật tánh vô thường? Cái tuyệt đối mà lại vô thường, nay còn mai mất ư? Lục Tổ còn thêm một câu tương tự như lời Aristote đã dẫn ở trên, rằng: "vô thường chính là tánh chân thường Phật dạy". Vậy, phải chăng tương đối chính là cái sự thật tuyệt đối?

Bây giờ ta rủ nhau không thèm chấp cái tuyệt đối, cũng không thèm chấp cái tương đối nữa thì sao? Thì ta vẫn mê chấp nặng nề! Chấp cái "không chấp"! Khó nhỉ? Vậy phải làm sao?

Người tu Thiền ngồi im lặng... (*)

"Thuyết Pháp giả, vô Pháp khả thuyết, thị danh thuyết Pháp"!

Nguyễn Hoài Vân
Pháp

Toà soạn đã chuyển thư góp ý này tới BS Huỳnh Hữu Cửu, và BS Cửu đã có hồi âm. Chúng tôi sẽ đăng ý kiến của BS Cửu trong số sau. Xin cám ơn cả hai vị, vừa là độc giả vừa là cộng tác viên của TK21.

Coi chừng tội...coi thường đàn bà!

Bài "Nhận định về việc bẩy nhà trí thức..." của Từ Mai đăng trên TK21 số tháng Năm 1994 có một sơ sót mà tôi nghĩ nên điều chỉnh ngay, kẻo các bà rầy rà. Đoạn cuối cột 1 trang 19: *"Các giáo sư Đinh Tử Lâm và Tưởng Bồi Khôn: giáo sư triết học cùng có con bị thảm sát trong cuộc đàn áp tại Thiên An Môn năm 1989."* Thật ra, hai giáo sư này là một cặp vợ chồng. Vợ là bà Đinh Tử Lâm và chồng là ông Tưởng Bồi Khôn. Hai ông bà có một cậu con, năm 1989 là sinh viên trường Đại học Bắc Kinh, lúc đó 17 tuổi, bị bắn chết lúc quân đội tấn công người biểu tình ở Thiên An Môn. *"Cùng có con"* làm người đọc tưởng rằng hai giáo sư này mỗi người có một con bị bắn chết.

NTA
(Virginia)

Tòa soạn có hỏi...vài bà, thì các bà không rầy rà vụ "cùng có con" mà lại quan tâm tới vụ bạn NTA mẫn cảm chuyện các bà! Đùa thôi; cám ơn NTA nhiều.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị sau đây. Xin cám ơn rất nhiều và mong quý vị cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Anh Ho (T-AFS 9), Nhất Tuấn (Olympia WA), Tran Thanh (Orange CA), Tina & David Doan (W Covina CA), Westminster Library (Westminster CA), Pham Huan (Agoura CA), Hà Dương Bưu (Huntington Beach CA), Andre & Lana Buu Sao (Jackson Heights NY), Phạm Thế Trường (Terre Haute IN), Trần Ngọc Giác (Kanagawa-ken, Japan), Ann Phong (Anaheim CA), Diệp Bảo Sơn (San Jose CA), Nguyễn Thanh Quang (Delray Beach FL), Nguyễn Tu (Sydney ÚC), Nguyễn Văn Năng (Houston TX), Nguyễn Cường (Cerritos CA), Hoài Hương (Montréal), Lê Minh Châu (Arleta CA), Trần Quí Phiệt (Kerrvile TX), Nam Vũ (Brooklyn NY), Nguyễn Xuân Kính (Ventura CA), Nguyễn Huy Xương (New Orleans LA, PAD giới thiệu), Nguyễn Thị Nga (Tucson AZ, PLH giới thiệu)

● Thư hoặc báo bị trả về: Rev Tuong Nguyen Huy, Garland TX, Huy Phuong, Westminster CA, Pham Gia Phap, Houston TX.

Thụy Chi (*Santa Ana CA*): Đã nhận được thư và thơ. Rất tiếc không đăng được. Nếu có loại khác, xin gửi thử. Chúc vui luôn.

Nguyễn Đăng Ngọc (*San Diego CA*): Xin cho ít dòng tiểu sử của Hằng Hà Lệ — nghe có vẻ...người Hoa?! Các bài về chữ và nghĩa rất được hoan nghênh. Kính.

Nghia P. Van (*Ithaca NY*): Đã nhận được thư hỏi về sách. Sẽ có thư riêng của trị sự. Rất cám ơn và chúc vui.

Cao Xuân Tứ (*Amsterdam HL*): Cám ơn anh về những bài tiếng Anh. Sẽ đăng dần. Thân ái.

Nguyễn Văn Cường (*Olsvik Na Uy*): Thơ sẽ đăng dần. Rất cám ơn lòng ưu ái bạn dành cho TK21. Chúc vui luôn.

● **Nhắn tin chung quý đồng nghiệp:**

Các độc giả của TK 21 ở một số tiểu bang cho tòa soạn biết (và có người gửi kèm báo của quý đồng nghiệp) có đồng nghiệp đã trích đăng bài của TK 21. Việc đăng lại bài vở của báo bạn thực ra giúp phổ biến sâu rộng thêm những công trình sáng tạo hoặc nghiên cứu của người cầm bút, chúng tôi hoan nghênh. Nhưng, như quý đồng nghiệp đã biết, luân lý chức nghiệp của người làm báo buộc chúng ta phải tuân thủ một số nguyên tắc tối thiểu như:

1.gửi thư hoặc điện thoại xin trích đăng;

2.khi đăng (với sự đồng ý của tòa báo có bài) phải in hàng chữ, hoặc LTS, cho biết xuất xứ;

3.nếu là báo bán hoặc có bán trang quảng cáo, phải góp một phần phí tổn nhuận bút do hai tòa báo cùng ấn định.

Rất mong quý đồng nghiệp cùng chúng tôi bảo tồn và phát huy đạo đức báo chí để làng báo Việt ngữ hải ngoại thực sự là một "ngôi làng" trong đó mọi người sống hòa thuận và tiến bộ.

● **Nhắn tin chung quý văn hữu:**

Gần đây, tòa soạn nhận được bài của quý vị đã đánh sẵn trong đĩa. Thật là tiện lợi (đỡ tốn kém thì giờ và tiền bạc, lại bảo đảm không có, hoặc có ít, lỗi đánh máy). Chúng ta hãy cùng nhau hoan hô những tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp, và phát huy tối đa thành quả của những tiến bộ này. Tòa soạn cám ơn quý vị lắm lắm.

Tuy nhiên, vì các loại máy (hardware) và các nhu liệu (software) có nhiều dị biệt, đôi khi không tương hợp (compatible), cho đến khi chúng tôi có đủ sức (tiền để mua nhiều máy, và kỹ năng sử dụng), chúng tôi xin quý vị thông cảm, chỉ gửi về những đĩa: 1.đánh bằng IBM/PC; 2.dùng các thảo chương VNI hoặc VNlabs; 3.để nguyên bài ở dạng text (ASCII), không cần cho kiểu chữ, cỡ chữ, cột, trang gì cả; 4.nếu gửi bằng bưu điện nên dùng đĩa nhỏ 3.5, ít rủi ro hơn đĩa lớn.

Nếu quý vị có modem, và muốn gửi thẳng vào máy của tòa soạn, hoặc để tòa soạn lấy (retrieve) từ máy của quý vị, xin liên lạc điện thoại trước để cùng sắp xếp ngày giờ thuận tiện. Thân ái chào và mong nhận được tin và bài của quý vị đều đều! Thân ái.■

BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN DIỆU LIÊN HƯƠNG

HỘI VIÊN CHỈNH NHA VÀ CHỈNH HÀM
United State Dental Institute
American Association for Functional Orthodontics

9251 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 I Tel: (714) 895-1264

Hành nghề từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha Khoa tư tại Phú Thọ, Saigon

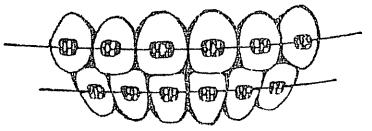

ORTHODONTICS: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô móm... bằng phương pháp mang Niềng răng (Braces) hay mang Bộ Chỉnh Hàm (Functional Orthodontic Appliances).

BLEACHING: Tẩy trắng các răng màu vàng, nâu, xanh...

COSMETIC BONDING: Thay men răng bị đổi màu, đắp vá các răng sứt mẻ, làm khít kẽ răng thưa...

ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU BỆNH NƯỚU RĂNG: Nướu răng sưng đỏ, chảy máu, tuột nướu, tuột xương; hôi miệng.
Đặc biệt: Phối hợp với *khoa chỉnh hàm* giải quyết các trường hợp răng bị xô lệch, lung lay, hở kẽ... do bệnh nướu răng, **tạo khớp cắn ổn định:**
- để việc nhai thức ăn dễ dàng và hữu hiệu;
- tạo một hàm răng đều đặn duyên dáng và bền bĩ với thời gian.

NHA KHOA TỔNG QUÁT: Khám định kỳ, làm sạch, chữa, trám và nhổ răng. Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải quyết các răng mọc ngầm vì thiếu chỗ hay răng mọc chậm

RĂNG GIẢ CÁC LOẠI: Gắn dính và tháo lắp: Mão răng,Veneer,Cầu răng,Hàm giả bán phần và toàn phần

NHỮNG VẤN ĐỀ NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

QUÂN TỬ

LTS.- *Bài này nằm trong một loạt bài nhằm mục đích giúp độc giả cập nhật về tình hình kinh tế Việt Nam cùng những khó khăn trong việc chuyển qua kinh tế thị trường. Thế Kỷ 21 đã đăng những bài về kinh tế tổng quát, về nông nghiệp và công nghiệp và y tế, mà tác giả đã dựa trên những dữ kiện và số liệu thâu thập được từ năm 1993. Bài về ngoại thương gồm hai phần: (1) tình trạng ngoại thương trước và sau chính sách "Đổi Mới" và (2) những khó khăn và những vấn đề còn lại.*

I. Tình trạng ngoại thương

Với lợi tức đầu người được ước lượng là US$180-200, Việt Nam đứng hạng 156 trên 173 nước và nếu tính theo tỉ số HDI (Human Development Index) của Liên Hiệp Quốc năm 1993, Việt Nam đứng hạng 115 trên 173. Việt Nam là một trong những nước nghèo nhất và tình trạng phát triển nhân bản thấp trên thế giới. Việt Nam là một nước nông nghiệp với ngành công nghiệp chế biến nhỏ và một ngành ngoại thương còn sơ khai.

Trước 1988, khi Việt Nam vẫn còn là tiền đồn của khối XHCN, đa số thương vụ trong ngành ngoại thương nhằm các xứ khối XHCN/COMECON. Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp (đồ hộp, cá, tôm, v.v...) hay các sản phẩm công nghệ nhẹ như vải, quần áo may sẵn, giầy, dép, v.v... và trao đổi với các nước này lấy phân bón, nhiên liệu như dầu, xăng, nhớt và trang bị kỹ nghệ. Ngoại thương là do các công ty "Quốc Doanh" độc quyền đảm nhiệm và các dịch vụ tài chánh là do VIETCOMBANK (ngân hàng ngoại thương).

Sau khi khối XHCN đổ vỡ, Việt Nam đã kịp thời chuyển hướng từ ngoại thương với các nước XHCN sang khu vực ngoại tệ hay tư bản. Việc chuyển hướng đã đi cùng lúc với chính sách "Đổi Mới" và kết quả được coi như khả quan.

1.1 Bối cảnh 1986-1990

Từ năm 1986 trở đi, nhà cầm quyền CSVN đã cho thực hiện chính sách "Đổi Mới" về mặt kinh tế. CSVN đã bắt đầu mở cửa và liên lạc với thế giới bên ngoài. Một số biện pháp kinh tế nhằm đi về thị trường đã được mang ra áp dụng:

(a) thả tự do giá cả;

(b) thay đổi hệ thống ngân hàng (thay cơ cấu ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại);

(c) điều chỉnh tiền tệ: (phá giá và thả nổi hối suất);

(d) công nhận cách làm ăn cá thể;

(e) thay thế cơ cấu và cách quản trị kinh tế vĩ mô;

Những thay đổi trên trong chính sách kinh tế (bớt lạm phát — xem bảng 1, hối suất thả nổi, giá cả quyết định theo thị trường, v.v...) đã thúc đẩy nông dân và khu vực tư sản xuất một cách mạnh mẽ. Khu vực "tư" gồm "cá thể và gia đình", bị cấm hoạt động sau 1975, đã được phép tái hoạt động. Cùng với việc thay đổi quản trị trên phương diện vĩ mô, nông dân đã được quyền sử dụng đất từ 10 đến 50 năm tùy theo vùng và tùy theo cây trồng.

Kết quả việc chuyển hướng trong chính sách kinh tế này là trong vòng ba năm, Việt Nam đã có dư gạo để xuất khẩu. Việt Nam đã đi từ tình trạng nhập khẩu đến chỗ xuất khẩu 2 triệu tấn gạo (1992) chỉ trong vòng vài năm mà thôi. Yếu tố thứ hai là cùng lúc đó, các giếng dầu ngoài khơi Vũng Tàu đã bắt đầu sản xuất và Việt Nam đã có thể xuất khẩu từ số 0 đến US$720 triệu (1992).

Việc thay đổi đường lối kinh tế để đi đến cơ cấu thị trường đã mang thành quả tốt và cũng đã làm quân bình được nền kinh tế vào đúng lúc. Cùng thời gian đó, các nước khối COMECON đã bắt đầu tan rã và viện trợ của khối XHCN gần như số không. Các thương vụ giữa các nước cựu XHCN nay được đặt trên căn bản mới: việc sử dụng ngoại tệ trên căn bản "tiền trao cháo múc." Việt Nam cũng mất luôn thị trường Nga và các nước XHCN cũ.

1.2 Tình hình ngoại thương hiện tại

Nhờ bối cảnh trên, Việt Nam nay bắt đầu buôn bán nhiều hơn với các nước. Về phương diện ngoại thương, Việt Nam có thể so với các nước Á Châu có khuynh hướng dùng xuất khẩu làm động cơ chính hay làm bàn đạp cho chính sách phát triển kinh tế. Bảng 2 cho thấy là các nước Á Châu đang trên đường phát triển như Đài Loan, Đại Hàn, Hong Kong, v.v... đã đi đúng đường bằng cách sử dụng ngoại thương là động cơ chính trong chính sách phát triển.

Ngoại thương bắt buộc các nhà sản xuất sử dụng và điều động tài nguyên (lao động, đầu tư, v.v...) một cách hữu hiệu. Họ còn luôn luôn phải dùng kỹ thuật cao để có thể theo kịp tiến triển kỹ trong ngành sản xuất và có thể cạnh tranh với hàng ngoại quốc và gây thêm thị trường. Trong ngành ngoại thương phải có sản phẩm rẻ, kỹ thuật cao mới có dịp bán và xuất khẩu.

Chính sách xuất khẩu tạo nhiều công ăn việc làm cho công nhân và là một cách để giảm nạn thất nghiệp (các tài liệu về Việt Nam cho thấy đã có thất nghiệp ít nhất là 25% kể cả việc sử dụng công nhân không đúng mức). Ngành công nghiệp xuất khẩu sẽ thu các lao động thặng dư của khu nông nghiệp.

Ngoại thương Việt Nam được chia ra làm hai khu vực: chuyển đổi tạm gọi là khu ngoại tệ (NT hay convertible currency area) và khu vực không chuyển đổi tạm gọi là khu XHCN (rubble area). Khu vực NT là khu ngoại thương với các nước tư bản và thanh toán bằng dollar trong khi khu vực XHCN/không chuyển đổi là khu vực ngoại thương với các nước Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCN) và thanh toán bằng rubble, bằng "đổi trát" (barter) hay gởi công nhân đi lao động trừ nợ (tình trạng hơn 500,000 công nhân Việt Nam tại Nga và tại các xứ XHCN cũ).

Bảng 3 tóm lại những kết quả của cán cân chi phó Việt Nam trong những năm gần đây. Nó cho thấy là ngoại thương đã đổi chiều, đi từ chỗ xuất-nhập khẩu nhằm khối COMECON đến chỗ "đổi khách," gần như chỉ làm ăn với các xứ "tư bản" mà thôi.

Nhập khẩu từ các nước COMECON tụt từ US$700 triệu xuống còn US$200 triệu (phần đông là phân bón cho nông nghiệp vì tương đối rẻ). Nay các nước XHCN cũ chỉ còn cung cấp hàng năm cho Việt Nam dưới 5% tổng số nhập cảng. Xuất khẩu cho thấy là Việt Nam nay buôn bán với các nước tư bản tăng từ US$300 triệu (gần như không đáng kể) lên gần US$2 tỷ vào năm 1992. Những món xuất cảng chính có dầu thô: US$720 triệu; gạo: US$400 triệu; ngoài ra còn nông, lâm, ngư sản và đồ thủ công nghệ.

Việc chuyển hướng trong ngoại thương đã thành công phần nào và bảng 4 đã cho thấy là việc đổi hướng trong việc buôn bán với các nước COMECON gần như 100% và việc trao đổi buôn bán với các nước này hầu như hoàn toàn chấm dứt. Việc này đã cứu Việt Nam khỏi cảnh "chới với" vì thiếu ngoại tệ khi Nga, Tiệp, Balan, Bulgaria v.v... cắt viện trợ cho Việt Nam. Ngược lại Việt Nam cũng mất thị trường có thể giúp Việt Nam bán những sản phẩm bị các nước tư bản "chê."

II. Khó khăn về ngoại thương

Mặc dầu trong những năm gần đây. Việt Nam đã thành công phần nào trong việc xuất khẩu nhưng Việt Nam vẫn chưa có một chính sách lâu dài và rõ ràng về ngoại thương. Việc chọn một mô hình phát triển, nhất là qua ngoại thương là quan trọng cho tương lai. Kinh nghiệm quốc tế và ở Á Châu, châu Mỹ La Tinh, v.v... cho thấy là con đường phát triển bằng cách "cởi mở, hướng về xuất khẩu" có lợi hơn là chính sách phát triển công nghiệp thay thế sản phẩm nhập khẩu (import-substitution strategy). Ngoài ra kinh nghiệm quốc tế kể cả kinh nghiệm tại Hoa Kỳ cũng cho thấy là phát triển theo mô hình kỹ nghệ nặng, kỹ nghệ lớn sẽ không tạo nhiều việc làm bằng phát triển theo kiểu các xí nghiệp nhỏ. Chính sách đầu tư trong quá khứ đã không chú ý đến việc sản xuất cho "thị trường" và xuất khẩu. Làm sao mà tính những lợi điểm của Việt Nam để có thể sản xuất và xuất khẩu lấy ngoại tệ? Vì thiếu ngoại tệ và vì phải nhằm cho "thị trường," các dự án đầu tư phải được phân tích kỹ càng dựa trên những kỹ thuật phân tích Chi Phí/Lợi Ích (Cost/Benefit analysis) cao nhất, trên tỷ lệ thu hồi nội bộ (IRR), v.v... Một chương trình cải tổ và tái huấn luyện nhân sự quy mô cần có để gây điều kiện xây dựng một đội ngũ chuyên gia cần thiết để phát triển công nghiệp cho thế kỷ tới...

Dù sao đi nữa, VN cũng phải chọn một chiến lược nông nghiệp, công nghiệp, ngoại thương có lợi nhất cho hiện tại và lâu dài. Sự chọn lựa sẽ bắt buộc Việt Nam phải giải tỏa một số khó khăn về chính sách trong tổ chức hiện hữu và một số khó khăn để thu hút đầu tư ngoại quốc:

. chính sách nhập cảng (khó khăn hành chánh, quota, quan

thuế, tài trợ;

. đầu tư quốc tế (khó khăn trong đầu tư);

2.1 Khó khăn do tổ chức / chính sách ngoại thương hiện tại

Hiện nay trong chính sách thương mại và nhập cảng, Việt Nam còn nhiều trở ngại làm giới hạn việc phát triển ngoại thương. Những trở ngại này là khó khăn về hành chính, về quota, quan thuế và thiếu tài trợ.

2.1.1 Khó khăn hành chính

Mặc dù buôn bán đã được giải tỏa, nhưng ngành ngoại thương (Xuất / Nhập Khẩu) vẫn gần như chỉ dành cho các công ty quốc doanh mà thôi (800 công ty) vì có nhiều trở ngại hành chính. Muốn được Xuất Nhập Khẩu thì các công ty cần phải có giấy phép hành nghề trong ngoại thương (vốn công ty ít nhất là US$200,000), phải cần xin giấy phép XNK (licence) mỗi lần có thương vụ và chỉ được XNK trong một số hàng mà nhà nước ấn định thôi.

Các thủ tục hành chánh này gây trở ngại cho các công ty tư nhân, nhất là các công ty cỡ nhỏ. Kinh nghiệm Hong Kong và Đài Loan đã cho thấy là các công ty nhỏ cũng có thể đóng góp một cách quan trọng trong việc thu ngoại tệ bằng xuất khẩu vì không những chỉ XNK hàng hóa hay sản phẩm mà còn cả những dịch vụ nữa.

2.1.2 Quota

Quota là một thứ điều lệ ngăn cản việc nhập cảng nhiều món hàng do nhà nước quyết định. Trên lý thuyết, quota có tác dụng làm giảm bớt mức dùng ngoại tệ, để bảo vệ cán cân chi phó, hay để bảo vệ hàng sản xuất trong nước. Trước đây bộ kinh tế Việt Nam Cộng Hòa cũng dùng những quota và việc này đã gây nhiều lạm dụng. Hiện nay, quota dành cho xe hơi, xe gắn máy, các bộ phận lắp ráp điện tử, TV (vì trong nước đã có những công ty ráp máy TV) v.v...

Ngoài quota còn phải có giấy phép XNK cho mỗi lần có thương vụ ngoại thương. Nó gây nhiều trở ngại cho việc phát triển xuất khẩu vì làm chậm trễ việc vận dụng hàng hóa, nguyên liệu ngoại quốc cho những sản phẩm xuất khẩu và đây cũng là dịp gây nhiều tham nhũng (Kinh nghiệm không được đẹp của Bộ kinh tế Việt Nam Cộng Hòa).

2.1.3 Quan thuế.

Việt Nam đã thay điều lệ quan thuế nhiều lần và đã sử dụng hệ thống quốc tế về quan thuế (BHS hay Brussels Harmonised System). Đầu năm 1993, điều lệ quan thuế đã được thay đổi một lần nữa. Quan thuế chưa được sử dụng đúng mức vì các số thuế đánh trên các mặt hàng chưa được tinh vi và chưa nằm trong kế hoạch sử dụng quan thuế để hỗ trợ chính sách phát triển kinh tế.

Quan thuế tương đối cao cho nên gây nhiều nạn buôn lậu và việc trốn quan thuế lộng hành (các tỉnh ven biên miền Bắc, biên giới Miên, Lào hay bờ biển giáp với Thái Lan). Chính sách quan thuế chưa đúng mức cho nên các viên chức quan thuế CSVN được hưởng nhiều "bổng lộc" (còn hơn thời VNCH).

2.1.4 Khuyến khích tư nhân / cá thể đầu tư

Khu cá thể mới được hoạt động. Nếu Việt Nam muốn đầu tư xuất khẩu thì cần phải khuyến khích không những đầu tư ngoại quốc mà còn nội địa. Vì bị đánh tư sản mại bản, vì bị bắt đổi tiền nhiều lần, vì bị công an, chính quyền địa phương làm khó, v.v... những người có đầu óc kinh doanh chưa dám ra mặt. Nếu muốn thành công thì vấn đề này phải được lưu ý tới.

2.1.5 Tài trợ ngoại thương

Hồi 1975, khi chiếm Saigon, các cán bộ CSVN từ Hà Nội vào "tiếp thu" các ngân hàng chê tại sao Saigon có đến 36 ngân hàng trong khi miền Bắc chỉ cần có một ngân hàng là "giải quyết được mọi vấn đề." Nay quay 180 độ: Hệ thống ngân hàng đã được cải tổ theo "quy luật thị trường" kiểu "Saigon cũ."

Nay có bốn ngân hàng "QD" và hợp doanh (tư nhân hay ngoại quốc) và tám chi nhánh ngân hàng ngoại quốc (trong đó có bốn ngân hàng Pháp, ngân hàng Indonesia, Thái, v.v...) không kể hai đại diện ngân hàng Mỹ (CitiCorp và Bank of America) được phép hành nghề tại Việt Nam.

Việc chuyển nhượng ngoại thương qua khu "tư bản ngoại tệ" gặp khó khăn trầm trọng vì Việt Nam không có ngân hàng có kinh nghiệm trong ngoại thương đủ, hay nếu có ngân hàng ngoại thương, thì không đủ tín nhiệm trên quốc tế cho nên khi mở tín thơ / Letter of Credit qua Vietcombank thì phải cần một ngân hàng ngoại quốc bảo đảm thì khách hàng ngoại quốc mới tín nhiệm chịu bán hàng cho Việt Nam hay mua hàng Việt Nam. Việc này là một cản trở lớn vì sẽ gây chi phí hai lần cho hàng xuất khẩu Việt Nam. Ngoài ra chi nhánh ngân hàng ngoại quốc chỉ được phép hành nghề trong khu vực ngoại thương.

(Trong một bài trước trong TK 21, tác giả đã trình bày những khó khăn khi không có một hệ thống ngân hàng thương mại chuyên nghiệp, rành nghề và tân tiến.)

2.2 Khó khăn trong việc đầu tư ngoại quốc

Hiện nay trong chính sách ngoại thương và đầu tư, Việt Nam còn nhiều trở ngại làm giới hạn việc phát triển ngoại thương. Muốn đầu tư "xuất khẩu" thì phải có chính sách chọn kỹ thuật tân tiến chứ đừng tiếc tiền đầu tư vào các kỹ thuật lỗi thời (second hand). Khi nói tới việc tìm nguồn tài trợ cho dự án đầu tư lớn như nhà máy lọc dầu chẳng hạn, phải tìm ở đâu? Vay chính nhà cung cấp máy móc hay vay tư nhân? Vay các định chế quốc tế như World Bank? ADB? hay là liên doanh? hay chính phủ ngoại quốc khác? Những trở ngại này là do khiếm khuyết trong việc thi hành luật đầu tư, thiếu cơ chế pháp luật đủ tín nhiệm để quốc tế có thể tín nhiệm, hay thiếu môi trường "cởi mở về đầu tư" như: lao động (hiện nay các công ty ngoại quốc phải mướn người qua trung gian công ty lao động QD do đó giá cả mắc (vì nhà nước ăn lời trên mỗi người và khó sa thải), điều lệ ngoại thương rắc rối lâu lắc.

2.2.1 Luật đầu tư:

Bộ luật đầu tư đã được ban hành từ 1987, được thay đổi nhiều lần và nay cho phép ngoại quốc được quyền tư hữu 100%. Hai phần ba các dự án đầu tư nhằm công nghiệp nhẹ biến chế (quần áo, giầy dép và biến chế

SỔ TAY

Có tin Alexander Solzhenitsyn, nhà văn Nga lưu vong đã từng đoạt giải Nobel văn chương, về quê (nghĩa đen, về cố hương, chứ không phải nghĩa bóng, chết). Và nhiều người (?) hy vọng nhà văn này sẽ là "người cứu rỗi" cho nước Nga tan rã, khủng hoảng hiện nay. Ở Cavendish, tiểu bang Vermont, nơi ông tị nạn cộng sản từ 20 năm nay, Solzhenitsyn chỉ nói: "Tôi ước mong giúp được chút nào hay chút đó cho quê hương đau khổ của tôi."

Nhưng liệu tác giả "Quần Đảo Ngục Tù" có đủ điều kiện chủ quan và khách quan để cứu vãn tình thế nước Nga hay không? Từ sau khi Liên Xô tan rã, nước Nga triền miên hỗn loạn, cả về chính trị, quân sự lẫn kinh tế và văn hóa. Một "người hùng" Boris Yeltsin xuất hiện ngoạn mục sau cuộc đảo chánh bất thành của phe cộng sản cũ, nay cũng thấm mệt — không ngăn chặn được việc phe cộng sản cũ vận động "mở khóa" cho các tay đầu não cuộc đảo chánh chống Yeltsin. Nhưng phe cộng sản cũ cũng đã yếu sức, mòn hơi, và có lẽ cũng chẳng làm nên cơm cháo gì với "lãnh tụ" thuộc típ "dân chơi" là Vladimir Zhirinovsky.

Có người nhắc đến giải pháp Chile (khi nhà độc tài Pinochet trấn áp dân chúng nhưng lại đưa nền kinh tế Chile vào quỹ đạo thị trường và thành công). Nhưng một người dùng ngòi bút và cả mạng sống của mình để suốt cuộc đời tranh đấu cho tự do, dân chủ (kiểu Tây phương) như Solzhenitsyn không thể là người chấp nhận phương thức Pinochet — nói gì đến...là một Pinochet.

Tuy nhiên, người ta vẫn cứ hy vọng. Với một người khí phách và tiết tháo lẫy lừng cỡ Solzhenitsyn, dù ở tuổi 75, ông không đảm nhận một chức vụ hành chính nào — cho dù là chức vụ Tổng thống chăng nữa — ông vẫn là một biểu tượng của một nhà lãnh đạo. Kinh nghiệm tiếp cận với chế độ kinh tế thị trường sẽ giúp ông chỉ đúng hướng cho "người lái tàu" của nước Nga đi đúng hướng phát triển. Quá trình tranh đấu cho nhân quyền và tinh thần dân tộc thấm đẫm trong hàng chục ngàn trang sách ông đã viết sẽ giúp ông hòa giải, và hóa giải, những cực đoan của phe quốc gia quá khích cũng như phe cộng sản cũ bảo thủ, và cả những nhóm "tân phát xít" nữa. Solzhenitsyn là một trí thức, một "kẻ sĩ." Trở về nước Nga lúc này là một thách thức vĩ đại. Nhưng nếu một "kẻ sĩ" không chấp nhận thách thức này, thì ai?

KÝ GIẢ

sản phẩm nông-ngư nghiệp) và được đặt tại miền Nam. Theo bảng 5 thì các đầu tư nhằm ngành công nghiệp chế biến, dầu khí đốt và biến chế nông ngư nghiệp. Các nước đầu tư gồm:

1. Đài Loan (61 dự án: US$784 triệu);
2. Hong Kong (118 dự án, US$597 triệu);
3. Pháp (35 dự án, US$453 triệu);
4. Úc (26 dự án, US$308 triệu);
5. Hòa Lan (6 dự án, US$268 triệu);
6. Anh (13 dự án, US$244 triệu);
7. Nhật (27 dự án, $231 triệu US);
8. Nga (41 dự án, US$176 triệu);
9. Đại Hàn (17 dự án, US$150 triệu) v.v...

Các dự án đầu tư được chấp nhận khá nhiều nhưng có sự khác biệt giữa việc xin hưởng lợi luật đầu tư và khi thi hành dự án. Các dự án về dầu khí tương đối được thi hành khá mau (vì các công ty lớn, đầu tư ngoài khơi cho nên chính quyền địa phương không gây khó khăn được) trong khi đó các dự án đầu tư khác chỉ được thi hành trung bình cỡ 25-30% mà thôi).

Sự sai biệt hay sự chậm trễ trong việc thi hành là: vấn đề "xí chỗ" hay những khó khăn căn bản do môi trường Việt Nam: Cơ chế pháp luật không rõ ràng, quyền sở hữu hay mướn đất đai chưa được công nhận, các dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế "thị trường" còn giới hạn: sử dụng lao động còn gặp nhiều cản trở, áp dụng luật thương mại, giấy phép xin hành nghề, tố tụng hay dân sự v.v... còn thiếu, chưa theo tiêu chuẩn quốc tế, do đó là việc nhức óc cho nhà đầu tư.

Việc cụ thể là Việt Nam còn thiếu nhiều tiện nghi tối thiểu và dịch vụ hỗ trợ kinh tế cho một xã hội bình thường. Khi một nhà đầu tư hay ngoại giao đến Hà Nội bị đau ốm, bị tai nạn xe, chưa có bệnh viện nào tại Hà Nội có tầm quốc tế do đó người này phải được chở sang Singapore hay Bangkok bằng máy bay, qua một hãng dịch vụ quốc tế để chữa trị.

Nếu có đầu tư ngoại quốc nhiều mà không có trường học Pháp, Mỹ, v.v... cho con cái những nhà ngoại giao hay đầu tư, thì ít người sẽ qua Việt Nam làm việc. Đối với nhân viên Liên Hiệp Quốc hay nhân viên làm trong tổ chức quốc tế, những phụ cấp tại mỗi nhiệm sở gồm hai phần: phụ cấp về trị giá đất đỏ (so với New York hay Washington DC là nơi trụ sở của các cơ quan quốc tế) và thứ hai là phụ cấp về khó khăn (hardship post). Yếu tố để coi một nhiệm sở mắc mỏ dựa trên "survey" của UNDP tại vài trung tâm hay thành phố lớn về giá cả điện nước, khách sạn, tiệm ăn, thức ăn, v.v... chỉ số về giá cả sẽ giúp Liên Hiệp Quốc định mức tiền trợ cấp. Yếu tố để định một chỗ là khó khăn gồm: tiện nghi nhà cửa, điện nước, trường học, nhà thương, tiệm ăn, v.v...

Theo Liên Hiệp Quốc, nhiệm sở Hà Nội được coi là "hardship post" loại "C" nghĩa là còn thua về tiện nghi nhiều xứ "da đen." Phụ cấp về giá cả thấp hơn nếu ở Hà Nội, còn cao hơn nếu ở Saigon. Chỉ có yếu tố "khó khăn" cũng đủ cho nhà đầu tư phải suy nghĩ trước khi họ lấy quyết định đầu tư. Cũng vì vậy 2/3 đầu tư là nhắm Saigon vì tiện nghi cao hơn.

Ngoài ra Việt Nam còn thiếu

nhiều tiện nghi như điện, nước, ngân hàng có tiêu chuẩn quốc tế, thị trường gây vốn, v.v... Hệ thống điện thoại, vô tuyến còn kém. Miền Nam, vì thiếu bảo trì, thiếu đầu tư hay vì thiếu kế hoạch, thiếu điện, cản trở việc phát triển công nghiệp. Các xí nghiệp miền Nam trong vùng Saigon-Vũng Tàu chỉ có sử dụng 40-50% mức sản xuất do đó gây thêm nhiều tổn phí vì phải sử dụng máy phát điện riêng.

Trường hợp điển hình là khu chế xuất. Việc thành hình khu chế xuất gặp nhiều khó khăn vì các nhà đầu tư ngoại quốc thiếu vốn không thể tìm vốn tại chỗ và phải đi tìm vốn ở ngoại quốc cho nên chậm trễ trong việc đầu tư. Những điều này làm cho Việt Nam không hấp dẫn bằng Bangkok, Quảng Đông, v.v....

2.2.2 Khu chế xuất:

Khu chế xuất (KCX) là một trong những công cụ giúp ngoại thương vì nó giúp vượt qua những trở ngại cơ cấu (thiếu luật lệ, thiếu điện, điện thoại v.v...). Đài Loan và Đại Hàn và sau đó là Thái Lan, Colombia, Mã Lai, Kenya, Mauritius, Dominican Republic v.v... là những nước dùng KCX trong chính sách xuất khẩu của họ. Kinh nghiệm của KCX đã được mang ra phân tích và những yếu tố thành công của KCX là:

(i) gần phi trường hay hải cảng giúp việc xuất khẩu hay nhập nguyên liệu được dễ dàng;

(ii) cung cấp tiện nghi (điện, nước, điện thoại, fax,...);

(iii) môi trường hoạt động tốt (trường học tốt, nhà cửa rẻ, chợ búa dễ dàng, v.v...); và

(iv) lao động rẻ.

Trung Quốc sử dụng chính sách này để xúc tiến việc kỹ nghệ hóa và xuất khẩu hàng hóa. TQ không những sử dụng khu chế xuất (KCX) mà mở rộng ra ý niệm KCX thành những "vùng kinh tế đặc biệt" (VKTĐB). Lúc đầu có bốn VKTĐB và sau đó đã được mở rộng ra cho Thượng Hải và đảo Hải Nam và nay mở thêm ra cho 14 tỉnh nằm ven biển và ven châu thổ vùng sông Hoàng Hà.

Chính sách về VKTĐB trong 13 năm qua đã mang nhiều kết quả tốt vì đã tăng ngoại thương, mang kỹ thuật tân tiến và mang vốn đầu tư ngoại quốc cho TQ. Cuối năm 1992, các dự án đầu tư lên US$57 tỷ (gấp Việt Nam 15 lần) và đã có hơn 80,000 công ty ngoại quốc hoạt động tại TQ (gấp Việt Nam 160 lần nếu kể các công ty xin hưởng luật đầu tư).

Chính sách về VKTĐB nay chuyển qua một giai đoạn mới và TQ cố gắng phát triển trên 30 VKTĐB. Các tỉnh, ai cũng muốn có một VKTĐB, đua nhau lập hơn 1,000 VKTĐB nhưng bị trung ương bác.

Nay Việt Nam cũng dùng KCX để khuyến khích đầu tư ngoại quốc. Bốn KCX đã được chính quyền trung ương chấp thuận nhưng nay KCX mọc như "nấm" vì tỉnh nào cũng muốn có KCX. Đây cũng như dịch "chim cút" khi xưa tại Saigon. Chính sách khuyến khích KCX của Việt Nam còn gặp nhiều trở ngại vì:

* Các tỉnh nhiều khi còn làm khó nhà đầu tư bằng cách không thi hành, hay thi hành một cách miễn cưỡng, các chỉ thị trung ương hay gây thêm nhiều thủ tục rườm rà;

* Quá nhiều kiểm soát hành chánh (bắt làm dự án qua trung gian các công ty "consultant" Việt Nam gần BKH, phải làm tám bản dự án, v.v...);

* Thời gian quá lâu để được chấp thuận;

* Thiếu dịch vụ giúp cho KCX.

Trong một bài trước tác giả cũng đã nêu những khó khăn trong vấn đề phân quyền cho các địa phương và những hậu quả không tốt của việc này cũng vì khung cảnh pháp luật không rõ ràng cho nên gây cảnh dậm chân, gây khó cho trung ương trong việc làm chính sách phát triển. Việc này cũng chỉ vì thiếu khung cảnh pháp luật/hành chánh rõ ràng. Ngoài ra còn việc lẫn lộn tỉnh đứng ra dựng công ty. Trong bài về công nghệ, các công ty QD tỉnh hay địa phương thường làm ăn lỗ lã cho nên bắt buộc ngân hàng nhà nước tài trợ và đó là vòng luẩn quẩn. Thí dụ điển hình là chính sách KCX đi từ bốn lên đến 90 mà chưa có cái KCX nào xong cả. Trong việc này, kinh nghiệm của TQ cũng phải là bài học cho Việt Nam trong việc các tỉnh thi đua lập hơn 1,000 VKTĐB cũng không khác gì các tỉnh đòi lập hơn 90 KCX.

III. Kết luận

Việt Nam đã "đổi hướng" ngoại thương kịp thời và tránh khỏi cảnh các xứ Đông Âu hay Nga hiện nay. Đây chỉ mới là cố gắng sửa sai phần nào chính sách phát triển ngoại thương để giúp "xuất khẩu" thu hút ngoại tệ để "sống còn" nhưng chưa có chính sách lâu dài cho tư nhân đi vào khu vực này vì còn là độc quyền của QD.

Nhiều khó khăn còn ngăn cản việc phát triển mau lẹ xuất khẩu nói riêng và thu hút ngoại tệ đầu tư sản xuất nói chung. Những khó khăn gồm: chính sách ngăn cản nhập cảng, hàng rào quan thuế, thủ tục hành chánh, v.v... Hơn nữa, Việt Nam cần theo tiến triển kỹ thuật trong các ngành sản xuất, dịch vụ phụ thuộc xuất khẩu như điện toán ngân hàng, gây được "uy tín" trên quốc tế trong ngành ngân hàng, điện toán thủ tục tháo gỡ hàng tại các hải cảng hay phi trường v.v... Chỉ cần nhìn cảnh khi xuống phi trường Nội Bài Hà Nội thì thấy là cần nhiều cố gắng để cải tiến tổ chức, hợp lý hóa và giảm hàng rào hành chánh, quan thuế và giảm thủ tục xuất nhập khẩu cho hành khách (du khách cũng là cách xuất khẩu dịch vụ tại chỗ) và hàng hóa.

Cần vượt các khó khăn trong vấn đề thu hút đầu tư ngoại quốc bằng gây "môi trường cởi mở" với đầu tư ngoại quốc, giảm sự kiểm soát hành chánh và thủ tục lâu lắc trong khi lựa đầu tư và giải quyết việc dậm chân giữa chính quyền trung ương và địa phương.

Những thay đổi nhờ chính sách "Đổi Mới" chỉ là những bước đầu vì cần phải "sống còn." Nay Việt Nam vẫn chưa có đủ phương tiện và vốn "đầu tư" và còn thiếu nhân sự được "huấn luyện." Thay đổi và phát triển cần có thời gian mới có thể "giải quyết" các vấn đề kỹ thuật (nhân sự, cải tổ hệ thống ngoại thương, chọn kỹ thuật quản trị, chọn thị trường v.v...). Sự cách biệt về tiện nghi giữa phi trường Bangkok, Singapore, Seoul và phi trường Nội Bài cũng đủ cho thấy là con đường phát triển còn gay go, khó khăn và trường kỳ.■

VẤN ĐỀ LUẬT PHÁP Ở TRONG NƯỚC: TỪ 'VÔ SẢN CHUYÊN CHÍNH' TỚI 'NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN'

Giáo sư VŨ QUỐC THÚC

LTS: *Giáo sư Vũ Quốc Thúc, nguyên Khoa trưởng Đại học Luật khoa Sàigon, Thống đốc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Quốc Vụ Khanh Đặc trách Kinh tế Hậu chiến. Hiện giáo sư Thúc đã về hưu và cư ngụ ở vùng Paris, Pháp. Trong số báo trước,* Thế Kỷ 21 *đã hân hạnh giới thiệu bài của Luật sư Trần Thanh Hiệp bàn về "nhà nước pháp quyền." Nay xin được giới thiệu nhận định của Giáo sư Vũ Quốc Thúc, đã đăng trên bán nguyệt san* Ngày Nay *(Texas).*

Cần gì phải có luật?

Cách đây 19 năm, sau khi chế độ quốc gia sụp đổ chừng bốn tuần lễ, các nhân viên ban giảng huấn trường Luật khoa Đại học Saigon được lệnh tới họp ở trụ sở nhà trường, tại đường Duy Tân, để gặp một nhân vật cao cấp được chính quyền cộng sản Hà Nội phái vào Nam công tác. Đó là ông Nguyễn Ngọc Minh, Viện trưởng Viện Kinh tế.

Kẻ viết những dòng này từng biết ông Nguyễn Ngọc Minh, từ ngày còn học với ông ta, trong bốn năm liền ở trường Luật Hà Nội, lúc còn Pháp thuộc. Là một sinh viên chăm chỉ, ông đã đậu bằng Cử nhân Luật, rồi bằng Cao đẳng Tư pháp một cách khá dễ dàng. Do đó, chúng tôi vẫn nghĩ rằng đương sự đã "thấm nhuần" tinh thần cũng như kỹ thuật của môn luật học Tây phương. Chúng tôi hiếu kỳ muốn biết xem qua 30 năm gia nhập và phục vụ đảng Cộng sản, một người như vậy suy nghĩ sao về "chỗ đứng" của ngành luật học cũng như của các luật gia trong tổ chức tương lai của nước Việt Nam tái thống nhất.

Ngay phút đầu của buổi tiếp xúc, người bạn cũ này đã tuyên bố mấy câu khiến cho tôi sững sờ, nếu không muốn nói là "lạnh gáy!" Ông ta nói: "Tôi không hiểu tại sao các anh chị em giảng viên trường Luật lại quá thắc mắc về việc nhất trí hóa luật pháp giữa hai miền Nam Bắc. Từ 30 năm nay, các đồng chí của tôi và riêng tôi, hết chiến đấu với Pháp, lại chiến đấu với Mỹ: không một lúc nào chúng tôi bận tâm về pháp luật cả! Kim chỉ nam duy nhất của tôi là cuốn "Tư Bản Luận" của Karl Marx. Mỗi lần đọc lại cuốn sách này, tôi lại khám phá ra một điều mới lạ. Marx quả thật là một "thiên tài!"

Sau buổi tiếp xúc này, tôi không ngạc nhiên chút nào khi chính quyền cộng sản, vào đầu tháng Bảy 1975, ra lệnh bãi bỏ trường Luật khoa Đại học Saigon để thay bằng một trường Đại học Kinh tế. Một số giáo sư — trong đó có chúng tôi — "được" lập tức cho "nghỉ việc" với hai tháng lương "bồi thường."

Theo cách nhìn của người cộng sản, ở Việt Nam cũng như ở bất cứ nước cộng sản nào khác, quyết định vừa rồi hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc vô sản chuyên chính. Karl Marx luôn luôn phân tích lịch sử các nước như một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai giai cấp đối nghịch: giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Trong xã hội tư bản, giai cấp thống trị tức là toàn thể những kẻ làm chủ được một số của cải như nhà đất, dụng cụ sản xuất, tiền bạc, trái khoán v.v... và dựa trên những của cải này để "khai thác sức lao động" của những kẻ vô sản vì hoàn cảnh phải làm việc cho họ để sinh sống.

Dĩ nhiên giai cấp thống trị phải dùng mọi cách để bảo vệ địa vị của mình. Pháp luật là một trong những cách ấy. Như vậy, cái gì vẫn được giảng dạy ở các trường luật Tây phương chẳng qua chỉ là toàn thể các luật lệ, thủ tục... do giai cấp tư bản sáng chế, nhằm tiếp tục bóc lột giai cấp vô sản. Chính vì vậy mà theo Marx, những kẻ vô sản phải "vùng dậy," lật đổ ách thống trị của giai cấp tư bản, rồi bãi bỏ mọi luật lệ, thủ tục hiện hành.

Khỏi cần nói, những nhân viên các ngành lập pháp (như: tổng, bộ trưởng, nghị sĩ, dân biểu...), tư pháp (như: thẩm phán, luật sư, chưởng khế, thừa phát lại, v.v...) và cả ngành luật học... đều có thể coi là có tội đối với giai cấp vô sản. Nếu không bị loại trừ thì họ cũng không còn chỗ đứng dưới chế độ vô sản chuyên chính.

Thật là "đanh thép!" Thật là minh bạch!

Như vậy, tại sao từ ít lâu nay, chính quyền Hà Nội đã công khai chủ trương thực hiện một "nhà nước pháp quyền?" Phải chăng đã có một sự chuyển hướng về ý thức hệ và chính trị? Nếu quả thật chuyển hướng thì vì lý do gì?

Nhà nước pháp quyền là gì?

Khẩu hiệu "nhà nước pháp quyền" đã gây ra một cuộc tranh cãi về từ ngữ.

Trong một khóa hội thảo do Ủy Ban Dân Chủ tổ chức vào tháng Ba 1994 vừa qua ở Paris

(Pháp), ông Trần Thanh Hiệp, cựu luật sư, cho rằng khẩu hiệu "nhà nước pháp quyền" không thể coi như tương đương với khái niệm "*état de droit*" trong ngôn ngữ luật học của Pháp, hay khái niệm "*rule of law*" trong ngôn ngữ luật học Anh Mỹ. Nó cũng không thể đồng hóa với danh từ "chế độ pháp trị" trước kia chúng ta vẫn quen dùng.

Theo ông Trần Thanh Hiệp, muốn có "*état de droit*" hay "*rule of law*," thì phải hội đủ tám điều kiện. Chúng ta phải đặc biệt chú ý đến các điều kiện: phải tôn trọng nhân quyền và nhân phẩm, phải có một chính quyền của dân, phải phân biệt minh bạch các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, phải có một chế độ dân chủ tự do... Nếu áp dụng các tiêu chuẩn vừa rồi cho chế độ hiện hành tại Việt Nam, hiển nhiên không thể coi là có "*état de droit*" hay "*rule of law*."

Tuy nhiên người ta có thể cãi lại ông Trần Thanh Hiệp là khẩu hiệu "nhà nước pháp quyền" không dùng để chỉ tình trạng hiện thời mà chỉ mục tiêu cần đạt tới.

Điều quan trọng, theo chúng tôi, là chính quyền cộng sản Việt Nam có thực tâm hay không. Kinh nghiệm cho biết rằng Cộng sản hay dùng những khẩu hiệu mập mờ, hiểu cách nào cũng được. Chính vì vậy mà ta phải đề cao cảnh giác.

"Nhà nước pháp quyền" có thể có nghĩa là một nhà nước sử dụng quyền hành của mình qua các luật lệ và luôn luôn theo đúng luật lệ, chứ không phải tùy hứng một cách độc đoán. Chính điều này khiến cho các luật gia không cộng sản e ngại: nếu Quốc hội gồm đại đa số là đảng viên cộng sản, nếu các đạo luật được soạn thảo theo đúng nhỡn quan giai cấp đấu tranh... thì hậu quả sẽ ra sao? Chắc nhiều người còn nhớ lời tuyên bố bất hủ của một cựu bộ trưởng Pháp thuộc đảng Xã hội: "Các anh trái lý vì các anh thiểu số!"

Những luật gia chân chính không bao giờ lý luận hồ đồ như vậy: họ tin rằng pháp lý không phải chỉ là ý muốn của đa số, dù là đa số nhân dân cũng vậy. Tác dụng thiêng liêng của pháp lý là bảo vệ kẻ yếu trước kẻ mạnh, kẻ nghèo trước kẻ giàu, các thiểu số chống lại đa số nhất thời... Pháp lý phản ảnh niềm tin ở những nguyên tắc siêu việt như: công bằng, tự do, nhân phẩm, niên đới tự nhiên...

Các luật gia Việt Nam không cộng sản thường dùng danh từ "chế độ pháp trị" chứ không dùng danh từ "chế độ pháp quyền": hiển nhiên "pháp trị" tương đương với "*rule of law*" trong Anh văn.

Chính vì chúng tôi chia sẻ mối lo ngại của cựu luật sư Trần Thanh Hiệp cho nên, hồi tháng Ba 1994 vừa qua, nhân dịp Bà Nguyễn Phước Đại công du ở Paris, chúng tôi đã chính thức nêu vấn đề này với Bà. Trước năm 1975, Bà Đại làm luật sư ở Saigon, và đã được bầu làm nghị sĩ ở Thượng Viện Việt Nam Cộng Hòa. Sau ngày 30 tháng Tư 1975, Bà Đại ở lại Saigon: dần dần chiếm được lòng tin của giới đương quyền nên được cử làm Cố vấn Pháp luật cho Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (Đỗ Mười), đồng thời, bà còn là thành viên ban Cố vấn của Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Mới đây, Bà được chính quyền Hà Nội bổ nhiệm làm chủ tịch Ủy ban Trọng tài về các vụ tranh chấp liên hệ tới các cuộc đầu tư ngoại lai. Bà Đại đã từng học luật tại trường Đại học Luật khoa Montpellier, ở miền Nam nước Pháp. Trước mặt nhiều nhân chứng, tôi yêu cầu Bà Đại xác nhận có phải danh từ "nhà nước pháp quyền" là dịch ở các danh từ "*rule of law*" trong Anh văn và "*état de droit*" trong Pháp văn không? Bà Đại quả quyết xác nhận là đúng như thế.

Chúng ta không có lý do gì và cũng không thấy có lợi gì mà hoài nghi lời đoan quyết của Bà Đại.

Ta hãy tạm coi là nhà đương quyền Việt Nam muốn tiến tới một chế độ pháp trị thực sự. Mục tiêu này hãy còn xa vời nhưng không vì thế mà nhất định phủ nhận thiện chí của họ.

SỔ TAY

Lỡ không còn gì để chống?

Cuộc vận động thành lập "Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do" (Radio Free Aisa) tưởng đạt mục đích tới nơi, lại bị khựng lại với lý do bên ngoài là "thiếu ngân sách."

Nhưng theo học giả Joshua Muravchik, thuộc Viện Nghiên Cứu American Enterprise, thì chỉ vì ông Clinton và chính phủ của ông không... rành về chiến lược đối ngoại.

Giáo sư Joshua Muravchik nhắc lại rằng khi vận động tranh cử Tổng thống, ông Clinton đã hứa yểm trợ việc thành lập "Đài Á Châu Tự Do." Sau khi Liên Xô và khối Đông Âu sụp đổ, sự hữu hiệu của các đài Phát Thanh "Âu Châu Tự Do" (Radio Free Europe) và "Tự Do" (Liberty) đã được chứng minh trong vai trò tiếp tay hình thành tiến trình dân chủ hóa và giải thể chủ nghĩa cộng sản.

Hay là chính quyền Clinton sợ rằng các chính quyền cộng sản và độc tài Á châu (như Trung Hoa, Việt Nam, Bắc Hàn, Miến Điện...) sụp đổ thì nước Mỹ sẽ... buồn, vì không còn gì để... chống (?) nên không muốn yểm trợ thành lập đài "Á Châu Tự Do"?

KÝ GIẢ

Tại sao có một sự chuyển hướng lớn lao như vậy?

Lý do 1: Áp lực quốc tế

Điều ai cũng nghĩ tới ngay là sức ép của dư luận quốc tế.

a) Từ 1975, các phương tiện truyền thông đại chúng, trong thế giới tự do, không ngớt lên án tính cách độc đoán của chính quyền Hà Nội: chế độ này không chịu tôn trọng các nhân quyền và dân quyền căn bản. Sự tự do ngôn luận cũng như tự do báo chí bị gạt bỏ. Không có một bảo đảm nào về quyền tư hữu, về đầu tư và ngay cả trong sự thi hành các hợp đồng...

Muốn thu hút đầu tư ngoại lai cũng như muốn khuyến khích Việt kiều hải ngoại hồi hương, phải có một hành động ngoạn mục. Tuyên bố thiết lập nền pháp trị có thể coi là biện pháp ít nguy hiểm hơn cả vì chẳng qua đó chỉ là một lời hứa, chưa phải là một lời cam kết long trọng.

b) Việc chứng tỏ thiện chí này, thực ra, là đối khoản của sự yểm trợ mà các cơ quan tài chánh (như Quỹ Tiền tệ, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Á châu) cũng như một số quốc gia, đã dành cho Việt Nam.

Chỉ cần đọc lại những phúc trình gần đây của Ngân hàng Thế giới, ta cũng hiểu ngay là Ngân hàng chú trọng đặc biệt tới sự cải cách hai ngành lập pháp và tư pháp ở Việt Nam. Cải cách một số điểm chưa đủ mà phải bao trùm toàn thể hệ thống lập pháp và tư pháp.

Thiết tưởng nên nhắc lại bản thỏa hiệp mà Pháp và Việt Nam đã ký kết hồi năm ngoái, trong lãnh vực cộng tác tư pháp. Không phải là ngẫu nhiên mà một yếu tố quan trọng của bản thỏa hiệp, chính là sự thiết lập ở Hà Nội một Tòa Nhà Pháp Luật Pháp Việt. Theo thỏa hiệp này, đã có nhiều luật gia Pháp được gởi đi Hà Nội để diễn thuyết hoặc tham gia các khóa hội thảo... Ngược lại, hàng mấy chục luật gia Việt Nam đã được mời tới nước Pháp để tu nghiệp...

Lý do 2: Sự biến chuyển tự nhiên của chế độ

Thực ra, sức ép của dư luận quốc tế không đủ để đưa tới việc thiết lập một chế độ pháp trị bền vững. Muốn đạt mục tiêu này phải trông cậy vào sự biến chuyển tự nhiên của chế độ chính trị. Về phương diện này, nhiều chỉ dấu khiến chúng ta có quyền lạc quan.

a) Trước hết, ta thấy là các giáo điều Mác-Lênin đã mất tín nhiệm. Đầu bài này tôi có nhắc lại "giai thoại Nguyễn Ngọc Minh." Giai thoại đó chứng tỏ thuyết giai cấp đấu tranh hoàn toàn đối nghịch với quan niệm pháp trị. Ngày nay, ngay ở Đức và ở Nga, quê hương của Marx và của Lénine, người ta còn bác bỏ thuyết giai cấp đấu tranh. Vậy làm sao thuyết này còn có thể hướng dẫn các nước cộng sản khác được?

Ở Việt Nam, đảng Cộng Sản vẫn còn cố bám víu nhãn hiệu "xã hội chủ nghĩa," nhưng trong thực tế họ đã "quên" hẳn Marx và Lénine để cố tình đề cao chủ trương thực tiễn của Hồ Chí Minh. Chính thái độ thực tiễn này sẽ đưa họ tới việc chấp nhận khẩu hiệu "pháp trị" mặc dù phải tạm che đậy dưới danh từ "nhà nước pháp quyền."

b) Nên biết rằng ở Việt Nam hiện nay đang xảy ra một hiện tượng giống hệt như ở bên Nga. Hiện tượng này đã được bà Françoise Thom phân tích trong tác phẩm "Sự cáo chung của Cộng sản chủ nghĩa" (*Les fins du Communisme*, Paris Criterion, 1994).

Sự tan rã của hệ thống cộng sản không đi kèm với nạn thiếu thốn luật lệ: trái lại, nó đưa tới nạn "lạm phát luật lệ." Mỗi ngày có rất nhiều văn kiện như luật, sắc lệnh, nghị định, quyết định, quyết nghị, chỉ thị, thông tư... được đưa ra ở khắp các cấp.

Những văn kiện đó nhiều khi mâu thuẫn với nhau, tạo nên một quang cảnh hỗn loạn. Muốn ra thoát tình trạng hỗn loạn này, chỉ có một cách là thiết lập nền pháp trị, trong đó có một trật tự pháp lý rất minh bạch, khiến cho cấp dưới không thể đi ngược cấp trên...

Với chế độ pháp trị, các tòa án cũng không thể tự do phán quyết theo ý riêng của mình, theo kiểu các tòa án nhân dân. Trái lại, tòa án phải thi hành đúng đắn mọi luật lệ và tôn trọng triệt để những thủ tục đã được quy định. Sự can thiệp của các luật sư chuyên nghiệp, độc lập, chính là để ngăn ngừa nạn độc đoán của cơ quan tư pháp. Chúng tôi tin rằng nền pháp trị như vừa được phân tích, sớm muộn gì cũng được thiết lập tại nước ta vì nó đáp ứng một nhu cầu xã hội cấp bách.

c) Sau hết, ta thấy rằng ở nước nhà đang xuất hiện một "tầng lớp trưởng giả mới, thoát thai từ lớp cán bộ điều khiển (*Nomenklatura*) của đảng Cộng sản. Đó là hậu quả của việc mở rộng kinh tế thị trường. Vào lúc này, không phải cứ tôn trọng các nguyên tắc cộng sản là chắc chắn được thăng tiến và nhờ vậy mà cải thiện mức sinh hoạt. Chính các đảng viên cộng sản cũng phải tìm cách làm giàu, trực tiếp hay gián tiếp. Họ càng có xu hướng làm như vậy vì họ được hưởng mọi sự dễ dàng, mọi sự "móc ngoặc."

Một khi biến thành thương gia, kỹ nghệ gia hoặc chỉ là những môi giới tầm thường... họ vẫn cần phòng ngừa mọi bất trắc. Giống như ở Liên Xô cũ, họ thường là những kẻ hăng hái nhất để đòi tái lập quyền tư hữu, quyền tự do kinh doanh, đòi bãi bỏ mọi sự gò bó về hành chánh, v.v...

Sự biến chuyển tự nhiên này có phải là một điều hoàn toàn bất lợi không? Đối với nước ta, dẫu sao đó cũng là con đường ngắn nhất để đưa tới sự thành lập một nền kinh tế phát triển, không lệ thuộc quá đáng vào ngoại quốc.

*

Những điều vừa trình bày có thể giúp đồng bào Việt kiều hải ngoại quyết định thái độ trong thời điểm quan trọng chúng ta đang sống: vì hiển nhiên đó là một "khúc quanh" trong lịch sử của dân tộc Việt.■

GIAO ĐIỂM GIỮA PHẬT TRIẾT VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Hội thảo bàn tròn tại Viện Niels Bohr

NGUYỄN KẾT dịch và chú

(Tiếp theo. Xin xem phần đầu trên số 62)

Rasmus Moller: - Có phải cũng đúng là các phương pháp khoa học tự nhiên của chúng ta cho phép đến gần, rất là gần thuở ban đầu (của sự hình thành vũ trụ), khoảng 10-40 giây, nhưng không thể gần hơn nữa? Vì nếu tiến gần hơn nữa, phương pháp vật lý không còn có thể sử dụng được. Thế nên chúng ta chẳng biết phải làm gì, không có phương thức/dụng cụ gì để mà tiếp tục.[17]

Poul Olesen: - Chúng ta còn có tâm thức.

Dalai Lama: - Nói hay lắm!

Poul Olesen: - Xin phép hỏi ngài một chuyện. Trong bài "Những Giao điểm giữa Khoa học và Tâm linh - Một Quan điểm Phật giáo" [18], ngài cho biết rằng trong đạo Phật, người ta nói đến không đại hay thành phần hư không. Tôi muốn biết chính xác nó là cái gì, phải hiểu theo nghĩa nào, vì theo vật lý hiện nay, "không gian rỗng" ("the empty space"), cái được xem là rỗng không thật ra chẳng phải rỗng không, không có gì. "Không gian rỗng" được vật lý hiện đại liên hệ với những cấu trúc cực kỳ phức tạp. Đó là một cách để nhìn ngược về quá khứ, đến tận khởi điểm của vũ trụ, vì "không gian rỗng" làm thay đổi sự tiến hóa của vũ trụ. Cái có trong "không gian rỗng" ở hiện tượng Bùng nổ không phải là "không gian rỗng" ngày nay — nó là một "không gian rỗng" khác. Do các nguyên nhân gọi là vị tướng học, một số đối vật vẫn sống sót từ sự Bùng nổ — đó là một loại ống [hay lỗ giun thời-không]. Trong các ống này vẫn còn một phần của "không gian rỗng" xưa cũ này hiện vẫn còn sống, trong các ống; nó có một lượng năng rất lớn — vì nó không là không gian trống rỗng và do đó có sức hút cực mạnh. Đó là lý thuyết. Nếu xét đến các thiên hà trong vũ trụ, thì chúng được tạo ra do vật chất bị lôi kéo bởi cái "không gian rỗng" xưa cũ này, "không gian rỗng" của hiện tượng Bùng nổ. Tôi rất muốn biết, vai trò của "không gian rỗng" là thế nào theo đạo Phật.

Dalai Lama: - Vũ trụ luận Phật giáo nói nhiều đến tiến trình, nhiều giai kỳ tiến hóa của vũ trụ. Trước tiên vũ trụ kinh qua hai kỳ "hư không", rồi giai kỳ tạo dựng [: thành], sau đó là trạng thái tương đối ổn định [: trụ] như vũ trụ hiện tại, và rồi giai kỳ hư hoại. Từ đó một chu kỳ mới phát sinh. Cứ thế hết chu kỳ này lại đến chu kỳ khác, không gián đoạn và không bao giờ dứt. "Không gian rỗng" là nền tảng cho sự hình thành của những vũ trụ mới, và nó là một vi tử có do sự hư hoại của vũ trụ trước đó. Vi tử này được mô tả như cái chỉ có thể hình dung mà không thể biết với giác quan. Các tiến trình như thế được giải thích trong vũ trụ luận Phật giáo.

Poul Olesen: - Một vi tử "chưa sinh," một hiện tượng lượng tử...

Holger Bech Nielsen: - Có phải cực vi hư không là cái tạo nên không gian? Có thể như thế... Tôi muốn nói, nó mà tạo ra không gian thì có thể xem như một loại vật chất. Có phải như thế không?

Dalai Lama: - Vi tử hư không ở đây không liên hệ gì với không gian thông thường trong đó các hiện tượng choán chỗ. Hư không ở đây không đơn giản là không gian rỗng, mà chứa đựng, trong trường hợp này, một dạng chất thể/vật chất hay là một cái gì đó cực kỳ vi tế, vì nó không ngăn ngại sự tồn tại của bất kỳ "cái gì khác." Nó không choán chỗ, không có vị trí. Như tôi đã nói, vi tử hư không là nền tảng trên đó vật chất dần dần phát sinh [19].

Nhưng mặt khác đạo Phật không nói rằng tâm thức phát sinh từ vi tử hư không. Một nguyên lý căn bản của đạo Phật là, vật và tâm có riêng cho mình liên tục tính. Hai đường thẳng cách biệt nhau. Nếu muốn nói đến nguyên nhân sâu xa cho sự phân cách này, trong đạo Phật người ta viện dẫn các định luật tự nhiên.

Tôi nghe nói, một số các nhà vật lý cho rằng, khi sự khảo sát hay thực nghiệm đi đến một tầng bậc sâu xa, khi người ta thí nghiệm ở một bình diện vật chất rất vi tế, thì người quan sát có ảnh hưởng trên kết quả khảo sát. Họ nói đến vai trò của người làm thí nghiệm, của chủ thể, trong kết quả thí nghiệm.

Thế thì, nếu tôi hiểu đúng, trong khoa học tự nhiên người ta (cũng giống như đạo Phật) cho rằng khi xuống đến bình diện hiện hữu vi tế đó thì phải tính đến ảnh hưởng của chủ thể trên đối tượng? [20]

Peder Voetmann Christiansen: - Đây là chuyện khó nói, vì phương thức làm việc của vật lý có vẻ ngăn chận điều đó. Chúng tôi luôn luôn

thử nghiệm theo một cách khiến bất kỳ ai cũng có thể tái tạo các thí nghiệm khi điều kiện thí nghiệm được thỏa mãn. Điều này có nghĩa là, chúng tôi loại trừ những gì đặc biệt, khác thường trong trạng huống thí nghiệm. Tôi không nghĩ là chúng tôi có thể tránh né phương pháp này; nó dính liền với phương pháp thực nghiệm.

Erik Rudinger: - Những điều ngài hỏi liên quan đến bình diện trên đó người thí nghiệm phải được tính đến, tầng lượng tử. Đó chính là một trong những điều Niels Bohr nói đến nhiều nhất trong các công trình viết lách của mình. Điều đó xảy ra, ông ấy sẽ nói, với những hiện tượng mà chúng ta không còn có thể hình dung theo những hình ảnh mà chúng ta có từ những hiện tượng thường thấy trong thế giới cực đại quen thuộc của mình.

Tuy nhiên chúng ta bắt buộc phải nói đến chúng bằng ngôn ngữ thường ngày quen thuộc, vì nó là ngôn ngữ duy nhất có ý nghĩa. Do đó chúng ta không thể không để đối tượng thí nghiệm thuộc tầng lượng tử của mình tương tác với dụng cụ khảo sát thuộc thế giới cực đại, để có thể đo lường được và có thể thông tin cho người khác trong một cách thế có ý nghĩa.

Trong một số trường hợp, chúng ta phải dùng đến hai mô tả khác biệt và theo lẽ thường mâu thuẫn đối nghịch nhau, cho cùng một hiện tượng lượng tử. Nhưng do chúng chỉ được kinh nghiệm trong các trạng huống/điều kiện thí nghiệm đối nghịch nhau, người ta phải giả định rằng cả hai đều đúng, trong tương quan với các trạng huống nhất định của chúng, dù rằng hai mô tả này không thể hợp nhất để có thể có một hình ảnh liền lạc của hiện tượng lượng tử đó.

Đó chính là cái Niel Bohr gọi là các hiện tượng bổ sung. Nói đến điều này nên tôi cũng muốn hỏi ngài, khi mô tả sự tương duyên tương sinh thì sử dụng từ bổ sung thế nào? Xin ngài vui lòng giảng giải cách thức ngài sử dụng khái niệm này và những hệ luận của cách sử dụng đó.

Dalai Lama: - Tôi nghĩ có một liên hệ giữa lối hiểu bổ sung của quí vị và phương cách sử dụng khái niệm này trong triết lý đạo Phật. Chúng tôi giả thiết rằng có sự không tương hợp giữa hình tướng như chúng ta nhận biết của một sự vật và chân tướng của nó. Sự không tương hợp này phát sinh vì chúng ta lệ thuộc vào ngôn ngữ thường ngày quen thuộc của mình. Ngôn ngữ này có liên quan mật thiết với những khái niệm thông thường cũng như đặc biệt của chúng ta, với quan niệm thực tại, với bối cảnh của chúng ta, vân vân. Thế nên khi đi vào chiều sâu và tìm cách khảo sát thể tính của thực tại, thì chúng ta không thể tìm thấy tinh hoa này, chỉ vì sự khảo sát của chúng ta đặt căn bản trên ngôn ngữ, khái niệm thông thường và tầm thường mà chúng ta sử dụng. Nhưng điều này không có nghĩa là thể tính thực tại không có.

Sự vật thật ra chỉ có trong sự lệ thuộc hỗ tương. Một sự vật có là do tương tác của nhiều yếu tố — cả những luật gọi là chủ quan lẫn khách quan. Do đó không có gì có sự tồn tại độc lập, cái tự mình mà có và tồn tại mà không cần đến những cái khác. Mặc dù có thể được xem như một "toàn thể," nhưng "toàn thể" này chỉ tồn tại nhờ những thành phần của nó. Người ta không thể tìm được cái "toàn thể" mà chỉ có những thành phần. Nhưng dù thế vẫn có một "toàn thể" [21].

Tôi định hỏi một chuyện, nhưng vì tôi đang ăn bánh nên làm như câu hỏi của tôi bị nó lấy mất...

Tor Norretranders: - Vậy thì ngài đã tìm thấy tâm thức trong vật chất rồi...

Dalai Lama: - Tôi muốn hỏi quí vị về chuyện các nhà vật lý có thái độ ra sao đối với luật đồng nhất khi họ làm công việc khảo cứu? Đỏ và không đỏ chẳng hạn.

Jens Bang: - Có lẽ tôi phải nói về chuyện này. Một số người cùng thời với Niels Bohr, đặc biệt là nhà vật lý người Đức Von Weiszaeker, đề nghị rằng vật lý lượng tử nên bỏ luật này đi; thay vì thế phải tìm một loại luận lý khác, khả dụng hơn. Nhưng khi biết được chuyện này Niels Bohr khẳng định một lần nữa — như Erik Rudinger cũng đề cập — rằng người ta cần phải mô tả điều mình làm trong vật lý bằng ngôn ngữ phổ thông, ngôn ngữ sử dụng luận lý thông thường. Có thể sử dụng một loại luận lý khác cho một tầng cấp nào đó, nhưng do nhu cầu truyền thông, trước sau gì cũng cần phải trở lại với luận lý thông thường [22].

Dalai Lama: - Tôi cũng có một câu hỏi khác liên quan đến vật lý. Vật lý nói rằng các vi tử không bao giờ ở trong một trạng thái xác định, mà luôn luôn thay đổi, rằng tính chất của chúng là có một tiến trình chuyển đổi không gián đoạn — "động học" là thuật ngữ cho sự chuyển biến này thì phải. Có hay không một lý do hay nguyên nhân đặc biệt cho sự kiện này, hay đó

chỉ là bản tính và cách thế tồn tại của hiện tượng, rằng khi hiện tượng vừa có thì các thuộc tính vật lý của chúng không thể không là thành phần của một tiến trình thay đổi bất tuyệt? Hay là cần phải có một trạng huống đặc biệt thì tiến trình thay đổi bất tận này mới bắt đầu?

Nếu xét đến cây hoa này, chúng ta có thể lý luận trên căn bản của sự liên tục [hay bảo toàn, xem chú thích 20, 21], rằng bông hoa của nó cũng hiện hữu ngày mai. Chúng ta hiểu bông hoa trên căn bản liên tục tính của nó.

Ở tần bậc vi tử nó lại thay đổi từng khoảng khắc... nếu các vi tử trong cây hoa không liên tục biến đổi thì làm sao chúng ta giải thích được tiến trình hoại diệt của nó?

Rasmus Muelleer: - Đó là sự phối hợp giữa trồi sụt có ở tầng lượng tử và các đại lượng bảo toàn như điện tích. Các đại lượng bảo toàn thì bền vững. Một trong những cách chúng tôi mô tả các cấu trúc nguyên tử, các vi tử ở những tầng căn bản, là xuyên qua ngôn ngữ của lý thuyết trường, và do đó trong trường hợp này chúng tôi nói rằng trường trồi sụt. Ở một tầng bậc sâu thẳm, luôn luôn có những trồi sụt lượng tử.

Nhưng các trồi sụt lượng tử này cũng tuân theo những định luật cố định. Chẳng hạn điện tích không bao giờ mất đi. Có thể gặp những trồi sụt trong đó phát sinh một vi tử mang một loại điện tích, nhưng chỉ với điều kiện một đại lượng bảo toàn, hai vi tử này biến mất ngay trong chớp mắt sau đó. Và cứ thế tiếp tục. Ở một tầng bậc sâu thẳm của vật chất luôn luôn có một vận động như thế, nhưng chỉ trong khuôn khổ của các qui luật nhất định, như Holger cũng đã đề cập đến.

Hư không, cái "không gian rỗng" theo vật lý hiện đại là một cấu trúc cực kỳ phức tạp, vì tất cả mọi sự vật trong vũ trụ đều có mặt nơi cái "không gian rỗng" này, trong trạng thái chưa sinh. Nhưng những trồi sụt (lượng tử) này chỉ có thể hiển lộ ở nơi chúng được cung cấp năng lượng.

Peder Voetmann Christiansen: - Tôi nghĩ nói như thế không được chỉnh. Làm sao có cái thường còn không thay đổi? Sự chuyển biến, tình cờ ngẫu nhiên... chắc chắn là những qui luật không có chúng thì thế giới không như nó đang là. Có những cấu trúc bền vững, nhưng có thể nói chúng kết tinh trên nền tảng của hỗn loạn. Tôi không nghĩ rằng nỗ lực giải thích sự tình cờ ngẫu nhiên sẽ có kết quả. Cái chúng ta thử tìm kiếm/tìm hiểu là những định luật, cấu trúc và hằng số[23].

Dalai Lama:- Thế thì trong trường hợp các vi hạt tiềm nguyên tử, sự chuyển biến thay đổi cũng có.

Rasmus Mueller: - Vâng. Các trường luôn luôn biến đổi.

Dalai Lama: - Biến đổi từng khoảnh khắc?

Holger Bech Nielsen: - Đúng thế. Chúng luôn luôn biến đổi. Rất hiếm khi sự biến đổi không xảy ra...

Dalai Lama: - Chúng tôi cũng nghĩ thế...

Holger Bech Nielsen: - ... tôi muốn nói, các phân tử, những phân tử nằm ngoài cùng có thể biến mất từ cây hoa, chẳng hạn qua sự bốc hơi. Nếu không có khả năng hút nước lên để bù đắp cho cái đã biến mất, cây hoa sẽ chết sớm, sẽ biến đổi, không còn có thể đứng vững.

Dalai Lama: - [Khoa học tự nhiên] có giải thích được bản chất của sự biến đổi? Phải chăng sự thay đổi chuyển biến có do một tương tác nhất định tạo ra trong một trạng huống nhất định trong một khoảnh khắc nhất định? Có chứng cứ gì cho thấy rằng có một yếu tố khiến sự chuyển biến tăng nhanh khi có nó và chậm đi khi thiếu nó? Hay dù có hay không có những yếu tố khác thì sự chuyển biến vẫn xảy ra?

Jens Bang: - Chúng tôi có khái niệm nhiệt. Nhiệt quả thật có tác dụng điều chỉnh sự chuyển biến. Ở nhiệt độ thấp, những thay đổi chuyển biến mà chúng ta quan sát nơi thiên nhiên sẽ trở nên rất chậm. Chậm đến nỗi chúng ta không nhận ra được.

Dalai Lama: - Đó là ở một tầng bậc thô sơ, phải không?

Jens Bang: - ... Vâng. Nhưng cơ học lượng tử cho chúng ta biết, ở độ không tuyệt đối [hay -273,5 C], có một sự bền vững khác với sự bền vững của vật lý cổ điển mà tôi vừa nói.

Dalai Lama: - Thế thì ở ngay các nhiệt độ thấp vẫn có những trồi sụt.

Jens Bang: - Vẫn có. Nhưng mặt khác cũng có sự bền vững. Nhưng đó là sự bền vững chết chóc. Hoàn toàn không có sự chuyển động (24).

Sven Bjornholm: - Chúng tôi hoàn toàn tin chắc rằng sự vật thay đổi chuyển biến. Chúng ta sống trong một vũ trụ thay đổi và chứa đựng những biến chuyển. Khoa học tự nhiên làm công việc dò tìm những qui luật thường tại [cho các biến đổi đó]. Vũ trụ thay đổi với việc các nguyên tử thay đổi, và các vị tử tiềm nguyên tử cũng thế. Chúng tôi không cho rằng chúng thay đổi, nhưng các cấu trúc mà chúng tạo ra thì thay đổi. Từ các thay đổi chuyển biến đó mà có các yếu tố thường tại từ đó chúng ta xây dựng nên hình ảnh vũ trụ.

Sự thường tại, bền vững này có vẻ ở thế mạnh trong thế giới thường ngày. Nhưng trên lý thuyết chúng tôi tất nhiên không biết các nguyên tử có hay không thật sự biến mất ở một khoảnh khắc để rồi được tái tạo ở một khoảnh khắc khác, trong một cấu trúc khác. Tôi hiểu vấn đề này rất là quan trọng cho phương cách tư duy của ngài, và tôi không nghĩ chúng tôi có thể biết, có một cái gì đó tồn tại mãi mãi. Nhưng chúng tôi cũng không biết những cái mình gán cho chúng sự bền vững có thật sự bền vững không. Không có phương cách nào để chứng thực rằng các vi tử có ở một thời điểm rồi biến mất ở một thời điểm khác — đây là một vấn đề [của vật lý] lý thuyết. Điều này cũng giống như vấn đề rằng, tôi lúc nào cũng chỉ mang một tên gọi nhưng không chắc [cái ngã của] tôi không bao giờ thay đổi. Tôi nghĩ vấn đề này cũng giống như vậy ở trường hợp các vi tử [25].

Jens Bang: - Tôi xin phép được nhận xét về ý kiến của Sven. Vì bây giờ tôi nghĩ rằng, có những sự vật thường tại, ổn định và có những sự vật vô thường. Nhưng đây chỉ là tương đối. Chỉ có thể nói, thay đổi chuyển biến là thay đổi chuyển biến so với cái khác, cái được giả thiết là không biến đổi.

Sven Bjornholm: - Tất nhiên là ai muốn nghĩ sao cũng được...

Jens Bang: - Không phải. Anh bắt buộc phải chọn lựa. Chuyển động là một điều tương đối, do đó nếu dụng cụ đo là một thước đo thì trong thí nghiệm của anh, anh phải giả thiết rằng nó không thay đổi.

Sven Bjornholm: - Nhưng nếu hai vật thể chuyển động, chọn vật này hay vật kia như đứng yên thì cũng như nhau.

Jens Bang: - Còn tệ hơn thế. Vấn đề nằm ở chính khái niệm "chuyển động" [26].

Sven Bjornholm: - Nhưng nó thuận lý. Dù luận lý chẳng có nghĩa gì cả. Một vi tử có mặt, trên nguyên tắc, dù rằng nó nằm trong một chuỗi biến, hiện, biến, hiện. Đó chẳng phải thuận lý thì là gì! [27]

Jens Bang: - Khó nói lắm. Tôi cho rằng nó còn rắc rối hơn thế nữa... Tôi còn nghĩ, chính khái niệm "biến đổi" cũng tương đối.

Dalai Lama: - Có một số khác biệt trong phát triển tư tưởng và thành lập tông phái của đạo Phật. Một trong những tông phái tiến bộ nhất cho rằng, mọi hiện tượng mà chúng ta có thể thấy đều chỉ được xác nhận/nhận diện qua sự liên tục của chúng. Ở tầng vi tử, không thấy có gì là "hiện tượng thường hằng", "cá thể thường tại" hay "sự vật thường còn" cả. Không có gì bền vững, ngoại trừ sự liên tục. Khi chúng ta làm việc tới tầng vi tử tinh tế, hoàn toàn không có gì tĩnh chỉ, bất động [28].

Holger Bech Nielsen: - Tôi nghĩ các nhà sinh học tính được rằng, đa số nguyên tử trong thân thể Sven đã không ở đó hơn bảy năm. Thế thì khi còn bé, thân thể anh ấy gồm có những nguyên và phân tử khác.

Nhưng nếu muốn hỏi chính xác về chuyện nguyên, phân tử này có phải là nguyên, phân tử trước đây không, thì chúng ta sẽ gặp khó khăn, vì không một thí nghiệm nào cho phép theo dõi từng vi tử riêng biệt. Trong thí nghiệm va đụng giữa hai hạt giống nhau, chẳng hạn hai hạt alfa, chúng ta thấy những xoáy sóng cho các mô thức va đụng — điều này có nghĩa là một tương tác lượng tử đã xảy ra và hai hạt này có thể đổi chỗ cho nhau, hoặc có thể không. Thế thì chúng ta có một hiệu ứng hoàn toàn không tương hợp với ý kiến rằng có thể theo dõi từng hạt alfa trong suốt tiến trình và cho nó một tên gọi (riêng).

Lý do là, qua việc cho hai vi tử va đụng nhau và qua đó có được hiệu ứng giao thoa, chúng ta đã loại trừ việc định danh hợp lý. Nếu giữ không cho chúng va đụng, chúng ta có thể nhờ tính liên tục mà đặt tên cho một vi tử và nói nó vẫn là nó.

Nếu biết chút ít về sinh học, chúng ta có thể ước đoán có bao nhiêu nguyên tử trong thân thể hơn bảy năm. Tôi nghĩ bảy năm là thời khoảng tới hạn, nghĩa là vẫn còn một số vi tử trong người Sven tính từ lúc bé, nhưng con số này không nhiều so với tổng số.

Benny Lautrup: - Có có thể nói là, không thể đặt tên riêng cho các cực vi. Đại ý điều Holger nói là thế. Không thể gạch chữ thập vào nó và nói, đây là electron của tôi. Điều này không thể có...

Dalai Lama: - Nghĩa là các electron trong quí vị và trong tôi có thể trộn lẫn nhau?

Nhiều Người: - Đúng vậy. Rất đúng!

Rasmus Mueller: - Các electron chẳng

Ông Lê Văn Đằng, thuộc nhóm Thông Luận, đã qua đời tại Paris

Ông Lê Văn Đằng, một thành viên lãnh đạo của nhóm Thông Luận đã qua đời vào ngày 4 tháng Sáu 1994 tại Paris, hưởng thọ 52 tuổi.

Sinh ngày 5 tháng Sáu năm 1942 tại Thừa Thiên, ông Lê Văn Đằng du học tại Pháp từ 1961, đã tốt nghiệp các ngành thương mại, chính trị và luật kinh tế. Về nước năm 1973, ông làm cố vấn tổng trưởng tài chánh, đồng thời giảng dạy ở đại học về kinh tế tài chánh cho đến ngày 30 tháng Tư 1975. Từ sau 1975 ông đã đảm nhiệm chức vụ quan trọng tại Ngân Hàng Ngoại Thương Pháp mà hiện nay ông là thành viên hội đồng quản trị.

Ông Lê Văn Đằng không những là một chuyên viên kinh tế tài chánh ưu tú, mà còn là một người có lý tưởng chính trị, tích cực đấu tranh cho tự do dân chủ, cho công lý và phẩm giá con người. Từ nhiều năm qua ông là một trong những nhà lý luận chính và hoạt động tích cực của nhóm Thông Luận, Paris.

Thế kỷ 21 rất đau buồn khi được tin ông Lê Văn Đằng đột ngột từ trần, xin thành kính chia buồn cùng tang quyến và cùng nhóm Thông Luận, và xin cầu chúc hương hồn ông sớm siêu thoát.

những giống mà còn đồng nhất với nhau, hiểu theo nghĩa chúng ta không thể biết chúng có thay đổi cho nhau hay không, vì không thể phân biệt electron này và electron kia. Đó là một hiện tượng đưa đến những hệ quả sâu sắc. Cấu trúc vật chất được kiến tạo trên một nền tảng — ở một tầng cấp sâu thẳm — nơi các vi tử hoàn toàn không khác biệt nhau. Điều này đã làm nên sự giống cũng như khác nhau của các nguyên tử.

Tôi cũng muốn góp ý cho cuộc thảo luận về các trồi sụt, trồi sụt lượng tử. Khi chúng ta xuống đến bình diện sâu thẳm này của cấu trúc vật chất thì các trồi sụt lượng tử luôn luôn xảy ra, nhưng không theo một cách mà chúng ta có thể hình dung được. Chúng xảy ra trong khuôn khổ của một định luật, định luật bảo toàn. Năng lượng được bảo toàn theo địa phương — nó không thể phát sinh rồi tự dưng biến mất, mà chỉ đổi dạng.

Chúng ta đã nói về chuyện một electron trong tôi và một electron trong ngài. Đúng là có một đối xứng khiến chúng ta không thể biết chúng có thay chỗ cho nhau hay không. Mặt khác, các tiến trình lượng tử không xảy ra trong khoảng cách lớn. Nếu một cặp vi tử được tạo thành [như hệ luận của định luật bảo toàn, một cực vi có thì một đối cực vi (có cùng trọng lượng nhưng có điện tích trái ngược) cũng có], thì chúng được tạo thành tại cùng một vị trí trong hư không; không có chuyện một electron được tạo ra ở đây và đối hạt của nó ở đàng kia; chúng được tạo ra đồng thời và tại cùng một vị trí. Có một sự liên tục nhất định. Vì thế mà có những qui luật xác định cho hiện tượng trồi sụt. Đó là một tương tác cực kỳ mật thiết giữa sự tiền định và sự tình cờ ngẫu nhiên. Đó là cách thế với nó các khái niệm này được nối kết và với nó chúng tôi làm việc trong lãnh vực vật lý cực vi, khi tìm cách xuống đến tận cùng của kiến trúc vật chất ở các bình diện tinh tế nhất.

Erik Rudinger: - Tôi muốn góp ý về chuyện các vi tử đồng nhất nhau, điều Niels Bohr xem như một trong các ví dụ mạnh mẽ nhất cho việc chúng ta không thể biết chính xác những gì đã xảy ra ở bình diện [vật chất] căn bản. Sự kiện không thể đánh dấu các vi tử — môt vi tử ở đây và một vi tử khác ở kia — và chúng pha trộn lẫn nhau một cách lạ lùng là một bằng chứng không thể chối bỏ cho thấy chúng ta không thể hình dung theo lẽ thường cái gì đã xảy ra [29].

Suzanne Brogger: - Tôi xin phép được quay lại với điều Benny đã nói lúc đầu, rằng vật chất trở thành tâm thức do hiệu ứng tập thể. Có phải vấn đề là thế này, rằng tuy người ta có thể tạo được một tâm thức nhưng tâm thức này cũng không tự vận hành được, vì tâm thức là một hiện tượng tập thể, không chỉ ở bình diện cá nhân mà còn ở tầm mức phổ biến. Có lẽ phải có nhiều tâm thức để một tâm thức có thể vận hành...

Benny Lautrup: - Một loại nguyên lý Mach cho tâm thức...

Suzanne Brogger: - Điều tôi tò mò là, người ta có biết gì về chuyện này, có thể thí nghiệm được... Đầu tiên tôi nghĩ, chắc không có một trạng huống thí nghiệm trong đó có một tâm thức hoạt động riêng rẽ, cách biệt với các tâm thức khác. Nhưng rồi tôi chợt nhớ rằng trong truyền thống Tây Tạng có những nhà ẩn tu, ngồi một mình trong hang động trong ba năm hoàn toàn không tiếp xúc với người khác. Và rõ là họ đã không chết vì sự cô độc lẻ loi đó. Có thể điều này cho thấy là có những bình diện tâm thức khác nhau.

Dalai Lama có nói rằng dạng thô phù của tâm thức thì lệ thuộc chặt chẽ vào thân xác, rằng khi thân xác chết, nó cũng chết theo và sau đó thân xác hư hoại. Nhưng có lẽ cũng có một dạng tâm thức vi tế hơn, ít lệ thuộc và có thể sống sót - tôi không biết phải nói thế nào cho chính...

Benny Lautrup: - Có lẽ tôi có thể nói thêm. Nếu người ta tách tâm thức khỏi những *input* và

output của nó — điều xảy ra trong các tai nạn trầm trọng, ví dụ — thì tôi nghĩ người ta gần như chắc chắn là điên loạn ngay lập tức. Tôi không tin rằng tâm thức có thể phát triển từ chính nó. Bất kì tâm thức nào cũng có trong tương quan với người khác ngay từ khi sinh ra. Một nhà ẩn tu cũng không là ngoại lệ; đầu tiên ông ấy sống trong bụng mẹ và sau đó với mẹ và với người khác. Chúng ta không có bằng chứng thực nghiệm cho một tâm thức cô lập với các tâm thức khác[30].

Suzanne Brogger: - Trừ Kasper Hauser, và gã trở thành thú...

Benny Lautrup: - Tôi không nghĩ là một thí nghiệm như thế đã được thực hiện. Còn lâu lắm chúng ta mới có thể nói đến chuyện mô phỏng bằng máy tính (computer simulation) các hoạt động tâm thức. Rất có thể tâm thức phải cần đến tâm thức — đó là nguyên lý Mach. Nguyên lý Mach trong vật lý nói rằng, một vật thể có nọa tính (*inertia*) vì có các vật thể có nọa tính khác. Tương tự, biết đâu tâm thức trở thành tâm thức khác. Nọa tính là trở lực chống lại chuyển động. Khi dịch chuyển một cái gì đó, người ta cần phải có một lực. Người ta gọi đây là nọa tính. Nguyên lý Mach của vật lý nói, khối lượng, nọa tính của một vật thể, có là do sự hiện hữu của một lượng khổng lồ chất thể khác trong vũ trụ. Và biết đâu một nguyên lý như thế cũng đúng cho tâm thức.

Jens Bang: - Tôi cho rằng, những gì chúng ta nghĩ sở dĩ có là ảnh hưởng của điều chúng ta nghe từ người khác. Tôi tin rằng chúng ta sử dụng một ngôn ngữ nhất định; nếu anh nói một thứ tiếng khác, chúng tôi phải có một thông dịch viên... Tâm thức là một hiện tượng tập thể hiểu theo nghĩa đơn giản nhất. Chắc chắn là như thế.

Benny Lautrup: - Có một tương quan khác, trong đó tâm thức có một hiệu ứng phổ biến...

Jens Bang: - Tôi hiểu, nhưng đồng thời tôi muốn nói, tất cả các khái niệm mà chúng ta sử dụng là cái có trong tương quan với người khác.

Dalai Lama: - Tôi nghe kể là y học, y học thuộc khoa học tự nhiên, đã chứng minh được rằng tình thương của người mẹ rất quan trọng cho sự phát triển lành mạnh. Phải chăng trẻ sơ sinh cũng biết đến tình thương? Hay đó chỉ là một vận động vật lý, như cây cỏ cần có ánh nắng hay một cái gì đó tương tự? Bản chất của đòi hỏi vật lý nơi trẻ con là phải có những cảm giác thương yêu? hay là ngay trong tuổi nhỏ con người đã có ý thức rõ rệt về tình thương của mẹ?

Erik Rudinger: - Có phải một đứa bé mới sinh có thể nhận biết và phân biệt nụ cười? Tôi thấy đây là điều rất quan trọng.

Dalai Lama: - Ngay khi mới sanh?

Erik Rudinger: - Có thể như thế. Nhưng tôi không là chuyên gia.

Dalai Lama: - Thế thì câu hỏi thứ hai về chuyện này là, khi còn trong bụng mẹ, thai nhi có mơ hay không?

Benny Lautrup: - Thai nhi luôn luôn mơ.

Dalai Lama: - Một câu trả lời chắc chắn. Có thế chứ...!

Benny Lautrup: - Người ta biết như thế nhờ thí nghiệm; mơ được đo lường từ những cái gọi là chớp mắt nhanh. Các vận động này xảy ra hai giờ trong một đêm trong trường hợp người lớn và tám giờ một ngày đối với trẻ nhỏ. Và chúng hầu như luôn luôn xảy ra đối với thai nhi — thai nhi lúc nào cũng ngủ mơ. Các chớp mắt nhanh như thế được xem như bằng chứng cho mơ. Đó là trường hợp của (giới khoa học) chúng tôi, để có thể nói về mơ, phải giả thuyết rằng những chớp mắt nhanh nơi thú vật và người câm là một bằng chứng của mơ. Vì óc não hoạt động rất mạnh trong mơ...

Dalai Lama: - Đúng thế.

Benny Lautrup: - Tất nhiên thai nhi không thể mơ khi chưa có một hệ thần kinh. Đó là phương tiện để mơ. Nhưng có nhiều lý thuyết mơ. Mới nhất là của Francis Crick và Graeme Mitchison, trong đó mơ được nối kết với các tiến trình cơ bản trong trí nhớ. Một thứ "quét dọn" trí nhớ. Đó là luận điểm chính của lý thuyết gây nhiều tranh luận này. Lý thuyết này giải thích vì sao trẻ con mơ và vì sao thai nhi cũng được giả định là biết mơ[31].

Lene Handberg: - Nhưng trên căn bản nào mà lý thuyết này nối kết "tiến tình quét dọn" với trẻ thơ? Đặc biệt là trẻ con khi còn trong bụng mẹ. Và quét dọn cái gì?

Benny Lautrup: - Trong sự phát triển não, có nhiều tương quan được thành lập, phải nói là rất nhiều, lên đến 4 triệu trong một giây vào hai tháng cuối. Và các tương quan này chưa vận động theo chương trình. Do đó mà có một loại ảnh hưởng kí sinh của tâm thức, giống như điều chúng ta biết nơi các hệ thống điện tử chưa được điều chỉnh. Sự mơ trước khi sinh do đó được giả định là một tiến trình điều chỉnh, với nó các ảo giác bị loại bỏ do đó não bộ có thể hoạt động hiệu quả. Đại khái lý thuyết này là như thế. Nhưng nó chưa được thử nghiệm.

Dalai Lama: - Đạo Phật nói rằng, mơ có tương quan mật thiết với kết cấu vật lý của các loài có sự sống. Tùy thuộc vào kết cấu vật lý mà sinh vật này mơ và sinh vật kia không. Các thể loại mơ mà chúng ta có liên quan các ấn tượng, kinh nghiệm, thói quen, vân vân[32].

Jens Bang: - Các thí nghiệm về mơ được thực hiện với việc đo các chớp mắt nhanh nơi thú vật — tôi nghĩ là nơi thú đã khôn lớn. Người ta cũng đồng thời kiểm soát, ghi nhận cơ thịt nào đã chuyển động khi thú vật mơ. Theo đó, dường như các gia súc như chó, mèo đã mơ như thể chúng còn trong đời sống man dã chứ không có liên hệ gì đến đời sống gia súc. Trong mơ, chúng sống ngoài thiên nhiên, dù chúng suốt đời ở trong nhà.

Nhưng tôi muốn nói thêm là, tôi không nghĩ rằng tổ tiên của gia súc đó, vốn thật sự sống ngoài thiên nhiên, bây giờ đang tiếp tục sống trong thân xác khác...

Dalai Lama: - Nếu điều này có thì con người chúng ta cũng sẽ mơ như thể mình đang sống ngoài đồng hoang...

Cám ơn nhiều. Tôi rất cảm ơn vì có cuộc thảo luận hôm nay... Cảm ơn tất cả.■

CHÚ THÍCH:

[17] Lý do là, ở một thời khoảng cực nhỏ gọi là thời gian Planck, mọi định luật vật lý quen thuộc đều sụp đổ (đạo Phật nói chúng cũng không có dự tính cố định). Một số chuyên gia do đó có xu hướng xem thời gian như gián đoạn, tạo thành bởi những lượng không thể phân cắt chia sẻ nhỏ hơn — giống như khái niệm sát na (ksana)!

[18] Dalai Lama, "Meeting points in Science and Spirituality," thuyết trình trong buổi hội thảo với các khoa học gia David Bohm, Fritjof Capra... do Hội Phật Tử Đức Quốc tổ chức tại Alpenbach, Áo, ngày 9/9/83.

[19] Hư không theo đạo Phật là "sự thiếu vắng các tiếp xúc gây chướng ngại," một hiện tượng không ngăn trở sự có mặt của các hiện tượng khác và chứa đựng một dạng năng lượng vi tế. Định nghĩa này hoàn toàn tương đương với hiểu biết của vật lý hiện đại về *vacuum* (được dịch là chân không!), cái trong đó không có gì hơn là sự sinh diệt liên tục của những cặp vi tử và đối vi tử. Thế nên dù nói "không có nguyên nhân do sự hình thành vũ trụ" nhưng ngay các chuyên gia duy vật cũng phải thừa nhận rằng do hư không mà có vũ trụ vật chất. Ghi nhận thêm: *vacuum* như những lượng không thể phân cắt tùy ý, "một vi tử chưa sinh, một hiện tượng lượng tử" là chuyện hoàn toàn xa lạ, trước lúc một giả thiết như thế giải quyết được một khó khăn toán học quan trọng trong vật lý lý thuyết (1993).

[20] Dalai Lama đang nói đến lý do thứ hai của sự hình thành vũ trụ như-chúng-ta-biết; tương tác giữa nó và tâm thức. Trong quan niệm Trung đại Duy biểu, điều này phải hiểu "theo nghĩa đen": như sự bảo toàn năng/chất mà khoa học tự nhiên và đạo Phật đồng ý với nhau, tâm thức cũng không từ không thành có, không sinh ra và mất đi mà chỉ thay đổi chuyển biến từ dạng này sang dạng khác, và vì nhân sinh quả nhưng quả cũng góp phần tạo nên nhân (mẹ tạo ra con nhưng cũng nhờ con mà mẹ mới là mẹ), nên tương tác này luôn luôn có trong suốt dòng tiến hóa của vũ trụ nhờ đó mà sự sống phát sinh. Có thể lý luận rằng giải thích này hoàn chỉnh và cận nhân tình so với các đề nghị cho các dữ kiện thực nghiệm và lý thuyết mới lạ trong vũ trụ học và vật lý lượng tử, các đề nghị mà giới chuyên gia nói chung không cho là ổn thỏa, đậm màu duy tâm chủ quan và/hoặc kì quái ngược ngạo, chẳng hạn việc làm hiện tại có tác động trực tiếp đến hình tướng quá khứ của một đối tượng vật lý, hoặc — ở một đối cực khác — có một tương tác cơ học mà vật lý không thể mô tả định lượng, tương tác nhanh hơn vận tốc ánh sáng.

[21] Toàn thể lập luận cho quan niệm Bổ sung của Bohr có trong phát biểu này, trừ sự lệ thuộc của toàn thể vào thành phần, một luận điểm duyên sinh đặc thù của Trung đạo Duy biểu (để so sánh, xem thêm T. Norretranders, *Det Udelelige*, Borgen, Kobenhavn 1985).

[22] Đây cũng là một hệ luận Trung đạo quan trọng mà nhiều người Phật giáo Việt Nam dường như không lưu ý đến. Do đó mà hay lẫn lộn tục và chân đế, ưa viện dẫn những điều "không thể nghĩ bàn" để khen chê này nọ và xem thường lý trí, không biết rằng tư duy thuần túy là phương tiện không thể thiếu ngay trong sự thiền tập. Các tông phái và nỗ lực đậm sắc thái thuần lý Ấn Độ không còn ở Trung Hoa và Việt Nam có thể có liên hệ phần nào với điều này.

[23] Sự hỗn độn, ngẫu nhiên tình cờ, phi lý, phi nhân quả chỉ được xét nghiệm trong một vài trường hợp rất hạn chế và hoàn toàn không thể nói là có giá trị tuyệt đối, như nhà vật lý ngoại hạng David Bohm cho biết — ví dụ, xem "Some Remarks on the Notion of Order", trong C.H Waddington (ed), *Towards a Theoretical Biology* (Edinburg University Press 1969), tập II, tr. 18. Và nó cũng không đúng ý Bohm; như đã đề cập, ông sẽ nói khái niệm hỗn loạn cũng chỉ có ý nghĩa trong sự khảo sát, vì sự tình cờ ngẫu nhiên nơi các trồi sụt lượng tử và chính các trồi sụt này cũng chỉ được thấy trong trạng huống khảo sát mà thôi. Xem thêm các phát biểu kế tiếp, đặc biệt của JB.

[24] Sự kiện "hoàn toàn không có sự chuyển động" này cũng là sự kiện trong khảo sát, Bohr sẽ nói. Xu hướng xem điều này như một hiện tượng tự nhiên là một trong những ví dụ cho thấy, vì sao David Bohm nói rằng nhiều người "tự nhận là theo Bohr nhưng suy nghĩ như Einstein."

[25] Theo đạo Phật, ngay một cực vi cũng là phối hợp của nhân duyên và do đó tùy thuộc vào tương quan với môi trường mà nó luôn luôn thay đổi — cái đã qua không là, nhưng cũng không khác cái đang là. Nhìn toàn thể, nó là một chuỗi tan vào hư không để rồi hợp lại, trong một trạng thái không giống trước đó.

[26] Chuyển động, khái niệm căn bản nhất của triết và khoa học, được định nghĩa với những đại lượng như vị trí (trong không gian) và vận tốc (hoặc chính xác hơn, xung lượng); trong vật lý lượng tử, hai đại lượng như thế không thể được xác định đồng thời với độ chính xác tùy ý (như trong vật lý cổ điển). Đây là một trong các lý do khiến Bohr cho rằng khái niệm này cũng tương đối. Lý do thứ hai là mô tả tiêu chuẩn của vật lý lượng tử không cho biết, vi tử mà chúng ta thấy ở đây và bây giờ có phải thật sự là vi tử trước đây hay không - xem giải thích kế tiếp của HBN, RM và ER.

[27] Hình ảnh vũ trụ vật lý được SB đề cập (xem lại ct 25) chẳng những thuận lý mà còn có trong chính mô tả toán học của vật lý lượng tử: tích phân đường Feymann. Mô tả này được

David Bohm (ct 23) xem như xuất phát điểm của thuyên giải vật lý của mình. Vấn đề là nó không — theo Bohm là chưa! — đưa đến một kết quả thực nghiệm nào khác hơn các mô tả toán học khác. Sự kiện các mô tả toán học mâu thuẫn đối nghịch nhau nhưng lại có cùng các tiên đoán thực nghiệm là một nguyên nhân của xu hướng rất phổ biến là xem mô tả toán học chẳng có ý nghĩa gì hơn là phương tiện tính toán. Thuyên giải đã tạo ra các bất đồng về những vấn đề căn bản nhất, như chúng ta thấy ở đây — không có gì được biết chắc ngoại trừ kết quả thực nghiệm — và do đó bị không ít người lên án (kể cả PVC).

[28] Sự vô thường như thế được định nghĩa trong tương quan với sự liên tục, một hiện tượng không vô thường (nhưng cũng) thuộc về bình diện tục đế hay chân lý công ước/tương đối. Đây là một trong các ví dụ cho sự không lẫn lộn giữa chân và tục đế (dù chân và tục không giống không khác) và theo đó sự thuần lý cao độ của Phật triết).

[29] Nhiều người theo Bohr nghĩ ông chủ trương một bản thể luận bất khả tri theo đó chân lý lệ thuộc vào nhận thức (*mind-dependent*) nhưng bản thể, hiểu theo nghĩa cái nằm sau hiện tượng thì biệt lập (*independent reality*) và do đó trên nguyên tắc không thể biết. Mô tả toán học của vật lý lượng tử chỉ giúp khẳng định là không thể nói về một thực tại như thế, và Bohr nhiều lần cũng chỉ nói, ví dụ, "Khoa học tự nhiên... chỉ tìm kiếm ở mức độ rộng lớn nhất những tương quan trong cái phong phú đa dạng nơi kinh nghiệm của chúng ta." Không thể nói là có hay không một bản thể như thế nhưng vẫn cho rằng nó có và có trong sự biệt lập hay thuần vật chất, thì người khoa học quả không luôn luôn tin tưởng hợp lý như họ nghĩ. Đạo Phật lý luận rằng một tin tưởng như thế là phi lý: nhận thức thành hình trên căn bản những kinh nghiệm về thế giới; nếu thế giới trong căn bản là phi thực (unreal), biệt lập... thì liên hệ nhân quả giữa đối tượng và kinh nghiệm nhận thức không thể có, và như thế làm sao có nhận thức, có việc nói về kinh nghiệm? (Lập luận đơn giản nhưng sâu sắc này nằm sẵn trong định nghĩa thế giới của Phật (ct 17) và do vị luận sư lừng danh Dhamakirti (Pháp Xứng) đưa ra đầu tiên. Hai chuyên gia Phật khoa Christian Lindtner (người đã dịch toàn bộ các tác phẩm của Jagajurana ra Đan văn, Đh Copenhagen) và George Dreyfus (Đh Virgina), nói nó sẽ gây khó khăn nghiêm trọng cho các triết gia hiện đại muốn chống lại quan niệm rằng thực tại và nhận thức về thực tại có tương quan mật thiết với nhau — xem "The Hogacara Philosophy of Dignaga and Dharmakirti", *Journal of the Seminar for Buddhist Studies*, Vol 2, Copenhagen & Aahus 1989, tr.32-3).

[30] Nói như người Phật tử Suzanne là hoàn toàn sai (xin lỗi!) mà hiểu quan niệm Phật giáo như BL cũng không đúng: đạo Phật chẳng hề nói đến một dạng tâm thức biệt lập với các tâm thức khác và càng không cho là tâm thức có thể phát triển từ chính nó — cái trước là linh hồn bất biến và cái sau là túc mệnh luận, cả hai đều "kẻ thù" của giáo lý duyên sinh. Lý luận về tính khoa học trong lý thuyết tâm thức của đạo Phật là điều làm được, nghĩa là sự đúng hay sai của nó có thể kiểm chứng bằng thực nghiệm (sẽ đăng trên *Giao Điểm*), nhưng điều này không có nghĩa là phải theo đúng các phạm trù khoa học tự nhiên, vì các khái niệm khoa học và theo đó các dụng cụ khảo sát chế tạo trên căn bản các khái niệm này chỉ có ý nghĩa trong tương quan mà chúng hình thành: sự khảo sát vật chất. (Sự thiếu vắng ý nghĩa tự thân hay tính vô ngã và duyên sinh của ngôn ngữ và khái niệm tất nhiên không phải nhờ Bohr và sau đó (!) triết học ngôn ngữ mà chúng ta mới biết; nó nằm đầy rẫy trong các kinh cổ nhất và đã được Nagajurna khai thác triệt để trong các luận giải của ngài. Nhìn ra điều này và nhớ rằng thực-tại-nhận-thức của kẻ ở trong một tầng bậc tâm thức cao đẳng không là thực tại của *đời sống quen thuộc*, chúng ta hiểu vì sao mà Phật ngụ ý điều ngài không thể nói — chứ không phải *biết*, như có người đã viết nhầm — nhiều lá thư trong rừng, cũng như ít khi trả lời những câu hỏi như sau khi chết Phật còn hay mất, vừa còn vừa mất hay không còn không mất...)

[31] Lý thuyết này là khung nghiên cứu của BL. Do hai giả định mà BL đã đề cập — rằng trí nhớ là tinh yếu của tâm thức, và vì trí nhớ là sự thay đổi hiệu năng của mạng não tử nên tâm thức chính là một hiệu ứng tập thể của các não tử — nên luận điểm chính của nó là, mơ là những hồi ức, hoài niệm tình cờ và không ý nghĩa và do đó tốt nhất nên quên đi, xem F. Crick & Gr. Mitchison, "The Function of Dream Sleep," *Nature* Vol. 304, 1983. Nhiều nhà tâm lý phản đối thuyết này, cho rằng không thể đồng nhất tâm thức với trí nhớ, mơ với hồi ức, hoài niệm cũng như không thể đơn giản loại bỏ nguyên nhân và ý nghĩa của mơ. Các nhà tâm lý học Jung phản đối mạnh mẽ nhất, vì sự làm việc với nguyên nhân và ý nghĩa của mơ là trọng tâm của trường phái này.

[32] Nói rộng hơn, mơ theo Phật (Tây Tạng) là một hiện tượng mà tâm thức giữ vai trò quan trọng, với hồi ức, trí nhớ như một trong những phương tiện của nó. Mơ giữ lại một hình ảnh của hoạt động tâm thức và hình ảnh này do đó là nguyên nhân và ý nghĩa của mơ. Thế nên Dalai Lama đã nói (tr.7), sự làm việc liên quan đến các giấc mơ rất quan trọng, có thể đưa hành giả lên những bậc tâm thức cao hơn — nói bằng ngôn ngữ tâm lý học Jung thì mơ có thể chụp bắt các cấu trúc tiềm thức và xếp đặt chúng thành một toàn thể mà ý thức hiểu được. Do đó phê phán của đạo Phật đối với lý thuyết mơ Crick-Mitchison cũng không khác các nhà tâm lý.

TÌNH HÌNH PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO MIỀN BẮC QUATRƯỜNG CƠ BẢN PHẬT HỌC HÀ TÂY

TS. PHẠM TRỌNG CHÁNH

Tình hình phục hưng Phật Giáo miền Bắc

Nhìn chung tình hình Phật Giáo tại các tỉnh Miền Bắc, qua các cuộc tiếp xúc với các hòa thượng, thượng tọa, đại đức, các sư thầy, cũng như các nhân sĩ, trí thức Phật tử, qua các tài liệu do các cơ sở Phật Giáo xuất bản, chúng ta có thể thấy một tình trạng đáng lo ngại: tình trạng thiếu hụt tăng ni rất trầm trọng.

Năm 1994, tại 4,531 ngôi chùa của Miền Bắc chỉ có 3,172 tăng nhi (trên tổng số 14,353 chùa và 26268 tăng ni của cả nước) (1), trong đó số tăng ni cao tuổi (70-85) chiếm phần đa số. Từ 1975 đến nay các tăng ni cao tuổi nổi tiếng đã lần lượt viên tịch. Số tăng ni trẻ, điệu chúng mới thu nhận trong ba, bốn năm gần đây hiện đang được đào tạo tại các trường Cơ Bản Phật Học thì chưa thể đảm nhận được các công tác Phật sự. Số tăng ni ở tuổi 30-60 rất ít so với nhu cầu.

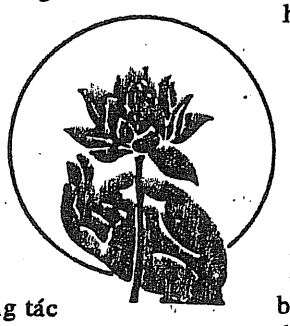

Trước 1945, trung bình mỗi ngôi chùa đều có khoảng từ 5 đến 10 tăng hay ni. Số tăng ni tại Miền Bắc ước lượng khoảng 30.000, ngày nay chỉ còn lại trên 3,000, tức là 1/10. Tình trạng này phần lớn vì trong thời kỳ chiến tranh có khoảng 15-20 ngàn tăng ni bị động viên và đã hy sinh trên chiến trường. Chùa Hương, ngôi chùa danh tiếng nhất của nước ta, có sáu nhà sư đi bộ đội, hiện chùa chỉ còn một mình ThT. Thích Viên Thành và một ĐĐ. trẻ sau khi HT. Thanh Chân viên tịch năm 1989. Cũng có chính sách cấm đoán, hạn chế việc thu nhận đệ tử trong thời kỳ 54-81, một số chùa Miền Bắc ở vào tình trạng tuyệt tự. Sau khi sư cụ mất thì chùa do ủy ban nhân dân, hợp tác xã quản lý, các gia đình lân cận lấn chiếm.

Tình trạng chùa Ngũ Xã trước năm 1991 là hình ảnh tiêu biểu. Chùa Ngũ Xã nằm bên hồ Trúc Bạch Hà Nội, một ngôi chùa danh tiếng thờ Thiền Sư Minh Không có tượng A Di Đà bằng đồng cao sáu thước to đẹp nhất nước đã bị các gia đình đồng bào lấn chiếm, chăn màn giăng mắc chia cắt cả chánh điện, bệ thờ nhện giăng, chùa dột nát. Mãi đến khi ĐĐ. Chánh Tín được cử đến trụ trì ra công thu xếp tu bổ chùa mới trở lại một di tích lịch sử được xếp hạng và khang trang như xưa.

Năm 1972, HT. Trí Độ được phép mở Trường Trung Tiểu Học Phật Pháp Trung Ương. Từ 1972 đến 1975 trường đào tạo được một số tăng ni như ThT. Viên Thành, ĐĐ. Thanh Ninh, Bảo Nghiêm, Gia Quang, Thanh Duệ, Thanh Khoát, Thanh Chính, Chánh Tín... các vị này nay là những nhân tố tích cực trong việc phục hưng Phật Giáo Miền Bắc. Các thầy ở Hà Nội hiện phải đảm đương cùng lúc ba việc: công tác ở Trung Ương và Thành Nội, trụ trì chùa và giảng Phật pháp cho các trường CBPH ở Hà Nội, Hải Hưng, Hà Tây, chưa kể việc thuyết pháp ở các tùng lâm Quán Sứ và Bà Đá. Hàng ngày các thầy phải vượt hàng chục cây số "vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh" để tới trường đúng giờ.

Trong mấy năm gần đây, ngoài số tăng ni sinh trẻ được thu nhận, có một số người đã ở tuổi hưu xin xuất gia. Nhu cầu cúng tế lễ bái, như ma chay, cầu siêu, cưới hỏi, cũng đang phát triển mạnh tại các tỉnh Miền Bắc, được lễ lộc hậu hĩ thu hút khá nhiều thầy cúng, thầy lễ ra thành nghề. Và những sự kiện mê tín dị đoan, lễ Phật để cầu phước, cầu lộc, cầu tình có nguy cơ lấn lướt con đường chính đạo của Đạo Phật.

Hiện tượng ăn cắp tượng Phật, đồ pháp khí đang là một nguy cơ trầm trọng đặt ra cho những ai quan tâm đến Đạo Pháp và văn hóa dân tộc. Mới đây một số tượng và đồ thờ của Chùa Tây Phương bị mất cắp, gánh nặng trách nhiệm đổ lên Sư Bà Đàm Thanh. Sư Bà này đã 85 tuổi, một mình bảo vệ chùa với một di sản tượng Phật quý giá nhất nước. Mất tượng, chính quyền địa phương không xúc động mảy may, tội nghiệp Sư Bà phải lặn lội nơi này nơi khác, vào tận Sàigòn để tìm tượng đã mất. Đây là tiếng chuông báo động nguy cơ buôn lậu đồ cổ VN qua ngã Trung Quốc, Hồng Kông, cũng như qua ngã Cam Bốt, Thái Lan. Thậm chí có nơi do kém hiểu biết kẻ gian ăn cắp cả chuông đồng cổ để nấu chảy ra làm đồ nhật dụng.

Tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, tình trạng gần như phải xây dựng lại từ số không. Có nơi suốt 30 năm đồng bào không thấy bóng một vị sư, không hề biết đến Phật pháp. Lứa tuổi dưới 40 một số không biết Đạo Phật là gì. Hiện có một số sư cô từ Huế ra công tác Phật sự ở vùng này. Những năm 1958-64 chiến dịch phá đình chùa lấy gạch ngói xây trường học của các tỉnh ủy đã triệt hạ toàn bộ di tích văn hóa vùng này.

Trước khi người Tây phương đến, tại mỗi làng VN (người Kinh) đều có ít nhất một ngôi chùa. Nay xem lại, số làng mạc không có chùa có lẽ lên đến hàng ngàn. Trong thời Pháp thuộc, nhiều ngôi chùa lịch sử đã bị san bằng, như Chùa Cây Mai, Khải Tường, Kiếng Phước... tại Sàigòn, nhiều ngôi chùa lớn tại Hà Nội cũng bị phá bỏ để lập nhà thờ Thiên Chúa. Nhà thờ Thiên Chúa lớn nhất Hà Nội cũng đã được dựng trên nền một ngôi chùa cổ.

Nhiều vùng hiện nay, như tỉnh Hòa Bình chẳng hạn, ủy ban nhân dân địa phương trả lời là Hòa Bình không có Phật Giáo, quả là điều lạ. Tại Lạng Sơn, nơi xảy ra chiến trận với Trung Quốc năm 1979, cả thành phố bị san bằng, tất cả chùa chiền đều chịu chung số phận.

Tại tỉnh Hà Tây, với Ban Trị Sự Tỉnh Hội nhiệm kỳ III (1991) gồm 27 vị, phần lớn là các hòa thượng, sư bà lớn tuổi, chỉ có sáu vị ở tuổi trung niên là: ThT. Thanh San chùa, thị Nguyên xã Cao Dương, Ni sư Đàm Phương chùa Đống Tranh xã Minh Cường, Ni sư Đàm Hằng chùa Đa Bảo xã Chi Thủy, ThT. Viên Thành chùa Hương xã Hương Sơn, Ni sư Đàm Thìn chùa Gỗ xã Phượng Cách và ĐĐ. Thanh Chính Phó Thư Ký giúp việc cho Thường Trực.

Nhìn lại tình hình Phật Giáo Miền Bắc ta không khỏi ngậm ngùi cho một di sản quý báu của tổ tiên trải qua một cuộc dâu biển tang thương. Nếu như không có những thay đổi trọng đại trên thời cuộc quốc tế, đến cuối thế kỷ này, khi các vị tu sĩ cao niên mất đi, Phật Giáo Miền Bắc có lẽ chỉ còn độ 200 tu sĩ. May thay cục diện đã thay đổi, Phật Giáo Miền Bắc đang bắt đầu hồi sinh. Và một đầu tàu quan trọng trong sự hồi sinh đó là Tỉnh hội Phật Giáo Hà Tây với Trường Cơ Bản Phật Học Hà Tây, mà chúng ta thử nghiên cứu riêng như một thí dụ điển hình.

Chùa cơ bản Phật học Hà tây

Hà Tây nằm sát cạnh Hà Nội về phía Tây, nơi có nhiều danh lam di tích lịch sử, như chùa Mía, chùa Tây Phương, chùa Trăm Gian, chùa Hương, chùa Dâu, chùa Giáng, chùa Thụy Ứng... Từ thời nhà Trần, Hà Tây được xem như trung tâm Phật Giáo lớn nhất nước.

Tỉnh Hà Tây cũ gồm có năm huyện và một thị xã, với số chùa và tăng ni thống kê đến tháng 10.91 (xem bảng tổng kết đính kèm):

Huyện:

- Hoài Đức, 76 ngôi chùa, 65 tăng ni (30 chùa không có sư); - Đan Phượng, 41 ngôi chùa, 25 tăng ni (20 chùa không có sư);
- Phúc Thọ, 52 ngôi chùa, 24 tăng ni (32 chùa không có sư); - Thạch Thất, 18 ngôi chùa, 7 tăng ni (13 chùa không có sư);

Diễm Châu

Thơ Diễm Châu

Người làm vườn và bông hoa
Đốm hương . Niềm vui mỗi ngày

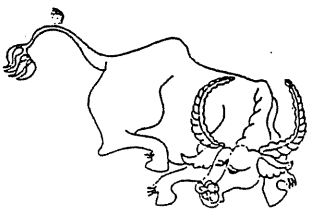

trình bầy

- Ba Vì, 14 ngôi chùa, 3 tăng ni (10 chùa không có sư); THỊ XÃ: - Sơn Tây, 15 ngôi chùa, 20 tăng ni (3 chùa không có sư).

Tổng cộng:

- 216 ngôi chùa, 144 tăng ni và 108 chùa không có sư. Từ năm 1991, tỉnh Hà sơn Bình được tách ra thành hai tỉnh Hà Tây và Hòa Bình. Riêng tỉnh Hà Tây có tiếp nhận thêm bẩy huyện và một thị xã (trước kia vốn thuộc Hà Tây, sau sáp nhập vào Hà Nội, rồi sau lại trả về): các huyện Thanh Oai, Thường Tín, Phú xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Quốc Oai và thị xã Hà Đông (chưa có thống kê các chùa).

Đến tháng Bẩy 1992, số lượng tăng ni lên đến 571 vị, trong đó thành phần trẻ chiếm 40%. Sự kiện tăng nhanh số lượng tăng ni này có thể giải thích được bởi sự sáp nhập vừa kể trên và sự bãi bỏ việc hạn chế người xuất gia nên nhiều người trẻ và nhiều người về hưu đã thụ giới xuất gia vì người dân Hà Tây đã thấm nhuần tinh thần Phật Giáo từ nhiều thế hệ trước.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo tăng ni, Trường Cơ Bản Phật Học tỉnh Hà Tây được thành lập từ tháng Hai 1990, tại Chùa Văn Quán, trụ sở Tỉnh hội, và hai cơ sở để cho các ni là Chùa Văn Quán và Chùa Mỗ Lao.

Yêu cầu của trường là đào tạo tăng ni trẻ, sau khi tốt nghiệp, có được: 1) về văn hóa: trình độ phổ thông trung học, 2) về Phật học: trình độ cơ bản về giáo lý (tương đương trung cấp) để lựa chọn gửi đi Trường Cao Cấp Trung Ương. Hằng năm có những khóa hạ tập trung ngắn ngày để trao giồi đạo đức, quy củ, lễ niệm, nghe giáo lý sơ đẳng của người tu hành.

Đối tượng và tiêu chuẩn vào học: 1) các vị tăng trẻ có hộ khẩu thường trú tại các chùa trong tỉnh; 2) tuổi từ 18 đến 35; 3) trình độ văn hóa hết phổ thông sơ sở (ít nhất là lớp 7); 4) không mắc bệnh truyền nhiễm, không vi phạm pháp luật.

Mỗi khóa dài bốn năm, mỗi năm chín tháng. Khóa đầu tiên năm 1990 có 45 vị, và năm 1993 có 75 vị. Chương trình giảng dạy trong bốn năm:

Năm thứ nhất

A. Nội điển

1) Kinh: Bát Đại Nhân Giác, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Pháp Cú.

2) Luật: Tỳ ni Nhật tụng Yếu giải, Tỳ ni Mẫu kinh, luật học đại cương.

3) Luận: Phật pháp căn bản.

4) Sử: Lịch sử Phật Giáo.

5) Cổ ngữ: Hán văn.

6) Công dân giáo dục: Tôn giáo học, chính sách của đảng và nhà nước đối với tôn giáo, sơ lược về các tôn giáo lớn trên thế giới.

B. Ngoại điển - Chương trình văn hóa phổ thông lớp 9 cải cách. - Anh văn.

C. Sinh hoạt ngoại khóa: Nghe nói chuyện về:

- tình hình thời sự trong nước và quốc tế (hai tuần một buổi).

- ảnh hưởng của Phật giáo trong văn hóa dân gian và trong văn học dân tộc (hai tuần một buổi).

Năm thứ hai

A. Nội điển

1) Kinh: Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, trích giảng Trường A Hàm và Trường Bộ.

2) Luật: Sa di Uy nghi Lược giải, Tỳ ni Mẫu kinh.

3) Luận: Phật pháp căn bản, Quy Sơn Cảnh Cách.

4) Sử: Lịch sử Phật giáo.

5) Hán văn.

6) Công dân giáo dục: chính sách đảng và nhà nước đối với tôn giáo qua từng giai đoạn lịch sử, sự phát triển của các tôn giáo lớn.

B. Ngoại điển - Chương trình lớp 10 cải cách. - Anh văn.

C. Sinh hoạt ngoại khóa: Nghe nói chuyện về:

- Tình hình thời sự trong nước và quốc tế (hai tuần một buổi). - nguồn gốc lịch sử tôn giáo (ba tuần một buổi).

Năm thứ ba

A. Nội điển

1) Kinh: Ý nghĩa hai thời khóa tụng, Trường A Hàm, Trường Bộ.

2) Luật: Ý nghĩa luật tỳ kheo và Bồ Tát giới bản.

3) Luận: Duy Thức học nhập môn, Nhân Minh luận.

4) Sử: Lịch sử Phật giáo.

5) Hán văn.

6) Công dân giáo dục: Tôn giáo học, chính sách của đảng và nhà nước đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng.

B. Ngoại điển - Chương trình lớp 11 cải cách. - Anh Văn.

C. Sinh hoạt ngoại khóa: (như ở năm thứ hai nhưng chi tiết hơn).

Năm thứ tư

A. Nội điển

1) Kinh: Kim Cương, Bát Nhã, trích giảng Tăng Chi Bộ kinh.

2) Luật: tứ Phận luật.

3) Luận: Giới thiệu đại cương về giáo lý các tông phái.

4) Sử: Lịch sử Phật giáo.

5) Hán văn.

6) Công dân giáo dục.

B. Ngoại điển - Chương trình lớp 12 cải cách. - Anh văn.

C. Sinh hoạt ngoại khóa: (như trước). Phần ngoại điển do Sở Giáo Dục và Đào tạo tỉnh Hà Tây phụ trách. Học xong chương trình lớp 9

(cuối năm thứ nhất) học sinh phải thi tốt nghiệp Phổ thông Cơ sở. Xong năm thứ tư, dự thi lấy bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông (tú tài), vào tháng Sáu 1995. Phần công dân giáo dục do Mặt Trận Tổ Quốc đảm nhận. Các môn kinh, luật, luận và sử do hàng tu sĩ đảm nhận.

Nhân sự của trường phân thành ba ban: Ban Giám Hiệu, Ban Giảng Sư và Ban Bảo Trợ Học Đường.

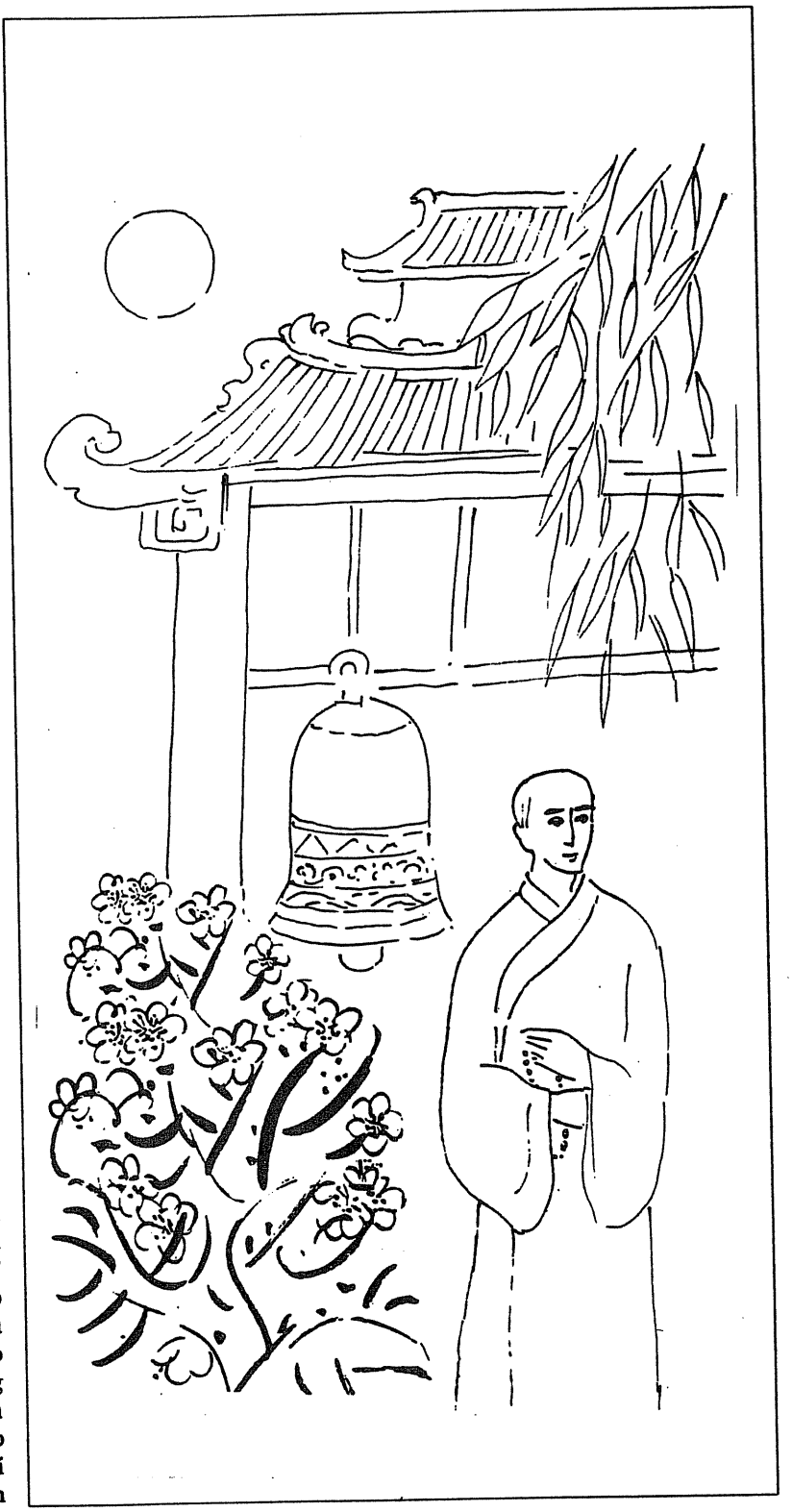

Vài nhận xét

Ở phần nội điển, ngoài những kinh, luật, luận cổ điển, các bộ Trường A Hàm, Trường Bộ do HT Minh Châu mới hoàn tất đã được đưa vào giảng dạy. Đáng chú ý là ở năm thứ ba có dạy "Nhân Minh luận" do Pháp sư Thích Trí Độ, Nguyên Hội Trưởng Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam, biên soạn dựa trên cơ sở những bài giảng của Phúc Tuệ Hoà Thượng ở Trung Bộ. Đây là một môn học quan trọng trong "Ngũ Minh", hầu hết luận tạng của Phật giáo đều xây dựng theo kiểu trúc của "Nhân Minh." Nhân Minh luận giúp người tu học hiểu những bộ lớn của Đạo Phật. Các bài giảng trong thời kỳ chấn hưng Phật giáo thập niên 30 của HT. Trí Độ, BS. Lê Đình Thám đều dựa trên Nhân Minh luận. Tài liệu này được HT. Trí Độ trao cho TT. Viên Thành và ĐĐ. Thanh Ninh từ 1972-75 đến nay mới được xuất bản. Quyển "Việt Nam Phật Giáo Sử luận" của Nguyễn Lang (Thầy Nhất Hạnh) là quyển sử nghiêm túc được giới sử học cũng như hàng giáo phẩm đánh giá cao, đã được xuất bản lại trong nước và nay được dùng làm tài liệu căn bản để giảng dạy môn Lịch Sử Phật Giáo.

Cổ Ngữ Hán-Nôm do GS. Nguyễn Tá Nhí, chuyên viên Hán-Nôm, và ĐĐ Thanh Khoát đảm nhận, là nhằm mục đích đào tạo tăng ni trẻ có khả năng khai thác di sản văn hóa Hán-Nôm ở chính ngôi chùa của mình. Trong bài nói

chuyện tại trường CBPH Hà Tây (17-7-92), ông Nguyễn Tá Nhí có lưu ý:

"Trong mỗi ngôi chùa cổ ở làng quê chúng ta hiện nay còn giữ được một số di sản văn hóa Hán Nôm rất đáng trân trọng. Dựa vào những tư liệu cụ thể qua kết quả điều tra của ngành văn hóa cả nước trong mấy năm gần đây, chúng ta có thể rút ra nhận xét: bất kể ngôi chùa cổ nào trên đất nước ta, hoặc ít hoặc nhiều đều giữ được những di sản văn hóa Hán-Nôm. Thậm chí ngay cả những ngôi chùa đã bị đổ nát trơ trụi, chúng ta vẫn tìm thấy những di sản văn hóa Hán-Nôm như bia đá, chuông đồng..."

Về việc học ngoại điển, Điều 31 và 32 Nội qui Ban Tăng sự Trung ương (GHPGVN) thông qua ngày 28-11-84 định tiêu chuẩn trình độ văn hóa phổ thông để thụ giới và cấp 3 (trung học phổ thông) đối với hàng tỳ kheo (tỷ khiêu), và cấp 2 (phổ thông cơ sở) đối với hàng sa di. Trong cuộc tọa đàm với ĐĐ. Đức Thiện, ĐĐ Bảo Nghiêm, giảng viên môn Lịch Sử Phật Giáo, có phát biểu:

"Ngày nay là thời đại của nền văn minh khoa học kỹ thuật, là kỷ nguyên hạt nhân và vũ trụ. Phải có trình độ phổ thông trung học mới coi là thoát nạn mù chữ. Bây giờ trừ các vãi già cao tuổi, số Phật tử trẻ có trình độ văn hóa cao ngày càng đông. Vậy tăng ni cũng phải có kiến thức văn hóa cao mới giảng pháp cho tín đồ nghe được. Chứ mình lại thấp kém hơn thì khó mà giáo hóa được người ta. Chỉ có Đức Tổ Huệ Năng là một. Ngài có vô sư trí (không thầy dạy mà đã biết) còn chúng ta là phàm phu tăng phải học, học nhiều hơn."

"Cách đây gần 26 thế kỷ, Đức Thích Ca đã giảng các "pháp giới trùng trùng duyên khởi." Vậy nếu không có trình độ khoa học thì chịu chẳng biết thế nào là "pháp giới trùng trùng duyên khởi."

Về việc học Anh văn, ĐĐ Bảo Nghiêm quan niệm: "Bởi vì ngày nay các văn tự Phật giáo không phải chỉ ghi bằng chữ Pali, chữ Sanscrit, chữ Hán mà đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Vậy cần phải học tiếng Anh tiếng Pháp vì kinh sách Phật hiện nay lưu truyền trên thế giới chủ yếu bằng các ngoại ngữ này... để nghiên cứu sách báo. Nhưng học ngoại ngữ đòi hỏi nhiều thời gian, công phu, nên phải học ngay mới được."

Chương trình của môn công dân giáo dục, nhấn mạnh đến tôn giáo học và chánh sách tôn giáo của đảng và nhà nước, do ông Đỗ Năng Lực, cán bộ Ban Dân Vận tỉnh Hà Tây đảm trách. Và qua bài nói chuyện tại trường ngày 16-9-91 của ông Lực, ta thấy có đoạn như sau:

"Trong hoàn cảnh hiện tại, nền kinh tế thị trường phát triển, bên cạnh mặt tích cực cũng bộc lộ những khuyết tật. Con người dễ bị sa đọa, nếu không được đấu tranh giáo dục tốt, ma lực đồng tiền có thể khuynh đảo lương tâm, luân lý. Do đó giá trị tư tưởng và đạo đức của Phật Giáo lúc này rất có ích cho xã hội. Giá trị này đang được nhiều người nhận thức lại."

Thật vậy, quả có nhiều người "nhận thức lại" và cũng có nhiều người nhận diện lại lịch sử của dân tộc, nhất là giai đoạn từ thế kỷ thứ 10 đến nay, và số người này tăng nhanh trong mấy năm vừa qua.

Đạo Phật nhìn cuộc đời và nhìn con người qua lăng kính vô thường, vô ngã nên hiểu rõ nhiều góc độ khác nhau của sự biến chuyển không ngừng của mọi sự mọi vật, và của sự "nhận thức lại" này, nói riêng. Đạo Phật không xem ai là kẻ thù, và không có kẻ thù là giáo lý căn bản của Đạo Phật. Phật giáo không áp đặt tư tưởng mình cho ai và cũng không bó buộc người đời sau đi theo "khuôn vàng thước ngọc" của mình.

Giữa thời Lý Trần, Đạo Phật đang thịnh trị, Thiền Sư Quảng Nghiêm (1124-1190) đã viết: "Tuổi thanh niên tự nó có cái chí hướng tung thẳng trời xanh. Há có phải đi theo con đường của Như Lai", và được tôn kính như người giác ngộ cao sâu. Thời nay khó tưởng tượng được việc một vị trung ương đảng nào đó có đủ trình độ "giác ngộ" để nói được một câu tương tự: "Tuổi thanh niên tự nó có cái chí hướng tung thẳng trời xanh. Há có phải đi theo con đường của Hồ Chí Minh."

Công cuộc gieo trồng lại hạt giống bồ đề trên miền đất tổ đã bắt đầu, trong hoàn cảnh đầy khó khăn khắc nghiệt. Những vị tăng ni đã tám, chín mươi tuổi, với cả đời âm thầm gìn giữ di sản của tổ tiên, nay cũng góp tay vào việc làm hồi sinh của chủng tử bồ đề. Chắc chắn những người Việt con Phật ở hải ngoại sẽ động viên nhau tiếp tay yểm trợ tinh thần và vật chất cho Trường Cơ Bản Phật Học tỉnh Hà Tây, để phục hồi sức sống của Phật giáo Hà Tây, Trung tâm Phật giáo lớn nhất nước, và qua đó là sức sống của Phật giáo tại các tỉnh phía Bắc. ■

CHÚ THÍCH:

(1) Theo thống kê vừa hoàn tất của GHPHVN, của Ban Tăng Sư ngày 15-1-1994.
Về tự viện có 14,353 ngôi chùa trong đó gồm:
-13,312 tự viện Bắc Tông;
-469 tự viện Nam Tông nguyên thủy, Khơ-me;
-342 tịnh xá khuất sĩ;
-95 tịnh thất;
-185 niệm Phật đường.
Về Tăng nhi có 26,268 tăng ni gồm:
-18,227 tăng ni Bắc Tông;
-7309 tăng ni Nam Tông, nguyên thủy, Khơ-me;
-732 tăng ni khất sĩ.
Tuy nhiên theo ĐĐ. Thích Đồng Bổn, người có tham gia công tác thống kê, thì nhiều nơi các chùa còn ngại việc khai báo, nên con số thật sự tăng ni có lẽ cao hơn số khai báo ước tính là 35,000 tăng ni cho toàn quốc.
Theo TT. Thích Như Điển (Đức) trước năm 1975 miền Nam có 60,000 tăng ni.
(2) Trích từ Kỷ Yếu Trường Cơ Bản Phật Học tại tỉnh Hà Tây.
(3) Thơ văn Lý Trần Tập I, NXBKHXH, Hà Nội 1977 trang 52.

NHỮNG NGÀY CUỐI NĂM, TÌM THĂM NGƯỜI DỰNG LỄ ĐÀI TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP MỒNG 2-9-1945

PHÙNG QUÁN

LTS.- Một chế độ độc tài thường mắc nhiều món nợ với nhân dân mà trước sau gì cũng tới lúc phải trả, bằng cách này hay cách khác. Càng gây tội ác thì càng phải bưng bít và dối trá. Nhưng sự thật và ý chí muốn đến với sự thật của con người có khả năng dần dần đưa ra ánh sáng tất cả những che giấu tối tăm.

Chế độ Cộng sản đã nhúng tay vào nhiều tội ác đối với dân tộc Việt Nam, đã nghiền nát bao nhiêu là tinh hoa của Việt Nam — từ văn hóa, truyền thống tới con người — để tỏ ra, trong quá khứ trung thành với nền chuyên chính vô sản, và ngày nay, trung thành với quyền lợi của phe nhóm cầm quyền.

Lịch sử đã đến lúc tạo thời và thế cho dân tộc Việt Nam phục hoạt lại những gì đã bị chế độ Cộng sản làm thui chột đi, để những oan ức tối tăm lên tiếng, để thanh thỏa các món nợ mà chế độ đã gây ra quá nhiều cho dân tộc này. Từ các vụ đấu tố và đánh tư sản, vụ Nhân Văn Giai Phẩm, vụ án "xét lại" Hoàng Minh Chính, vụ Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Hộ..., các người trong cuộc đang dần dần lên tiếng, chứng tỏ sự đàn áp khủng bố không thể còn phù hợp với xu thế của ngày nay nữa. Các nợ nần đang đòi được thanh thỏa, không phải với lối xuê xoa vô trách nhiệm của các đợt "sửa sai" tự nó cũng mang đầy dối trá, mà là một thái độ chân thành tìm hiểu và sửa chữa tự các căn nguyên sâu xa nhất, để hòa nhập trở lại với dòng sống chân thật, thương yêu cố hữu của dân tộc.

***Thế Kỷ 21** sưu tầm và đăng tải tất cả các tiếng nói từ đáy sâu của oan khiên ấy, như là một đóng góp vào công tác đưa lại sự thật, với quan niệm rằng chỉ có sự thật mới có khả năng sửa chữa sai lầm và xây dựng tích cực cho tương lai. Những tài liệu này, chúng tôi đăng nguyên văn, dù trong đó có thể có những dữ kiện lịch sử còn cần bàn cãi, những ngôn từ không phổ biến đối với một số độc giả, và ngay cả những quan điểm mà **Thế Kỷ 21** không chia sẻ.*

*Số này chúng tôi mời bạn đọc theo dõi số phận của **Nguyễn Hữu Đang**, qua bài viết của **Phùng Quán**: "Những ngày cuối năm, tìm thăm người dựng lễ đài Tuyên Ngôn Độc Lập mồng 2-9-1945."*

Dạ thưa Giáo sư Tiến sĩ Đình Quang, Thứ trưởng Bộ Văn Hóa Thông Tin, cùng độc giả tuần báo *Văn Nghệ*.

Mới đây tôi được đọc bài điếu văn đầy trang trọng và xúc động của giáo sư đăng trên tuần báo *Văn Nghệ*, đọc tại tang lễ của nhà điện ảnh lão thành Phạm Văn Khoa. Trong bài điếu văn có một chi tiết về thành tích hoạt động của nhà điện ảnh quá cố mà tôi đặc biệt quan tâm:"... *rồi lại chính tay anh (Phạm Văn Khoa) dựng bục, kết hoa cho lễ đài Tuyên Ngôn Độc Lập, chỉ trong một ngày đêm vội vã.*"

Thưa giáo sư Tiến sĩ Đình Quang, qua lời điếu văn, tôi có cảm tưởng việc dựng lễ đài Độc Lập 2-9-1945 gần giống việc dựng một cái chòi thông tin hoặc một cái sân khấu ngoài trời...

Nhân sự việc này tôi muốn kể hầu giáo sư và độc giả tuần báo *Văn Nghệ* một câu chuyện, mục đích là để mua vui vào dịp đầu xuân năm Dậu, năm trùng phùng với năm xảy ra sự kiện mà tôi sắp kể sau đây, năm Ất Dậu 1945.

Học theo cách nói của thi hào Nguyễn Du: "*Mua vui cũng được một vài trống canh.*"

Tôi là người viết văn nhưng lại đặc biệt say mê nghệ thuật kiến trúc. Đầu năm 1990, Đại hội kiến trúc sư toàn quốc, tôi có gửi đến một bức điện văn 300 chữ, chào mừng Đại hội. Mở đầu bức điện văn, tôi viết: "*Nếu đất nước xây dựng một đền đài nghệ thuật, tôi xin được làm thủ từ. Ngày lễ hội, tôi xin được trải chiếu để văn nghệ sĩ ngồi. Chiếu một, tôi dành riêng cho các kiến trúc sư, vì các anh chị là những người trước tiên đem lại vinh quang, niềm tự hào hoặc làm nhục cho xứ sở, bằng chính các tác phẩm kiến trúc của mình.*"

Tôi có một sưu tập nho nhỏ hình chụp các công trình kiến trúc cổ kim của thế giới mà tôi say mê, cảm phục. Bên cạnh những Kim Tự Tháp, Vạn Lý Trường Thành, đền Ăng-Ko, chùa Vàng Miến Điện, Cố Cung, Tháp Ép-phen, Khải Hoàn Môn... tôi có chừng vài chục tấm hình cắt ra từ các báo như *Nhân Dân, Quân Đội, Lao Động, Hà Nội Mới*... chụp cảnh Lễ Đài Độc Lập và tổng thể vườn hoa Ba Đình trong ngày mồng Hai tháng Chín năm Một ngàn chín trăm bốn lăm. Mỗi lần ngắm nhìn cái công trình kiến trúc mỏng manh, được xây dựng bằng gỗ, ván, đinh, vải, được thiết kế và thi công trong vòng 48 tiếng đồng hồ — nếu chậm lại một giờ thì hỏng — rồi sau đó biến mất khỏi mặt đất như một lâu đài trong cổ tích, cặp mắt mờ đục của người lính già tôi, bao giờ cũng cay lệ. Lòng tôi dâng trào biết bao niềm cảm xúc và suy tưởng miên man... về Tổ Quốc và Nhân

Dân, về Cách Mạng và Khởi Nghĩa, về máu xương của lớp lớp anh hùng hào kiệt đã thấm đẫm khắp giang sơn, kể từ khi trên mặt đất xứ sở Việt Nam xuất hiện công trình kiến trúc mỏng manh này. Nó biến khỏi mặt đất, nhưng tầm vóc, hình dáng cùng với tổng thể kiến trúc của nó đã tạc khắc đời đời vào ký ức của cả dân tộc.

Ba Đình nắng thu vàng rực rỡ, một biển người vừa bước từ đêm dài trăm năm nô lệ ra bình minh Độc Lập Tự Do, cờ hoa trong tay và câu hát trên môi... Người hiệp sĩ vĩ đại của nhân dân cùng khổ và hai triệu người chết đói, bước vào tuổi năm mươi lăm, râu đen, mắt sáng, lễ phục kaki, đứng trên Lễ đài, mở đầu bản Tuyên Ngôn Độc Lập bất hủ: "*Mọi người sinh ra đều bình đẳng*", và giữa chừng: "*Tôi nói đồng bào nghe rõ không?*"

Ai có thể tái tạo công trình kiến trúc Lễ đài Độc lập cùng với tổng thể kỳ vĩ đó? Không một ai! Kể cả thánh thần... Theo ngu ý của tôi, Lễ đài Độc lập là một cái cột mốc giữa đêm dài một trăm năm nô lệ và bình minh Độc lập Tự do của cả dân tộc. Kể từ khi trên mặt cỏ nắng Ba Đình mọc lên cái cột mốc gỗ này, số phận của cả dân tộc thay đổi, và số phận nhỏ bé, hèn mọn của bản thân tôi cũng thay đổi. Từ một đứa trẻ chăn trâu mù chữ ở một làng quê bùn lầy sỏi đá ở tít tắp miền Trung, trở thành một nhà văn... Cũng bắt đầu từ cái cột mốc kiến trúc mỏng manh này, cả dân tộc xuất phát bước vào cuộc trường chinh sáng láng nhất, lâu dài nhất và dữ dội nhất của thế kỷ, với gánh nặng lịch sử trên vai: "*Ta vì ta ba chục triệu người - Cũng vì ba ngàn triệu trên đời*" (1).

Ngắm nhìn một công trình kiến trúc như vậy, những người lính già dãi dầu chiến trận chúng tôi, làm sao không ứa lệ tự hào?

Vậy ai là tác giả cụ thể công trình kiến trúc Lễ đài Độc Lập? Từ mấy chục năm nay, tôi luôn luôn bị thôi thúc bởi niềm mong ước tìm hiểu cho rõ. Nhưng rồi cái khó bó cái khôn, và trong điều kiện và hoàn cảnh trắc trở của đời mình, tôi không sao thực hiện nổi niềm mong ước đó.

Thế rồi cách đây ba năm, tôi được một người bạn, một nhà sử học tặng tôi những bản sao chụp những tư liệu có liên quan đến sự kiện lịch sử mồng 2 tháng 9, 1945, anh vừa tìm thấy trong thư viện quốc gia, thư viện bảo tàng lịch sử, Viện Sử Học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, và kho Lưu trữ Quốc gia. Trong số những bản sao chụp, có mấy tư liệu tôi đặc biệt chú ý. Thư của Bộ Tuyên Truyền có tiêu đề "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" đề ngày 31-8-1945 gửi thị trưởng Hà Nội, về việc tổ chức "Ngày Độc Lập" (Đây là bản chính được đánh máy bằng giấy than đen trên giấy trắng, khổ rộng 130x210mm, đóng dấu tròn với giòng [dòng] chữ: Ngày Độc Lập, và C.P.C.H.D.C. (Chính Phủ Cộng Hòa Dân Chủ) vòng quanh con dấu, một ngôi sao năm cánh ở giữa, nổi lên giòng [dòng] chữ "Ban Tổ Chức". Nội dung thư:

Kính gửi ông Thị Trưởng Hà Nội

Bộ Tuyên Truyền của Chính phủ Lâm thời sẽ tổ chức ngày 2-9-1945 một "Ngày Độc Lập".

Muốn cho ngày ấy có một tính cách thiêng liêng, Ban Tổ Chức chúng tôi yêu cầu Ngài hạ lệnh cho các chùa chiền, nhà thờ phải cho mở cửa, quét tước sạch sẽ, và đốt trầm hương suốt ngày hôm ấy để mừng ngày Độc Lập.

Kính thư

Nguyễn Hữu Đang

Một thư khác của Ban Tổ Chức "Ngày Độc Lập" thuộc Bộ Thông Tin và Tuyên Truyền, đề ngày 31-8-1945, hình thức và con dấu giống như thư trên. Nội dung thư:

Kính gửi ông Thị Trưởng Hà Nội

Nhân "Ngày Độc Lập", chúng tôi yêu cầu Ngài cho treo cờ ở vườn hoa Ba Đình và hai bên những phố lân cận.

Còn về lễ chào quốc kỳ, chúng tôi nhờ Ngài cho sửa soạn cho chúng tôi một chiếc cột cao 12 thước tây đủ cả giây và bánh xe (poulie); sẽ có chỉ thị về chỗ dựng cột cho phu tòa Thị Chính.

Kính thư

Nguyễn Hữu Đang

Một bức thư khác, hình thức, tiêu đề và con dấu giống hai bức thư trên, với nội dung:

Kính gửi ông Thị trưởng Hà Nội

Muốn cho "Ngày Độc Lập" tổ chức vào ngày 2-9-1945 tới đây được hoàn hảo, chúng tôi yêu cầu Ngài thông báo ngay cho các phố trưởng để các ông ấy báo tin cho các nhà trong khu vực mình biết rằng cụ nào trong nam giới hay nữ giới muốn đi dự lễ ấy sẽ đến họp ở Hội quán Hội Khai Trí hồi 13 giờ trước khi đi lên vườn hoa sau Sở Tài Chính.

Kính thư,

T.M. Nguyễn Hữu Đang (ký không rõ tên)

Sau khi đọc kỹ những tư liệu trên, tôi suy luận ông Nguyễn Hữu Đang là trưởng ban tổ chức ngày Độc lập, vậy chắc chắn ông phải biết ai là tác giả của công trình kiến trúc Lễ đài. Cần phải tìm gặp ông ta để hỏi cho ra.

Anh Nguyễn Hữu Đang thì tôi được biết mặt từ mấy chục năm trước, nhưng rất ít khi được chuyện trò với anh. Mỗi lần tôi được anh hỏi chuyện, tôi bối rối, sướng mê người, đầu không khiến mà chân cứ rút về thành tư thế đứng nghiêm, như ngày còn làm lính trinh sát mỗi lần được chính ủy sư đoàn hỏi chuyện. Tôi nghĩ bụng: Tôi là cái thá gì mà được một người như Nguyễn Hữu Đang hỏi chuyện? Nguyễn Hữu Đang, người đã tham gia cách mạng từ khi tôi chưa đẻ, nhà hoạt động báo chí công khai của đảng cùng thời với Trường Chinh, Trần Huy Liệu, một trong những người tổ chức và lãnh đạo chủ chốt của Hội Truyền Bá chữ Quốc ngữ cùng thời với Phan Thanh, cụ Nguyễn văn Tố. Một trong những người sáng lập và tổ chức Hội Văn Hóa cứu quốc cùng với Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, người được cử đi dự Đại hội Tân Trào và đứng tên trong danh sách

chính phủ Cách mạng lâm thời. Và cuối cùng là trưởng ban tổ chức ngày Đại lễ của Đất nước: 2-9-1945.

Cách đây khoảng mười lăm năm, anh từ cao nguyên Hà Giang trở về, tá túc tại quê nhà. Hằng năm vào dịp giáp Tết lại thấy anh đáo lên Hà Nội trên chiếc xe đạp thiếu nhi Liên Xô (cũ). Anh mang đến cho mấy bạn cũ mỗi người một cân gạo nếp. Một lần tôi cũng được anh cho một cân. Tôi cảm động và ngạc nhiên hỏi anh: "Anh kiếm đâu ra gạo nếp mà cho chúng em thế?" Anh cười: "Mình sống ở nông thôn cũng phong lưu ra phết. Không những có gạo nếp biếu bạn lại có cả thóc và rơm cho nông dân vay." "Hiện nay anh đang làm gì dưới đó?" "Mình nghiên cứu Lão Trang và dịch lại cuốn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Liên Xô qua bản tiếng Pháp. Đối chiếu, thấy bản dịch đã in sai nhiều quá."

Hai năm trở lại đây không thấy anh lên Hà Nội nữa. Mấy anh em quen cũ chúng tôi lo lắng hỏi nhau: "Không biết anh Đang có gặp chuyện gì trắc trở dưới đó?"

Nỗi lo lắng này thường xuyên ám ảnh tôi. Nhân thể muốn tìm hiểu về công trình Lễ đài Độc Lập, năm đó tôi nhất quyết phải về quê thăm anh, mặc dầu đã gần giáp Tết. Tôi nói khó với vợ: "Em bớt cho anh một phần lương hưu tháng này, lấy tiền tàu xe, ăn đường, về Thái Bình tìm thăm anh Đang..." "Nhưng tết nhất đến nơi rồi, chờ ra giêng anh đi có được không?" "Anh bỗng nhiên thấy nóng ruột quá... đợi đến ra giêng e chậm mất. Anh Đang đã gần tuổi tám mươi, mà lại một thân một mình..." "Anh có địa chỉ của anh Đang không?" "Anh chỉ biết anh ở Thái Bình, địa chỉ cụ thể thì không biết." "Cả tỉnh Thái Bình rộng mênh mông với hơn hai triệu dân, không có địa chỉ cụ thể làm sao anh tìm được?" "Trời đất! Một người như anh Nguyễn Hữu Đang thì anh tin rằng về dưới đó hỏi đứa con nít nó cũng biết." Vợ tôi đành trao cho tôi một nửa số tiền lương hưu tháng cuối năm vừa lĩnh, với vẻ mặt nhẫn nhịn của người vợ phải trao cả một nửa sản nghiệp cho chồng tiêu hoang vào việc không đâu! Tôi nhét vội mấy tờ giấy bạc vào túi, nhảy lên xe đạp, cắm đầu chạy thẳng ra ga vì sợ vợ thay đổi ý kiến.

Vừa đi tàu, vừa ô-tô, xe đạp, sáng 26 Tết tôi có mặt ở thị xã Thái Bình. Để đỡ bớt thì giờ tìm kiếm, tôi hỏi đường đến Sở Văn Hóa và Hội Văn Nghệ tỉnh, hỏi địa chỉ của anh. Tôi thực sự ngạc nhiên khi thấy nhiều anh chị em cán bộ ở hai cơ quan này không biết Nguyễn Hữu Đang là ai. Có vài người biết nhưng lại rất lơ mơ. "Hình như ông ta ở Quỳnh Phụ, Kiến Xương hay Tiền Hải gì đó." Ở Hội Văn Nghệ tỉnh tôi làm quen được với một nhà thơ trẻ. Khi biết rõ ý

VÕ DOÃN NHẪN

SỐNG, CHẾT

Giã biệt cung trời về ngục đất
Trầm mình suối lửa gọi tên ta
Non cao tuyết trải quanh bờ vực
Nuốt chửng hồn người đội lốt ma.

Hết ngủ nằm nghe trong vắng lạnh
Giọng mình hay tiếng của đêm đen?
Đường về cõi chết chừng bao dặm
Mà giữa hoàng hôn đợi nắng lên?

Đứng giữa hoàng hôn đợi nắng lên
Tà dương cứ ngỡ ánh bình minh
Sao hôm lặn ngỡ sao mai mọc
Cát bụi người về nát tuổi tên.

Đường về xứ chết chừng bao dặm
Nắng đã lên bừng sáng lối đi
Có chắc nông sâu vùi một nấm
Đời chưa thấu, thấu lẽ huyền vi!

Giọng mình hay tiếng của đêm đen?
Tiếng của đêm trường vốn đã quen
Giọng của mình ôi sao quái lạ
Thôi đành nhắn gió gọi tên em.

Hết ngủ nằm nghe trong vắng lạnh
Tim mình đập nhịp thuở đôi mươi
Dù ta đến tuổi "tri thiên mệnh"
Sợ chết nên chưa hiểu lý trời.

Xuân 94

định của tôi, anh hăng hái nói: "Cháu sẽ đưa chú ra cái quán thịt chó nổi tiếng, ở đó thường có mấy anh cán bộ về hưu trạc tuổi chú lui tới, hỏi thế nào cũng có người biết". Tôi theo anh bạn thơ trẻ ra quán thịt chó, và phải cắn răng lại vì số tiền còm cõi trong túi, gọi một đĩa thịt luộc và hai chén rượu cho phải phép. Đợi chừng nửa tiếng, có một người đã đứng tuổi để chiếc xe "cúp" trước cửa, đi vào quán. Nhà thơ trẻ đứng bật dậy, nói khẽ với tôi: "Ông này ở cơ quan an ninh tỉnh, hỏi chắc ông biết." Tôi vội níu tay anh lại, dặn nhỏ: "Cậu nhớ đừng giới thiệu mình là ai, sẽ rách việc!" "Biết rồi, biết rồi, chú không phải dặn." Anh bạn trẻ đi đến gặp ông ta, nói cái gì đó và chỉ tay về phía tôi. Anh cán bộ an ninh tươi cười bắt tay tôi, ngồi đối diện và niềm nở hỏi: "Xin lỗi cụ, năm nay cụ hưởng thọ được bao nhiêu tuổi ạ?" Tôi đoán chắc anh ta thấy tôi ăn vận nhếch nhác - áo quần bà ba nâu, chân dép lốp, râu tóc bạc trắng, nên hỏi vậy. Tôi liền nói phứa lên: " Cám ơn đồng chí — tôi cười — cũng thất thập cổ lai hi rồi đồng chí ạ." "Trước cụ có làm công tác ở đâu không ạ?" "Tôi làm thường trực cho một cơ quan thương nghiệp trên Hà Nội... về hưu đã gần được chục năm rồi." "Cụ là thế nào với ông Nguyễn Hữu Đang ạ?" "Tôi có quen biết gì với ông ta đâu. Thậm chí cũng chưa biết mặt. Chẳng là ở tổ hưu của tôi có một cụ nghe đâu hồi bí mật cùng hoạt động với ông ta. Biết tin tôi về thăm đứa cháu họ công tác giáo viên ở Quỳnh Côi, ông cụ gửi tôi mười ngàn bạc gửi biếu ông ấy, mà giao hẹn phải đưa tận tay. Tôi tưởng ông ấy ở thị xã, hỏi loanh quanh mãi không ai biết..." Anh cán bộ cười: "Ông ấy đâu có ở thị xã. Hiện ông ấy đang ở thôn Trà Vy, xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, cách đây gần hai chục cây số. Ngược gió này mà cụ đạp xe về tới đó cũng vất vả đấy..." Thấy tôi chăm chú lắng nghe, anh cán bộ trở nên cởi mở: "Nói để cụ biết, trước kia cái ông Đang ấy cũng là người hoạt động cách mạng có tên tuổi... Nhưng rồi ông ta giở chứng, làm báo làm văn chống đối đảng và nhà nước, bị xử phạt 15 năm tù ngồi, đưa lên giam trên trại tù ở Hà Giang. Mãn hạn tù, ông ta xin về cư trú tại quê quán. Tuy vậy, ông ta vẫn thuộc diện đối tượng... Cách đây mấy năm, ông ta lén sang Nam Định không có giấy đi đường, đến nhà một đối tượng mà công an đang theo dõi. Công an hai tỉnh liền phối hợp, hỏi giấy tờ đi đường của cụ, rồi bắt giam giữ bốn tháng ở nhà lao hai tỉnh để cảnh cáo, và tổ chức khám nhà. Sau đó thả cho về..." Tôi tỏ ý sợ hãi, gãi đầu gãi tai: "Chà... biết rắc rối thế này thì tôi chẳng gặp ông ấy nữa... đem tiền về trả lại thôi..." Anh cán bộ xuề xòa: "Không sao đâu, cụ ạ, chính sách của ta bây giờ là đổi mới tư duy. Nghe đâu ở trên cũng đang sửa soạn cho ông ấy được hưởng lương hưu. Nếu cụ muốn về thăm ông ấy, cứ việc về. Tôi chỉ đường cho cụ." Anh cán bộ chấm ngón tay vào ly rượu, vẽ lên mặt bàn, chỉ vẽ cho tôi rất cặn kẽ con đường từ thị xã về chỗ anh Đang tá túc. Tôi đứng lên rối rít cảm ơn anh...

Con đường đá mười mấy cây số chi chít ổ gà. Gió cuối đông buốt như kim châm táp thẳng vào mặt. Nhưng vừa đạp xe tôi vừa nghĩ ngợi miên man về sự thăng trầm của những kiếp người tình nguyện dấn thân vì nghĩa lớn, nên con đường như cũng bớt xa... Đến chỗ ngã ba rẽ vào trường phổ thông cấp I, II xã Vũ Công - nơi anh Đang tá túc - tôi vào cái quán bên đường, uống ly rượu cho ấm bụng. Ông cụ chủ quán khi biết tôi từ Hà Nội về tìm thăm anh Đang, rót rượu mời tôi và nói: "Ông ấy thỉnh thoảng vẫn ngang qua đây, tôi đều mời vào uống nước. Ông ấy tằn tiện khét tiếng cái xã Vũ Công này. Mới cách đây dăm hôm, ông ấy đèo sau xe cái giỏ tre ràng buộc rất kỹ. Ông ấy kể với tôi, tối qua bắt được con rắn gì dữ lắm, phun phì phì, bò vào nhà. Định làm thịt ăn nhưng tiếc, chở lên huyện bán cho một tay buôn rắn độc, kiếm lấy mấy nghìn mua mấy lạng mỡ lá... Vui thật! Tôi có người bạn làm thơ tên là Tuấn Nguyễn, chết lâu rồi, làm câu thơ mới nghe thật vô nghĩa, nhưng cứ bất chợt lại hiện ra trong trí nhớ tôi: "*Cuộc đời vui quá không buồn được!*" Ông chủ quán rót thêm ly rượu nữa, giọng hào hiệp: "Ly này tôi đãi cụ! Mà khổ, ông ấy có bán được đâu. Chiều tối ông ấy đạp xe về, phàn nàn: "Nó không chịu mua nó bảo loại rắn này không nằm trong bộ Tam xà!" Tôi cười ngất.

Anh Đang ở gian đầu hồi cái nhà bếp của khu tập thể giáo viên, trước mặt là ao cá Bác Hồ của xã. Đứng bên kia bờ ao, một cô giáo chỉ cho tôi: "Bác ấy đang ngồi ở bậc cầu ao kia kìa! Đang cọ rửa cái gì mà chăm chú thế không biết..." Tôi dắt xe đạp qua sân trường, vòng ra gần sát sau lưng anh. Anh đang dùng nắm rơm cọ rửa những viên gạch vỡ đôi, xếp thành chồng cao gần chỗ ngồi. Tôi đứng lặng nhìn anh. Đầu anh đội cái mũ cối méo mó, khoác cái ruột áo bông thủng be bét, quần lao động màu cháo lòng, hai ống chân ôm vòng hai dây cao su đen nom như hai vòng cùm sắt, chắc hẳn để nhét hai ống quần vào đó chống rét, lưng anh khòng xuống hình chữ C viết nghiêng... Tôi chợt nhớ cách đây không lâu, tôi được nghe những người cùng thời với anh kể: Hồi Mặt Trận Bình Dân, Nguyễn Hữu Đang là cán bộ đảng được cử ra hoạt động công khai, ăn vận sang trọng như một công tử loại một của Hà Thành, thắt cà-vạt đỏ chói, đi khắp Trung Nam Bắc diễn thuyết, oai phong, hùng biện, tuyên truyền cách mạng... Mỗi lần cách mạng cần tiền để hoạt động, Nguyễn Hữu Đang có thể đến bất cứ một nhà tư sản Hà Nội nào giàu có, vay vàng, tiền. Mà những người này trao vàng, tiền cho anh đều không đòi hỏi một thứ giấy tờ gì, vì họ tin sâu sắc rằng trao vàng, tiền cho anh, là trao tận tay cho Cách Mạng... Và bây giờ anh ngồi đó, gần tám chục tuổi, không vợ không con, không cửa không nhà, lưng khòng chữ C viết nghiêng, tỉ mỉ cọ rửa những viên gạch vỡ — chẳng hiểu để

làm gì — như người bố già trong truyện Hương cuội của Nguyễn Tuân cọ rửa những viên cuội trắng để tẩm kẹo mạch nha vào dịp tất niên... Miên man nghĩ vậy và tôi bật phì cười.

"Anh Đang!" Tôi nghẹn ngào gọi. Anh quay lại, chớp chớp mắt nhìn tôi rất lâu. Gương mặt già nua với mái tóc bạc húi cao, cằm mép lốm đốm những chân râu hạt vừng, vụt rạng rỡ hẳn lên. Anh cười để lộ hai hàm răng vàng xỉn, cùn mòn gần nửa vì năm tháng... "Phùng Quán! chú về đây từ lúc nào thế?" Hai anh em chúng tôi ôm chặt nhau giữa bậc cầu ao. Và cả hai gương mặt già nua phút chốc đẫm lệ...

Cái chái bếp căn hộ độc thân của anh rộng khoảng năm mét vuông, chất kín những tư trang, đồ đạc. Mấy cây sào ngọn tre gác dọc ngang sát mái, trên vắt cả chục cái khăn mặt rách xơ như giẻ lau bát, áo may-ô thủng nát, quần lao động vá víu, cạp quần đeo lủng lẳng một chùm lục lạc làm bằng vỏ hộp dầu cao Sao Vàng xuyên thủng, buộc dây thép, bên trong có hòn sỏi nhỏ. Đụng vào chùm lục lạc rung lên leng keng nghe rất vui tai. Sau đó tôi được anh giải thích tác dụng của chùm lục lạc: Đi lại trong đường làng những đêm tối trời, anh thường bị cánh thanh niên đi xe đạp, xe máy phóng ẩu đâm sầm vào, làm anh ngã trẹo tay, sầy gối. Học tập sáng kiến của đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc, treo mõ vào cổ trâu, — "trâu gõ mõ, chó leo thang" — anh Đang chế chùm lục lạc đeo vào cạp quần, báo hiệu có người để họ tránh xa. Tác dụng thứ hai quan trọng không kém... Mỗi lần đạp xe trên đường vắng, nghe tiếng lục lạc loong coong ngang thắt lưng, tự nhiên cảm thấy đỡ đơn độc...

Chính giữa gian chái kê chiếc tủ gỗ tạp nhỏ, hai cánh mọt ruỗng không khép kín được, khóa một chiếc khóa lớn như khóa cửa nhà kho. Trên nóc tủ xếp một chồng mũ cối, mũ vải, mũ lá mà ở Hà Nội người ta thường quẳng vào các đống rác. Cạnh tủ là một cái giường cá nhân, bốn chân giường được thống cố thêm bốn chồng gạch. Trên giường một đống chăn bông trần rách thủng, và một xấp áo quần cũ làm gối... sát chân giường kê chiếc bàn xiêu vẹo chỉ có hai chân, hai chân kia được thay bằng hai sợi giây thép buộc treo vào tường. Mặt bàn lát bằng nan tre. Anh nói giọng Lão Trang: "Một cái bàn bốn chân là một con vật. Khi nó chỉ còn lại hai chân nó thành một con người." Trên mặt bàn xếp kín những chai lọ, vỏ đồ hộp, hai cái đèn dầu làm bằng lọ mực Cửu Long, vài con dao làm bằng mẩu lưỡi liềm gẫy, và ba bốn cái bát hương, nắp đậy là những viên gạch vỡ. Anh chỉ nắp đậy, giới thiệu với giọng trang trọng của thuyết minh viên giới thiệu hiện vật trong các bảo tàng nghệ thuật: "Nó là loại gạch nung rất già, gần đạt tới tiêu chuẩn của sành sứ cổ. Sức nặng và độ bền của nó làm các loại chuột, mối, dán phải vị nể". Bây giờ thì tôi đã hiểu anh cọ rửa những viên gạch vỡ để làm gì.

Dưới gầm bàn là mấy chục đôi dép cao su hư nát, đứt quai được bó thành từng bó, hai cái vại muối dưa rạn nứt, sứt miệng, một đống bản lề cửa, sắt vụn, đinh còng queo, mẩu dây thép han rỉ... Tất cả những đồ lề đó, phủ lên một lượt bụi tro...

Lúc tôi bước vào, gian buồng mờ mịt khói. Anh giải thích: "Giờ này các cô giáo nấu ăn. Bếp tập thể ở sát bên kia tường. Tôi đã trộn rơm với bùn trát những khe hở sát mái, nhưng khói vẫn cứ lọt sang — anh cười — chịu khói một chút nhưng cũng có cái lợi. Thỉnh thoảng lại ngửi được mùi xào nấu lẫn với khói, cái mũi được bồi dưỡng... Trong việc dở nào cũng có việc hay và ngược lại."

"Để em đạp xe ra chợ mua cái gì về ăn..." "Thôi khỏi cần. Chú về chơi hôm nay là rất gặp may. Sáng nay tôi vừa chế biến được một mẻ thức ăn, ngon vô địch. Chú nếm rồi sẽ biết. Cơm cũng có sẵn rồi. Tôi mới nấu lúc sáng, ủ vào lồng ủ rơm, còn nóng nguyên. À, tôi lại có cả rượu cho chú, rượu cam xuất khẩu hẳn hoi, quà của Hội Nhà Văn, gửi biếu vào dịp Tết năm ngoái... Tôi chỉ mới mời mấy thầy giáo mấy chén, còn đủ sức cho chú say sưa suốt mấy ngày ở chơi." Anh xăng xái lấy chùm chìa khóa buộc chung với chùm lục lạc, mở khóa tủ tìm chai rượu. Tôi liếc mắt nhìn vào mấy ngăn tủ. Những xấp quần áo cũ nát để lẫn với những chồng báo, giấy má, sách ố vàng. Ngăn dưới cùng để rất nhiều chai lọ, vỏ đồ hộp, vỏ bia lon, và nhiều chồng các loại vỏ bao thuốc lá.

Anh lúi húi lục một lúc khá lâu mới lôi ra được chai rượu cam còn già nửa. "Đây rồi!

LÊ N. KHÁI

CỔ THI

Thế kỷ Hai Mươi đã sắp tàn!
Buồn không phải bọt, dễ chi tan?
Ai bày nông nỗi câu tang hải
Lòng nguyện tròn chăng chữ đá vàng?
Khi bỏ quê đi: đầu tóc biếc
Lúc về thăm lại: trán da nhăn!
Trẻ con chắc sẽ chu mồm hỏi:
Bác có phải là Dân Việt Nam?

Bây giờ già hóa lẩm cẩm. Để chỗ này lại tìm sang chỗ kia." Tôi cười, nói: "Nhìn anh, em cứ tưởng là một nhà quý tộc Nga thời Sa Hoàng, tự tay tìm chọn loại rượu quý cất giữ một trăm năm trong hầm rượu, để đãi khách quý." Tôi chỉ những chồng vỏ bao thuốc lá, hỏi: "Anh chơi sưu tập vỏ bao thuốc lá à? Thế mà em không biết. Trên nhà em, các bạn đến chơi, hút thuốc lá ngoại hảo hạng, vỏ bao vứt lung tung. Vợ em ngày nào cũng cằn nhằn vì phải dọn nhặt đem đốt." Anh kêu lên: "Thế có tiếc không. Lần này chú về trên đó nhớ dặn cô ấy, có vỏ bao thuốc lá ngoại cứ cất giữ cho anh Đang, càng nhiều càng tốt. Đó là hàng đối lưu của tôi đấy..." "Hàng đối lưu?" Tôi ngạc nhiên hỏi. "Để tôi dọn cơm ăn rồi tôi giảng cho chú nghe thế nào là hàng đối lưu. Tôi xem ra chú mù tịt về môn kinh tế chính trị học."

Tôi ngắm nhìn bao quát căn hộ độc thân đầy khói của anh, hỏi: "Hơn mười lăm năm qua anh vẫn sống ở gian buồng này à?" "Ngày tôi mới về xã, tôi sống ở trại lợn của hợp tác xã. Chẳng là cán bộ xã cũng thông cảm hoàn cảnh khó khăn cuả tôi, nên đề nghị tôi ra đó trông coi giúp như nhân viên thường trực của trại. Ở đó có một gian nhà kho cũng thoáng mát, tôi có thể ăn ở, đọc sách, viết lách kết hợp với việc trông coi trại. Mỗi mùa hợp tác xã trả công điểm mấy chục cân thóc, mấy chục cân rơm, làm chất đốt. Số thóc, rơm này, tôi không phải dùng đến, trong mấy năm tiết kiệm được hai tạ ba thóc, hai trăm sáu chục cân rơm cho bà con vay. Ngoài ra, vào dịp Tết hợp tác xã bồi dưỡng thêm ít thóc nếp, đem lên Hà Nội biếu các chú. Khi tôi bắt tay vào việc dịch thuật lại cuốn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Liên Xô, tiếng lợn kêu ầm ĩ quá, làm tôi mất tập trung tư tưởng, nên phải xin thôi công việc trông coi trại, chuyển về đây để được yên tĩnh hơn."

Anh lôi dưới gầm giường ra một cái xô tôn thủng đáy, đặt lên miệng xô tấm gỗ dán: "Đây là bàn ăn — anh giới thiệu, và vẫn tiếp ra hai cái vại muối dưa sứt miệng — còn đây là ghế ngồi. Bà con nông dân nghèo mà phí phạm thế đấy. Hai cái vại còn tốt thế này mà đem quẳng bụi tre... Tôi nhặt về cọ rửa sạch sẽ, lật đít lên, làm thành cái ghế ngồi vừa vững chãi lại vừa mát. Chú ngồi thử mà xem, có khác gì ngồi trên đôn sứ đời Minh." Anh dọn ra hai cái đĩa, rồi chọn trong hai cái bát hương đậy viên gạch vỡ gắp ra năm, sáu viên gì đó tròn tròn, đen xỉn, nom rất khả nghi. Anh chỉ vào mỗi đĩa, giới thiệu thực đơn đãi khách: "Đây là chả thịt cóc băm viên. Đây là chả thịt nhái... có cả mỳ chính, hạt tiêu nhá! Mười mấy năm nay nhờ bồi dưỡng thường xuyên hai thứ đặc sản này mà tôi rất khỏe, còn khỏe hơn cả chú." Anh nhắc trong cái rổ phủ đầy rơm để ở góc nhà, xoong cơm đã ăn một góc mà anh giới thiệu vẫn nóng nguyên. Nói đúng hơn là một thứ cháo rất đặc, có thể xắn thành từng miếng như bánh đúc: "Ba năm trở lại đây tôi phải ăn cơm nhão, nếu ăn cơm khô thì bị nghẹn. Tôi nấu cơm với nước vo gạo nên rất bổ. Chẳng là các cô giáo thường đổ phí nước vo gạo. Tôi đưa cho các cô cái chậu, dặn đổ nước vo gạo vào đấy cho tôi, để tôi chắt ra nấu lẫn với cơm. Tinh túy cuả gạo nằm trong nước vo, bỏ đi thật phí phạm." "Nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng được thường xuyên thế?" — tôi hỏi. "Ấy, chỗ này mới là bí quyết. Phải huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vỏ bao thuốc lá, nhất các loại vỏ bao đẹp, mỗi lần lên thị xã hoặc sang Nam Định chơi, tôi nhặt nhạnh về, đổi cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng đề ra tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vỏ bao ba số đổi ba con cóc hoặc năm con nhái, các loại khác hai cóc, ba nhái. Bởi vậy tôi mới gọi nó là hàng đối lưu, chú hiểu chưa... Mỗi tháng tôi chỉ cần ba bốn chục cái vỏ bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà là loại đạm cao cấp... Hôm nào chú về tôi gởi biếu cô, chú Cung, mỗi nhà mấy viên nếm thử. Cô chú ăn thịt cóc của tôi rồi sẽ thấy các thứ thịt khác đều nhạt hoét!"

Anh rót rượu, chọn gắp viên chả cóc, nhái bỏ vào bát cho tôi, ân cần, âu yếm, trang trọng, làm tôi ứa nước mắt. Anh hỏi: "Chú đi đâu mà lại lặn lội về tận đây, vào lúc Tết nhất sắp đến nơi?" "Em về đây chỉ một mục đích là thăm anh. Hơn hai năm nay không thấy anh lên Hà Nội, chúng em rất lo. Không biết anh đau ốm gì, liệu anh có còn sống không? Về đây thấy anh vẫn khỏe mạnh, em rất mừng... Anh là nhân chứng của một quá khứ hào hùng của đất nước. Nếu anh chết đi, tàn lụi như cỏ cây, không nhắn gửi gì lại cho các thế hệ sinh sau, theo em là một tổn thất lớn không gì bù đắp được..." Tôi lấy đưa anh xem một số tư liệu liên quan đến ngày 2-9-1945, vừa sao chụp được: "Từ lâu, em vẫn mơ ước viết một cái gì đó, một thiên trường ca chẳng hạn, về công trình lễ đài độc lập, thật tráng lệ, thật hào hùng... Anh là trưởng ban tổ chức Ngày Độc Lập như trong tư liệu hiện còn lưu giữ được. Em muốn được tận tai nghe anh kể lại những kỷ niệm, những hồi ức mà anh cho là sâu sắc nhất... mà nếu anh không dùng đến thì cho em xin..."

Anh im lặng rất lâu, dùng đũa tém lại những mảnh vụn thịt cóc, nhái trong đĩa, gắp bỏ vào bát mình những mảnh khác rớt xuống mâm ván. Anh chăm chú nhìn vào cái đĩa đã tóm gọn, như đang gắng đọc những hồi ức in lại trong lớp men sành... Anh chợt nói, mắt vẫn không rời cái đĩa:

"Thấp thoáng thế mà đã bốn mươi bảy năm trôi qua... — anh chợt nói — tôi còn nhớ như in ngày hôm đó là ngày 28 tháng 8... Tại sao tôi nhớ, vì đó là thời khắc lịch sử phải được tính từng phút một... Năm đó tôi bước vào cái tuổi băm ba. Chính phủ cách mạng lâm thời họp phiên cuối cùng tại Bắc Bộ Phủ để quyết định ngày lễ ra mắt quốc dân đồng bào... Hôm đó, tôi có việc cần giải quyết gấp, nên đến nơi thì phiên họp vừa giải tán. Vừa bước lên mấy bậc thềm thì thấy cụ Nguyễn văn Tố từ trong phòng

họp đi ra. Cụ mừng rỡ, chụp lấy tay tôi, nói: "Anh vào ngay đi, cụ Hồ đang ngồi đợi anh trong đó." Tôi theo cụ Tố vào phòng họp. Đó là lần đầu tiên tôi được gặp mặt ông cụ. Ông cụ ngồi ở ghế tựa, mặc bộ áo quần chàm, tay chống lên ba-toong. Cụ Tố kéo tôi lại trước mặt cụ, giới thiệu: "Thưa cụ, đây là ông Nguyễn Hữu Đang, người mà phiên họp quyết định cử làm trưởng ban tổ chức ngày lễ." Cụ Hồ nhìn tôi một thoáng với cặp mắt rất sáng — cặp mắt mà về sau này nhân dân cả nước đồn rằng có bốn con ngươi — như muốn cân nhắc, đánh giá người mà cụ quyết định giao trọng trách. Cụ hỏi tôi với giọng Nghệ pha rất giống giọng cụ Phan Bội Châu mà có lần tôi đã được nghe: "Chính phủ lâm thời quyết định làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào vào ngày mồng hai tháng chín. Chú có đảm đương được việc tổ chức buổi lễ không?" Tôi tính rất nhanh trong đầu: Tháng 8 có 31 ngày, như vậy là chỉ còn có bốn ngày nữa thôi... Tôi suy nghĩ cân nhắc trong một phút. Hình dung ra tất cả những khó khăn như núi mà tôi phải vượt qua để tổ chức được một ngày đại lễ như vậy. Trong khi đó mình chỉ có hai bàn tay trắng. Tôi nói với cụ Hồ: "Thưa cụ, việc cụ giao là vô cùng quan trọng, mà thời gian lại quá gấp rút, nên con thấy rất khó"... Cụ Hồ liền cắt ngang: "Có khó mới phải cần đến chú!"

Kể đến đó anh Đang ngẩng phắt lên nhìn tôi. Vẻ già nua, cùng quẫn trên con người anh như được trút bỏ hết. Dáng dấp oai phong, khí phách của người chiến sĩ cách mạng luôn luôn đứng ở hàng xung kích lại hiện nguyên hình.

"Như chú biết đấy — giọng anh vụt trở nên sang sảng — tôi là một nhà tuyên truyền, động viên thiên hạ, chuyên nghiệp. Thế mà lần này tôi lại bị ông cụ động viên, động viên một cách tài tình, bằng một lời thật ngắn gọn, thật giản dị! Nghe ông cụ nói vậy lúc đó tôi thấy trong con người mình bừng bừng khí thế, muốn lập nên được những kỳ tích, những chiến công thật vang dội... Tôi nói với ông cụ: 'Thưa cụ, cụ đã dạy như vậy thì con xin nhận nhiệm vụ. Con xin hứa sẽ cố gắng hết sức để hoàn thành trọng trách.' Cụ Hồ đứng lên, bắt tay tôi, dáng bộ gương mặt nom rất vui vẻ, bằng lòng. 'Thế thì chú trở về bắt tay ngay vào việc tiến hành như thế nào.' Tôi chào cụ ra về, lòng rạo rực lâng lâng... nhưng khi vừa bước xuống hết những bậc thềm rộng thênh thang của Bắc Bộ Phủ, tôi chợt nghĩ ra một điều. Tôi liền quay trở lại phòng họp. Cụ Hồ vẫn còn đứng ở đó. Cụ hỏi ngay: 'Chú còn cần gì nữa?' 'Thưa cụ, — tôi nói — để hoàn thành được trọng trách, xin cụ trao cho con một cái quyền...' 'Quyền gì, chú cứ nói đi.' 'Thưa cụ, quyền được huy động tất cả những gì cần thiết cho việc tổ chức buổi lễ, về người cũng như về của...' 'Được, tôi trao cho chú cái quyền đó. Nếu ai hỏi huy động theo lệnh của ai, cho phép chú được trả lời: Theo lệnh của chủ tịch Hồ Chí Minh!'"

Công việc đầu tiên là tôi thảo một thông cáo ngắn gọn — anh gấp thêm mấy viên chả cóc trong bát hương bỏ ra đĩa rồi kể tiếp — nội dung như sau : Ngày 2 tháng 9 năm 1945, chính phủ cách mạng lâm thời sẽ làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào, tuyên ngôn Độc Lập tại vườn hoa Ba Đình. Đồng bào nào có nhiệt tâm, muốn góp sức, góp của vào việc tổ chức ngày lễ lịch sử trọng đại này, xin mời đến Hội Quán Trí Tri - Phố hàng Quạt gặp ban tổ chức. Thông cáo được gửi ngay đến tất cả các báo hằng ngày, yêu cầu đăng lên trang nhất, với hàng chữ tít thật lớn chạy hết trang báo. Năm giờ sáng báo phát hành, tám giờ người đã kéo đến vòng trong vòng ngoài chật Hội Quán. Người ghi tên vào các đội công tác, người góp tiền, góp vàng, góp vải vóc, gỗ ván. Nhiều người từ chối không lấy giấy biên nhận: "Biết bao nhiêu anh hùng liệt nữ góp xương máu cho nền độc lập, đâu có lấy giấy biên nhận." Họ nói vậy.

Tôi mời mọi người dự cuộc họp chớp nhoáng, và đưa ra ý kiến: "Việc cần thiết trước tiên là phải dựng một lễ đài Độc Lập thật đẹp, thật lớn, thật uy nghi, xứng đáng với ngày lịch sử trọng đại này tại trung tâm vườn hoa Ba Đình, để chính phủ Cách Mạng lâm thời đứng lên ra mắt. Vậy đồng bào nào hiện có mặt ở đây có thể đảm nhiệm trọng trách đó?" Một người trạc ngoài ba mươi tuổi, ăn mặc lối nghệ sĩ, đeo kính trắng, bước ra nói: "Tôi là họa sĩ Lê văn Đệ. Tôi xin tình nguyện nhận việc dựng Lễ Đài. Trưa nay tôi sẽ mang bản phác thảo Lễ Đài đến để Ban Tổ Chức xem xét." Tôi bắt tay họa sĩ nói: "Tôi được biết tên tuổi anh từ lâu và cũng nhiều lần được xem tranh của anh. Tôi xin thay mặt ban tổ chức hết sức hoan nghênh nhiệt tâm đóng góp của anh. Nhưng Lễ đài Độc lập là một công trình kiến trúc, tuy dựng gấp rút, tạm thời, nhưng phải đạt được những tiêu chuẩn không thể thiếu của nó như sự vững chắc, sự hài hòa công trình với tổng thể. Nói ví dụ nếu không vững chắc, mấy chục con người đứng lên, nó đổ sụp xuống thì ngày lễ coi như thất bại. Bởi vậy cần có một kiến trúc sư phối hợp với anh." Một người trẻ tuổi ăn vận chỉnh tề, từ trong đám đông bước ra tự giới thiệu: "Tôi là kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh, cùng hoạt động trong Hội Văn Hóa Cứu Quốc với anh Phạm Văn Khoa. Hôm qua tôi được anh Khoa cho biết ý đồ của ban tổ chức, tôi đã vẽ xong bản đề án thiết kế lễ đài." Anh Quỳnh trải rộng cuộn giấy can cầm sẵn trong tay lên mặt bàn. Đó chính là toàn cảnh lễ đài Độc Lập mà sau này chú được nhìn thấy in hình trên báo chí. Bản vẽ thật đẹp, thật chi tiết, tỉ mỉ... lễ đài với tổng thể vườn hoa Ba Đình, vị trí dựng lễ đài, chiều cao, chiều rộng, mặt bằng, mặt cắt ngang, cắt dọc lễ đài, độ lớn các xà gỗ, tổng diện tích mặt ván ốp lát, v.v... Sau khi nghe anh Quỳnh thuyết trình, tôi xem xét, cân nhắc rồi đặt bút ký duyệt vào bản thiết kế, đóng dấu ban tổ chức. Tôi nói với anh Lê Văn Đệ và anh Ngô Huy Quỳnh: "Ban tổ chức quyết định

giao công trình này cho hai anh. Anh Quỳnh phụ trách thiết kế, thi công, anh Đệ phụ trách trang trí. Hai anh cần bao nhiêu nguyên vật liệu, nhân công, anh Phạm Văn Khoa và đội công tác sẽ lo chạy đầy đủ. Hiện chúng tôi có một kho ba ngàn thước len đỏ, cần dùng bao nhiêu, các anh cứ lấy dùng. Đúng 5 giờ sáng ngày 2 tháng 9, tôi sẽ đến nghiệm thu lễ đài. Chúc các anh hoàn thành nhiệm vụ." (2)

Sáng ngày 31 tháng 8, tôi đến Bắc Bộ Phủ gặp cụ Hồ như cụ đã chỉ thị. Sau khi nghe tôi báo cáo ngắn gọn đầy đủ, về tất cả mọi việc có liên quan đến ngày lễ, cụ nói giọng hết sức nghiêm trang: "Chú phải nhớ ngày mồng hai tháng chín sắp tới sẽ là một ngày lịch sử. Đó là ngày khép lại cuộc cách mạng tháng Tám, và ngày khai sinh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa."

"Ông Đang ơi! Ông Đang!..." Tiếng con nít gọi nheo nhéo ngoài cửa, ngắt ngang câu chuyện của anh. Tôi nhìn ra thấy hai chú bé trạc 9, 10 tuổi, mỗi chú cầm một cành tre, đầu cành tre thõng thượt một con rắn nước, mình nhỏ bằng chuôi dao, đầu bị đập dập còn rỉ máu tươi. "Ông có đổi rắn nước không ạ?" Anh Đang bỏ bát đũa bước ra cửa, xem xét cẩn thận hai con rắn nước, rồi hỏi: "Các cháu định đổi như thế nào nào?" "Ông cho cháu mỗi con hai cái vỏ bao ba số." "Các chú đừng có giở thói bất chẹt! — giọng nói và dáng bộ của anh đã chuyển hẳn sang giọng của dịch vụ đổi chác — mỗi con rắn này chỉ giá trị bằng hai con cóc. Nhưng thôi thì ông đành chịu thiệt vậy, mỗi con một vỏ bao ba số, các chú có đổi thì đổi, không đổi thì thôi!" Hai chú bé ngần ngừ một lúc, rồi nói: "Chúng cháu đổi ạ." Anh quay vào mở khóa tủ, chọn lấy ra hai cái vỏ bao ba số, đưa cho mỗi chú một cái, và cầm lấy hai con rắn. Hai chú bé cũng xem xét hai cái vỏ bao cẩn thận không kém ông Đang xem xét hai con rắn. Một chú nói: "Ông đổi cho cháu cái vỏ bao khác, cái này bên trong không có tờ giấy vàng." Anh cầm cái vỏ bao xem lại, cười: "Được, ông sẽ đổi cho vỏ bao khác. Sau này chú mà làm cán bộ thu mua thì nhà nước sẽ không phải chịu thua thiệt."

Anh cầm hai con rắn bỏ vào cái rổ con ở góc nhà, mặt tươi hẳn lên, như người buôn bán vừa vớ được món hời: "Thịt rắn còn bổ hơn thịt cóc. Tối nay tôi sẽ đãi chú món rắn om riềng mẻ. Ăn vào chú sẽ thấy tăng lực gấp bội, có thể đạp xe một mạch lên đến bến phà Tân Đệ..."

Tôi ở lại chơi với anh Đang ba ngày, thuê một anh phó nháy ở xã trên xuống chụp mấy "pô" làm kỷ niệm. Bữa cơm tiễn tôi, anh có vẻ buồn. Vừa dùng đũa tém tém mấy khúc rắn om mặn chát nổi muối trong đĩa, anh vừa nói: "Hiện tôi đang cố gắng hoàn thành thiên hồi ký thuật lại tất cả những gì có liên quan đến thế sự, kể từ khi tôi bước chân vào con đường hoạt động cách mạng cho đến những năm tháng gần đây... Trong hồi ký, tôi sẽ đề cập đến những sự việc mà từ trước đến nay tôi chưa hề tiết lộ với ai. Ví dụ như bản thảo Bản Tuyên Ngôn Độc Lập cụ Hồ viết... còn hay mất, nếu còn thì bây giờ đang ở đâu. Hoặc cụ định sửa hai câu trong bản tuyên ngôn nhưng không kịp vì bản chính đã đưa in mất rồi. Là trưởng ban tổ chức ngày lễ, tôi phải phụ trách việc in ấn những tài liệu có liên quan đến vận mệnh đất nước này... Như chú biết đấy, hiện nay trong bảo tàng Hồ Chí Minh cũng như bảo tàng Lịch Sử không có bản thảo tuyên ngôn độc lập... tôi sợ sẽ làm không kịp mất, gần tám chục tuổi đầu rồi còn gì, mà lại không có điều kiện làm việc, ban đêm coi như chịu chết, đèn đóm tù mù, đúng là đóm thật..." Anh im lặng một lúc lâu, rồi ngẩng lên nhìn tôi, nói tiếp: "Chú có biết điều lo lắng nhất hiện nay của tôi là gì không? — không đợi tôi đoán, anh nói luôn — tôi lo nhất là không biết chết ở đâu. Lúc sống thì tôi ở nhờ nhà ai chẳng được, ở đây cũng như ở trên Hà Nội... Nhưng lúc chết thì người thân mấy cũng làm phiền người ta. Có ai muốn một người không phải ruột rà máu mủ lại nằm chết trong nhà mình? Ngay cả cái chái bếp này cũng vậy, tôi nằm chết sẽ làm phiền nhà trường, các thầy cô giáo, các cháu học sinh. Bởi vậy mà hai năm nay tôi không muốn lên Hà Nội. Ở đây, tại quê hương bản quán, tôi đã chọn sẵn chỗ để nằm chết... Chú ra đây tôi chỉ cho, đứng ở đây cũng nhìn thấy..."

Tôi theo anh ra đứng lên cái trụ xi-măng cầu ao cá. Gió mùa đông bắc lạnh thấu xương thổi thốc vào mặt hai anh em. Anh chỉ tay về phía một búi tre gần cuối xóm , đơn độc giữa cánh đồng, ngọn tre đang vật vã trong gió buốt: "Đấy, dưới chân búi tre ấy có một chỗ trũng nhưng bằng phẳng, phủ đầy lá tre rụng, rất vừa người tôi... tôi sẽ nằm ở đó chết để khỏi phải phiền ai... tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó trước khi nhắm mắt xuôi tay..."

Trở vào nhà, cả người tôi nổi gai, ớn lạnh, chắc là vì bị cảm lạnh. Tôi dốc hết rượu ra bát uống ực một hơi chống lạnh. Rượu vào lời ra, tôi cất tiếng ngâm mấy câu thơ của Phùng Cung gửi tôi mang về tặng anh:

Mặt ra giông chớp
Rạc mái phong lưu
Gớt nhọc men về thung cũ
Quỳ dưới chân quê
Trăm sự cúi đầu
Xin quê rộng lượng
Chút thổ phần bò xéo cuối thôn!... ■

Tháng 12-1992
PHÙNG QUÁN

(1) Thơ Tố Hữu

(2) Kiến Trúc Sư Ngô Huy Quỳnh sau này có thời làm thứ trưởng Bộ Xây Dựng. Họa sĩ Lê văn Đệ (theo tạp chí *Bách Khoa* Sài Gòn 1963) sang La Mã, được phong họa sư. Được chính Giáo Hoàng Pie XII trao cho việc trang hoàng điện Vatican.

KÝ

CHUYỆN MỘT CHUYẾN TRỞ VỀ

LÊ HOÀNG ÂN

Trong suốt cuộc đời, tôi luôn luôn yêu mến đất nước Việt Nam, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Thế nhưng nhiều lúc tôi cảm thấy tấm lòng thương mến dành cho quê hương vẫn thường mang đến cho tôi những nỗi khổ, vì sự hiểu lầm của nhiều người, nhất là những người Việt ở cả hai bên lằn ranh giới chính trị. Tuy nhiên, tấm chân tình của tôi dành cho Việt Nam sẽ không bao giờ lay chuyển nổi bất cứ mọi hành động thù nghịch nào, kể cả các biến cố vừa xảy ra cho tôi trong chuyến viếng thăm Việt Nam từ ngày 10 tháng Năm đến 3 tháng Sáu 1994 vừa qua. Trong chuyến đi đó, tôi đã bị cầm tù, đánh đập, tẩy não và nhốt vào bệnh viện tâm thần.

Tôi sinh ra ở Việt Nam và thoát được ra ngoài vào năm 14 tuổi sau 1975. Vì lớn lên trong hoàn cảnh khó khăn, tôi trở nên nhạy cảm đối với trẻ em và sự khổ cực của chúng. Trong thời gian gần đây, tôi làm việc nhiều trong lãnh vực thực hiện và phát hành phim tài liệu cùng với chương trình dành cho trẻ em. Tôi cũng là xướng ngôn viên của chương trình Vòng Quanh Thế Giới Nghệ Thuật trên đài Truyền Hình Little Saigon.

Tôi đã trở về Việt Nam với mục đích giúp thực hiện và giới thiệu những phim ảnh Việt Nam đến thị trường quốc tế và cũng để tìm hiểu thêm về đời sống của dân chúng Việt ngày nay. Tôi đã có cơ hội được gặp nhiều văn sĩ, họa sĩ, cùng với một số đạo diễn và chuyên viên hoạt động trong các ngành truyền hình và điện ảnh tại Việt Nam. Thời gian làm việc quá độ trong những ngày đầu ở Hà Nội đã làm cho đầu óc tôi căng thẳng.

Đến ngày 18 tháng Năm tôi vào Sàigòn, để tìm hiểu loại chương trình nào sẽ phù hợp với ý thích số đông khán giả tại đây, đồng thời có dịp xem lại những nơi mà tôi đã từng sống qua. Đây cũng là lúc mà tôi xúc động nhất về đời sống của thiếu niên tại Sàigòn.

Đêm đầu tiên ở Sàigòn, tôi tìm đến ngôi trường mà tôi đã từng học trước đây. Tại trường, tôi ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu, kể cả các biến cố đau thương nhất trong quá khứ. Sau đó, tôi đi trở về qua những con đường vắng và tình cờ gặp các trẻ em bán hàng rong. Chúng nó ốm yếu, xanh xao và rách rưới đến thảm thương. Nhiều đứa mời tôi mua các món rẻ tiền, thí dụ như những quả trứng cút luộc.

Tôi đã dừng lại để nói chuyện với một bé gái mồ côi chín tuổi và một bé gái bẩy tuổi. Sau đó, tôi hỏi thăm một bé trai sáu tuổi. Đứa bé trai này quá gầy yếu và chỉ có một cái răng trong miệng. Nó không biết cách hỏi khách mua hàng. Tôi đã ngồi xuống để trò chuyện với chúng nó, cùng với người mẹ của bé trai. Người đàn bà này cũng ốm yếu và rách rưới như đám trẻ nhỏ. Tôi hỏi đứa bé trai có mơ ước gì trong đời. Nó suy nghĩ một hồi lâu, rồi nói ước mơ có được một "cây đờn."

Lời của em bé đã khiến tôi xúc động. Tôi bỗng hiểu đứa bé có một ước mơ mà suốt đời không chắc nó sẽ được toại nguyện. Đứa bé này biểu tượng cho tất cả những em bé khác đang sống trong cùng cực và tuyệt vọng tại Việt Nam. Có lẽ vì thế mà tôi đã xúc động đến cực độ. Tôi vừa cảm thấy đau thương cho những đứa bé nghèo khổ, vừa tức giận vì sao chúng lại phải sống trong tình trạng như thế. Đêm hôm đó tôi tiếp tục lang thang trong đêm tối, chóng mặt trong bực tức vì không thể làm gì ngay tức khắc để chấm dứt tình trạng cực khổ của trẻ em Việt Nam.

Hai ngày hôm sau, tôi rời Sàigòn để về Hà Nội, nơi tôi phải tiếp tục công việc gặp gỡ những người mà tôi đã có hẹn trước. Hôm đó trời rất nóng, và tôi mặc áo thun trắng có in hàng chữ "Little Saigon Tet Festival" [Hội Tết Sàigòn Nhỏ] mà tôi mang về từ Hoa Kỳ. (Bây giờ tôi nghĩ lại có thể cán bộ công an cho rằng hàng chữ đó mang ý nghĩa chống Cộng đối với họ). Tôi mặc quần đùi, và trong lúc chờ đợi được đưa đến khách sạn, tôi đã bắt đầu chạy bộ chung quanh phi trường. Hành động của tôi khiến cho đám công an chú ý, và họ nhào đến bắt nhốt tôi để tra hỏi. Mỗi lần thấy đám công an đến lục soát hành lý của tôi, tìm tòi trong máy vi tính cá nhân mà tôi mang theo để làm việc, tôi cảm thấy bực tức cũng như bị sỉ nhục trước sự vô lý và nhất định tranh cãi với họ. Tôi la hét và đấm đá để chống lại. Và họ đánh đập tôi ngay từ lúc đó và nhiều lần sau nữa.

Trước đây, sau nhiều lần vượt biên và thoát ra được, tôi tự nghĩ mình là kẻ có thể sống sót được trong mọi hoàn cảnh. Trong suốt thời gian bị cầm giữ tại nhà giam chứa đầy miếng chai và vô cùng dơ bẩn, có lúc họ còng tay tôi cứng ngắc, xiết chặt vào xương đến thật đau đớn, mà vẫn không hề cho biết lý do hay tội danh của tôi. Cũng trong trại giam, cán bộ công an bắt tôi phải viết bản tự khai nhiều lần, chỉ cho ăn uống khi tôi kiệt sức, hăm dọa mạng sống và tìm cách khủng bố tinh thần của tôi.

Vào ngày 24 tháng Năm 1994, nhóm công an đưa tôi ra phi trường và nói rằng sẽ đưa tôi đến Quảng Châu bên Trung Cộng. Tôi thật sự sợ hãi cho tính mạng của mình, và khi thấy có những hành khách ngoại quốc, tôi tìm cách la hét bằng nhiều thứ tiếng, hy vọng tạo ra được sự chú ý. Thế nhưng bọn công an liền nhốt tôi lại và đưa tôi đến nhà thương điên Thường Tín ở Hà Tây, cách Hà Nội khoảng 15 cây số. Họ giữ tôi trong bệnh viện tâm thần và thường xuyên bắt tôi dùng thuốc an thần.

Đến lúc tôi vào nhà thương điên, gia đình tôi mới biết tin và liền tìm cách liên lạc với một

người bạn từ Quận Cam đang có mặt ở Việt Nam. Người bạn này sau đó tìm đến thương lượng với công an và họ đòi một số tiền lớn. Vì lo lắng cho tính mạng tôi, gia đình tôi chạy chọt được đầy đủ số tiền đòi hỏi và gửi về. Sau khi nhận được mấy ngàn Mỹ kim, cán bộ công an cho phép tôi ra khỏi nhà thương và về Hoa Kỳ.

Hiện nay tôi đang được bác sĩ chuyên môn chăm sóc sức khỏe, và tôi thường xuyên gặp hai bác sĩ tâm thần, để họ có thể theo dõi tình trạng khủng hoảng tinh thần của tôi. Mỗi đêm, tôi vẫn dùng thuốc an thần để nhắm mắt ngủ, nếu không, tôi sẽ thức suốt đêm với những hình ảnh kinh hoàng hiện về từ trại giam.

Gia đình tôi muốn không dính líu đến chính trị và mong muốn giữ kín câu chuyện bị nhốt tù của tôi. Tuy nhiên, sau nhiều ngày suy nghĩ kể từ khi về đến Mỹ, tôi tin rằng câu chuyện này cần phải được phổ biến cho những người khác biết. Tôi biết tôi không phải là người duy nhất từ ngoại quốc trở về Việt Nam để tìm cơ hội giúp đỡ xây dựng quê hương, và càng không phải chỉ có tôi bị công an cộng sản bắt bớ một cách vô lý để làm tiền. Đây là sự bóc lột và tham nhũng một cách trắng trợn.

Trong nhiều năm qua, tôi từng thành thật lên tiếng ủng hộ việc hàn gắn vết thương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, và tôi cũng tán thành việc bãi bỏ luật cấm vận. Lập trường của tôi về vấn đề này đã khiến cho nhiều người bôi nhọ cá nhân tôi, nói rằng tôi thân Cộng. Giờ đây, thật là mâu thuẫn, ở Việt Nam họ tố cáo tôi là gián điệp của nhóm chống Cộng cực đoan tại hải ngoại, và họ đã đánh đập và nhốt tôi vào tù. Tôi đã bị tấn công từ cả hai phía. Nhưng trong thâm tâm tôi, tôi chỉ đứng về phía nào có thể đưa đến sự chấm dứt hoàn cảnh khổ đau của dân tộc Việt Nam.

Tôi vẫn tin rằng sự hòa giải giữa đôi bên là cách duy nhất để hàn gắn vết thương Việt Nam, giúp cho đất nước thoát khỏi cảnh nghèo khó hiện nay. Tôi cũng tin rằng nhà cầm quyền Việt Nam phải thật sự cởi mở để tiến đến con đường dân chủ hóa đất nước, và đồng thời phải tôn trọng luật căn bản về nhân quyền, nếu họ muốn du khách và giới kinh doanh từ khắp thế giới đến Việt Nam.

Tôi cũng xin đặt các câu hỏi sau đây: Đối với nhà cầm quyền Việt Nam và những ai ủng hộ họ: Nếu quý vị tiếp tục nghi ngờ thực tâm của mọi người, xem ngoại kiều là kẻ thù hoặc gián điệp, thì làm sao người ngoại quốc có thể tin tưởng quý vị, để giúp Việt Nam thoát khỏi tình trạng nghèo khổ hiện nay? Quý vị có thật sự nghĩ rằng thái độ của quý vị sẽ giúp được Việt Nam? Đường lối thương lượng [móc ngoặc] và nạn tham nhũng một cách trắng trợn trong tất cả hạ tầng cơ sở có phải là chính sách của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tiến trình chuyển tiếp sang kinh tế thị trường?

Đối với những ai chống bang giao với Việt Nam: Quý vị có thật sự thấy được sự nghèo khó cùng cực của hầu hết dân chúng Việt Nam hiện nay chưa? Quý vị có thật sự tin rằng cấm bang giao với Việt Nam, cô lập quê hương của chúng ta giữa thế giới, không cho viện trợ và ảnh hưởng dân chủ từ bên ngoài vào, sẽ giúp cho Việt Nam thoát cảnh nghèo đói?

Đối với những ai thương mến Việt Nam: Liệu chúng ta có thể sẵn sàng lắng nghe và vẫn tôn trọng ý kiến khác biệt của nhau? Phải chăng như thế mới là dân chủ, và cũng là truyền thống của dân tộc Việt?■

tìm mua:

HOMELAND MIRRORED IN YOUR EYES

NHÌN NHAU CHỢT THẤY RA SÔNG NÚI

Du Tử Lê

• Qua bản dịch Anh Ngữ công phu của hai dịch giả:

PHẠM TRỌNG LỆ & LÊ TRỌNG HUẤN

• tuyên ngôn của những người không cần kiếp sau
• riêng biệt ly quá đỗi
• khỏa thân, đinh cường và niềm bí mật, gió
• nhan sắc người duy nhất một ngôi thôi
• biển, gương, seattle
• sao nửa đời đèo dốc vẫn vây quanh v.v...

HÀNH TINH QUANH SAO MẠCH ĐỘNG (*PULSAR*)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Từ khoảng một thế kỷ nay khi loài người đã biết vũ trụ là gì, phát triển ra sao, không ai còn nghĩ trái đất là "rốn" của vũ trụ nữa. Câu hỏi càng ngày càng khắc khoải đến với chúng ta là liệu ngoài loài người chúng ta, còn một loài thông minh nào khác sống trong vũ trụ này không.

Muốn trả lời câu hỏi này, cần phải nhận định rõ một điểm: sinh vật chỉ có thể sống trên các hành tinh quay xung quanh Mặt Trời. Hệ Mặt Trời của chúng ta gọi là Thái Dương Hệ gồm có chín hành tinh và cho đến nay, chúng ta chỉ biết chắc nhất có một hành tinh là Trái Đất có người ở.

Những ngôi sao sáng trong vũ trụ cũng là những Mặt Trời như Mặt Trời của chúng ta. Cố nhiên không có một thứ sinh vật nào sống trong các trái cầu lửa nóng hàng triệu độ như vậy. Bởi thế câu hỏi đặt ra là liệu các Mặt Trời ở xa đó có hành tinh hay không.

Tháng Tư vừa qua, các nhà thiên văn học trên thế giới rộn rã báo tin vui, họ đã khám phá một ngôi sao có hành tinh ở chòm sao Virgo ở cách xa Địa Cầu 700,000 tỷ dặm. Làm thế nào nhìn thấy hành tinh là những thiên thể không phát sáng ở cách xa muôn trùng như vậy.

Nhờ viễn vọng kính, các nhà thiên văn có thể nhìn hay chụp hình được những ngôi sao hay các chùm sao ở rất xa. Còn nói "nhìn" được hành tinh thì chẳng khác nào nói rằng ban đêm, mắt chúng ta có thể nhìn được một ngọn đèn cháy sáng ở cách xa mười dặm, nhưng nếu bảo thử cố nhìn xem có một con muỗi đang bay ở cạnh bóng đèn đó, thì chắc là chịu thua luôn.

Vậy mà các nhà thiên văn có thể "nhìn" được hành tinh ở xa. Chúng ta hãy thử đi vào kỹ thuật "nhìn" này, xem nó như thế nào.

Sao chết thành trung hòa tử

Hồi cuối tháng Tư vừa qua, tờ báo khoa học *Science* đăng một bản báo cáo có tính cách lịch sử, xác nhận đã có những bằng chứng không thể chối cãi rằng quả có ít nhất đến ba hành tinh quay xung quanh một ngôi sao "mạch động" ở chòm sao Virgo. Hai hành tinh lớn cũng bằng ba lần Địa Cầu, hành tinh thứ ba có lẽ chỉ nhỏ bằng Mặt Trăng.

Thế nào là một ngôi sao "mạch động" mà từ ngữ thiên văn học ngày nay gọi là *pulsar*?

Chúng ta đều biết các ngôi sao, kể cả ngôi sao Mặt Trời của chúng ta, đều có cuộc sống của nó: sinh ra, lớn lên, rồi già và chết. Một ngôi sao có nhiều cách chết: từ từ tắt ngủm như một người già chết yên ổn trên giường bệnh hay nổ tung mà chết như một chiến sĩ chết gục một cách oai hùng ở chiến trường. Những cái chết khác nhau đó chẳng phải vì số mạng đâu, mà chỉ vì một quy luật vật lý thân thể, tùy ở khối lượng, sức nóng và những vật chất "cháy" theo lối phản ứng hạt nhân trong các ngôi sao đó.

Cái chết của một ngôi sao nổ được gọi là "siêu sao mới" (*supernova*), bởi vì khi nổ sao lòe sáng gấp triệu lần sức sáng bình thường, nên "mắt trần" chúng ta tưởng là có sao sáng mới... "mọc".

Sau khi sao nổ rồi, nó sẽ ra sao?

Có hai cách biến dạng tùy theo khối lượng và năng lượng vụ nổ. Một là nó sẽ biến thành lỗ đen (*blackhole*). Hai là nó sẽ biến thành một ngôi sao trung hòa tử (*neutron star*).

Gọi là "sao" trung hòa tử thật ra cũng không đúng lắm, bởi vì đó là một thiên thể đã tắt ngúm, không còn cháy sáng như sao trên trời nữa. Sao tắt này có một thể chất rất lạ, nó bị co rút vào đến độ nhỏ xíu và đây là một thứ vật chất đặc, nặng lạ lùng, chỉ cần một mẩu của nó bằng cái muỗng múc canh cũng đã nặng hàng chục... triệu tấn rồi.

Ở đây chúng ta đành phải nhìn qua môn nguyên tử học một chút. Mọi vật chất ở trên đời này đều do nguyên tử tạo thành. Mà nguyên tử là gì? Đó là những trái cầu rỗng, hoặc đúng hơn, gần như rỗng.

Thí dụ nếu ta phóng đại một nguyên tử lớn bằng một sân banh *football* mà ta vẫn thấy trên màn ảnh tivi, thì ở giữa sân banh là một trái cầu nhỏ như một trái banh *tennis*, gọi là hạt nhân. Bao nhiêu sức nặng của nguyên tử (cả cái sân banh) đều nằm ở trái banh *tennis* này. Hạt nhân nguyên tử đều có các điện tử (*electron*) quay xung quanh. Thế cái điện tử đó ở đâu và nặng ra sao? Điện tử rất nhẹ, nó chỉ bằng 1 phần 1836 của hạt nhân nhỏ nhất là hạt *proton* của khinh khí. Và điện tử quay xung quanh ở khá xa, nếu trái banh *tennis* nằm

ở giữa sân thì điện tử chạy ở vòng ngoài sân banh ngay chỗ các khán giả ngồi xem. Còn lại là... rỗng không.

Bây giờ nếu tước bỏ các điện tử đi, dồn các hạt nhân (banh *tennis*) lại với nhau để nó khít bên nhau, tự nhiên mọi thứ vật chất trên đời này, kể cả hành tinh lẫn Mặt Trời, cái "khối" của chúng sẽ thu nhỏ lại, còn cái "lượng" của chúng vẫn y nguyên, bởi lẽ bao nhiêu sức nặng nằm trong "trái banh" hạt nhân. Do đó mỗi một muỗng canh vật chất nén đặc xệt này cũng nặng hàng triệu tấn.

Vậy tại sao gọi là "trung hòa tử"?

Nên nhớ hạt nhân nguyên tử mang dương điện, còn điện tử quay xung quanh mang âm điện. Bởi vậy nguyên tử là một vật quân bình về điện, âm dương bằng nhau. Bây giờ nếu tước bỏ điện tử (âm điện) đi, còn lại cái nhân cố nhiên là dương điện. Chúng ta đều biết theo điện học, âm đẩy âm, dương đẩy dương, chỗ có âm và dương khác giống mới hút nhau mà thôi. Vậy còn lại cái hạt nhân mang điện dương cùng một giống, làm sao nén chúng nó lại với nhau được?

Cũng may hạt nhân nguyên tử gồm hai loại vi hạt khác nhau. Một gọi là *proton,* mang dương điện, và một nữa gọi là *neutron*, không mang điện tích nào nên gọi là "trung hòa tử".

Những biến chuyển về các chu kỳ phản ứng hạt nhân và lực hấp dẫn của các ngôi sao sắp tắt đã biến tất cả các vi hạt *proton* thành ra trung hòa tử, nghĩa là vào lúc chót, ngôi sao chỉ còn là một thứ vật chất chỉ gồm các vi hạt không mang điện tích. Không có điện tích, cũng như các anh lại cái, không bị ảnh hưởng bởi luật đẩy âm dương, nên chúng tự do hút lại với nhau, nén chặt với nhau vì luật hấp dẫn, nên ngôi sao trở thành sao trung hòa tử.

Sao pulsar nghĩa là gì?

Sao trung hòa tử chính là sao mạch động vậy.

Nhưng tại sao gọi là "mạch động" *(pulsar)*, nó có mạch (*pulse*) hay sao mà động?

Lý do là ngôi sao nào thu nhỏ lại cũng xoay tròn, càng nhỏ càng xoay tròn nhanh. Đây là một luật cơ học rất thông thường trên cõi đời này, nếu có óc quan sát, ta sẽ thấy ngay. Gần đây, nhân dịp Thế vận hội mùa đông, chúng ta đã được xem những màn trình diễn rất ngoạn mục của môn vũ trên băng (*figure skating*) trên màn hình tivi. Trong các màn trình diễn, có một động tác rất khó là diễn viên đứng một chỗ và người xoay tròn như con quay... rất nhanh.

Chúng ta hãy chú ý: khi muốn quay thật nhanh, diễn viên phải thu cả hai tay lại, ấp tay vào ngực, chân cũng phải đứng xít lại chớ không được dạng ra. Nếu muốn quay chậm lại, diễn viên chỉ việc xòe cả hai cánh tay ra. Có nghĩa là muốn quay nhanh, bắt buộc phải thu nhỏ người lại. Đó là định luật vật lý cơ học rất thông thường vậy.

Một ngôi sao thu nhỏ lại cố nhiên cũng phải theo định luật đó. Khi nó thu nhỏ nó quay rất nhanh. Có những ngôi sao trung hòa tử quay nhanh đến độ mỗi giây đồng hồ, nó tự xoay tròn đến hơn 100 lần. Các nàng vận động

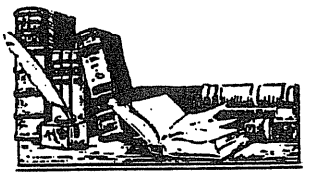

SỔ TAY

"Nước Mỹ đang bị dâm ô hóa!" Một nhà báo Mỹ than thở như vậy. "Dâm ô hóa" là một từ mới — pornographication — chưa có trong từ điển. Cũng giống như từ "vô lại hóa" (voyoucratisation) do Nguyễn Mạnh Tường đặt năm 1956 để chỉ tình trạng xã hội dưới sự cai trị của "chuyên chính vô sản." Không phải ngẫu nhiên mà một từ mới có thể xuất hiện. Nó thường là kết tinh của những chiêm nghiệm trong đời sống.

Nước Mỹ "dâm ô hóa" không phải chỉ trên màn ảnh lớn, màn ảnh nhỏ, trên các trang sách báo, qua điện thoại, máy điện toán, mà hầu như thấm vào mọi sinh hoạt, len vào mọi gia đình và leo suốt từ bậc thấp nhất của xã hội lên tới...tòa Bạch Ốc!

Ông Bill Clinton đang ở "ngôi cao," quyền uy tột đỉnh, nhưng ông gặp cái nạn phát xuất từ tình trạng "dâm ô hóa" của nước Mỹ, khiến ông vô cùng bối rối. Một cô nhân viên cũ của ông từ thời ông còn làm Thống đốc Tiểu bang Arkansas, tên là Paula Corbin Jones, đưa ông ra tòa về tội "sách nhiễu tình dục." Lời khai của một người đi kiện chưa thể là bản án, nhưng đó là một "tin." Tin này, bình thường có lẽ chỉ thuộc loại "xe cán chó," hoặc cùng lắm chỉ chạy tít lớn trên các báo "lá cải" (tabloid). Nếu như ở Pháp chẳng hạn, có thể chỉ có tờ "Con Vịt Buộc" (Le Canard Enchainé) khai thác để diễu vị nguyên thủ quốc gia. Còn báo chí và quần chúng Pháp coi đó là "tin vặt."

Nhưng cả nước Mỹ đang nhao lên vì cái tin "dâm ô" này. Vì cái tâm trạng (mood) của người Mỹ đang bị "dâm ô hóa." Sở dĩ người ta khai thác, để làm thành phong trào "dâm ô hóa" là vì nó đẻ ra tiền!

Cô Jones kiện ông Clinton đòi bồi thường 700 ngàn đô. Có thua kiện, cô cũng có thể kiếm hàng trăn ngàn nhờ bán các cuộc phỏng vấn, viết (có thợ viết thầu) sách, làm phim, v.v... Các luật sư cả bên nguyên lẫn bên bị đều lãnh những khoản luật sư phí với những khoản tiền ghi bằng sáu con số! Các đài truyền hình và các báo thì khai thác tin để có đông người xem, người đọc — từ đó có thêm quảng cáo.

Thấy mà ghê!

KÝ GIẢ

viên vũ trượt băng chắc phải thua xa.

Sự xoay tròn của các ngôi sao trung hòa tử đã đưa đến một hiện tượng gọi là mạch động.

Các sao trung hòa tử là sao "tự nén". Phàm vật gì nén chặt đều nóng, không thể cháy được, nhưng năng lượng của nó rất cao. Năng lượng cao tự nhiên phải bức xạ, nghĩa là những tia, không phải là những tia ánh sáng mà ta nhìn thấy, mà là những tia bức xạ cực mạnh, đặc biệt là tia cực tím và tia quang tuyến X. Như ta đã biết trong các phòng mạch của bác sĩ, tia quang tuyến X (để rọi phổi) là thứ tia vô hình nhưng nó xuyên thấu và rọi rất xa, mạnh hơn ánh sáng rất nhiều.

Mọi ngôi sao có khối lượng (*mass*) mạnh đều có từ trường. Chính từ trường ở các ngôi sao trung hòa tử này đã bắt buộc các tia quang tuyến X chỉ được phát ra ở hai đầu, như hai cái lỗ để phun ra bức xạ.

Khi ngôi sao trung hòa tử xoay tròn, tự nhiên hai cái nguồn phát ra tia X này cũng xoay, giống như một ngọn hải đăng, phát ra những làn ánh sáng lướt trên mặt biển để chỉ đường cho tàu biển chạy.

Từ gần ba mươi năm nay, các nhà thiên văn đã biết sao mạch động là cái gì. Những tia quang tuyến của sao trung hòa tử xoay tròn, đã quét trong vũ trụ những tia sáng của hải đăng quét trên mặt biển. Những tia đó quét qua Trái Đất, chạm vào ống kính của các thiên lý kính ở địa cầu.

Lúc đầu người ta không hiểu. Người ta không nhìn thấy "*pulsar*" vì nó tối om không phát sáng. Nhưng kỳ lạ thay, từ cái nguồn tối om đó lại phát ra những tia quang tuyến X rất đều đặn. Có nơi một giây đồng hồ lại thấy loáng qua một xung sóng tia X, có nơi vài ba giây một lần, có nơi một giây phát ra đến cả chục, cả trăm lần, rất đều, nhịp nhàng như hơi thở, đập đều đều như mạch máu, vì thế các nhà thiên văn mới gọi là sao mạch động (*pulsar*).

Cố nhiên cái xung sóng tia X đập vào các ống thiên lý kính rất đều vì các sao mạch động cũng quay tròn theo tốc độ rất đều, không tăng không giảm.

Hành tinh rất dễ thành hình

Năm 1992, hai nhà thiên văn là Wolszczan và Frail ở thiên văn đài vô tuyến tiểu bang New Mexico chuyên nghiên cứu về các loại sao mạch động, nhận thấy một sự lạ ở một *pulsar* trong chòm sao Virgo. Các tia X của sao này phát ra, có lúc như vướng phải một vật gì ở xung quanh ngôi sao. Sau nhiều ngày nghiên cứu, họ dự đoán rằng xung quanh *pulsar* này chắc phải có hành tinh xoay quanh, nên có lúc tia X phát ra đã chạm phải nó và để lại dấu ấn trên vô tuyến viễn vọng kính (*radio telescope*) của họ. Nên nhớ vô tuyến viễn vọng kính không phải để nhìn mà để "nghe" các bức xạ không phải là ánh sáng vọng đến Địa Cầu. Hai nhà bác học này đo các luồng tia X và cho rằng ít nhất cũng có hai "vật", tức là hai hành tinh xung quanh sao mạch động này. Họ liền loan báo cho giới thiên văn Trái Đất biết.

Thế là trong suốt hai năm qua, các đài vô tuyến thiên văn ở Trái Đất liền chĩa "ống nghe" vào đó, đo lường và nghiên cứu.

Đến nay, tất cả đều xác nhận quả là sao mạch động ở chòm Virgo có hành tinh, không phải hai mà có đến ba lận, và rất có thể còn nhiều hành tinh nhỏ nữa.

Tầm quan trọng của việc này thế nào?

Ông Stephen Thorsett, một nhà thiên văn của CalTech, (viện kỹ thuật học của California), một đại học kỹ thuật nổi tiếng ở Mỹ, nói rằng: "Sự kiện này chứng tỏ hành tinh rất dễ thành hình xung quanh các vì sao".

Theo các nhà khoa học, khi một ngôi sao thành hình, nghĩa là sao bắt đầu sinh ra, bắt buộc các chất bụi thừa ở xung quanh nó phải kết tụ lại thành các hành tinh. Khoảng hơn bốn tỷ năm trước đây, khi một đám tinh vân khổng lồ kết tụ lại để tạo ra Mặt Trời của chúng ta, những đám bụi vật chất dư thừa ở vòng ngoài cũng đã kết tụ lại thành chín hành tinh như ta thấy hiện nay.

Đó là nói về các ngôi sao còn cháy sáng. Khi ngôi sao nổ, lẽ tất nhiên các hành tinh xung quanh cũng hóa thành tro bụi hết.

Vậy mà khi sao chết, tắt ngúm, biến thành sao trung hòa tử mạch động rồi, các hành tinh vẫn kết tụ lại nữa. Trong một hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt như ở quanh một sao mạch động, luôn luôn xoay tròn với tốc độ ghê hồn, trong một vùng không gian hết sức hỗn loạn như vậy mà hành tinh vẫn kết tụ được, điều đó có nghĩa là bất cứ ngôi sao sáng an lành nào cũng đều có hành tinh hết.

Cố nhiên, các hành tinh ở xung quanh các sao mạch động đều không thể có sự sống, bởi vì luôn luôn bị các tia quang tuyến X rọi quét vào như vậy, sự sống nào tồn tại nổi. Tia X là tia xuyên phá vô cùng nguy hiểm cho sự sống, cho nên mỗi lần chiếu rọi tim phổi, các nhà y khoa chỉ dám sử dụng trong một thời gian rất ngắn là vài giây đồng hồ. Nếu để lâu sẽ gây nguy hiểm chết người.

Nhưng trong vũ trụ có biết bao ngôi sao sáng, không nguy hiểm như *pulsar*? Trong giải Ngân hà của chúng ta có đến bốn trăm tỷ ngôi sao sáng. Và trong vũ trụ có hàng trăm tỷ Thiên hà cũng giống như Ngân hà của chúng ta.

Chỉ một ngôi sao sáng đó cũng có thể có trên dưới mười hành tinh. Vậy trong muôn muôn tỷ tỷ hành tinh trong vũ trụ, lẽ nào không có một hành tinh có người như chúng ta?■

Khi chúng tôi đang viết bài này, có tin thiên văn kính quỹ đạo Hubble đã chụp hình được một "lỗ đen khổng lồ" trong giải Ngân hà M87, cách Địa Cầu lối 50 triệu năm ánh sáng. Trong số tới chúng tôi sẽ trở lại vấn đề lỗ đen và những khám phá mới nhất.

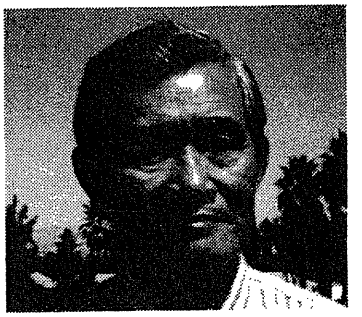

Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh

Một cách làm báo đứng đắn, chuyên nghiệp
mà ít tốn công sức, tiền bạc:

Hãy mua tin của

HÃNG TIN VAP

(VIETNAM ASSOCIATED PRESS)

- Đủ mọi loại tin tức: quốc tế, Việt Nam, cộng đồng, văn hoá, chính trị, xã hội...
- Cung ứng cho mọi loại báo: nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bản tin, đặc san, giai phẩm...

Liên lạc ngay:

VAP

(Giám đốc: HÀ TƯỜNG CÁT)

14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT (714) 892-9316; FAX (714) 897-0599

- Thay vì phải thuê phóng viên, phiên dịch viên, biên tập viên, người đánh máy, v.v..., mỗi tháng tốn cả ngàn đô la, mua tin của VAP chỉ tốn từ vài chục đến vài trăm!
- Tin được gửi tới quý vị bằng: bản in (print out), disket, fax, modem, E-mail — tuỳ quý vị chọn.

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to: THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

PROF. DOAN VIET HOAT IS SHACKLED AND ISOLATED

HUMAN RIGHTS WATCH/ASIA CALLS FOR ACCESS BY FAMILY

Vietnam authorities have shackled Dr. Doan Viet Hoat, transferred him for the fifth time since his 1993 conviction, placed him in disciplinary detention and barred his family from seeing him, according to Human Rights Watch/Asia, a human rights monitoring group.

Dr. Hoat, one of Vietnam's best-known political prisoners, was transferred after he and other political prisoners at the Ba Sao labor camp in Nam Ha province began a hunger-strike. According to Human Rights Watch/Asia sources, the camp director at Ba Sao placed him and four other prisoners in leg and arm shackles for refusing a hard labor detail. Dr. Hoat' hunger-strike was in response to this mistreatment.

On May 1, 1994, Doan Viet Hoat's wife, Tran Thi Thuc, made the thousand-kilometer journey from Ho Chi Minh City to Ba Sao only to learn he had been transferred on April 24, just two days after the U.S. State Department and Human Rights Watch/Asia made formal inquiries to the Vietnamese government as to Dr. Hoat's physical condition.

Dr. Hoat's wife was directed to the remote Thanh Cam prison for hardened criminals in Thanh Hoa Province, northern Vietnam. She was forbidden to see her husband.

Tran Thi Thuc has written an open petition to Vietnam's leaders protesting the goverment's treatment of her husband and its refusal to allow family members to visit him.

This is the fifth abrupt transfer that Dr. Hoat has undergone since his conviction in May 1993. Other transfers have coincided with the public release of letters and essays by Dr. Hoat from prison. Each consecutive relocation further isolates him from his family. The Thanh Cam camp, also known as "K-4", is a day's journey from the Thanh Hoa provincial capital by ox-cart and bus, in a malarial jungle area some 40 kilometers from the Laotian border.

Conditions in labor camps are harsh, and prisoners rely on food and medicine from their families for basic survival. There is concern that Dr. Hoat, whose physical condition and weight have deteriorated since his imprisonment, may have become seriously ill from his hunger-strike, and now is without the food, medicine and clothing that his family brought him on previous occasions. None of his family have had access to him since early February.

Dr. Doan Viet Hoat, a US-educated professor of English literature and former Vice President of the Buddhist Van Hanh University, was sentenced on March 29, 1993 to 20 years' imprisonment for "attempting to overthrow the goverment" by producing four issues of a hand-typed newsletter, Freedom Forum. Although Freedom Forum did publish articles advocating democratic reform, it nowhere endorsed violent action against the government. On July 9, 1993, Dr. Hoat received a token reduction in sentence to 15 years plus five years probation.

Human Rights Watch/Asia continues to advocate Dr. Hoat's immediate release on the grounds he is imprisoned in violation of international law for the exercise of his rights to free expression.■

TO CLAIM OR NOT TO CLAIM

LAM LE TRINH

Several weeks after the lifting of the American embargo, many Vietnamese communities across the US initiated a vigorous campaign to ask the American government to negotiate with Hanoi for the recovery of assets confiscated after April 1975. Congressmen such as Torricelli and organizations such as the American Legion encourage and support this initiative. In Southern California's Orange County alone, in just two weeks, up to 1,285 claims were filed with the State Department in Washington.

It is easy to understand why so many Vietnamese are fired up. The prospect of recovering one's house, or land or business, however humble, is exciting indeed. There are however a number of important legal political and practical considerations.

1. From a legal standpoint

After the fall of South Viet Nam in 1975, all accounts, deposits and assets of the South Vietnamese administration in the US (totalling up to US $270 million) were frozen. When relations are normalized between Viet Nam and the US, they will have to be surrendered to Hanoi.

Immediately after April 1975, the US administration announced that the new Vietnamese government had to return or give appropriate compensation for all assets confiscated from corporations, businesses or individuals of American citizenship at these time of the invasion of South Viet Nam. According to legislation introduced in 1980, all claims must be filed by 1983, The State Department reports that as of today, 1,300 claims have been turned down because they were found invalid, and 98 have been accepted. These claims for the most part were made by large corporations such as General Electric, Warner Bros, IBM, the World Trade Corporation, Artists Entertainment Co... and according to the latest reports to come from the State Department (April 1994), the abovementioned $270 million are not sufficient to cover them. There are still many highly complex considerations: the present condition of the assets in question has to be assessed, as well as the extent of the wear and tear, the modalities of compensation have to be worked out, and so on.

Then there is the matter of assets belonging to Vietnamese expatriates in the US. It has not yet been looked into by the American administration and consequently, it has not yet been raised with Hanoi. Recently, Nguyen Quy Duc, a representative of Hanoi at the United Nations, announced that the Vietnamese government "does not intend to examine the claims made by those non-American citizens who fled in 1975". It must be pointed out that the wealthy were in a minority among those who did flee in 1975.

There are specific questions that need to be resolved with the American government before we can even consider raising the matter with the Vietnamese government.

1. What happens when the assets belong to an individual or a married couple who became American citizens after leaving Viet Nam.

2. What happens when the spouses arrive in the US at different times. The one who arrives first takes American citizenship and applies to be reunited with the spouse who still lives in Viet Nam and is not yet an American citizens. The assets of such a couple are confiscated by the Vietnamese government after the remaining spouse leaves the country.

3. What happens when the confiscated assets belong to someone who is or is not married and is not yet a citizen but has been given political asylum in the US.

Even if the American administration is prepared to argue with Hanoi on behalf of the above individuals, the Vietnamese administration may dismiss their cases on the ground that they abandoned their assets when they departed of their own free win, or it may argue that some of them "willingly" left or bequeathed their assets to the local authorities. This argument of course will not hold because it is precisely the oppressive nature of the Vietnamese regime that led the US to grant political asylum to those who fled.

2. From a political standpoint

The post-embargo period is a complex one and for this claims operation to be successful, the objectives, the strategy and the timing all have to be carefully worked out.

There are currently two options.

The first option would be to make the most of the current negotiations between the two countries, and to get Hanoi via the American delegation, to do the right thing and settle the claims of the Vietnamese expatriates to their satisfaction ion. At first this approach seems "attractive and logical". This is a "one in a million

opportunity" to "comer" Hanoi using the $270 million worth of assets Washington still has in its possession.

But the whole matter is a powder keg. Let's say that Hanoi cunningly announces its agreement in principle - and only in principle - to this scheme, are we talking about assets being recovered or about compensation being paid? A large number of expatriates proclaim that they will "fight the Communists to the very end", vowing never to recognize the Hanoi government. These very people will have to deal with Hanoi one way or another, if (ties, want their assets back. Hanoi will be only too pleased to chalk up yet another easy victory against the "last anti-communist bastion abroad".

There exists another option, which is to fight Hanoi's divisive ploy, to close ranks, and work steadfastly and concretely for the dismantling of the communist regime. In other words, the claims campaign should only be waged when the legal and political conditions are right, and in honest implementation of the recovery process can be guaranteed. Hanoi win jump at this opportunity to play political games and thereby divide us, but it must not be allowed to do so. In this last struggle to regain democracy, let us be careful when handling fire, to paraphrase the great general Tran Hung Dao.

3. From a practical standpoint

Hanoi is at the present time directly or indirectly dealing with a number of expatriates who used to own businesses in pre-1975 Viet Nam to try and get them to return and do business at home. They are made many promises: stocks, a share of power... These individuals, among whom many of Chinese origin, quickly become disillusioned when apprised of the strict conditions that apply: bank loans taken out before 1975 must be paid in full all management expenses and repair fees incurred by the Communists authorities must be reimbursed, all taxes due from 1975 to date must be paid off, businesses or individuals who are asked to evacuate premises must be compensated by the owners to whom they are reverting, investment and working capital must come from individuals themselves, one must reside in Viet Nam in order to conduct business there, and so on and so forth.

Added to these headaches is the corruption that goes on at all levels.

Here in the US, several associations have been distributing claims forms and model affidavits to the Vietnamese community, to fill in and forward to the US government. These forms are for reporting movable and immovable assets, estimating their worth, notarizing one's own signature and those of witnesses, gathering certificates of evidence... All this activity however is useless and premature from a procedural point. It must be remembered that precious documents evidencing ownership may get mislaid and that even if the US governments does decide to take up the matter with the Vietnamese, it does not need to be in possession of such dossiers at this early stage. A decision must first be made about whether or not the American delegation should raise the matter for negotiation with the Vietnamese delegation. Even if both sides agree with the approach in principle, they still have to decide the modalities for implementation. Claims will be looked at on a case by case basis and the kind of documentary evidence needed will have to be determined. This may take months, years.

For those Vietnamese expatriates who want to go ahead with their claims, the best course of action right now would be to write up a petition, including their name, address and a brief summary of their rights to a particular claim, and send it to their senator or representative with a request that the matter be brought to the attention of the State Department and Congress with a view to instructing the American delegation to bring it up in current or future talks with the Vietnamese delegation.

It is hoped that these constructive recommendations will come to the attention of community leaders and that they will re-examine the objectives and projected outcome of a claims campaign. No-one doubts the good intentions of these leaders, but for such a course of action to be profitable to the community and to serve the interests of the common struggle, it is necessary to look at all possible angles, make all the required adjustments and act only when the time is right.

No-one among us wants to witness the spectacle of self-professed Vietnamese nationalists fining up outside the embassy or consulates of Communist Viet Nam soon to open throughout the US, in order to get back a house, a shop, a parcel of land, at the price once again - of freedom.

As long as Articles 17 and 18 of the 1992 Constitution of Communist Viet Nam are not amended to recognize the right to private ownership, the reality of individuals owning anything is remote. As for the possibility of Vietnamese expatriates (dismissively referred to as "nguy" or traitors by Hanoi) recovering their lost assets, this will remain the subject of idle speculation for the time being.

Let us be alert to Hanoi's divisive maneuvers.

Let's save our strength for the difficult days ahead.■

Lam Le Trinh
April 1994
Huntington Beach, California

WAR STORIES

By RUTH TALOVICH

This is the season for war stories, and yes, I remember D-Day too. I was a WAC (enlisted) assigned to a map room in the Pentagon, Chief of Staff corridor. Our office wrote reports for the President and the Chief of Staff, and my job was to post the wall maps from which two or three of us made smaller maps for the reports officers wrote from the wall maps and the meassages.

All the officers were back from combat assignments, and a couple of enlisted men were too, but the only war I saw was on the maps in the Pentagon. It was surreal. Neat and precise, our beautiful maps outlined the locations of hell and bloodshed.

The reports had to be out of the office before 8 a.m. Somebody carried the reports to Gen. Marshall's office, but a White House courier -- an officer -- sat in our colonel's office with a brief case handcuffed to his wrist.

On days the messages came in late, it was a scramble, but our office did NOT miss deadlines. That whole area of the Pentagon and most of what we did was Top Secret. When I was discharged in December, 1945, I knew the last two years of the war day by day, battalion by battalion, the world over. I set about to forget it in favor of raising children, but I still remember a few details that haven't been publicized.

Ruth Talovich, nee Ruth Loree Zeigler, born 1918 in Dodge City, Kansas. Graduated from State University of Iowa, MA in painting. Joined the Army in Dec. 1942, discharged Dec 1945. Worked in private sector in Saigon in early 1970s. Now lives in Seal Beach, and works as an editor in *Nguoi Viet Daily News*, and an editorial advisor to *The Ky 21* magazine (English section).

When the war was over and the Pentagon had to declassify material that was no longer critical. In G-2 (Intelligence) down the hall from us, a colonel who in peacetime was a Philadelphia lawyer was cautious about declassifying material. Who knows what phrase might have great importance, or what sentence was still critical to the nation's security?

He took his work seriously and the other officers despaired of ever getting the paperwork settled. They put their best brains together and composed a foolproof letter -- legally and psychologically -- that would permit them to get on with the work. All the letter needed was the colonel's signature.

With proper words about our victory, they presented it to him and he took the bait. He read it carefully and signed. Then, just before they could snatch the letter from his hands, he paused and added one sentence: "Provided a copy is made of each item to be destroyed." And that was an official order.

Back to the map room. I had to come to work at 2:30 a.m. from South Post, Fort Meyer, across the highway from the Pentagon -- our gate was a quarter-mile or so from the entrance. I walked along the highway about 2 a.m. six days a week, and had breakfast in a Pentagon coffee shop on the way to the office.

One colonel worried about that walk, and one day he gave me a switchblade that scared the wits out of me. I don't even like to cut meat, and the idea of stabbing anything is gross, but it was a beautiful knife. It was covered with horn. Hit the little button and a four-inch blade popped out and locked, ready for action. The colonel knew I didn't much like carrying that knife around, so he gave me an order: "Carry it, Sergeant." "Yes, Sir."

Then he took to spot-checking me. He did not actually look into my Government-Issue handbag, but every now and then he would ask me, "Sergeant, do you still have that knife?" "Yes, Sir." "Let me see it." "Yes, Sir." And I would get my handbag, fish out the switchblade, and show it to him.

"Good," he would say. "See that you carry it." "Yes, Sir!"

I gave some thought to an unknown event that would require me to stab a malefactor, and I did not like that idea. Therefore, I looped several lengths of heavy string and made a stout loop through the ring at the end of the knife. The loop in my hand and made a good handle. I figured if it came to that, I could swing the knife, bonk an assailant on the head and lay him out cold. After that, I developed an affection for my switchblade.

Later on, "Mom's switchblade" intrigued the neighborhood kids. Apparently most Moms in the '50s didn't have switchblades. We moved here and there, and when we finally moved to California in the early 1960s, I couldn't find my switchblade. I asked my eldest son if he had any idea where it was.

Yes, he did. Some five or six years earlier, he and his pals were using it to dig a cave in a steep, wet Illinois river bank and the cave fell in on the switchblade. They couldn't rescue it, and he was sorry. Being translated, this means their cave fell in on them too. I was too shocked by the peril kids court and too grateful for his deliverance to scold him for losing the switchblade. If several neighborhood boys had disappeared, who would ever have looked for an unknown cave behind the scrub on a riverbank around the bend from town?

I was the first WAC assigned to our office, and on my first day, the general who headed the unit came in to greet me. He asked me, "What do they call you at home?"

"Ruth, Sir."

"Good. We'll call you Ruth."

Then he looked a little shy, for a general, and said, "I just can't call a woman 'sergeant.'"

So everybody called me Ruth, except in official conversations. WACs who were assigned later were called by their rank. Those of us who were "first wave" were pioneers, and we didn't need ladies' organizations fussing about our welfare and demanding this or that. We made our own equality, earned our own respect. I'm with Harry Truman: "If you can't stand the heat, stay out of the kitchen." And the truth is, three years in a barracks full of women pretty much made a loner out of me, although we all got along fine. I had no complaints then, or now.

The public didn't much like us, though. Some columnists printed the idea that we were a prostitutes corps for the troops. They said we were in uniform for the COG (Convenience Of the Government). The US Navy counterattacked in defense of the WAVES, but the Army didn't deign to notice the blurbs.

Civilians were often scornful of us. For example, on one furlough I had a wait between trains in Omaha, but I was not allowed to sit in the USO waiting room because, the USO dolly told me, "It is for the men."

Sure enough. There was one GI sleeping in a chair in a back corner of the room, and about an

DO QUY TOAN

YOUR NECK *

Your neck stores happiness
in breath sweet as honey
and in your velvety voice —
waterfall of words, split pearls.

Your neck is the vase for love,
tendons like strands of silk
woven in a net of skin
that cradles the newborn duckling.

Your neck is a shy rabbit,
shivering in its downy fur,
timorous as a fledgling's wings
fanned before first flight.

Your neck, where I long to leave
this kiss, tastes of love's milk.
I swim in it to paradise and beyond.
Your neck holds the tender core of the earth.

Translated from the Vietnamese by Toan Do and Chris Gompert
* "Cổ em là nơi chứa hạnh phúc" by Đỗ Quý Toàn,
from his collection "Cỏ Và Tuyết" (1987).

acre of empty chairs. No coffee for the WACs either. Not that I asked.

Our office made reports on plans for future operations, and I did the maps for these reports. On such an occasion, they put screens up around my drafting table, and only one officer -- the captain in charge of the map room -- was allowed inside. He would bring the big detailed maps from whatever theater of operations was concerned, and I would transfer the inoformation to our format.

Our format: The Office of Strategic Service (OSS), forerunner to the CIA, made plaster terrain models of all areas where there was fighting. Oceans and waterways were blue, terrain was left white.

Color photography was in its infancy, and OSS hired the best -- a New York portrait photographer who had developed his own system of filters for color prints. He photographed the models from various angles and the vertical, and I was given a selection of these photographs, mounted on light cardboard 8-1/2" x 11".

Since the same information was being offered by the theaters in great detail, our photos carried the battleline, noting today's gains, or losses, and arrows of attack, ours or the enemies. We did not usually list units. The maps for the (future) D-Day attacks were shown on verticals and also on the now-famous angle of attack from southern England.

This business of terrain. The messages we got a 2 a.m., via G-2 radiograms from all theaters, gave the changes -- wins or losses -- in today's battle line by coordinate. The rest of the battle line stood.

With a grease pencil, I plotted these coordinates on our big wall maps, which were standard military terrain maps printed with the coordinates (vertical and horizontal lines, about an inch apart, and numbered) and covered with plastic. The terrain was indicated by contour lines, drainage -- streams and rivers -- in blue.

After the coordinates were done, I had to decide how to draw the line. This means I had to decide what territory to capture or not to capture. If there are coordinates on either side of a stream, do I capture straight across? Or are the troops lagging behind the ridges, covering the advance? It was weird, sitting there in a comfortable, quiet room, full of nice coffee, antiseptically deciding what to do with the battlefronts around the world.

In the CBI Theater (China-Burma-India) when the troops were advancing, we got widely separated coordinate points. They were on roads. I knew nothing about Burma, but I thought it was jungle, because there were only a few roads fanning from north to south. I decided not to capture the jungle, and as the advance progressed, our front lines had long skinny fingers down the roads and uncaptured jungle in between except where I had a between-road coordinate.

It turned out the sergeant in the CBI office was capturing jungle and his big maps went in with battle lines straight across Burma. After a time, an aide in the Chief of Staff's office brought this discrepancy to the attention of various colonels. They consulted with each other and my battle lines won. For a little while after that, the CBI people checked with our Burma maps before they captured any jungle.

The messages also came in with numbers -- WIA, KIA, MIA. They did not pertain to my maps, so I just read them. The messages, like my maps, were impersonal. But one day in Burma, one unit listed "1 KIA, replacing a board on the bridge" and it listed the coordinate. I will always remember that on a quiet day in Burma, one man saluted a friend by telling Washington that his buddy had died for the sake of putting one board on a little bridge in a jungle. Except for Colonel Bogey's March, it is all I know about the war in Burma.

D-Day went as expected. When the weather turned bad, General Eisenhower radioed the Pentagon for a go-ahead before he committed the Allied troops to the invasion of Normandy.

One day when the messages reported progress through Normandy, I recall that some of the fighting was bitter. It was unit to unit, house to house, room to room, man to man. After hours of extremely hard -- and costly -- fighting, our troops managed to get across a little north-south lane and carry the battle to the houses on east side. The lane was the boundary between Village A and Village B.

After that day's work was done, I stopped -- as usual -- at a coffee shop and read about the war in a newspaper, *The New York Times* or the *Washington Post*. Sometimes both.

That day's headlines were something like "ALLIES TEAR ACROSS FRANCE." It caught my eye. Really? But, the news was reported accurately: After extremely hard fighting, our troops advanced all the way from Village A to Village B in only a few hours! No map in the paper that day.

That day I learned how to read. Never mind the adjectives. Look out for loaded verbs, loaded adverbs.

General Eisenhower was a born staff officer -- coordination was his strong point. General MacArthur was much more independent in his decisions.

Eisenhower had served on MacArthur's staff in the Philippines, and during the war someone asked him if he knew MacArthur. He said, "Know him? Hell! I studied dramatics under him for nine years."

Nevertheless, General Marshall and General MacArthur were the two generals who were universally respected by the professional military officers.

I left service with esteem and respect for the West Pointers and the VMI men who made service to this country their life-work, and for the enlisted ranks also. Behind all the assignments, perks, duties and everything else is the one central truth of our Armed Forces: They will die for this country on the instant. I salute them all.■

UNLUCKY CREATURES IN UNLUCKY TIMES

By NGUYEN DINH-HOA

Nguyễn Ý Thuần, *Ở chốn không quen*. San Jose, CA. Thời Văn, (Suite K, 639 Tully Road, San Jose, CA 95111). 1994. 190 pages. $10.00.

This is the fifth published work of a highly productive Vietnamese refugee writer. As the title ("At unfamiliar places") indicates, this unassuming, gentle, hard-working young writer tries, in nine short stories, to capture the sentimental outlook of displaced Vietnamese of his generation, caught in the struggle in the new land of opportunities and challenges.

Living and working in the rather seedy part of San Jose, within the "Yellow Flower Valley," where refugee-owned restaurants, food markets, bookstores, jewelry shops and pharmacies have helped the uplifting of the downtown area, NYT describes well his surroundings — the William Street section several blocks south of East Santa Clara Street, the city's main thoroughfare. The life of newly transplanted people rotates around a couple of Oriental grocery stores, noodle shops and Vietnamese sandwiches, and the author depicts well the movements of bored and timid occupants of cheap housing units, who rarely venture outside their dwellings, avoiding harmless panhandlers, prostitutes and drunkards, who may be seen in front of the movie theater, on the senior citizen's "way home" (*Đường về*, pp. 9-28).

In *Hai chiều đường thẳng* ("Two opposite directions"), pp. 29-47, an old man learns how to take care of his grandson, and watches the toddler grow up into an americanized adolescent and gradually drift away from the ancestral culture. In *Điểm nối* ("Junction"), pp. 49-64, Mr. Trị, reunited in the US with his wife after sixteen years' separation, sees his marital relationship become cooler by its day. But the most painful experience for this refugee family is his feeling of alienation and his inability to adapt to the new social milieu. Differences in language, daily habits and hobbies also contribute to the collapse of another refugee family in *Dốc ngược* ("The steep incline," pp. 65-89: the deaths of his two sons made the situation so intolerable that Mr. Vu, a refugee from the highland province of Ban Me Thuot, finally walks away from the new home, despite all its material amenities, because he feels like a misfit in the adoptive country.

Cuối gió mùa xuân ("Wind-exposed in springtime"), pp. 115-126) is a delightful vignette on the optimism of a young couple enjoying the approach of the Lunar New Year in Westminster, California, where crowds of shoppers flock to a major Asian mall to savor succulent snacks, watch passers-by and reminisce about their now far-away native coastal city of Nha-Trang in Central Vietnam.

Of the two best constructed pieces, that concern the boat people's perilous voyage from Vietnam, *Người đàn bà cởi truồng* ("The naked woman"), pp 127-145, is about a woman who went berserk in a Southeast Asian camp and spent hours wandering without any clothes on the beach. Later in asylum in the US, she herself by chance met the painter at a gallery where her very portrait is shown.

Thư có người nhận ("The received letter"), pp. 169-190, is the most moving of the whole collection. In corresponding with a friend, now settled in another corner of America after several years in "re-education camps," the letter writer relates his escape from Vietnam in a flimsy boat 12 meters long and three and a half meters wide. The forty-odd fugitives spent three days and four nights on their horrendous passage before reaching the international waters, where they were ignored by huge merchant ships, then ran into pirates — Vietnamese pirates — whose ringleader raped a girl and her mother. The eleven fishing boats that visited upon them afterward belonged to Thai nationals, whose sadism and savagery were beyond human imagination. After killing five men, they forced groups of five men to perform sex acts for them to watch. But the climax occurred when they forced a teen-age boy to copulate with his own mother: as the youth hesitated, they kicked him overboard, whereupon the mother plunged into the waves below to join her son.

The pirates somehow escorted the small boat toward the Indonesian island of Matak, but the drama did not end there: five surviving women of the group got raped one by one, this time by the camp guard, a Dutch-Indonesian métisse. Bruises, biting wounds and scratches on these women's bodies as a result of that guy's sadism followed them into other stops (Kuku, Galang, and also Singapore) before their resettlement in the US. Those same permanent wounds are reminders of the boat people's ordeal. However, in the narrator's words, they all have "to live, in order to find themselves, to discover themselves, through whatever they still carry, including both misery and happiness."

NYT's prose, both gentle and forceful, has

proved unusually successful in this collection of stories about blood, sweat and tears shed by unlucky creatures in unlucky times.

Nguyễn Văn Sâm and others. *Tuyển tập Văn Thơ Văn Bút Nam Hoa Kỳ*. Nguyễn Văn Sâm, ed. Houston, TX. Văn Bút Nam Hoa Kỳ. 1994. 546 pages. No price.

The Vietnam PEN Club Overseas has several regional centers. The Southern United States chapter is the publishing venue of this collection of short stories, introducing thirty refugee authors. As stated in the Introduction, dated 1993, by **Nguyễn Văn Sâm**, a well-known writer and literature teacher who was president (1992-94) of the Southern US chapter of Vietnam Overseas PEN, this is the product of a "non-commercial" co-operative effort by thirty individuals of different backgrounds and tendencies. They share an immense good will and a strong desire to have their ideas and thoughts committed to print.

At least twenty-two of the contributors are bona fide writers, some of whom were well known in pre-1975 South Vietnam. The rest are new faces — each piece contains a photograph of its author — who all promise a significant carreer among émigré authors.

Variety of topics, themes and styles is the hallmark of this anthology. **Nguyễn Thị Long-An** writes (pp. 28-48) about a young woman killed in an auto accident, but this is more than a statistic on highway casualties: the victim's married life is analyzed in poignant detail by the narrator — a male acquaintance — who was entrusted with the woman's diary. The reader thus learns that the woman chose to kill herself in despair after a couple of marriages in which the man each time cheated and ill-treated her. Veteran writer and playwright **Quỳ-Hương** deals (pp. 126-142) with the psychological uncertainties of a couple separated by the events in 1975, when many a Vietnamese family became divided in space during the debacle following the collapse of the Saigon government.

Lê Văn Lân, a medical doctor, contributes a scholarly article (pp. 190-214) on barbecues in Vietnamese cuisine, and **Dương Đức Như**, a former faculty member of the University of Saigon, offers spelling reforms (pp. 279—304) to remedy the inconsistencies of quốc-ngữ, the Roman script created by Western missionaries in the 17th century, which has become Vietnam's conventional orthography.

Among the fiction piece, the one by **Tuyết-Minh** (pp. 270-278) is the simple story of polygyny: the heroine is a communist cadre, to whom a respectable businessman with a nice family gave an illegitimate son. Following the traditional customs, the unwed "concubine" brought her child back to attend the man's funeral, but left after the mourning period. The volume editor, **Nguyễn Văn Sâm**, contributed a story (pp. 324-341) about interracial marriage: the Vietnamese bride of an Indian merchant brings to the reader's mind Vietnamese racism as a 13th-century event is recalled, in which Vietnamese princess Huyền-Trân was married off to the ruler of the coastal kingdom of Champa in exchange for some territorial gain for the Trần dynasty.

Nguyễn Đình Tuyên, a Sorbonne Ph. D., traces (pp. 365-377) the transition in Vietnamese poetry from abstractionism to existentialism by analyzing these tendencies in the works of three representative poets — **Bùi Giáng** (born 1926), **Nguyên Sa** (born 1930), and **Nguyễn Thị Hoàng** (born 1939).

Amidst the hustle and bustle of American life, the refugee writers's crative efforts evidenced in this hefty volume are all the more remarkable in view of the collection's variety in both talent and orientation.■

VAALA holds general meeting

The Vietnamese American Arts and Letters Association (VAALA) held its annual general meeting 3:00 p.m., Saturday, June 18, 1994, at its headquarters on Moran Street, Westminster, California.

Mr. Pham Phu Minh, VAALA secretary, reported one year's activities of the association, which includes literary symposiums, book signing sessions, journalism and history classes, film introduction, concerts and recitals, art exhibitions,...

VAALA organized a fund-raising dinner with a musical program, which entertained more than 300 guests.

As far as financial reports are concerned, the treasurer (vice-president Tran Kiem Them) was absent due to his illness, so the reports are read by the president, Mr Le Dinh Dieu. He happily announced that the balance was more than $2,000.00 in the checking acount.

Mr. Le Van Khoa, vice-president, presented a summary of the "Project 20" which VAALA supported administratively.

Mr. Do Ngoc Yen, president of the Nguoi Viet Inc. which publishes the monthly literary magazine *The-Ky 21*, announced that his company was ready to donate the magazine to VAALA. Details of the donation will be worked out between the boards of directors of the two organizations.

The following proposals have been discussed and unanimously carried by the general meeting: Amendment of the by-laws: (1)the term of the board of directors from now on will be two-year.(2) the number of the directors will be fifteen instead of five. (3) A standing committee of five persons elected from the board will be in charge of routine affairs of the association between two meetings of the board.

An election was held, and the following members were chosen to be directors: Ann Phong, Bach Thu Ha, Bui Bich Ha, Do Ngoc Yen, Ha Tuong Cat, Hoang Khoi Phong, Hoang Ngoc Tue, Le Dinh Dieu, Le Van Khoa, Nghiem Phu Phat, Nguyen Manh, Pham Phu Minh, Suzie Vuong, Tran Dai Loc and Truong Minh Cuong.■

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

MỘT SỐ THUẬT NGỮ THÔNG DỤNG

ĐỖ THÔNG MINH

LTS.- Khởi đăng trên Thế Kỷ 21 từ số 62 (tháng Sáu 1994), loạt bài này sẽ còn đi nhiều kỳ, và trong khi đăng, tác giả và Toà Soạn đón nhận mọi góp ý để tìm ra những cách phiên dịch hoặc chuyển ý được nhiều người chấp nhận nhất

ASCII (*American Standard Code for Information Interchange*) Bộ Mã Tiêu Chuẩn Hoa Kỳ Để Trao Đổi Tin Tức
EBCDIC (*Extended Binary Code Decimal Interchange Code*) Bộ Mã Trao Đổi Thập Phân Mã Hóa Theo Nhị Phân Nối Dài
CC (*Computer Communication*) Truyền Thông Máy Điện Toán
CS (*Computer Simulation*) Mô Phỏng Máy Điện Toán
AI (*Artifical Intelligence*) Thông Minh Nhân Tạo, Tri Năng Nhân Tạo
ES (*Expert System*) Hệ Thống Chuyên Gia
CE (*Computer Enhancement*) Tăng Cường Máy Điện Toán
PS (*Personal System*) Hệ Thống Cá Nhân
hardware engineering ngành kỹ thuật cương kiện, ngành kỹ thuật thiết bị
software engineering ngành kỹ thuật nhu kiện
electric computer engineering ngành kỹ thuật máy điện toán
computer science khoa học điện toán, tin học
address địa chỉ ký ức (vị trí dữ kiện trong bộ nhu liệu)
numeral quality lượng số
composite video signal tín hiệu hình màu phức hợp,tín hiệu hình màu hỗn hợp
video thính thị, điện thị
TV (*TeleVision*) máy vô tuyến truyền hình, máy điện thị
version ấn bản, chương bản, kiểu, hình thái, phương án; bản dịch
electric signal pulse xung hiệu điện
menu driven bảng các mệnh đơn
buffer bộ nhớ tạm, bộ ký ức đệm, bộ ký ức ổn xung
video tape băng thính thị, băng hình, băng video
E mail (*Electronic mail*) thư điện tử (chuyển thư giữa các máy điện toán trong mạng)
telephone điện thoại
Fax (*facsimile*) điện thư (gởi văn thư qua máy fax và dây điện thoại)
beeper máy bíp, điện liên (máy báo có liên lạc bằng điện thoại nếu dùng điện báo có thể nhầm với *telegraph*)
pocket bell chuông bỏ túi
microprocessor bộ vi xử lý, máy vi xử lý
digital pulse xung số tự
analog signal tín hiệu liên tục, tín hiệu liên biến
discharge pulse xung phóng điện
ergonomics (*Ergo+nomos*) làm việc hợp lý hóa, pháp tác
EOS (*Ergonomic Office System*) Hệ Thống Văn Phòng Hợp Lý Hóa
auxilliary storage devices cơ phận trữ phụ
magnetic drum trống từ (tính)
machine code mã số máy
track từ đạo
LINIX LINIX (hệ thống vận hành tiện dụng do *Bell laboratories* chế tạo)
internal memory bộ nhớ nội bộ
start-up routines thủ tục khởi động
POST (*Power-On Self Test*) Bật Điện Tự Kiểm, Mở Máy Tự Kiểm
initialization khôi phục, phục nguyên, bạch hóa
boot (*To start or restart a computer*) khởi động
bootstrap chương trình phụ trợ
interrupt handling điều động ngắt quãng, điều khiển ngắt quãng
service handling điều động phục vụ, điều khiển phục vụ
warm boot khởi động nóng (sẵn sàng vận hành)
cold boot Khởi động lạnh (chưa sẵn sàng để vận hành)
machine language ngôn ngữ máy
low-level language ngôn ngữ cấp thấp
high-level language ngôn ngữ cấp cao
application language ngôn ngữ ứng dụng
software package bộ nhu kiện (tiền chế), gói nhu kiện (tiền chế)
compiler chương trình biên dịch, chương trình biên chế, bộ biên dịch
bus (*line*) mẫu tuyến, buýt
bug hư, khiếm khuyết, sai
debug sửa sai
interface giao diện, mặt phân giới, tiếp diện
transistor (*transfer of signal through varistor*)(*transfer-resistor*) đèn tinh thể, đèn bán dẫn
vacuum tube đèn chân không, đèn điện tử
abacus bàn tính (Trung và Nhật...)
slide ruler thước tính, thước kéo
polynomials đa (hạng) thức
mechanical cơ động
electro-magnetic điện từ
punch(ed) tape băng xuyên lỗ, xuyên băng
punch(ed) card phiếu xuyên lỗ, xuyên phiếu
ballistic đạn đạo
task nhiệm vụ, tác vụ
multi-task đa nhiệm, đa tác

multiprogram đa chương trình
access time thời gian truy dụng, thời gian đọc-viết
operation load gánh nặng vận hành, vận hành phụ hà
terminal trạm xuất nhập dữ kiện, trạm xuất nhập tin
access method phương pháp truy dụng, phương pháp đọc viết
direct access truy dụng trực tiếp
random access truy dụng tùy thời
sequential access truy dụng liên tục
accounting machine máy kế toán
classifying phân loại, xếp loại
combine kết hợp
computer generation thế hệ máy điện toán
code mã, mã số, mã hiệu; mật mã; qui định
code number số mã, mã số
numerical code mã số
decode giải mã
encode mã hóa
data dữ kiện, dữ liệu; tư liệu
data processing xử lý dữ kiện, xử lý dữ liệu
internal nội bộ, nội vi
external ngoại bộ, ngoại vi

(còn tiếp)

TIẾNG VỌNG

ĐIỆN THƯ = FAX? ELECTRONIC MAIL?!

TRẦN TRUNG TÍN

Khoảng vài năm gần đây, chiếc máy *fax* trở nên phổ cập với quần chúng. Theo tự điển Webster, *fax* là chữ viết ngắn của chữ *facsimile* có gốc từ chữ Latin, *fac simile*. Cũng theo Webster chữ *fac simile* (Latin) mang nghĩa: *make (it) similar*, làm cho giống.

Và The Random House đã giải thích *Facsimile machine* (*FAX machine*): máy FAX, là một dụng cụ được dùng để gửi hoặc nhận hình (*pictures*), mặt chữ (*text*) qua đường dây điện thoại.

Đầu tiên, máy FAX "*digitize*" một ảnh (*image*), nghĩa là chia ảnh đó thành những ô nhỏ như dấu chấm (*grid of dots*). Mỗi ô chấm nhỏ đó sẽ có thể ở vị thế "mở" hoặc "đóng" (*on/off*) tùy theo ô đó màu trắng hoặc đen. Trên cơ sở của cơ số nhị phân (*binary*), mỗi ô này được tiêu biểu bằng một "bit" (đơn vị trong điện toán) có giá trị 0 (đóng) hoặc 1 (mở). Bằng cách này, máy FAX "dịch" bức hình các chuỗi 0 và 1, còn được gọi là *bit map*. Rồi FAX sẽ chuyển đi bức hình ở dạng *bit map*, toàn là 0 và 1, như những dữ kiện điện toán thông thường. Ở phía nhận, máy FAX đọc dữ kiện nhận được, chuyển ngược các số 0 và 1 thành các ô đen trắng tương tự và in ra bản sao giống như bản được gửi.

Mới đây lại có thuật ngữ *electronic mail*, mang ý nghĩa **điện thư** khi dịch sang Việt ngữ.

Electronic mail đã xuất hiện khoảng thập niên 1970, viết tắt là *e-mail* hoặc *E-mail*.

Hiện nay, không cứ gì các lãnh vực chuyên môn mà ở cả các lãnh vực tài chánh, ngân hàng, báo chí, học đường... điện thư đang tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường phổ thông hóa. Ngay trong guồng máy hành chánh công quyền của Hoa Kỳ, nơi vẫn thường bị phàn nàn là không theo kịp các kỹ thuật tân tiến trong giới thương mại, kỹ nghệ bên ngoài, cũng đã cho thiết bị hệ thống điện thư.

Người được báo chí nhắc đến nhiều nhất về những am tường *high tech* là Phó Tổng thống Hoa Kỳ, Albert Gore. Báo chí vẫn thường đề cập đến ông như là một trong những người sẽ "lái" siêu xa lộ tin tức (*information superhighway*). Địa chỉ điện thư của ông trên hệ thống Internet là vicepresident@whitehousegov. Nếu điện thư được gửi đến địa chỉ đó, chưa biết ông sẽ trả lời hay không nhưng người gửi thế nào cũng có thể nhận được biên nhận hồi báo.

Theo nghiên cứu của Electronic Messaging Assn, trong hai năm vừa qua, tại Hoa Kỳ có thêm nhiều công ty cho thiết lập hệ thống điện thư. Mức độ gia tăng này đã đến 83%, và con số của các cá nhân sử dụng điện thư này cũng đã gia tăng ở mức 17%. Hiệp hội này tiên đoán, tính cho đến cuối năm nay (1994) tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại con số người sử dụng điện thư sẽ lên đến khoảng 14.5 triệu người.

Trên đây là những phác lược về *fax* và *e-mail*. Chữ điện thư được ông Đỗ Thông Minh dịch từ tiếng Nhật sau khi người Nhật dịch *facsimile transmission* là điện thư. Về các thuật ngữ khoa học, nếu không cẩn thận ngay từ đầu khi dịch, sau này e rằng người đọc dễ bị hoang mang, rối trí. Nói đến các từ có liên hệ đến điện hoặc/và thư, hiện đang có: *electronic mail, modem, fax, fax modem, voice mail, message center, bulletin board system (BBS), broadcasting*... Nếu không phân biệt rõ rệt, thì chữ nào cũng có thể dịch là điện thư.

Trường hợp chữ *fax*, nếu không dịch là điện thư, thì sẽ dịch là gì? Theo suy nghĩ cá nhân (rất có thể sai): nếu chưa tìm được chữ Việt để diễn đạt được trọn ý, hãy để nguyên chữ đó. (LTS: *Thế Kỷ 21* đề nghị dịch *fax* là **viễn ấn thư**).

Không nên quá sợ là như thế sẽ bị chỉ trích là vọng ngoại, mất gốc. Trong tiếng Việt, chẳng là chúng ta đã từng phải dùng một số chữ ngoại quốc (và sau đó là Việt hóa) như các chữ [đèn] *néon*, [đài] *radar*, [tia] *laser*, *cement*, *vector*, [xe] *tank*, [bình] *gas*...?

Ngày nay, có rất nhiều phát minh mới mà tiếng Việt chưa có chữ để diễn tả. Sáng tạo ra chữ mới để đáp ứng việc diễn tả những điều đó, những vật đó phải là một quan tâm, đóng góp chung của mọi người. Tuy nhiên, không vì thế mà cứ phải cố dịch. ■

CHUNG QUANH CÂU HỎI 'TẠI SAO VIẾT VĂN?'

TRẦN THANH HIỆP

Câu hỏi phỏng vấn nhân dịp "Bàn tròn" về viết văn của *Thế Kỷ 21* đã được gửi tới tôi trên sáu tháng. Vài ba lý do riêng đã khiến tôi chậm trả lời. Trước hết là cảm tưởng — có lẽ mặc cảm thì đúng hơn — mình lỗi thời; những gì lớp người lớn tuổi nói hay viết, ít (hay không) có người nghe, người đọc, nhất là vào lúc nhiễu nhương này. Nói dài, viết dài không có chỗ. Nói ngắn, viết ngắn không ưng bụng. Vậy hà tất phải quá tam. Rồi lại còn thói quen từ tục lệ của một người lâu năm trong nghề. Trong luật sư đoàn, người nhiều tuổi nói sau. Nếu mọi điều đã phải nói đã được nói hết, không còn gì để nói nữa thì khỏi cần nói. Sau cùng, âm hưởng lời dặn của cổ nhân chưa tắt trong trí nhớ: "làm nhiều, nói ít" (... bang vô đạo, nguy hạnh, ngôn tốn).

Điều không ổn là được đọc báo miễn phí mãi cũng thấy thẹn và để khỏi thẹn thì phải có đi có lại. Cho nó hết nhé.

Câu hỏi *Thế Kỷ 21* đặt cho những người được phỏng vấn khá rõ và chính xác. "*Tại sao anh (chị) viết văn?*" Nhìn từ phía người phỏng vấn, câu hỏi này dường như chỉ đặt vấn đề một cách đơn giản: *Tại sao. Anh (chị). Viết văn.* Người phỏng vấn chỉ việc nói ra những nguyên nhân đã đưa mình — chính mình chứ không phải người khác — đến chỗ viết văn. Việc gì cũng có nguyên nhân cả. Vấn đề là có chịu nói hay không chịu nói mà thôi. Dĩ nhiên là phải có gì để nói!

Nhưng ngược lại, nhìn từ phía người được phỏng vấn, vấn đề bỗng trở thành rất phức tạp. Vì những nguyên nhân xa. Khi lên tới nguyên nhân đầu tiên của "viết văn" thì đã hiếm khác biệt, vả lại cũng ít người biết hay muốn phiêu lưu trong những cõi "bản thể", "hiện tượng" để tìm hiểu, nhận biết khác biệt... Người viết văn "nghiệp dư" (theo nghĩa tài tử) viết văn như một thú tiêu khiển, khác người viết văn "chuyên nghiệp" (còn có nghĩa rộng hơn nghĩa thuần kinh tế), viết văn như một cách sống cho một lẽ sống. Có những người viết văn như lái xe, điều khiển xe rất giỏi nhưng mù tịt về máy xe. Có những người viết văn như hít thở, ăn uống, suy nghĩ v.v... và cảm thấy ở trong văn một chút gì của cơ thể mình. Với họ, văn đúng là đứa con tinh thần. Do đó, phản ứng trước câu hỏi tại sao viết văn không đồng nhất.

Những giải đáp câu hỏi tại sao này chắc phải dẫn tới muôn hình muôn vẻ. Không nên nhất thiết phải chọn lựa giữa những hình, vẻ ấy, đã đành. Nhưng cũng đừng trộn lẫn.

Có một ý kiến có thể dùng làm câu trả lời chung cho câu hỏi của *Thế Kỷ 21* (tôi vẫn nghĩ một cách rất chủ quan như thế, như tôi đã nghĩ trước đây): viết văn vì muốn trở thành nhà văn, muốn là nhà văn. Không tự nhiên sao?

Tuy nhiên trăm điều rắc rối lại ở đó mà ra. Thế nào là văn, là nhà văn? Có thể định nghĩa một cách không bàn cãi hai từ này được không? Nếu được thì hai định nghĩa ấy phải gắn liền với nhau: nhà văn là người biết viết văn. Trong thực tế, sự việc lại không đơn giản như vậy. Có rất nhiều cách định nghĩa "văn" và từ đó định nghĩa luôn cả "nhà văn." Nếu văn là nghệ thuật, như thơ hay họa hay nhạc thì nghệ thuật vẫn không thể giống nghệ thuật thơ, nghệ thuật họa, nghệ thuật nhạc. Ngoài ra, có những trường hợp viết văn không cần biết đến định nghĩa của văn. Chuyện văn tài đẻ ra văn không phải là chuyện chưa từng có.

Có điều văn, nhà văn, vừa là một hiện tượng cá nhân lại vừa là một hiện tượng xã hội. Ai cũng có thể tự coi mình là một nhà văn. Mặt khác, sự thừa nhận của xã hội cũng có khả năng tạo nên nhà văn. Trong những môi trường mà văn chương đã trở thành một món hàng văn hóa thì tác phẩm, nhà xuất bản, nhà phê bình, truyền thông là những thành tố chủ yếu tạo nên một nhà văn. Điều này cũng đúng cho cả những người viết văn công cụ sống dưới những chế độ toàn trị. Nhưng sự nhìn nhận của xã hội có là một bảo đảm tuyệt đối về tính văn chương hay không? Điểm này chưa được lý giải thật thỏa đáng. Chưa hết. Đã là nhà văn rồi lại còn muốn phải là một nhà văn lớn. Chính ý muốn ấy, và cách thực hiện nó, là những nguyên nhân thực tế thúc đẩy việc viết văn. Mấy ai đã chịu nói ra sự thật này? Có thể là mình tự lừa dối mình. Cũng có thể là chính mình không muốn ai biết sự thật tham vọng riêng tư của mình.

Có một điểm đã được bàn cãi hung: vết tích thời đại trong văn, trong nhà văn. Thiết tưởng nói bất cứ một điều gì về văn chương ở Việt Nam cũng không thể bỏ qua mặt thời đại. "Văn" và "nhà văn" (hiểu theo nghĩa bây giờ) Việt Nam đã xuất qua ngôn ngữ mới (quốc ngữ), trong hoàn cảnh xã hội mới (xã hội cổ truyền trên đường biến đổi dưới sự kích thích của nhân tố phương Tây). Các nhà văn Việt Nam, ít ra từ hai phần ba thế kỷ nay, đã biểu hiện rất phong phú khát vọng tự giải phóng của con người Việt Nam trải qua một cuộc hành trình bi thảm đi tìm tự do. Họ đã khởi hành theo hai ngả trái ngược nhau. Ngả của Miền Bắc: chắc đứt những xiềng xích của kẻ địch trước đã, dù phải quàng vào cổ mình những xiềng xích mới. Rồi sẽ tính sau vấn đề tự do. Ngả của Miền Nam: sử dụng ngay khởi đầu một tự do an phát (*liberté*

octroyée). Ở cuối đường, những người theo ngả Bắc không thực hiện được tự do vì không (hay chưa) rũ bỏ được những xiềng xích mới nên không tới được cảnh thổ của tự do trong lúc những người theo hướng Nam, quá say mê lại còn phong phú gia tài tự do ban phát nên khả năng dựng cơ nghiệp tự do riêng hụt hơi, không tăng trưởng và tích lũy để tái đầu tư. Trong tấn bi kịch đó, người quan sát có thể tìm thấy khá nhiều nguyên nhân đã hình thành văn và nhà văn Việt Nam. Những nguyên nhân mà có thể không nhiều người muốn hoặc dám nghĩ tới việc nói lên.

Mối liên hệ giữa văn và nhà văn cũng thành vấn đề. Càng ngày nhà văn càng thấy văn của mình đã hoàn toàn tự trị đối với chính mình. Ngay giây phút sau khi đứa hài đồng văn ra chào đời, quyền làm cha tinh thần của nhà văn đã chẳng còn được bao lăm, văn đã có nên tức khắc đời sống độc lập của một Bản Văn (*un Texte*). Nó là một ngôn ngữ có khả năng biểu đạt cả những gì mà nhà văn không nói qua nó. Người ngày xưa cũng đã biết như vậy nên mới bảo rằng ý ở ngoài văn. Người thời nay đi xa hơn, cho văn lên ngôi thành Hoàng Đế Bản Văn. Cho nên vẫn chẳng những là những gì đã viết ra mà còn là cả những gì không viết ra nữa. Không viết để viết là cách của nhà văn khôi phục lại quyền tinh thần đã mất của mình trên đứa con tinh thần đã ở riêng. Vậy câu hỏi tại sao anh (chị) viết văn có lẽ cũng bao hàm cả câu hỏi tại sao anh (chị) không viết văn. Huống chi văn chương Việt Nam có rất nhiều tiền lệ về hiện tượng có vẻ kỳ cục này. Ở Miền Bắc, sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, có những người tuy không bị bưng miệng nhưng cũng không muốn viết văn. Để "viết văn" theo ý riêng của mình. Ở Miền Nam những năm 60, có tám tác giả đã dùng quyền im lặng không viết để khỏi phải viết như những gia nô. Tại hải ngoại, từ cuối nhưng năm 80 trở đi, có rất nhiều người viết văn, kể cả không ít những người vì viết văn mà phải nằm tù cộng sản, đã không viết nữa, lý do: họ không muốn được xếp loại là nhà văn. Trong thực đơn của yến tiệc bàn tròn văn học TK 21 chắc không có món ăn này. Nhưng dọn ra cho đủ vị...

Nói vậy thôi, đối với một số người, nghĩ cho cùng, viết văn giống như ghiền ma túy. Theo cách nói cũ, viết văn là mang lấy nghiệp vào thân. Nhưng có lẽ sức đẩy quyết định nhất đối với người viết văn, chính là niềm vui của kẻ sáng tạo, là sự biểu hiện của một ý thức sống tuyệt đối muốn diên trường, thông qua ngôn ngữ, vào thế giới bên ngoài để hư cấu nhưng kỳ thực là để tái tạo thế giới ấy theo cách riêng của mình. Trong sự qua lại khắng khít và tinh tế giữa chủ, khách ấy, người viết chẳng còn nghĩ gì tới những nguyên nhân của tác động, dù gần hay xa. Đó là chưa kể sự cuốn hút của ngôn ngữ dưới mọi dạng thức của nó. Người viết văn nào đã đọc Trương Hán Siêu, Lê Quý Đôn, Nguyễn Văn Thành, Chu Mạnh Trinh, Phan Bội Châu v.v... tất sẽ hiểu tại sao có Thạch Lam, Nhất Linh, Khái Hưng, Hồ Biểu Chánh v.v... và tại sao có Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan v.v... Trước mắt, hiện giờ ở ngoài nước việc đọc văn, đọc truyện của những người viết văn đối cực nhau như Nguyễn Đình Hoà, Nguyễn Mộng Giác, Mai Thảo, Kiệt Tấn, và Đỗ Kh., Nguyễn Tấn Hưng, Hồ Đình Nghiêm, Miêng v.v... nếu không làm động tâm những ai muốn "rửa tay gác kiếm" thì đã khiến họ không thể dửng dưng.

J.P.Sartre, một ngòi bút có thẩm quyền về văn chương đồng thời cũng là người có nhiều âm hưởng đối với một lớp người cầm bút Việt Nam dường như có nói đại ý rằng, một tác phẩm viết xong là một tác phẩm đã chết. Vậy là còn phải tiếp tục viết để còn sống?

Nỗi ám ảnh tận thế ngày Miền Nam mất chỉ còn là một kỷ niệm. Người ta đang tiếp tục khám phá xem việc giải tỏa cấm vận sẽ ảnh hưởng ra sao đến tương lai của người Việt Nam. Đặc tính của sự sống nếu không phải là sự vươn tới tương lai thì chỉ có thể là sự lấp đầy hiện tại thay vì chôn cất và gọi hồn dĩ vãng.

Văn và nhà văn nằm trong đà sống ấy. Dầu vậy, đừng nên hoài công tìm hiểu kỳ được tại sao có người viết văn. Nhà văn nào chịu tháo gỡ hết tâm hồn mình để cho người đọc nhìn thấy rõ?■

SỔ TAY

Tiếng Việt

Tại đại học Irvine, cuộc hội thảo do các sinh viên tổ chức, quy tụ 300 người trong đó có người lớn tuổi, phụ huynh, không quá 5%. Tại trường Trung học La Quinta, cuộc hội thảo do Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tổ chức, có 500 người tham dự và thành phần trẻ không hơn 5%.

Sinh viên thảo luận về chính họ, thân phận mình trong sinh hoạt tại Hoa Kỳ và tương lai đối với xứ sở này cùng quê hương cũ. Các vị lớn tuổi dù có khó khăn trong cuộc sống tại Hoa Kỳ nhưng chỉ quan tâm đến chuyện Việt Nam.

Tại đại học Irvine, thuyết trình viên và hội thảo viên đều là người Việt nhưng hoàn toàn đối thoại bằng Anh ngữ. Tại trường La Quinta, cô Penelope Faulkner, một người Anh 100% có cái tên Việt Nam là Ý Lan, nói chuyện, ngâm thơ, trả lời rành rọt bằng tiếng Việt.

Tất cả các sinh viên giữ trách nhiệm điều hòa thảo luận đều chứng tỏ hết sức nắm vững nội dung, hướng dẫn thảo luận không ra ngoài vấn đề và dù ý kiến rất đối chọi, chưa ai bị ngắt lời. Trong khi đó điều hợp viên buổi thảo luận về nhân quyền khá vất vả, phải luôn luôn nhắc nhở hội thảo viên hãy nói ngắn gọn — dù rằng đôi khi những lời nhắc nhở ấy cũng không ngắn gọn!

KÝ GIẢ

VỀ HẠNH BỐ THÍ

DU LI

LTS.- Một tin buồn đến với Thế Kỷ 21 và với tất cả chúng ta: chị Du Li đã qua đời. Từ nhiều năm qua, bạn đọc đã quen với bút hiệu Du Li, tác giả của một số truyện ngắn, tùy bút và thơ đăng trên Thế Kỷ 21 và một số báo khác. Chị Du Li đã từ bỏ chúng ta vĩnh viễn ra đi vào ngày 29 tháng Năm 1994, tại Monte Sereno, California.

Du Li là bút hiệu của Nguyễn Thị Phương Dung, sinh năm 1938 tại Hà Nội. Thuở nhỏ học trường Bưởi, năm 1954 theo gia đình vào nam, học ở Trưng Vương cho đến hết năm đệ Nhị; lớp Đệ Nhất học tại trường Chu văn An. Sau đó chị học Luật tại Sài Gòn, rồi sang Mỹ học và đậu bằng MA tại đại học Virginia (UVA).

Trong thập niên 1960, chị Phương Dung làm việc tại tòa Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ. Sau đó có về Việt Nam một thời gian ngắn, rồi trở lại làm việc cho Liên Hiệp Quốc. Năm 1974, chị sang Texas đi học lại MBA, ra trường làm cho Wells Fargo Bank. Đến năm 1981 chị thôi làm việc, chỉ theo đuổi các công tác thiện nguyện mãi cho đến ngày chị qua đời.

Qua văn và thơ của chị, chúng ta biết một tác giả Du Li rất đằm thắm với cuộc đời, tuy đã nhìn thấy tính chất vô thường trong mọi sự. Cách nhìn trong sáng từ cái tâm thanh tịnh của chị như một dòng suối trong, đem đến chút mát mẻ cho cuộc sống đầy mệt nhọc của chúng ta. Để tưởng niệm chị, Thế Kỷ 21 xin đăng lại bài viết "Về Hạnh Bố Thí" và một bài thơ của chị, vừa được đăng trên tờ Phật Giáo Việt Nam (Los Angeles) số Phật Đản 2538 (tháng Năm 1994).

Di ảnh Du Li

Có một lần đi xe hơi với cậu Nhân từ San Francisco về Los Angeles khoảng 11 năm trước, cậu đề nghị giúp tôi phương tiện để "chị muốn làm gì thì làm, như viết sách chẳng hạn. Để chị không phải vội vã đi kiếm việc lo chuyện sinh kế." Hồi đó tôi mới nghỉ việc với Wells Fargo, dọn về sống với bố mẹ tôi lúc đó đã già. Tôi từ chối ngay đề nghị đó. Viện nhiều lý lẽ trong đó có lý "chị còn khỏe mạnh thì đi làm chứ. Sao lại để chú nuôi nhỉ."

Hồi đó cậu mới 31 tuổi, là kỹ sư, không thích nói chuyện triết lý và hoàn toàn không biết đạo là gì, nhưng không biết từ đâu mà cậu bảo tôi:

"Cả đời chị đã giúp chúng em rất nhiều, bây giờ em chỉ muốn giúp lại chị một chút thôi, trong lúc này khi hoàn cảnh cho phép. Chị biết cho thì phải biết nhận chứ. Nếu không biết nhận thì chưa chắc đã biết cho." Tôi tiếp tục biện luận hăng hái hơn trên suốt đoạn đường còn lại. Về chuyện "thấy vui khi cho và không nhận vì không thấy cần, không muốn ỉ lại vào ai, chứ không phải vì tự ái". Không biết tôi thuyết phục cậu hay thuyết chính mình!

Nhưng câu nói "không biết nhận thì cũng không biết cho" của cậu bỗng dưng in chặt vào đầu tôi, nằm trong đó cùng với những câu "từ nhân thị đại chúng," "hãy nhìn đời bằng một con mắt lạnh như tro tàn và một trái tim nóng hổi," v.v... mà tôi đã thu thập trong những sách thiền từ hồi nào. Rồi có một lần đọc được một chuyện ngắn của chị bạn viết là hồi thầy Thiên Ân sắp mất, chị thường hay lại thăm Thầy và rất buồn khi thấy bệnh làm thân thể Thầy đau đớn. Chị thường khắc khoải không biết làm gì để Thầy vui, để Thầy bớt đau.

Một hôm khi chị hỏi: "Thầy muốn con làm gì" thì Thầy bảo chị đi mua cho Thầy chiếc mũ đội cho ấm đầu. Hôm đó là ngày cuối tuần. Đã 7 giờ tối. Các tiệm lớn đều đóng cửa. Nhưng Thầy muốn chị đi mua ngay. Chị đành chạy ra tiệm Thrifty lúc đó còn mở cửa mua chiếc mũ đem về. Thầy nhận và tỏ vẻ vui. Còn chị thì rất vui vì làm được một việc vừa lòng Thầy. Sau đó ít lâu Thầy qua đời. Và khi chị tới giúp dọn dẹp phòng Thầy ở cũ, chị thấy trong tủ Thầy có cả tá mũ đủ loại rất đẹp. Chiếc mũ của chị mua biếu Thầy hôm đó trông tầm thường nhất. Chị chợt tỉnh ra. Nhìn thì tưởng chị làm CHO Thầy vui. Chị là người làm phước. Thực ra chính Thầy cho chị một cơ hội để chị được vui một lần chót với Thầy. Để chị được phước báu. Chính chị là người NHẬN, người được, người thụ ơn.

Từ kinh nghiệm đó chị nhận và biết là trong cuộc đời nghĩ tới cùng thì nhiều khi người cho lại chính là người nhận, Người nhận là người cho. Không biết ai là ai. Và ai phải cám ơn ai. Thôi thì cứ cám ơn nhau vậy. Và cám ơn Đời.

Không hiểu sao tôi thích chuyện đó vô cùng. Lâu lâu đem đọc lại. Đến nhập tâm. Nhưng trong đời sống hàng ngày vẫn thích Làm Cho người khác chứ không thích ai làm cho mình điều gì nếu tôi có thể tránh được. Cái tính này phải nói tôi "thừa hưởng" của ông Bố. Hơn 10 năm sống gần Cụ tôi nhìn thấy thật rõ ràng. Cả cuộc đời cụ hy sinh cho vợ con. Giúp đỡ mọi người mà không kể ơn. Đến lúc già không còn quyền thế để giúp người như trước thì cụ lại chắt chiu, tiết kiệm chi tiêu dành tiền Dưỡng Già gửi giúp đỡ họ hàng. Cụ cất và xếp những thư đầy tình cảm ơn nghĩa từ Việt Nam gửi sang đầy chật ngăn kéo. Nhưng cụ không thích phải nhờ con cái điều gì. Mặc dầu cụ để tôi lái xe đưa đi bác sĩ, đi nhà thương hay đi thăm mấy bà cô ở Quận Cam nhưng bao giờ cụ cũng nói "lúc nào tiện." Nghe giọng thấy như miễn cưỡng.

Những năm đầu Cụ không nói cám ơn. Cho đến mãi gần đây khi cụ đã đọc kinh sách Phật thật nhiều tôi mới nghe Cụ nói "Thank you" với con cái. Ở nhà cụ vẫn nhất định tự đun lấy nước sôi đổ vào bình. Tay cụ run run nhiều lúc nước rớt ra ngoài. Tôi và cô em đã nhiều lần dặn "cậu để đó chúng con làm cho. Không có lỡ bỏng thì phiền lắm." Bao giờ cụ cũng trả lời "tôi làm được mà." Dần dần tôi thấy rõ là dù đã ngoài 80 cụ vẫn không thích ai Làm Cho mình cái gì nếu cụ nghĩ là cụ còn làm được. Phiền là nhiều lúc cụ ước lượng sai về sức mình. Có thể là vì cụ vẫn thấy chuyện Cho và Nhận, Người và Ta thật khác biệt, thật minh bạch như chuyện Ngày và Đêm chăng. Tôi thỉnh thoảng cũng than phiền cụ về chuyện này với các em. Vì tôi bắt đầu thấy là những phân biệt rõ ràng như Trắng và Đen của mình và người đời, nhiều khi lại chưa hẳn là như thế.

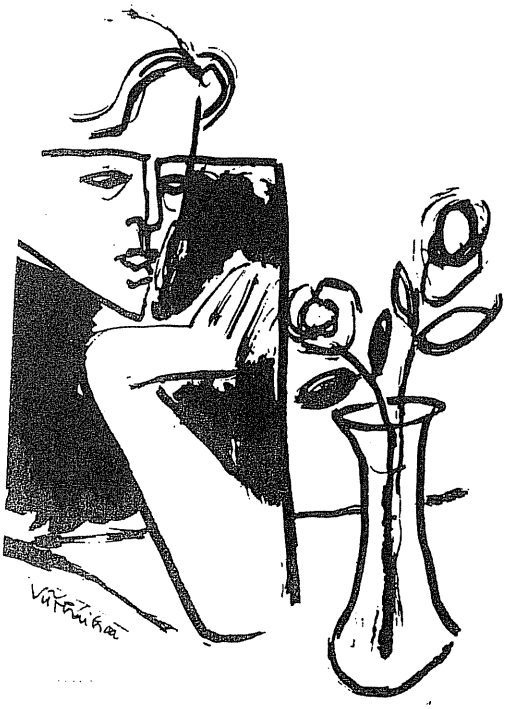

Bắt đầu biết chuyện phân biệt cho với nhận chỉ là sản phẩm của "cái tôi" đầy tự ái, mà thực ra thì cả hai chỉ là một. Biết thế mà tôi vẫn bắt gặp mình "giẫy nẩy" lên mỗi khi các em tôi cho quà, và cứ thanh minh thanh nga là đã từ lâu mình không còn tự ái nữa. Biết thế mà tôi vẫn ghi sổ ký ức tên ân nhân và nóng lòng tìm cơ hội trả nghĩa. Cũng lại thấy rõ ràng là mình suy nghĩ và hành xử không đồng nhất. Cũng lại thấy lòng hơi bực bội mỗi khi nghe cô em út say sưa nói về chuyện "có đi có lại" (*Give and Take*) như là một bí quyết giao tế tối thượng trên cõi đời này. Bực nhưng chưa thấy tại sao mình bực. Có thể là vì chính trong lòng mình đang tranh chấp về chuyện cho và nhận, chuyện ban ơn và thụ ơn chăng?

Cũng trong thời gian đó thỉnh thoảng tôi đi Oxnard thăm những ruộng rau. Ngày Chủ Nhật thiên hạ đi nhà thờ, đi chùa hay đi Bolsa ăn phở, thì tôi đi mót rau. Những ruộng rau nhà chủ vườn đã hái xong, bỏ lại những cây rau không đủ tiêu chuẩn đầy ruộng, để mặc cho đến mùa sau. Tôi tới ngồi giữa ruộng rau ngắm những cây rau còn đầy sức sống. Những tầu lá phía ngoài xòe thẳng, thật xanh có gân trắng chằng chịt như những nét họa tuyệt diệu. Như mạch sống đang trào ra ôm ấp bông súp lơ trắng tinh lấp ló bên trong đọt lá non chúp đầu vào nhau như bàn tay chắp búp sen lạy Phật. Tôi hít hà trong không khí trong lành và vùng bao la xanh ngắt vắng lặng. Từ cái yên bình của ngoại cảnh và nội tâm, tôi thấy niềm tri ơn vỡ bung ra ôm trọn vẹn tôi trong cái thinh không vô cùng đó. Không biết tên ai để nhớ, để có dịp trả ơn thì làm sao đây. Gọi là Đời, là Trời Phật ư? Nhưng làm sao trả ơn Đời. Ơn Trời?

Mỗi lần đi như thế tôi thường khuân về hàng thùng rau đem biếu chùa và hàng xóm. Mọi người cám ơn. Nhưng trong lòng tôi thầm nghĩ chính mình phải cám ơn họ vì họ đã nhận và tiêu thụ hộ. Không có người nhận thì làm sao tôi có dịp cho. Làm sao tôi có cớ tiếp tục đi mót rau, để dần dần nhìn thấy lòng tham của mình. Nhặt cho nhiều. Tội gì, không có thì phí của đi! Nhưng thực ra thì làm sao mà phí được khi những cây rau bỏ lại sẽ chết đi, sẽ được cầy lên vùi vào lòng đất trở lại làm phân bón cho rau mùa sau.

Biết vậy nên từ đó về sau tôi thường chỉ nhặt in ít đủ nhà dùng vài ngày thôi. Còn thì ngồi chơi với ruộng rau. Nhận hưởng nắng ấm trải dài, không gian đầy ắp sức sống và những hỉ xả của Đất Trời. Bỗng nhận thấy rằng mình vẫn nhận rất nhiều, hàng

ngày của Trời Đất mà không thắc mắc. Nhưng người với người thì tại sao nhiều vấn đề thường được đặt ra. Phải chăng vì cái ngã còn đứng ở đó đặt ra những chuyện người cho kẻ nhận. Người có người không. Người đứng trên kẻ đứng dưới v.v... Mặc dầu Kinh Phật vẫn dạy rằng hạnh bố thí là hạnh thứ nhất của người Phật tử. Bố thí trong tinh thần không còn có người bố thí và kẻ được bố thí. Chỉ có việc bố thí. Để không còn có Người và Ta, không còn tự ái dù là tự tôn hay tự ti. Vì khi còn phân biệt giữa người và ta tức là còn có ngã. Còn nhị nguyên. Còn tính toán hơn thiệt. Còn có đi có lại. Còn rất Đời. Chưa đi vào đường Đạo.

Tất cả những cái thấy, những cảm nhận, những ý nghĩ, những quán chiếu, những suy tư đó nằm đầy ắp óc tôi. Nung nấu. Tôi hiểu hết mọi sự bằng óc. Nhưng chưa bằng con tim. Tất cả còn nằm đó, trên óc. Được dùng để suy đoán, biện luận và phán xét. Chưa di chuyển xuống tim để biến thành máu chạy khắp toàn thân. Tới tận đầu ngọn tóc, tận kẽ ngón chân để trở thành đời sống và hành động tự nhiên như hơi thở.

Cho đến khi lâm bệnh phải nằm nhà thương cả tháng. Đầu óc nhiều lúc rất mịt mù, mất khả năng suy nghĩ mạch lạc rõ ràng. Thân thể thì hoàn toàn bất lực. Như chiếc xe hết xăng, hết điện nằm vạ giữa xa lộ! Tôi sống được hoàn toàn là nhờ giúp đỡ của mọi người. Tôi đã nhận rất nhiều ở từ ông bác sĩ giải phẫu, cô y tá hàng ngày vào thay thuốc, đến bà đổ rác mỗi ngày, và bao nhiêu người làm khác để cho thân thể tôi được phục hồi.

Tôi đã nhận rất nhiều từ các em tôi, từ họ hàng, bạn hữu thân thương những giúp đỡ hữu hình và vô hình trợ lực cho tinh thần tôi không sụp đổ. Tôi nhận được từ những Linh Thiêng của Đất Trời ân huệ cho tâm tôi mở ra. Bằng lòng đón nhận tất cả. Từ cái đau cho đến tận cùng là cái chết. Bệnh hoạn làm cho thân thể bất lực. Làm tương lai trở thành hiện tại. Mọi dự phóng không còn chỗ đứng. Vì chính sự sống

DU LI

CHÀO

Tạm biệt nhé!
Những ân cần tha thiết
Những ngọt ngào
Những chia sẻ đầy vơi.
Nơi đây chúng mình đã ghé ngang chơi
Đã thỏa thuê cả tiếng cười và nước mắt
Thôi nhé!
Tiếng tù và nghe văng vẳng đâu đây
Đã đến giờ Mẹ gọi
"Chơi thế đủ rồi
về nghỉ đi con."

AN ỦI

Trong tĩnh lặng tôi đã gặp tình yêu Thánh Chúa
Dâng tâm thành lên Đức Quán Thế Âm
Tôi đang nằm yên
Tận hưởng tình người
Qua những nắm tay giao cảm
Qua ánh mắt chan hòa cả hồn người tinh khiết.
Tôi đang nằm yên
Nghe cơn đau thể xác
Và thấy hồn mình
Nhập vào vùng tĩnh lặng
Nhìn cơn đau với ấp ủ xót thương

GIA TÀI

Khi ra đi
Sẽ không có gì mang theo
Ngoài tâm thành giải thoát
Và
Không có gì để lại
Ngoài thương yêu
trả lại cho đời

6/27/93

cũng trở thành bấp bênh, biến hóa khó lường. Trên bờ vực bấp bênh đó cái ngã nín thở nằm yên. Đợi chờ. Rồi trong niềm yên lặng vô biên bên trong, và những thương yêu chân thật bao bọc bên ngoài những hiểu biết nung nấu trong óc bỗng bung ra. Tìm đường xuống tim.

Kỉ niệm một buổi tối đi nghe giảng. Rồi thiền với một nhóm người mới gặp lần đầu. Sau khi xả thiền, mọi người đứng thành một vòng tròn nắm tay nhau theo cách "Nhận Cho." Tay trái ngửa lên cho tay người đứng bên trái mình úp xuống. Tay phải úp xuống tay trái của người đứng bên phải mình. Tất cả mọi người đều làm như vậy thành vòng tròn. Từng đôi bàn tay khum lại ôm lấy nhau. Mọi người cùng nhắm mắt trong một phút cho điện (*energy*) luân lưu giữa những ngừơi trong nhóm. Qua bàn tay mở ngửa, điện nhận được từ người bên trái chạy qua người mình rồi truyền đem cho người đứng bên phải, qua bàn tay mình úp xuống tay người. Truyền cho nhau thanh điện và tẩy biến những trược điện của nhau.

Hôm đó ra về không những là thấy lòng vui, thân khỏe mà còn thấy mình thích quá, thích quá về lối cầm tay kiểu này. Tôi thường vẫn không thích cái kiểu nắm tay nhau, nhất là lại nắm chặt. Bởi vì thấy như có một sự nắm giữ làm của riêng, và khi một người muốn buông tay ra, mà gặp người kia không đủ mẫn cảm để nhận biết, thì sẽ có một sự vẫy vùng nho nhỏ. Lối cầm tay này thật nhẹ nhàng và có ý nghĩa. Lúc đó tôi nghĩ vậy.

Kỉ niệm này trở về với tôi nhiều lần trong lúc nằm trên giường bệnh. Câu nói của cậu Nhân 11 năm về trước trên chuyến đi từ San Fran về Los, cùng với câu chuyện của chị Vân về Thầy Thiên Ân và những kinh nghiệm về Nhận và Cho thu thập bấy lâu trong cuộc đời vẫn cất giữ trong óc, bỗng hiện ra như những mảnh puzzle. Ghép vừa vào nhau. Dần dần. Rồi một hôm nằm đọc kinh Phật nói về hạnh bố thí và giảng tại sao nên bố thí, tôi cảm thấy như mình vừa ráp xong mảnh *puzzle* cuối cùng. Bỗng nhìn thấy như một người tù sau bao năm nằm trong ngục tối được giải phóng để nhìn thấy ánh sáng chói lòa và vạn vật rạng rỡ của một thế giới con người tự do.

Khi ra khỏi bệnh viện, tôi lên San Jose để tiếp tục làm *chemotheraphy* và dưỡng bệnh tại nhà một người em trai đã có gia đình. Tôi thoải mái trong sự nhờ cậy rất nhiều ở mấy người em. Một anh bạn từ thuở trung học với em trai tôi nghe tin cũng ân cần lại thăm. Anh tình nguyện chở tôi đi bệnh viện khi cần. Thấy tôi khen cây hồng ròn nhà anh, anh cắt cho tôi những chùm hồng vàng cam còn cả lá. Anh đem cho bánh dẻo vợ làm và cuốn băng nhạc chọn lọc thu những bài ca Việt và Mỹ thịnh hành hồi đó khi anh hay xuống chơi với em tôi vào đầu thập niên 60 ở Phú Nhuận. Tôi không thắc mắc khi nhận quà anh cho. Cám ơn anh mà không lúng túng. Tôi bỗng nhớ đến hình ảnh Kevin, cháu tôi hồi một tuổi. Hồi đó tôi đến trông cháu những ngày em tôi đi làm. Đến giờ ăn, chú bé nằm u ơ chờ tôi hâm sữa đem lại. Không thắc mắc. Ăn xong chú buông chai không xuống thảm. Nhìn tôi. Cười. Không lúng túng. Và u ơ đòi bế ra đứng cửa sổ ngóng mẹ về.

Cũng vẫn cùng là một vòng tròn. Lúc đó chú Kevin đứng bên phải tôi, ngửa tay cho tay tôi úp xuống. Bây giờ tôi đứng bên phải anh bạn, tay ngửa lên đón bàn tay anh. Chẳng mấy khác, thì tại sao không thể cũng nhìn cười như chú Kevin ngày bé. Khi đã biết rằng có một người khác đang đứng cạnh mình bên phải tay ngửa lên cho bàn tay mình úp xuống. Khi biết rằng những người đứng bên phải và bên trái mình luôn luôn đổi chỗ hàng giờ hàng ngày trong cùng một vòng tròn, hay sang một vòng tròn khác. Còn gặp lại hay sẽ không bao giờ gặp nữa. Biết vậy sẽ không còn ngại ngùng khi nhận và mong mỏi khi cho. "Ân nghĩa xin nguyện đền." Nhưng không là tìm cho được ân nhân cũ để trả nghĩa. Mà luôn luôn giữ đầy trong tấm lòng biết ơn Đời ơn Người để luân lưu đi những ân huệ nhận được từ người phía trái sang cho người bên mặt. Không giữ lại để dành. Để chuyển hóa những đắng cay của Sân hận nhận được, thành ngọt ngào của Hỉ xả Tha thứ đem cho người đứng bên. Không sổ sách trong tâm.

Trước Giáng Sinh cô em gái ở Virginia gửi cho ít quần áo ấm mặc trong nhà. Cùng với tấm thiệp nhắc nhở tôi là "*everyday should be Christmas and we hope you will in everyday the comfort of receiving as well as the joy of giving.*" Tôi muốn nói với cô rằng từ ngày bệnh hoạn đến nay đối với tôi "*everyday IS Christmas.*" Và tôi đã cảm nhận được Niềm Vui hồ hởi cả trong hành động NHẬN và CHO. Trong thực tế lúc này tôi không làm được gì Cho ai. Ngay cả mấy con tem nhiều khi cũng phải nhờ người đi mua. Nhưng sao tôi cảm thấy như có rất nhiều để cho. Phải chăng vì tôi nhận được từ Đất Trời và Người rất nhiều. Mỗi ngày. Nhận được nhiều thì cũng có rất nhiều để cho đi. Vì tôi chỉ đứng đó để chuyển hóa và luân lưu đi tất cả sau khi đã thụ hưởng hoặc thêm thắt một chút hương hoa. Rồi có lúc thấy mình không còn đứng đó để nhận hay cho, hay để thấy vui trong lòng. Mà chỉ thấy một sự luân lưu nhẹ nhàng. Không ngừng. Tự nhiên như bốn mùa thay đổi. Như lẽ vô thường của vạn vật.

Bỗng khám phá ra một quyền tự do căn bản và tối thượng của con Người mà cả đời mình không hề biết tới mặc dầu vẫn tự hào là người tự do. Bỗng hiểu tại sao trong sáu phép Lục Độ bố thí là hành (động) đầu tiên của người Phật tử và là hạnh thấp nhất. Nhưng chính hạnh bố thí cũng có thể là hạnh cuối cùng đưa con người tới giải thoát. Trọn vẹn. Đời đời.■

DU LI

SOUTH WIND CHANGING VÀ JADE NGỌC QUANG HUỲNH

PHAN THANH TÂM

Hồi ký thường là tự truyện của một nhân vật ngoại hạng, một ngôi sao sáng, một người đã từng vang bóng một thời, trên sân khấu chính trường, trên sân khấu nghệ thuật, thể thao, hay cuộc đời; trái lại cuốn South Wind Changing chỉ là hồi ký của một người VN không tên tuổi, nói về đời mình từ thuở niên thiếu cho đến năm 28 tuổi. Thế nhưng, cuốn này, lại được giới điểm sách Hoa Kỳ chú ý, và ngợi khen tác giả là một nhà văn có tài. Đây là điều hiếm có cho một người ngoại quốc, với cuốn sách đầu tiên mà đã bước vào cửa ngõ văn chương Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, anh Jade Ngọc Quang Huỳnh lại nói anh đang "gặp khó khăn." Anh cho hay, không biết rồi anh phải làm thương mãi hay làm văn chương? Hiện cuộc sống của anh chẳng khá gì hơn ngày anh mới đặt chân tới Mỹ tháng Mười Một năm 1978; dù sách anh được tờ *Time* điểm trọn trang và tờ *The New York Times* viết rất dài về cuộc đời anh. Đây là một sinh viên năm 1974 mới bắt đầu ghi danh tại trường đại học Saigon, chẳng tham dự ngày nào vào cuộc chiến quốc cộng, nhưng đã phải trải qua nhiều gian truân, thử thách.

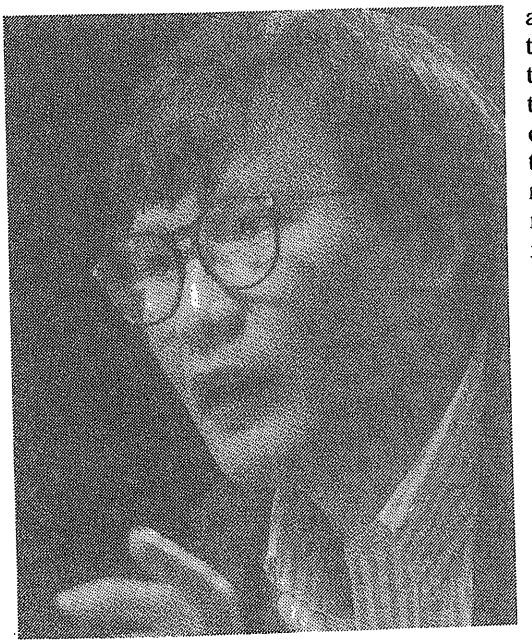

Jade Ngọc Quang Huỳnh

Cuốn sách nói về sự chịu đựng, sức phấn đấu, nỗi khổ đau, và lòng hy sinh, cùng đức nhẫn nhục của người dân thầm lặng trong "cuộc xung đột ý thức hệ ngu xuẩn" Quốc Cộng và Nam Bắc. Ngoài tình tiết ly kỳ, mạo hiểm, nó còn hấp dẫn nhờ ở lối văn giản dị, nhận xét lạ và lòng chân thật, nhưng rất nhiệt tình của một người sinh trưởng vào năm con gà 1957, trong một gia đình có 17 anh em, ở miền đồng bằng sông Cửu Long.

Chính vì những yếu tố đó, giáo sư Joe Mc Ginniss, một nhà văn lớn của Hoa Kỳ, tác giả nhiều sách thuộc loại *bestseller*, khi dạy sinh viên Ngọc về văn chương, đã kêu anh vào văn phòng riêng của giáo sư, chỉ vào các bài viết của anh và nói, "cuộc đời anh sẽ là một nhà văn." Câu nói này, đã khiến anh dứt khoát học hẳn nghề viết lách và thơ văn nước Mỹ, khác với thế hệ cùng trang lứa đi vào các ngành thương mại, kế toán hay khoa học kỹ thuật.

Đến thành phố đôi Saint Paul - Minneapolis theo lời mời của nhà xuất bản Graywolf Press và hội Asian American Renaissance, hội quy tụ nhiều nghệ sĩ Mỹ gốc Á Châu, trong một buổi bình giảng cuốn South Wind Changing, do Minnesota International Center tổ chức tại trường đại học Macalester, nhà văn Jade Ngọc Quang Huỳnh cho biết, anh viết văn vì anh thấy có bổn phận phải trình bày "những đau thương bị quên lãng của những nạn nhân vô tội trong cuộc chiến và nói lên tiếng nói của một thế hệ bị mất mát".

Sau khi đọc một chương trong cuốn sách viết, về cảnh gia đình anh bị kẹt trong một trận đánh hồi Tết Mậu Thân 1968, lúc ấy anh mới 12 tuổi, trước một cử tọa hơn 200 người Mỹ, thuộc loại thích văn thơ, anh giải thích, "tôi còn muốn điều chỉnh nhận thức sai lầm về VN mà báo chí và điện ảnh Hollywood đã mô tả từ trước tới nay. Theo đó, người đàn bà VN là đĩ điếm; nước VN là chiến tranh; với hình ảnh một ông tướng bắn chết một tù binh."

Đủ mọi thảm kịch

Ngoài ra, theo anh, người ngoại quốc chỉ thấy có một người ở VN. Họ cho rằng, chỉ có ông Hồ Chí Minh tranh đấu cho tự do, độc lập. Nhưng người ngoại quốc đâu biết, ông Hồ là một kẻ nô lệ tư tưởng, đã làm bao nhiêu người chết, khiến đất nước điêu linh và đưa nước VN vào vòng lệ thuộc Nga Hoa? Anh nói: "Tôi không viết bằng tiếng nước tôi vì đã có nhiều

người VN tài giỏi làm rồi. Tôi viết bằng tiếng Anh vì muốn có tiếng nói của người Việt trong văn chương Hoa Kỳ."

South Wind Changing, do nhà xuất bản Graywolf Press ở Saint Paul ấn hành, dày 305 trang, bìa cứng, có tranh của Hiếu Đệ, giá 20 Mỹ Kim, đã cho phép anh, từ mười mấy năm nay, sống ở một vùng quê hẻo lánh, mãi tít miền đông bắc gần Canada, tiểu bang Vermont, chỉ có toàn người da trắng, được bay về xứ vạn hồ, nói về kinh nghiệm của một người ngoại quốc Á Châu, muốn sống bằng văn chương chữ nghĩa bản xứ.

Cuốn sách kể lại đời anh. Một thanh niên mới lớn ở tỉnh lên Saigon học đại học. Năm 1975 anh bị cho là kẻ phá hoại, bị bắt, bị đưa đi học tập cải tạo ở một nơi gần biên giới Việt Miên. Nó có đủ mọi thảm kịch, nước mắt, máu và chết chóc. Đó là chuyện ở tù học tập; chuyện vượt ngục; chuyện vượt biên; chuyện hải tặc; chuyện trong trại tị nạn; và chuyện ở Mỹ lao động kiếm sống cho đến mùa xuân năm 1984 lúc anh quyết định đi học lại.

Trong sách có nói tới nỗi thất vọng cay đắng của một cán binh tập kết, thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Sau hơn 30 năm theo bác và đảng, hy sinh đủ mọi thứ, chịu đựng mọi hiểm nguy, cho đến khi chiến tranh chấm dứt. Chú Tư, phó thủ trưởng trại, vẫn không có tiếng nói, không có quyền lực, vẫn phải xa gia đình, sống trong rừng với đám cải tạo; hằng ngày vẫn phải chấp hành chỉ thị của thủ trưởng, một cán binh miền Bắc. Và chú Tư, vì một vết thương không đáng, lại còn bị cưa chân bởi sự chữa trị cẩu thả của các cán bộ y tế.

Hai người, tên tù cải tạo trẻ tuổi và ông phó thủ trưởng trại dày dạn, tuy hoàn cảnh, vị trí khác nhau, nhưng qua tiếp xúc, gần gũi họ đâm ra có cảm tình ngầm với nhau; họ thấy rằng tất cả đều là nạn nhân. Nhờ vậy, tên tù có cơ trốn. Trên đường chạy thoát, anh cầu Trời Phật cho chú Tư thực hiện được ước mơ mà có lần chú đã thổ lộ với anh "trở về Trà Vinh, xin cha mẹ một miếng đất, cất một căn nhà nuôi vài con gà, con vịt, con heo."

Lọt vào mắt xanh

Ngoài ra, sách còn cho thấy cái lạ của nhân vật chính. Trong khi thiên hạ theo tiếng chim gọi đàn, rủ nhau về miền Nam nắng ấm, anh lại về miền Tây, trên một chiếc xe cà tàng, cùng với hai người em và một đứa cháu, lái suốt cả tháng xuyên qua nước Mỹ, tiến về miền đông tuyết giá. Cuộc hành trình tìm đất lành để đậu, chỉ dừng lại khi con ngựa sắt sụm, hết lết nổi.

Chỗ đó là thành phố Bennington, thuộc tiểu bang Vermont, nơi mà nhà văn Nga Solzhenitsyn cư trú trong gần 20 năm. Định cư ở đây, anh mơ có ngày trở thành nhà văn của vùng đất mới và khởi sự thích đọc *The Waste Land, Dover Beach, Strunk White's The Elements of Style*, thơ Shakespeare, và truyện của Leo Tolstoy.

Cuốn sách đầu tiên này lọt vào mắt xanh nhà xuất bản Mỹ, là nhờ một *agent*, theo lời anh, "thuộc loại mạnh nhất thế giới." Thầy anh, một tên tuổi cỡ bự trong văn giới Hoa Kỳ, giáo sư Joe McGinniss, đã giới thiệu anh với bà ta. Ông là tác giả cuốn *The Selling of the President, Fatal Vision, Blind Faith, The Last Brother...* Ông ta giàu có bạc triệu. Sách ông mới còn trong bản thảo mà nhiều nhà xuất bản đã tranh nhau ứng tiền ào ào rồi.

Phần anh thì sao? Sách in ra mấy tháng rồi nhưng chưa thấy xu nào cả. Theo hợp đồng, sáu tháng sau mới có. Mỗi cuốn bán, anh được hai đồng. Họ in lần đầu năm nghìn cuốn. Nếu sách bán hết, sau khi trừ thuế, và tiền cho *agent* anh chẳng còn nhiều nhỏi gì. Nhà xuất bản biếu anh năm cuốn và cho biết, chuyện anh nếu do một người Mỹ viết thì sẽ số một. Tên anh còn lạ hoắc, khó đọc, khó viết, khó nhớ, khó quảng cáo. Chẳng ai dại liều lĩnh bỏ tiền cho cái tên kỳ cục ấy.

Mặc dù trước đây để cho người ngoại quốc dễ gọi, thay vì lấy tên nào đó, nhưng quý chữ Ngọc, anh bèn thêm chữ Jade vào tên thật của mình. Tiếng Anh *Jade* là Ngọc. Thế là tiện việc. **South Wind Changing**, tối thứ Ba ngày 17 tháng Năm 1994, đã biến mơ ước của Jade Ngọc Quang Huỳnh thành sự thực khá huy hoàng, khi trên năm chục độc giả Mỹ trong số hơn hai trăm người, sau hơn một giờ ngồi lắng lặng nghe anh đọc một đoạn văn trong cuốn hồi ký, đã nối đuôi, xếp hàng tại nhà sách Hungry Minds ở Saint Paul mua sách, bắt tay ca ngợi và xin chữ ký của anh. Tuy nhiên, anh nói, anh vẫn còn lận đận.

Trong cuộc sống, đời anh chưa tới một ngã rẽ nào mới mẻ. Dù không hút xách rượu chè, bệnh bao tử vẫn không thuyên giảm. Gia đình hiện còn nhờ *food stamp*, khá chật vật. Anh ở chung với một cô bạn người Mỹ 28 tuổi, thua anh 10 tuổi. Cô làm việc *part-time*; hai tuần một tháng. Anh tâm sự, "trai gái gần nhau không trẩy thì cũng trụa." Kết quả hai người có một bé gái 17 tháng; "mặt nó sáng như mặt trời." Đứa nhỏ đem lại may mắn. Cuốn sách đầu tiên có người chiếu cố.

Còn anh? thất nghiệp dài dài, ở nhà chơi với con, viết văn. Mọi cửa ngõ hãy còn đóng chặt im ỉm. Tuy có bằng cử nhân văn chương Hoa Kỳ và năm 1992 tốt nghiệp Cao học về viết văn và sáng tác ở Brown University, một trường rất nổi tiếng, anh vẫn chưa tìm được một việc làm thích hợp. "Tôi không muốn đứng ngoài lề xã hội. Tôi muốn đóng thuế," nhà văn Jade nói với tờ báo *Pioneer Press* như vậy, khi đến thành phố Saint Paul để cổ động giới thiệu cho cuốn sách của anh hồi trung tuần tháng Năm vừa rồi.

Anh Ngọc nói tiếp: "Trong sáu năm làm đủ nghề tay chân, tôi ráng học cho có cái bằng để cuộc đời khá hơn. Nhưng ở Mỹ khi anh có cái bằng thì người ta đòi phải có kinh nghiệm. Khi

ĐOÀN NHẬT

TRỞ LẠI SPRINGFIELD

Người trở lại Springfield
Quanh quất những tiêu điều
Chim chóc bỏ tiếng hát
Bay vào trời tịch liêu

Người trở lại Springfield
Chân vấp váp bóng chiều
Cắn chặt môi nhung nhớ
Vì chăng nỗi dấu yêu

Người trở lại Springfield
Mùa trái chín đỏ sầu
Cây lặng thầm ngăn ngắt
Hồn câm nín nỗi đau

Người trở lại Springfield
Nhìn bóng mình đổ xiêu
Mưa bỗng mù như lệ
Thân bỗng như rong rêu...

có kinh nghiệm nữa thì nghười ta bảo anh quá giỏi, *over qualified*. Làm sao bây giờ? Tôi thích xứ sở này. Nhưng cái giá quá mắc. Cả một đời người. Tự do không phải là thứ cho không; trên trời rơi xuống. Dù sao, tôi vẫn hy vọng là sẽ tìm được một chân phụ giảng về văn chương Hoa Kỳ ở một nơi nào đó."

Người viết văn: anh là ai?

Từ hai năm nay, anh đã gửi bốn năm trăm đơn cho các trường khắp nước Mỹ. Anh nhận được cả trăm thư hồi âm với lời cám ơn nồng nhiệt vì anh đã nghĩ đến họ. Bao giờ họ cũng rất lịch sự, tử tế đủ để anh không nản mà bỏ cuộc. Nhân dịp đến Minnesota ra mắt cuốn sách, anh đã đến trường đại học Hamline ở Saint Paul nộp đơn xin phụ trách dạy một lớp về viết lách như trường đăng thông cáo muốn tìm. Nội trong ngày, anh đã được giáo sư khoa trưởng trường Văn tiếp. Ông này cho biết là mùa Thu tới trường mới có thể trả lời.

Trong khi chờ đợi, anh tiếp tục hoàn thành cuốn sách thứ ba và suy nghĩ xem là nên viết sách để dễ bán, dễ làm thương mại, dễ làm movie như cuốn *The Joy Luck Club* của bà Amy Tan hay không? Anh đã đưa cho bà *agent* cuốn sách thứ hai tựa là **My Daughter**. Bà ta giữ đọc một thời gian, khen hay rồi rít. Bà nói, chuyện tuyệt vời, rất cảm động. Văn viết lại sắc sảo, có hồn.

Tuy nhiên, chính các ngài *marketing* mới là người hiểu độc giả Mỹ, mới là kẻ quyết định. Nói tới VN mà không có chiến tranh, không có bạo động là không ăn tiền, không thể quảng cáo. Bà ta muốn anh thêm thắt, sửa đổi. Anh phân vân, do dự vì "tôi không muốn bán linh hồn."

Hỏi anh, người viết văn là người như thế nào? Anh nói, "người viết văn là người có con tim; hắn kể chuyện lại với một lòng chơn chánh. Và một tác phẩm tồn tại lâu dài là một tác phẩm phản ảnh trung thực chuyện đời ở một thời nào đó. Phán đoán để dành cho người đọc." Anh cho biết, chuyện thứ hai và chuyện thứ ba, anh "lấy bối cảnh ở VN; nói về những nạn nhân bị bỏ quên; về người chồng, người cha, người vợ, người mẹ đau khổ. Tất cả đều dựa vào chuyện thiệt." Cũng như cuốn hồi ký là chuyện đời anh. Người Tây phương họ không tin lắm, vì không do họ viết.

Về kinh nghiệm tiếp xúc với các nhà xuất bản Mỹ, anh nói, họ không thích viết dài; khoảng hơn 300 trang thôi. Có những chi tiết mình không chú ý nhiều nhưng họ lại thích. Chẳng hạn, khi anh tả ở VN mấy đứa nhỏ chơi trò cho mấy con dế đá nhau. Họ ưa lắm vì lạ. Cuốn sách đầu tiên anh viết 400 trang. Họ đề nghị cắt còn 300 trang thôi. Anh nói mình nên uyển chuyển việc này trong giai đoạn đầu. Chờ cho có tên tuổi đã. Cuốn thứ nhứt mà được xuất bản là mừng rồi.

Nói về cách làm việc, nhà văn Jade Ngọc Quang Huỳnh thố lộ, anh sắp xếp, suy nghĩ bằng tiếng VN. Nhưng khi ngồi xuống viết thì "viết bằng tiếng Anh, quên ăn, quên ngủ, đam mê, cho đến khi mệt nhoài. Ai có gọi hay nhà có cháy tôi cũng mặc. Lúc đó như có ai nhập vào người, khiến tôi viết ào ào, chảy như dòng nước. Xong rồi mới ngồi sửa. Khi đọc lại, tôi khóc sướt mướt, không tưởng tượng nổi là mình có thể viết bằng tiếng Anh, với những dòng đẹp, đơn thuần, thâm thúy như vậy." Anh nói, "tôi 28 tuổi mới thật sự học tiếng Anh. Thiệt tình, ngộ quá sức, tôi không hiểu nổi. Trong nước, tôi chỉ biết có tiếng Việt và tiếng Pháp. Giờ tiếng Pháp thì quên hết. Mọi sự như ngoài tầm tay tôi. Tôi viết văn tự nhiên, không tu luyện. Cuốn **My Daughter** tôi hoàn thành trong vòng sáu tháng. Bạn gái Mỹ giúp đánh máy lại. Nó khóc suốt cả

tháng vì chuyện làm nó quá xúc động." Anh kể cho người điểm sách và phỏng vấn nội dung cuốn **My Daughter**, nhưng lại yêu cầu không phổ biến vì "đã đưa *agent*; để họ giữ độc quyền trong một thời gian."

Thiếu vắng một cái gì

Đáp câu hỏi, nếu tự phê, anh thấy văn anh thế nào? Nhà văn Jade Ngọc trả lời ngay, không ngần ngừ, "người ảnh hưởng nhiều nơi tôi là Leo Tolstoy;" nhưng anh nói "văn tôi tình cảm hơn, lãng mạn hơn, ướt át hơn, sâu đậm hơn và tự nhiên hơn." Anh nói rõ thêm, "nhận xét đó không phải của tôi mà là của những người bạn Mỹ, của thầy tôi và của người điểm sách." Anh kể lại, các bạn đó có lần đã nói với anh rằng "Thượng đế đã cho Ngọc điều đó và ngoài ra còn cho Ngọc biết dùng những hình ảnh nhỏ để diễn đạt cái lớn, có ý nghĩa sâu xa, đậm đà."

Anh cho biết, nhà văn nhà thơ ngoại quốc anh thích là T.S.Eliot, Mathew Arnold, Willa Cather, Katherine Ann Porter và ưa nhứt là Leo Tolstoy nhà văn Nga tác giả cuốn *War and Peace* mà trong **South Wind Changing** anh có nhắc tới. Còn VN? Trước 1975 anh có đọc Võ Phiến, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo. Về thơ anh chỉ còn nhớ thơ T.T.Kh., Nguyễn Bính, Tản Đà, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát.

Còn văn thơ VN hải ngoại sau 1975? Từ ngày rời nước cho tới nay anh không có cơ hội đọc văn thơ VN. Anh nói "chỗ tôi ở không có bóng dáng người VN nào. Muốn ăn một tô phở phải lái xe tới Boston mất bốn tiếng. Không dám nghe nhạc VN vì nghe là chỉ có chết "gầu", phát bịnh thôi!"

Nghe giọng anh nói, người ta biết ngay anh là người Hậu Giang lục tỉnh. Chữ R anh thường phát âm thành chữ G. Anh rất sùng tín đạo Phật. Tuy chương trình rất bận rộn, thuyết trình nghệ thuật viết văn với các nhà văn Á Châu, tiếp tân, và phỏng vấn của các cơ quan truyền thông..., nhưng khi nghe Minnesota có chùa, anh nhất định dành thì giờ đi thăm "vì lâu lắm không tới chùa lạy Phật." Anh nói với tờ Minnesota Daily, chính nhờ đức tin này mà anh vượt thoát mọi khó khăn, nguy hiểm.

Nói về cuộc sống ở Mỹ, anh nhận định, "giàu nghèo gì ở đây ai cũng đều sống được. Nhưng mình luôn luôn cảm thấy có một cái gì thiếu vắng. Vẫn còn nhớ những ngày thơ ấu." Tuy có quốc tịch Mỹ, anh vẫn thấy anh là người Việt Nam da vàng. Anh nói, anh muốn làm một cái gì cho VN. Điều có thể làm là viết văn, dạy học, và thực hiện một tuyển tập thơ văn VN trước năm 1975, bằng tiếng Anh, để khi nói về văn chương Việt Nam, người ta có tài liệu dẫn chứng; và để cho thế hệ trẻ ở Mỹ biết được văn hóa Việt Nam.

Trong tương lai anh sẽ tìm cách liên lạc với các nhà thơ nhà văn Việt Nam xin họ mỗi người cho năm sáu bài ưng ý nhất. Anh sẽ chọn, tự dịch hay nhờ nhiều người khác cùng dịch rồi cho vào tuyển tập. Anh đã nói ý định này với ba nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, Cung Trầm Tưởng và Tô Thùy Yên trong dịp hàn huyên với ba ông, trong thời gian anh viếng thăm Minnesota. Anh mong là anh sẽ có dịp giảng dạy, ngoài văn chương Hoa Kỳ, cả văn chương Việt Nam nữa.

Nhà văn Jade Ngọc cho biết, anh chỉ về lại Việt Nam khi nào Việt Nam có không khí mới, có tự do dân chủ thật sự. Anh nhấn mạnh, "tôi không làm chính trị. Tôi chỉ muốn là một nhà văn." Theo anh, chế độ Cộng sản ở Việt Nam đã cho du nhập một chủ thuyết ngoại lai. Họ lại đốt sách, phá hoại, tiêu hủy văn hóa và chỉ cho dân chúng đọc những gì họ cho phép đọc mà thôi. Điều đó không thể tồn tại lâu dài trong thời đại này. Anh nói, "Việt Nam cần phải thay đổi, cần có một cuộc cách mạng khác."

Anh tâm sự, song thân anh đã ngoài 80 còn ở VN. Anh không có tiền để lo cho hai người qua Mỹ. Anh than chỗ anh định cư quá buồn, không có thân thích, bạn bè. Không ai biết ai hết. Tôi cười nói, họ không biết anh là phải. Và hỏi anh, hình như ông Solzhenitsyn cũng ở đâu đó gần anh phải không? Nhà văn Jade Ngọc Quang Huỳnh hiểu ý bật cười, "Đúng, họ làm sao biết được. Nhà văn Nga nổi quá. Bóng ổng che hết. Nhưng may quá, nghe nói ổng về Nga rồi. Hy vọng vậy thay."■

TRẦN MỘNG TÚ

KHÔNG

Đi bộ một mình trong buổi sáng
Trên trời mây trắng nõn như bông
Dưới đất chân thơm lừng hương cỏ
Đầu như một chiếc lều bỏ không

Đầu bỏ không nên hồn cũng rỗng
Gió ghé vào gió lại ra đi
Gió không mang theo một hạt bụi
Cũng không không cả đến cánh hoa

Cúi xuống tưởng vừa chạm vào bóng
Cũng không như bụi không như hoa.

5/94

ĐỒNG CỎ NĂN

KIM BỒNG

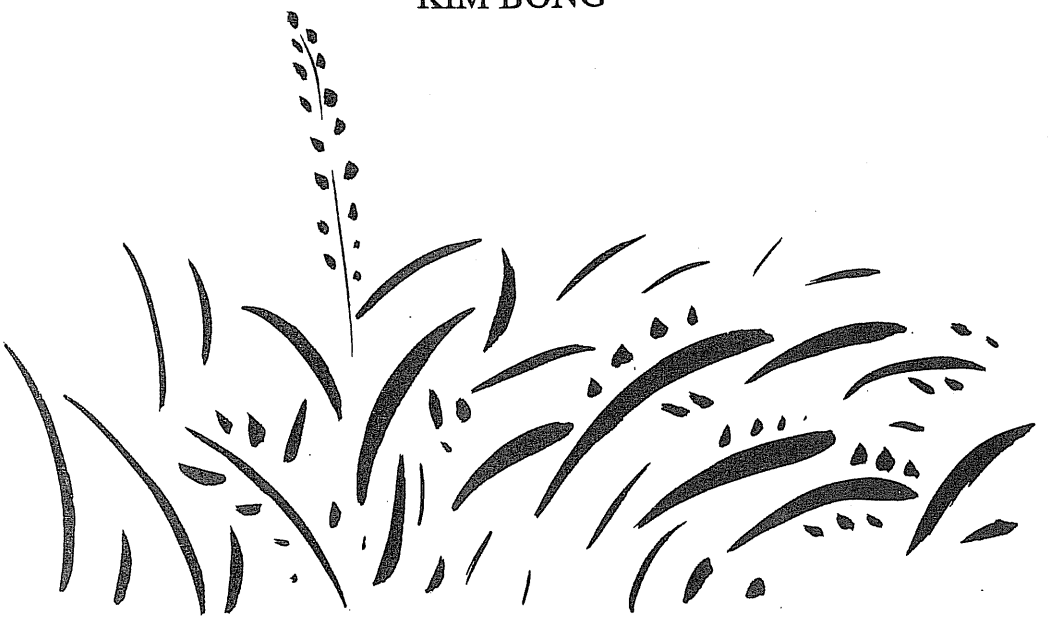

Ba người đi xăm xăm đến tiệm cà phê, nhưng tới cửa thì lại không vào ngay. Bên kia đường, hai bộ hành, một nam một nữ, tiếp tục đi thẳng. Con đường lầy lội trước mặt họ dài thêm được chừng năm chục thước nữa rồi mất hút vào khối nước lụt mênh mông.

Nghinh, người lớn tuổi hơn cả, hỏi:

"Đường này về đâu nhỉ?"

Hùng, người trẻ hơn cả:

"Chắc ở sâu hơn có người ở, cũng như dọc theo các kinh vậy."

Đạc, tay mang một chùm bánh dừa, tiếp lời:

"Trong cùng là rừng tràm. Mình từ phía đó ra mà; anh không nhớ phương hướng à?"

"Lính kiểng như tôi, địa hình biết gì. Với lại, bị quay như dế mấy năm nay, còn gì là phương với hướng. Các cậu là dân bóp cò mới rành chứ."

"Vừa thôi anh hai, tui tuyệt đối an tâm tin tưởng rồi mà, anh hai."

Họ cười không thành tiếng, bước vào. Nền đất ướt lép nhép, chỉ bớt sình lầy hơn mặt lộ một chút, vách sậy, mái lá, cột bằng cây tràm, buộc bằng dây choại. Nghinh nhìn ngang nhìn ngửa, lẩm bẩm:

"Muốn quán thì được quán nhé. Chả cần bầy đặt văn nghệ, nhà bê tông cốt sắt cũng quán nọ quán kia."

Quán không có khách. Có bốn bàn, mỗi cái một kiểu, vuông tròn cao thấp khác nhau, sắp sát hai bên vách, chừa lối đi ở giữa chừng hai thước bề ngang. Họ chọn một bàn chữ nhật vừa xinh, kê dưới ô cửa sổ. Nhìn kỹ mấy cái ghế, rồi yên tâm là ghế thuộc loại quần áo dơ ngồi được, không bị chủ rầy, họ mới ngồi. Vừa buông mình xuống, hai người trẻ tuổi nhăn mặt rướn ra trước cho lưng rời khỏi lưng ghế. Nghinh cười:

"Tớ biết trước quần áo ướt mà ngồi thì gớm như thế nào nên chỉ kê tí mông thôi. Chờ nó ấm lên rồi mới đưa lưng chịu đòn. Thôi, ta ăn bánh, cho nó quên cái nhớp nháp trên người đi." Vừa lúc đó, chủ quán từ trong ra, một cô bé chừng hai mươi tuổi:

"Mấy chú uống chi?"

Hùng:

"Ba cà phê đen. Có Sài Gòn Giải Phóng không?"

"Dạ, không. Có Đà Lạt với Vàm Cỏ."

"Có điếu cày không?"

"Chú nói cái chi?"

"Điếu hút thuốc lào ấy."

"Dạ, hổng có."

"Cô cho sáu điếu Đà Lạt. Mà này, bộ tui già lắm sao mà kêu bằng chú?"

Cô chủ đưa tay che miệng, như muốn làm cho người ta thêm chú ý đến ánh răng vàng nhánh lên trong khóe miệng.

Đạc:

"Đừng nghe nó, cháu. Nó chưa vợ, nhưng chớ có nghe nó."

Nghinh bóc bánh, lá dừa nước gói bánh sau khi luộc ngả màu vàng úa.

"Các cậu không biết hút thuốc bằng điếu sâu kèn à? Lá dừa nước này vấn ống điếu sâu kèn là số một."

"Biết chớ. Mà hồi nãy anh nói quán quán cái chi vậy?"

"À! Nhớ mấy quán cà phê ở Sài Gòn trước ngày sập tiệm không? Quán Tre, Quán Văn?"

"Chắc Đạc biết. Tôi ở Đà Lạt, vừa lớn lên là đi lính, chẳng bao giờ ở Sài Gòn."

Đạc gật đầu.

"Các cậu có biết tại sao dân chơi không gọi mấy chỗ đó là tiệm cà phê không? Tại sao gọi là quán?"

"?"

"Quán thì mới xì-tin, văn nghệ, chứ sao nữa. Tiệm cà phê chỉ bán cà phê vợt, Bắc kỳ gọi là cà phê bít tất. Ở đó khách hàng ngồi kiểu nước lụt, đổ cà phê ra đĩa mà húp, hoặc lấy bánh tiêu, dàu cháo quảy mà chấm. Tiệm thuộc xóm bình dân, thịnh vào buổi sáng. Nhiều tiệm cà phê vợt ngon ác ôn, như tiệm Thái Lan ở Khánh Hội. Đằng khác, quán mới có cà phê phin, thịnh về đêm, đèn mờ mờ ảo ảo, nhạc êm dịu, ảo não, thê lương, có em bé ngồi két thơ mộng. *Người em sầu mộng muôn đời. Tình ta như tuyết giăng đầu núi...*"

"Độc!"

"Uống quá. Sanh sau đẻ muộn thiệt thòi quá, sư phụ."

"Quán có truyền thống văn nghệ lâu đời. Có lẽ từ thời tản cư 46-48. *Quán Gió* của Ngọc Giao viết về thời kỳ này."

Họ lấy mỗi người một khúc lá dừa nước, vấn điếu sâu kèn. Nghinh hiển nhiên vụng về, ông vứt cọng lá, ngồi ngó. Hai người kia cười:

"Ba mươi giây có liền, sư phụ."

"Tài nghệ anh cũng cỡ cái anh kia ra thăm nuôi, vợ thấy chung quanh người ta trao nhau 'kỷ vật cho em', nào kẹp, nào lược, nào *lắc*, thôi um xùm trời đất, bả mới hỏi: 'Vậy chớ anh làm được cái chi không?' Ảnh bèn móc túi lấy bao thuốc lào ra: 'Cái này anh khâu lấy đó'. Lần thăm nuôi kế, vợ lại hỏi; ảnh lại đưa bao thuốc ra. Vợ lạ: 'Lần trước anh khoe rồi mà'. Ảnh cãi: 'Anh mới giặt sạch, kể cũng như mới'."

"Anh Nghinh khá hơn, may được cái vỏng vải."

"Rớn chơi, đừng buồn nghe, sư phụ. Được tin anh xuống tăng cường, tụi này mừng quá cỡ. Mong anh xuống, nói chuyện nghe cho đã lỗ tai."

Hùng vấn xong ống điếu đầu to đầu nhỏ, đưa cho Nghinh. Ông gạt:

"Chú hút trước đi."

Hùng vê thuốc, nạp vào đầu lớn ống điếu, tợp một miếng nước trà, chúm môi ngậm ống điếu, châm lửa hút, nước kêu rột rột trong miệng, nghiêng mình qua cửa sổ, nhổ miếng nước ám khói thuốc xuống đồng. Nhìn đám khói tản mạn trước mặt, anh lắc đầu:

"Không phê. Chắc tại nước trà."

Đạc thì nuốt luôn miếng nước, cố tình làm một tiếng "ực" thật lớn.

Hùng nhăn mặt:

"Đắng nghét mà nuốt được."

"Cho bao tử phê luôn."

Nghinh lắc đầu:

"Người như chú các cụ gọi là dùi đục chấm mắm cáy."

"Tiếp, sư phụ."

"Tối nay kể chuyện *Quán Gió* đi."

Nghinh chậm rãi nạp thuốc, mồi lửa, trầm ngâm. Hút xong, ông lắc đầu:

"Không nhớ gì mấy. Chuyện cũng chẳng hay lắm. Thời tản cư. *Ôi cô gái tản cư ơi; Giữ sao cho má được hồng tươi.* Một cô gái xinh đẹp hiền ngoan. Một thằng tiểu quỷ dâm tặc..."

"Coi mòi hấp dẫn à nghe."

"Các cậu sẽ thất vọng thôi. Phải chi tớ có tài như Lê Xuyên... Bây giờ bàn tiếp về *quán*. Từ này cổ rồi. Vài người Bắc còn dùng trong thành ngữ *ăn hàng ăn quán*. Ở Huế ngày trước, có quán cơm Âm Phủ. Trong Nam chỉ có *nhà hàng, tiệm cơm*. À, thời trước 1960 có các quán cơm xã hội, ba hay bốn đồng gì đó một bữa, lâu quá quên rồi. Đồ ăn đại khái, nhưng cơm thì tự giác."

"Cơm tự giác là cơm gì?"

"Là muốn ăn bao nhiêu thì

NHẤT UYÊN

VƯỜN XUÂN

Thoảng môi thơm, ong vàng lay phấn bụi
thoảng hương ngà, da bưởi mát tay tiên
hoa tình tự, chim thì thầm lá biếc
một vườn cà nở tím nắng yêu thương.

Em về đó áo phơi trên vòm lá
hái niềm vui, má ửng trái xuân mơ
con bướm nhỏ vờn bay trên luống cải
mắt xuân nồng rạo rực những vu vơ.

Em về đó gót chân trần trên cỏ
nghiêng tóc mây cao ngấn cổ nuột nà
cây khế ngọt nắng khoe vàng những nụ
một trời xuân trong mắt biếc thiết tha.

Con chim hót líu lo lời thật mới
bươm bướm đua bay rộn rã lòng người
xuân lắng đọng đất trời hoan lạc
môi trong môi hồn lắng tiếng chim vui.

Paris 93

ăn, không giới hạn."

"Ở đâu ra cái tiếng kỳ cục vậy?"

"Còn ở đâu nữa. Năm ngoái có ông cán bộ lên lớp kể chuyện đại hội thanh niên thế giới ở Cuba, rằng 'các đồng chí Việt Nam ta dự đại hội về, nói đồ ăn nhiều lắm, mọi người ăn tự giác, ăn no rồi lại lấy phần mang về, mà cũng chỉ hết có hai phần ba'. Nghĩa này tôi suy đoán từ ngữ cảnh. Đến đây phải vi phạm nội quy mà nói tiếng nước ngoài; ngữ cảnh là tiếng mấy anh này dịch tiếng *context*, dịch như vậy rất đắt - một điểm son cho chế độ đấy, cho dù có thuổng của Trung quốc cũng là rất hay, biết đường mà thuổng..."

"Thuổng là gì?"

"Là chôm chĩa, là lương. Xem nào... *ăn tự giác* đối lập với *ăn khẩu phần chia đồng đều*. Phải chăng lúc đầu ăn tự giác là phong cách ăn lý tưởng khi đồ ăn ê hề, khỏi phải chia?"

"Vậy *tự giác* đó với *tự giác* của mình xài, nghĩa khác nhau sao? Ở quân trường ta có *kỷ luật tự giác*."

"Các cậu nghĩ thêm vài... ngữ cảnh, vài câu nói có *tự giác* theo cái nghĩa mình vẫn dùng, xem nào."

"Để coi... Có thằng nhảy dù... không phải thiên thần mũ đỏ đâu, *nhảy dù* là vắng mặt bất hợp pháp đi chơi ấy. Chủ nhật nào trong đại đội không có thằng chui rào về Sài Gòn chơi. Tối thứ hai, tập họp điểm danh... lúc đó sĩ quan cán bộ mới quởn mà xài xể, nhớ không?... gườm gườm nhìn hàng quân: 'Anh nào nhảy dù hôm qua, tự giác ra khỏi hàng'. Trong hàng có thằng lẩm bẩm: 'Tự giác là tự sát, em chả dại'. Được không, sư phụ?"

"Hay! Vậy tự giác làm điều gì, là làm với ý thức sáng suốt, với tinh thần tự nguyện, không phải vì bị ép buộc. Có một cấu trúc tương tự với *ăn tự giác* là *lao động tự giác*, nhớ bài không?"

"Lao động tự giác? Tiến tới chủ nghĩa Cộng sản mọi người sẽ tự giác lao động vì ai nấy đều yêu lao động cả, không còn phải cưỡng bách lao động nữa, phải vậy không?"

"Thuộc bài đấy. Anh tự giác lao động, không cần phải ép buộc, không ai chia chỉ tiêu cho anh nữa. Không phải đo đất chia mỗi thằng phụ trách một luống rau như ở Hóc Môn... Mấu chốt là ở chữ *chia* này đây."

"Ở đây, anh em mình đâu có chia việc. Như vậy cũng là lao động tự giác chứ gì?"

"Mình không chia là vì thương nhau, thằng mạnh đỡ cho thằng yếu, không có ai tị nạnh cả. Chưa phải là đã tiến tới chủ nghĩa Cộng sản đâu, đừng vội mừng mà cũng chớ có lo... Tóm lại, *lao động tự giác* là không phải chia chỉ tiêu phải làm, còn *ăn tự giác* là không phải chia tiêu chuẩn được hưởng. Đó là những phương cách hành xử lý tưởng, chỉ có được khi của cải đã nhiều như không khí. Hà! Hẳn là có cha nào xỏ lá, vận dụng một cách sáng tạo kiểu nói kinh điển *lao động tự giác* vào vấn đề ăn uống để mỉa mai giấc mơ không tưởng ấy, vì trong thực tế làm gì có chuyện ăn tự giác. Ăn tự giác thì sẽ có thằng đói, còn thằng no thì có thể lỗ mũi ăn trầu, hoặc bỏ mạng sa trường không chừng. Chắc rằng cái phong cách ăn uống lý tưởng ấy chỉ có thể áp dụng một năm vài lần vào những ngày *nể nớn* mà thôi. Trong thực tế chỉ có cảnh mất đoàn kết mỗi khi chia chác tiêu chuẩn ăn uống là phổ biến thôi. Tôi nói đây không phải là chỉ suy đoán từ cảnh chia bo bo khoai mì của anh em mình, tôi *nói có sách, mách có chứng* đàng hoàng. Sách kể rằng sau Cách Mạng Tháng Mười, ở Liên Xô người ta chia bánh mì bằng *centimet* - sách viết *centimet* bằng chữ *c*, không phải *x*. Ông *anh Liên Xô tháng Mười* mà còn như thế thì ông *em Việt Nam tháng Tám* sao dám qua mặt, dám ăn uống phủ phê?... Trở lại chuyện lấy phần mang về, ông cán bộ lên lớp kể chuyện đại hội không cho biết là mấy đồng chí dự hội nghị lấy phần về cho ai. Cho vợ con, bồ bịch, hay thủ trưởng ở Việt Nam, thì xa xôi diệu vợi quá, chờ đại hội bế mạc, mang về đến nhà, thiu thối hết còn gì..."

"Tui nói điều này anh đừng giận nghe."

"Cứ nói."

"Ngoài Bắc mấy anh mới có cái vụ đi ăn lấy phần về, chớ trong Nam hổng có à nghe."

"Thông cảm, thông cảm. Đói quá mà. Tục đó có từ lâu đời, không phải bây giờ mới có. Vậy thì, một là cái vụ lấy phần về không có, ông cán bộ kể chuyện chế ra, để cực tả cái cảnh cơm thịt ê hề đáng mơ ước thèm thuổng đó thôi; hai là có thực, các ông trong phái đoàn dự hội nghị trông thấy đồ ăn dư như vậy tiếc quá, cầm lòng không đậu, nên lấy về để tối ăn thêm. Nếu thế, tôi e sẽ có nhiều ông bị Tào Tháo đuổi. Tóm lại, *tự giác* trong *kỷ luật tự giác* của mình và *tự giác* trong *ăn tự giác* của cách mạng, về cơ bản cũng cùng một nghĩa thôi, tức là giữ kỷ luật hay ăn uống có ý thức, với tinh thần tự nguyện, không cần ai kiểm soát, canh chừng, can thiệp, ấn định, chia chác cả. Sau, vì *ăn tự giác* chỉ được dùng trong hoàn cảnh bữa ăn sung túc dư dả, người ăn được ăn thoải mái, không phải bóp mồm bóp miệng, nó đâm ra có nghĩa đó.

"Độc!"

"Lúc nãy nói về cái gì nhỉ, trước khi mình lạc đề vào cái vụ *ăn tự giác* này?"

"Quán cơm xã hội."

"Ờ! lại có *quán Anh Vũ* bán cơm cho sinh viên học sinh nữa thì phải. Nhưng đó là chuyện xưa rồi. Sau, *quán* chỉ được dùng để chỉ độc có một loại quán cà phê... Tổ hợp *quán trọ* hoàn toàn mất tích, trừ phi ta kể chuyện cổ tích. Kể chuyện *Tiêu Sơn Tráng Sĩ*, ai lại nói *tráng sĩ dừng cương bên hô-ten hay phòng ngủ Giang Hồ*."

"Anh lầm rồi. Tiếng *quán* phổ biến lắm chớ. *Quán* nước dọc đường Sài Gòn-Thủ Đức, *quán* cơm hai bên lối xuống bắc Mỹ Thuận."

"Thật vậy sao? Năm 60-63 tôi qua bắc Mỹ Thuận hằng tuần mà không để ý. Hay là có, mà quên béng mất rồi... Nhưng mà ở thành phố chỉ có *tiệm cơn*, không có *quán cơm*, phải vậy không?"

"Đúng. Tiệm đàng hoàng hơn quán."

Nghinh giơ ngón trỏ, khoái chí:

"Vậy là cảm quan của tôi đúng. Tôi vẫn cứ đinh ninh là *quán* thì phải xập xệ, một loại cửa hàng ăn uống tạm bợ, bên đường thiên lý, chẳng hạn như quán này, vách sậy, mái lá, cột tràm, loại kiến trúc 'tận dụng nguyên liệu địa phương'. Vậy là các ông chủ quán cà phê, và cả

khách hàng nữa, không, phải nói là cả cái cộng đồng văn nghệ đã dinh cái quán bên đường vào thành phố cho nó thỏa cái chí giang hồ văn nghệ từ lâu đã bị cái nạn thê tróc tử phọc nó làm thui chột đi. Nếu quán bằng xi măng cốt sắt thì gắn vài cọng rơm, cọng lá vào, để nó gợi ra cái không khí văn nghệ giang hồ."

Hùng phụ họa:

"Đúng quá. Muốn văn nghệ, phải giang hồ, mà giang hồ tất sẽ gặp nhiều quán bên đường. Độc!"

"Bài 'Dừng Bước Giang Hồ' có *quán xưa, quán tiêu điều*."

"Vậy là chú bớt dùi đục rồi đấy."

"Tui cũng văn nghệ lắm chứ bộ."

"Văn nghệ thì tôi xin thua. Cho thưởng thức được rồi."

"Cậu mà văn nghệ nữa thì các em... à, các cháu chứ, chết hết. Ngày trước cậu có cái nấm đấm khâu trên ngực áo là le lói quá rồi còn gì. Mà này, một chấm hay hai chấm đấy?"

"Một thôi. Mà tôi không mang phù hiệu."

"Thế có bao giờ cậu phải giở võ ra với ai không?"

Hùng lắc đầu, rồi cười:

"Có lần gặp thằng lính ba gai, tôi cởi áo, vì lon ngụy trang khâu vào cổ áo, đâu có gỡ ra được, bắt nó ra sân vật lộn, biểu nó thắng thì tha, thua thì vô chuồng cọp. Bây giờ nhớ lại, buồn cười quá."

"Thành tích hảo hớn giang hồ của cậu chỉ có nhiêu đó. Còn Đạc, thành tích văn nghệ của cậu, kể nghe coi."

"Hồi trung học, tui có hoạt động văn nghệ."

"Ái chà, ghê nhỉ. Làm thơ, viết tùy bút? Mỗi năm đến mùa phượng nở..."

"Không. Nhờ lớn con, phe đảng, tụi nó cho khuân vác. Được theo ban văn nghệ đi bán báo, đặc san Xuân, đến đủ các trường: Trưng Vương, Gia Long, Lê Văn Duyệt..."

"Còn Chu Văn An, Petrus Ký, Võ Trường Toản?"

"Tui học Bê-rít Ký. Chu Văn An với Võ Trường Toản cũng đực rựa cả, có gì mà nói."

"Tức là không có các em là không có văn nghệ. Vậy cảm tưởng của cậu khi vào lớp các em?"

"Ôm chồng báo, theo tụi nó, bước vô, ngó lên. Chỉ thấy mắt là mắt, hàng trăm con mắt đang ngó lom lom. Cả bọn bốn, năm thằng mà sao cứ như em nào cũng ngó riêng mình. Chu choa! Cảm động muốn xỉu tại chỗ."

"Nghe nói có quán Hẹn đâu đó gần Trưng Vương, đúng không?"

"Tui không có bồ học Trưng Vương, không biết."

Nghinh ngó Hùng:

"Xem cái mã, thì cậu hách lắm, nhưng xét về gốc gác, gia phong, tôi nói khí không phải, chứ cỡ cậu không đời nào chàng màng đến mấy em Couvent des Oiseaux được. May ra cậu có bồ Bùi Thị Xuân. Vậy tụi mình không có ai có bồ Trưng Vương cả. Vụ quán Hẹn phải chờ về Hóc Môn mới có điều kiện điều tra được... Còn muốn biết *quán* có thể là nhà gạch mái ngói không, thì phải tìm anh nào giỏi chữ Hán. Cổ văn có *quán thu phong đứng rũ tà huy* nhưng cũng có *đổ quán xiêu đình*. Thế là thế nào? *Quán* mà xập xệ quá, lại đem đối với *đình* thì còn ra cái thể thống gì nữa. Cái này phải có tự điển."

Đang hứng, Nghinh bỗng ngưng bặt. Rồi ông thở dài:

"Năm 77 trong đội mình có một anh nhận được đồ thăm nuôi gói bằng một tờ giấy trắng rộng có in chữ. Hóa ra là mấy trang ở cuốn *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Của, chưa gấp, chưa đóng. Các cậu biết không, khi in người ta in nhiều trang lên hai mặt một tờ giấy rộng, xong mới gấp lại mà đóng. Tôi xin tờ giấy để giữ, anh em cười quá. Sau, đem chia nhau làm đóm hút

TRẦN MỘNG TÚ

MỞ CỬA RA ANH

Mở cửa ra anh đất trời rất lạ
Em đoán Hạ về cùng với bình minh
Áo cánh em phơi qua đêm ngoài dậu
Con chuồn chuồn kim ghé xuống tỏ tình

Mở cửa ra anh xem mặt trời mọc
Nhìn con sâu nhỏ đo đóa hồng vàng
Nó cười cuộc đời chỉ trong gang tấc
Sao lại tiếc nhau một phút mê hoang

Mở cửa ra anh đón vào mùa Hạ
Bàn ghế cong mình gỗ dương gỗ âm
Nắng đã theo em bước qua ngưỡng cửa
Mùa Hạ tung tăng trên cả chiếu nằm

Mở cửa ra anh quơ tay gọi gió
Thả chân mặt hồ nghe tiếng nước cười
Hai ta mỗi người một đầu mùa Hạ
Mình căng sợi nắng khai mạc cuộc chơi.

Mùa Hạ 94

thuốc lào cả. *Sách vở ích gì cho buổi ấy*... Này, làm một bi nữa đi, các cậu, cho nó quên sầu đời. Tại có tí cà phê nên phải hút thuốc lá cho nó đủ lệ bộ, chứ mình đã leo thang đến thuốc lào rồi, hút cái gì cũng không bằng. Cái anh Đà Lạt này nghe đâu là hậu thân của Bastos xanh, Bastos *lu-xe* cơ đấy, nhưng đâu còn cái hương vị của Bastos xưa."

Họ hút thuốc lào, nhâm nhi nốt chút cà phê. Nghinh kết luận:

"Thế là hết Biển Bạch, Kinh Bảng. Bánh dừa, cà phê thơm mùi bắp rang, một người đẹp răng vàng. Cũng bỏ công lội ba quãng đồng, mất một ngày nghỉ lẽ ra để dưỡng sức, dưỡng thương."

Hùng:

"T4 mình chẳng ai ham đi. T5 chủ nhật nào cũng có người đi."

Hùng gió giáy, ngồi không yên, nghiêng người ra trước như muốn nói, rồi lại thôi. Sau cùng, coi bộ nhịn không nổi, anh quay ra sau.

Đạc cau mày:

"Nó vô trong rồi. Làm gì như gà mắc đẻ vậy. Để lát ra đường nói."

Nghinh cười:

"Cái đó kêu là *lạy ông tôi ở bụi này*. Thôi, trả tiền rồi về."

Bên ngoài, trời hửng nắng.

Đạc tường trình:

"Ba đồng bánh dừa, ba đồng cà phê, ba đồng sáu diếu Đà Lạt. Vừa hết trợ cấp của ba anh em."

"Tháng sau chắc phải để mua thuốc lào Cái Sắn."

"Sao tổ trưởng Lưu nói để mua chó?"

"Chó thì cũng được, nhưng ăn một bữa cho khoái khẩu rồi nhịn thuốc cả tháng, tôi thấy hẻo quá."

"Tui thì sao cũng được."

"Hồi nãy cậu định nói gì đó?"

"T5 có người tối còn mò ra kinh nữa."

"Ái chà. Văn nghệ nhỉ."

"Không phải vụ đó. Họ nhắn vợ xuống."

Trong ba người chỉ có Nghinh là có vợ. Thấy ông không nói gì, hai người kia cũng nín thinh. Họ đi tiếp khúc đường ngắn đâm thẳng ra bờ sông; trong một lúc chỉ nghe lép nhép tiếng chân dẫm lên bùn. Nghinh nói:

"Tại sao gọi là sông Trẹm nhỉ. Hình như còn tên nữa là Trèm Trẹm. Nó chảy ra biển hay vào sông Cửu Long?"

"Nghe nói nó chảy vô sông Ông Đốc. Sông Ông Đốc chảy đi đâu không biết."

Lại im lặng. Sau cùng họ tới bờ sông, đứng ở ngã ba đường. Bên trái là xã Biển Bạch. Lơ thơ hai chục căn nhà tôn có, lá có, mọc rải rác hai bên bờ sông, trải dài từ chỗ họ đứng đến đầu kinh Bảy. Họ đã đi dọc khúc bờ sông đó, đã mua bánh dừa ở một trong những căn nhà đó, trước khi uống cà phê. Nghinh hỏi:

"Các cậu tới đây mấy lần rồi?"

Hùng quay qua Đạc:

"Lần này là lần thứ hai. Lần trước đi khiêng lá lợp nhà, đúng không?"

Đạc gật đầu.

Bên kia sông, ngoài căn nhà sàn có mang bảng hiệu "Nhà Trồng Răng", họ chỉ thấy dừa nước xanh um.

Nghinh:

"Với tôi thì đây là lần đầu mà cũng là lần cuối. Vĩnh biệt Biển Bạch. Vĩnh biệt cô cháu răng vàng. Phải cô cháu của cậu bịt răng vàng ở nhà trồng răng bên kia sông không?"

Đạc suy nghĩ rồi lắc đầu:

"Không thể nói được anh à. Đây là vùng xôi đậu hồi đó. Vô sâu một chút, nơi mình trồng lúa, là vùng oanh kích tự do. Dân tình không ổn định, nay ở mai đi, biết đâu chừng."

"Có lý. Biết bao vật đổi sao dời, *Tang Thương Ngẫu Lục*. Như bọn mình. Sinh quán một nơi, nguyên quán nơi khác. Lại còn quê quán, trú quán. Chả còn biết khai báo sao cho đúng nữa... Như tôi, xét lòng mình, thấy cũng phân vân, chẳng biết Sài Gòn hay Hà Nội, nơi nào là quê hương."

Họ rẽ sang bên phải là lối xuôi xuống kinh Tám. Nghinh than:

"Từ đây về đầu kinh Tám, đường dẫu có sình lầy, cũng còn *thênh thênh cử bộ* được. Từ đó về mới trần ai."

"Để xem có cách nào mà khỏi phải lội xuống kinh không, ở cái khúc trên bờ có sậy ấy."

"Hai bên bờ kinh khúc đó sậy mọc dầy đặc. Chạy trời không khỏi nắng, anh ơi!... Này, dường như khung T mình kìa."

Đạc không giơ tay chỉ trỏ, chỉ thông báo bằng miệng. Hùng chú mục nhìn cái xuồng đang chèo ngược nước từ kinh Tám lên, xác nhận:

"Đúng. Nhân chèo mũi, Thành chèo lái. Ngồi giữa là phe ta."

Xuồng tới gần hơn. Té ra phe ta là Tân, T5. Từ xa, Tân đã léo nhéo và họ nhận ra tiếng y:

"Về hay đi đâu đó. Sao về sớm vậy?"

Đạc giơ hai tay làm loa:

"Về nghỉ, mai còn đi làm chớ."

Sau cùng, Nghinh nhận ra hàm răng hô của Nhân và cặp lông mày nét mác của Thành, hai bộ đội T4. Thành rủ:

"Đi chơi nữa. Về làm gì?"

Nhân xởi lởi:

"Lát về bằng xuồng cho khỏe."

Hùng:

"Xuống ở đâu ra vậy?"

Thành:

"Mượn T2."

"Anh qua tuốt bên T2 mượn?"

"Ừ, buồn quá không biết làm gì."

Hùng nhìn hai người kia. Đạc ngăn:

"Đi với họ làm chi."

Hùng trả lời cho cả nhóm:

"Thôi, cám ơn các anh. Chúng tôi về. Bánh dừa, cà phê rồi, còn gì nữa đâu."

Họ cắm cúi đi tiếp. Câu chuyện đổi đề tài.

"Tay Thành tếu lắm nhé."

"Thế nào là tếu?"

"Y nhờ tôi coi chỉ tay. Mình đoán tầm bậy cho vui. Y chỉ mấy cục chai, nói: 'Có mấy cái này là số vất vả đấy', rồi cười hề hề."

"Nhớ bữa y đi xin thuốc lào cho mình không? Nghe Lưu than hết thuốc, đang phát tràm, y bỏ đi, hồi lâu trở về nói không xin được. Lưu hỏi xin ai, y nói xin cải tạo T3. Lưu cười, biểu: 'Tưởng đâu anh xin bộ đội chớ. Xin cải tạo thì phải để tụi tôi, cải tạo với nhau, họa may người ta cho'."

"Nhân cũng có vẻ tốt. Nghe Lưu nói sơ sơ, có lần y không ăn thịt con chó y mua về, câu chuyện thế nào?"

"Con chó đó cả khung lẫn tù chung tiền đưa cho Nhân, tiện dịp

đi Thới Bình mua lúa giống, mua về. Thấy nó gầy ốm quá, Thiếu úy Sơn bảo nuôi cho béo rồi hãy thịt. Nó đâm ra quyến luyến Nhân, anh ta ra đồng làm, nó cũng theo ra. Nhân nói nó ăn khỏe lắm, mỗi bữa sáu bảy bát cơm. Hôm làm thịt, đến tối mới nấu nướng xong; anh nuôi Trường mang phần của khung giao cho họ, về nói là không thấy Nhân trong đám bộ đội đang chờ nhậu... đông lắm vì có mời cả E bộ và T5. Tới chừng phe mình gần tàn cuộc nhậu thì anh ta lò dò bước vô. Hỏi đi đâu về, và tại sao không ở nhà trên nhậu với mấy anh kia mà lại xuống chơi với tù, thì anh ta nói qua T2 chơi, ăn rồi. Mời nhậu, anh ta từ chối, nói: 'Các anh có người đáng tuổi cha, tuổi chú, mà cứ phải gọi là anh, như vậy là không được, nhưng chính sách nó bắt như thế thì cũng phải chịu thôi. Xin các anh bỏ qua cho, lòng tôi mới không áy náy'."

"Lạ nhỉ... Không ăn con chó nó quyến luyến mình là *nghĩa*. Không chê trách tù ăn chó là *nhân*. Biết nói điều phải quấy, biết có tôn ti trật tự dầu không giữ được- tạm gọi là *lễ*. Trong ngũ thường, tay này có được tới ba rồi đấy, các cậu ạ. Chắc gia đình anh ta nề nếp lắm, dám tàn dư chế độ cũ, dòng dõi địa chủ không chừng. Vì chỉ có con cháu địa chủ mới bày đặt nhân đức lễ nghĩa thôi, chứ bần cố nông thì đâu có *quởn*, còn lo căm thù, đấu tranh, hằn học, óc ách chứ."

"Thành cũng bất mãn. Y tâm sự: 'Mấy năm nay không được đi phép, cha mẹ nó còn sống hay chết cũng chẳng biết'."

"Bộ không có thư từ gì với gia đình sao?"

"Thế có nghĩa là: hoặc hệ thống bưu điện, quân bưu quá bết, hoặc gia đình, làng xóm chữ nghĩa ăn đong."

"Ăn đong là làm sao?"

"Là nghèo, gạo phải mua từng bữa một. Chữ nghĩa ăn đong tức là mù chữ... Y gọi cha mẹ là nó?"

"Ai cũng nó hết. Y người Nùng Móng Cáy."

"Như vậy giả thuyết của tôi rằng y giả vờ nói tiếng Việt không rành để xỏ xiên cán bộ chỉ huy, giả thuyết ấy không đúng. Cậu nhớ hôm y dẫn bọn mình qua E bộ nghe cán bộ Trung đoàn lên lớp không? Y nói trước mặt Thiếu úy Sơn: 'Ờ, thì sang xem nó nói linh tinh cái gì'. Bữa đó, chắc Sơn quê lắm."

"Anh coi chừng, đừng kêu trỏng như vậy, quen miệng đi, trước mặt mấy thành phần tiến bộ cũng kêu trỏng, kẹt đa."

"Cám ơn cậu nhắc nhở. Bình thường tôi rất cẩn thận trong lời ăn tiếng nói đấy chứ."

"*Thiếu úy* Sơn cũng được đấy chứ."

"Trông hách xì xằng, nhưng xem ra tốt bụng."

"Bác Trường hồi này lên khung lấy gạo cứ việc báo cáo rồi tự động vào kho xúc gạo. Bác biểu bác già rồi, ưa đếm lộn, nên mười hai lon thành mười bốn, mười lăm lon là thường."

"Hèn chi hồi này thấy bao tử nó bớt thắc mắc."

"Tôi lại cứ tưởng no bụng là vì khẩu phần được tăng thành 700 gam từ bữa khởi công cấy lúa. Hóa ra mình ăn hơn cả tiêu chuẩn. Thế anh nuôi Trường có tiết lậu thiên cơ cho tổ trưởng Lưu không?"

"Có! Anh Lưu trợn mắt: 'Vừa vừa thôi, nghe bố. Bố mà làm quá là bố giết con đó nghe. Con gái bố ở *giá* cho bố biết'."

"Bác Trường còn con gái chưa chồng sao?"

"Chu choa, con nhỏ xí xọn,

NGUYỄN TƯ

NƠI QUÁN CÀ-PHÊ Ở LIVERPOOL

Anh về nơi khu phố cũ,
Nhớ em buổi sáng mưa mù
Thương nhau thế nào cho đủ!?
Gian nan dường ấy — Cho dù...

Điếu thuốc tàn dần trên môi,
Âm thầm nghe từng giọt đắng
Hôm nay trời không muốn nắng,
Buồn như tình em trong tôi!

Sáng sớm ngồi đây với em,
Những ngày môi mềm, tóc rối,
Cho nhau, không hề tiếc hối,
Nụ hôn buồn buồn trong đêm!

Mưa bay từng sợi qua thềm,
Bỗng dưng tôi nhớ thương em vô cùng...

QUA ĐƯỜNG GEORGE NGÀY NGHỈ

Chiều nay đi qua sở làm,
Thấy hàng cửa đóng, lặng câm dấu hài...
Gửi em một cuộc tình hoài,
Người đi, biết có nguôi ngoai cơn buồn!?
Trên thềm, dăm bóng tà buông,
Với đôi cơn nhớ như dường thoáng qua...

hết xẩy, anh ơi! Ở Phước Long, tui ra thăm nuôi gặp một lần. Mấy thằng chưa vợ đứa nào cũng đòi làm rể ổng. Ổng hỉnh mũi: 'Con tao mà thèm lấy mấy thằng ngụy bọn bây à'."

Câu chuyện đang rôm rả thì họ nghe kêu:

"Này, có về cùng không?"

Té ra là Nhân và Thành đang ghé xuống vào bờ.

Ba người theo nhau xuống xuồng. Nghinh nói:

"Rõ buồn ngủ lại gặp chiếu manh."

Giành lấy giầm lái, Hùng hỏi Thành:

"Đi chơi gì chớp nhoáng vậy?"

"Ôi giời. Chán bỏ mẹ. Ông nói đúng, có gì đâu mà chơi với bời. Mua mấy cái bánh đây, ông ăn không?"

"Cám ơn. Ăn rồi, còn no lắm."

Ở đằng mũi, Nhân đưa giầm cho Đạc.

"Anh Nghinh hay nói ví von, y như các cụ làng tôi."

"Tôi thuộc loại già rồi. Người trẻ bây giờ không ai nói kiểu đó nữa."

Thành thở dài:

"Ôi giời ơi. Hết ngày đài lại đến đêm thâu. Ca sĩ Sài Gòn, hát đi. Hát nhạc vàng ấy."

Nghinh lắc đầu:

"Không hát được, anh à."

"Cứ hát chứ. Cán bộ nó nói gì kệ nó, mình cứ hát."

Nghinh cười trừ, Thành cũng không nài. Mọi người nín thinh, xuồng như nặng và chậm lại, những người không chèo bỗng thấy mình bị nhồi, lắc lư theo nhịp chèo.

Bỗng nhiên Thành la:

"Rẽ, rẽ phải."

Đạc và Hùng ngơ ngác:

"Đâu phải kinh Tám đây."

Tuy vậy họ cũng trở lui để quẹo vào con kinh nhỏ, bề ngang chừng hai thước. Nhân hỏi:

"Đi ngõ này bao giờ chưa, Thành?"

"Chưa."

"Không khéo gặp đường cụt thì bỏ bố."

Điều Nhân dự đoán dám đúng. Không bao lâu, con kinh như hòa tan vào đồng cỏ bao la, hai bờ kinh đã chìm mất tiêu. Họ chỉ còn nhìn thấy dòng nước quang đãng không một cọng cỏ chạy thẳng trước mặt mà nhận biết đó là lòng kinh. Hai bên lác đác có những đám cỏ xanh ngắt, thân thanh mảnh như cây đũa nhỏ, mọc thẳng tắp, tua tủa, trồi cả gang trên mặt nước. Đạc nối lời Nhân:

"Không phải đường cụt mà là kinh cụt."

Nghinh:

"Sắp gặp ngọn kinh thì có."

Rồi chỉ vào những đám cỏ mỗi lúc một nhiều, mỗi lúc mỗi rộng hơn, dày hơn, ông hỏi:

"Cỏ gì thế này, các cậu?"

Hùng:

"Cỏ *năng* chăng?"

"Cậu lại Nam kỳ rồi. Nếu là cỏ năn thì tiếng Bắc là *n-ă-n*, không *g*."

Nhân hỏi:

"Tiếng nào đúng?"

"Tiếng nào cũng đúng cả. Người ở đâu nói tiếng địa phương đó. Nhưng để thống nhất chữ Việt, ta viết *n-ă-n*, như vậy người Bắc nhìn vào sẽ đọc *năn*, người Nam đọc *năng*. Tiếng Nam không có vần *ăn*."

Đạc:

"Tiếng Nam có tiếng *năn* chớ."

"Làm gì có. Chỉ có *năng* thôi. *Khả năng, năng lực. Ăn năn* miền Nam phát âm thành *ăng năng*. Làm gì có *năn*."

"Sư phụ sai rồi. Cá không?"

"Cá liền."

"Một chầu cà phê kinh Bảy nhe?"

"Đi rồi. Đâu, chỉ coi, *năn* đâu?"

"*Nanh, n-a-n-h*, nanh đó."

"À, *nanh*. Gạo *nanh chồn*. Tức quá, tớ quên mất. Về mặt ngữ âm, tiếng Nam có vần *ăn*, chính tả ghi là *a-n-h*."

Điều mấy người bi quan dự đoán đã thành sự thực: họ đã tới chót mút con kinh. Trước mặt họ là bạt ngàn cỏ năn, cỏ năn mọc san sát, trải dài tít tắp đến tận chân trời.

"Trở lui thôi bà con."

Thành chỉ tay về bên trái, đường chân trời phía đó lô nhô ít nhiều lùm cây:

"Kinh Tám kia. Mình chèo thẳng đến đó."

Ý giằng lấy giầm trong tay Hùng. Nhưng họ không chèo được, cỏ dầy đặc xung quanh xuồng, dường như không có nước để chèo nữa. Nhân lập lại đề nghị của Đạc:

"Thôi, quay lại đi mày. Chèo làm sao được."

Thành hô mấy người không có nhiệm vụ chèo xuống hết, rồi lấy giầm làm sào chống, cong lưng đẩy. Nhân la:

"Khéo gẫy bơi chèo người ta đấy."

Nghinh và Hùng xăn quần lúc đó đã khô rang- bước xuống đồng cỏ, ngạc nhiên thấy rằng lùa lách bàn chân giữa các cọng cỏ để đứng không được: ống cỏ tuy mềm và xốp nhưng rất dày, lại rít như có vuốt sáp, nên đứng đã đau gan bàn chân mà còn lểu đểu muốn té nữa. Nhưng rồi họ cũng nghĩ ra cách đạp cỏ xuống mà đứng lên. Đám cỏ nằm rạp dưới chân làm mặt nước như dâng cao, Hùng reo lên:

"Nước trong quá."

Nghinh chỉ một hố bom cách chừng mười lăm thước:

"Còn đất thì màu xám trắng. Chắc nhiều phèn lắm."

Họ nhìn quanh, giáp vòng, thấy đang đứng giữa bao la của đất trời, giữa đồng cỏ bằng phẳng mênh mông, bên trên, trên cao tít, vòm trời thênh thang, thăm thẳm, úp chụp lấy bầu khí quyển trong veo.

Thành và Đạc cũng đã rời xuồng. Đạc chống giầm đứng. Thành đặt giầm vào xuồng:

"Mình xúm lại đẩy, được mà."

Hùng bước tới đứng ngay sau lái:

"Dư sức."

Đạc xếp giầm vào xuồng, rồi bảo Nghinh:

"Anh qua bên này với tui. Mình chia lực đẩy cho đều."

Nghinh ngửa mặt nhìn bầu trời đã ngả màu xanh thẫm trong ánh chiều vàng, rồi thở dài, cúi đầu bước tới đứng sau Đạc ở bên phải xuồng. Bên kia là Thành và Nhân.

Trong mấy phút đầu Nghinh chưa thực sự tham dự vào việc đẩy xuồng. Vất vả ông mới theo kịp những người đồng hành trẻ khỏe, nói gì đến đẩy với đun. Ông còn loay hoay tìm cách di chuyển. Khi phát hiện được lối bước thích hợp: bẹt hai chân thành hình chữ bát, bước cà lết, đưa bàn chân đạp ngang thân cỏ cho rạp xuống rồi nương theo mà dẫm lên, ông chưa kịp đắc chí thì

đã nghe Đạc nói lớn, át tiếng lội nước ào ào:

"Đi theo kiểu Charlot đó, anh Nghinh à."

Hùng phì cười:

"Người ta vốn đi chân chữ bát rồi, còn gì."

Nghinh đáp:

"Tớ cũng mới nghĩ ra cách đó."

Nghinh bỗng nhớ ra: từ lúc bắt đầu di chuyển ông không để ý đến tiếng động, cũng như trước khi có tiếng động ông không để ý đến sự yên lặng mênh mông của đồng cỏ. Bây giờ, bước chân đã thuần thục, ông chú tâm và nghe rõ, chìm bên dưới tiếng chân đạp nước ùm ùm là tiếng xuống lướt trên cỏ, nghe không chỉ bằng tai mà còn bằng toàn cơ thể, tiếng xào xào liên tục truyền từ đáy xuống qua các thớ gỗ lên đến thành xuồng, qua toàn thể diện tích lớp da hai bàn tay tiếp xúc với thành xuồng, lên cánh tay, qua vai, vào người; và đằng sau hay bên dưới tất cả những xao động ấy là niềm yên lặng tuyệt đối của đồng cỏ.

Xuồng chạy có trớn. Nghinh đoán biết mọi người đã điều chỉnh được vận tốc và sức đẩy cho đồng đều, ông không còn thấy có lúc xuồng như trì lại, có lúc bỗng như vuột khỏi tay. Bây giờ cường độ sức được vận ra ở cườm tay, ở vai, cảm thấy rất đều, và xuồng chạy đều và êm, không va vấp, không nhô lên hụp xuống mà thẳng băng như mực trên đồng cỏ bằng phẳng.

Ông nhìn những đám cỏ tuần tự nằm rạp dưới chân, tuần tự vùn vụt lùi xa, nhìn mặt nước sủi sục và những hạt nước văng tung tóe mỗi khi bàn chân đạp xuống, tuần tự chân trái, chân phải, rồi lại chân trái, đều đều, tuần tự, như bị hoạt động máy móc lập đi lập lại này thôi miên, rồi kinh ngạc nhận thấy trước sau gì đồng cỏ vẫn y nguyên là đồng cỏ, khúc đường chưa vượt qua đằng trước và khúc đường bỏ lại đằng sau kia không có gì khác nhau khi những ngọn cỏ năn lại vươn mình đứng thẳng dậy, và làn nước trong lại yên tĩnh trở lại. Trước sau gì đồng cỏ đầy ăm ắp nước vẫn mênh mông cho khắp mặt đất và bao la sánh ngang vòm trời.

Giữa lúc ấy ý thức được tầm vóc sánh ngang trời đất của đồng cỏ, hình dung được đồng cỏ trong tình trạng uyên nguyên diệu ảo của nó, Nghinh mất hết ý thức về bản ngã. Cái tôi hoàn toàn mất tăm mất tích, nhưng vẫn còn ý thức về một nỗi sợ, một niềm cảm phục. Đó là nỗi sợ cổ xưa, niềm thần phục quy thuận hoang dã trước cái vĩ đại, uy nghi, cái hoang liêu, tịch mịch.

Khi tỉnh lại, Nghinh thấy lòng vui thanh thản. Ông nghĩ, bây giờ thì bất kể điều gì xảy ra cũng chẳng nhằm nhò gì. Cho dù xuồng có tông phải một trái bom và trái bom có nổ. Bây giờ, được ở không mà ngắm đồng cỏ hay phải cong lưng đẩy xuồng thì cũng chẳng khác chi nhau, đồng cỏ vẫn còn đó. Bây giờ thì chả có điều gì cần ghi nhớ, cần phải nói nữa. Kiếp nhân sinh cho dù có được tô điểm bằng răng vàng đi nữa thì cũng chỉ là phù du. Củng cố tài bồi tình tự dân tộc bằng văn chương chữ nghĩa cũng chỉ là phù phiếm. Và không hát cho mấy chú bộ đội này nghe, từ chối làm văn nghệ cung đình, để làm văn nghệ gì gì đi nữa, thì cũng chỉ là đem *cái tép kho tương, kho đi kho lại nó trương phềnh phềnh.*

Thế còn cái thiên lương le lói ở anh chàng Nhân kia, *gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*, cái mầm thiện đó, không phải vun đắp cho nó sao? Không chấp ác đã đành, không chấp cả thiện nữa, được sao? Ở, mình quên rồi. Ở chỗ đồng cỏ này mà xem ra thì chẳng có đầy có vơi, có thiện có ác thật, nhưng nào mình có được ở đó đâu, mình đang cong lưng đẩy xuồng chạy mờ người trên đồng cỏ này kia mà. Mình đang ở giữa hệ lụy trần ai, còn vợ con, còn những người đàn bà lặn lội xuống tận rừng U Minh thăm chồng, còn hai chú bộ đội kia bên xuồng, còn yêu thương, còn hận thù, đánh đồng thiện ác làm sao được.

Có ai đó đề nghị nghỉ. Rồi xuồng dừng bất tử, Nghinh tốp không kịp, chút xíu xô vào Đạc. Ông bàng hoàng đứng thở, rồi quay lại ngó về phía sau, dõi theo vết xuồng. Xa ngoài hai chục thước, đồng cỏ xanh không hề in dấu con xuồng và vết chân năm người.

Hùng thắc mắc:

"Kinh này cách kinh kia một cây số, mà sao đi mãi chưa tới?"

Đạc:

"Khúc sông Trẹm từ kinh Bảy tới kinh Tám dài một cây số thiệt, nhưng bởi sông quẹo lên hướng bắc, mình lại quẹo vô kinh nhỏ hồi nãy theo hướng nam, đi ngược đường hỏi sao không xa. Bây giờ tui đề nghị quẹo trái, chắc chắn sẽ gần hơn, lại tránh được đám tràm nhỏ kia, tránh luôn nhà dân, lỡ có vườn, có hàng rào, làm sao qua?"

Hùng:

"Gặp nhà không sao. Giữa hai nhà thường có mương, mình theo mương mà ra kinh."

Thành:

"Cứ đi thẳng, được mà."

Họ lại đẩy xuồng đi tới. Xuồng mau có trớn, chạy phom phom. Nghinh mong mỏi gặp lại kinh nghiệm trên chặng đường vừa qua. Ông cúi nhìn xuống chân, nhưng một lúc sau chỉ thấy chóng mặt, đành phải chú mục vào hai bàn tay đang đặt một trước một sau trên thành xuồng.

Như vậy là mình chỉ có diễm phúc thoáng thấy được niềm yên lặng vĩnh cửu của đồng cỏ, ông nhủ thầm. Chỉ được tiếp cận có một khoảnh khắc thôi, rồi lại văng bật ra xa, như phi thuyền trở về bầu khí quyển không đúng góc độ, vô không được mà trượt văng đi, thành quan tài vũ trụ. Làm sao được, còn ở chỗ có phân biệt, có tao có mày, còn phải ăn, còn phải trả nợ đời, còn có điều phải nói. Ông hít một hơi dài, tăng cước bộ, bởi chợt thấy sức dội của thành xuồng vào cườm tay, vào vai, bỗng lơi nhẹ hẳn đi.■

21-5-94

Đọc và giới thiệu

THẾ KỶ 21

Tel: (714) 894-9021

NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH DÂN GIAN VIỆT NAM của HUỲNH HỮU ỦY

PHẠM XUÂN ĐÀI

Theo trí nhớ của tôi, trong các ngôi nhà xưa của Việt Nam mà tôi đã từng vào thăm, không thấy có trang trí tranh. Vào các ngôi nhà cổ kính ấy trước hết phải qua một cái cổng thường là có mái lợp, đi giữa hai hàng chè tàu được cắt xén cẩn thận, vườn trước nhà có trồng cây mai, cây mộc, qua một cái sân lát gạch, rồi mới bước vào cái không khí mát lạnh bên trong. Những thứ đem lại vẻ mỹ quan trong nhà là một loạt các câu liễn, câu đối, các bức hoành phi, các tủ chè, sập gụ được chạm trổ tinh vi hoặc cẩn xa cừ v.v... Nhưng không có tranh. Nghệ thuật tạo hình dường như chỉ nằm trong đồ đạc, nơi bình hoa, khay trầu, nơi tủ bàn, kèo cột... Qua những ngôi nhà cổ ấy, Việt Nam xưa hình như không có môn hội họa, hiểu như một môn có nghiên cứu, có trường đào tạo và có tác phẩm, tương tự như bên văn học có truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán... Ít ra cũng không thấy có môn hội họa gọi là "bác học", với họa sĩ, họa sư và tác phẩm của họ lưu truyền trong di sản văn hóa của dân tộc. Đi xem Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật ở Hà Nội tôi nhớ không thấy một bức tranh xưa nào thuộc vào loại này.

Đó là một sự lạ, có thể cho ta một cảm giác ngỡ ngàng trống vắng không vui. Nhưng ta lại sực nhớ ra cái rừng tranh đông đảo vẫn thường gọi là tranh Tết, tranh gà, tranh lợn, tranh thờ... Nói chung là tranh dân gian, và yên lòng thấy rằng không phải người Việt Nam xưa không biết... vẽ. Nhưng sẽ có người lắc đầu phản đối, cho rằng loại tranh ấy không thể đại diện cho nghệ thuật tức là thể hiện các cảm nhận về cảnh về người bằng đường nét, hình thể, màu sắc tinh tế, đem lại cho khiếu thưởng ngoạn của chúng ta

những tình cảm thanh cao và tế nhị. Còn tranh dân gian chẳng qua là những nét nguệch ngoạc đơn sơ sản xuất hàng loạt, màu sắc nếu có thì cũng ngây ngô, chỉ dùng để trang trí cho vui cửa vui nhà nơi các gia đình bình dân nhân dịp Tết nhất, hoặc đáp ứng nhu cầu thờ phụng, giải trí bình dân. Người sáng tạo ra chúng được gọi chung là "thợ vẽ", một cách tổng quát và vô danh, chìm lẫn trong xã hội cùng bao ngành nghề bình thường khác, như câu tục ngữ *thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ* đã nói.

Nhưng vấn đề không phải chỉ đơn giản có vậy. Không có sự sáng tạo nào mà không phải huy động tim óc, dù đó là câu hò câu hát chốn thôn dã hay là một bức tranh lòe loẹt bầy bán ở chợ Tết. Sự lớn lao rất thường khi ẩn chứa trong những cái rất giản dị bình thường, và muốn thưởng thức chúng một cách trọn vẹn có khi chúng ta phải đổi cả một thái độ, phải từ bỏ những định kiến về văn hóa để chỉ còn giữ một tâm hồn thanh thản, dung dị với mọi sự việc. Kho tàng văn hóa dân gian, trong đó có hội họa, phong phú hơn là ta tưởng rất nhiều, nhất là khi có người nghiên cứu sâu rộng về những bộ môn ấy và chỉ cho chúng ta rõ.

Cuốn **Nghệ Thuật Tạo Hình Dân Gian Việt Nam** của **Huỳnh Hữu Ủy** (1) là một cuốn sách về loại này, nó sẽ giúp chúng ta rất nhiều để hiểu, đón nhận và rung cảm với tranh dân gian, loại tranh mà có thể có lúc chúng ta coi chẳng có gì là nghệ thuật cả. Trong cuốn sách ngót 300 trang ấy tác giả đã dành một nửa số trang để in lại các tranh mộc bản, kể cả một số tranh màu, nên mọi điều dẫn giải trong các bài viết đều là "nói có sách mách có chứng", tránh cho người đọc một điều rất thường xảy ra là đọc về hội họa mà mắt không thấy các hình ảnh tác giả giảng giải, và đầu óc cứ tự do tưởng tượng, một cuộc phiêu lưu lắm khi rất là nguy hiểm vì không có gì bảo đảm trí tưởng tượng của ta về một bức tranh được mô tả bằng chữ nghĩa lại giống với các đường nét, hình khối, màu sắc của bức tranh thực. Đấy là một ưu điểm rất lớn của cuốn sách, vì dù các bức tranh in lại không đạt được một trăm phần trăm kích thước và dáng vẻ của tranh thực đó cũng là một tài liệu vô cùng quý giá để người đọc có ý niệm về một kho tàng nghệ thuật của nước nhà.

Nội dung các bài viết của tác giả gồm hai phần, phần nói về các dòng tranh dân gian Việt Nam là phần chính và phần sau nói về điêu khắc dân gian. Về tranh dân gian, tác giả đã giới thiệu: 1) Tranh Tết; 2) Bức tranh gà; 3) Tranh khắc gỗ dân gian và

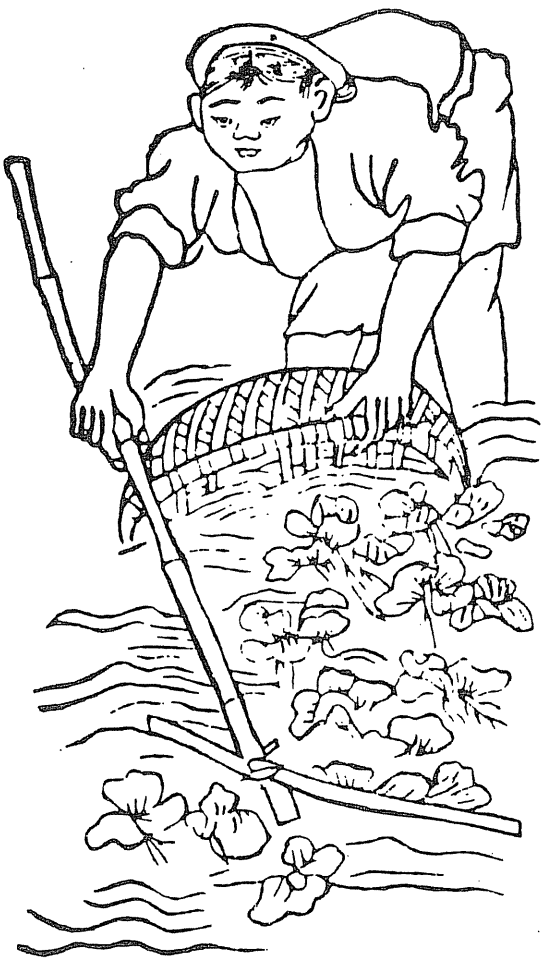

Với bèo, album H. Oger.

các tác phẩm văn học cổ; 4) Một loại tranh tôn giáo dân gian miền Nam; 5) Những hình tượng trên bộ Bài Tới dân gian ở Trung bộ. Về điêu khắc, tác giả viết về vẻ đẹp của nền điêu khắc dân gian cổ.

Hiển nhiên đây là một cuốn sách khảo cứu nhưng hoàn toàn không khô khan nặng nề, người đọc được dẫn dắt một cách thích thú đầy tình cảm đi ngược dòng thời gian để tìm lại các di sản của chính cha ông mình. Tôi cho đây là các *bài tùy bút về nghệ thuật tạo hình* được viết với một cảm hứng văn nghệ nhiều hơn là với một thái độ khảo cứu, mặc dù các kiến thức cơ bản vẫn được tác giả cung cấp một cách đầy đủ. Đó là cái công lớn của Huỳnh Hữu Ủy đối với người đọc bình thường không am hiểu nhiều về hội họa, tác giả đã truyền được cho chúng ta vẻ đẹp, sự rung cảm của mạch sống dân tộc thể hiện trong lối tạo hình dân dã, gây được nơi ta ý thức tự hào về những giá trị lớn lao tiềm ẩn trong các tác phẩm tưởng như tầm thường. Nếu không có lối viết "đem tâm tình viết hội họa" thì tác giả đã không tạo được những kết quả như thế.

Trong phần tranh Tết, khi giới thiệu tranh Đông Hồ, tác giả đã cho người đọc các kiến thức khá phong phú về lịch sử làng Đông Hồ, và về sinh hoạt nghề tranh có những hình ảnh như thế này:

"*Người cha trong gia đình có thể là trưởng xưởng, lo việc 'ra' tranh, 'ra' những mẫu mới hoặc chỉnh lý những mẫu tranh cũ, rồi khắc bản gỗ chuẩn bị cho việc in ấn. Bà mẹ, các cụ già, các thiếu nữ và trẻ nhỏ thì chuyên chú vào việc in tranh, tô màu, bôi sửa, bồi tranh. Và tranh thì phơi la liệt khắp nhà, trên bàn ghế, chõng nằm, trên dây phơi, sào tre, hoặc trải khắp cả mặt đất, hong tranh khắp sân nhà. Tràn ngập tranh là tranh, những bức tranh màu sắc rất dân dã, rực rỡ, ấm áp, rất nồng nàn, đằm thắm và gần gũi biết bao!*"

Nói về việc làm tranh mà sinh động như là một đoạn hư cấu của cuốn tiểu thuyết lịch sử vậy!

Khi nói về chất liệu và kỹ thuật thực hiện tranh Đông Hồ, tác giả vẫn thổi được một mối hoài cảm vào các vật vô tri ấy:

"*Qua tâm hồn, cảm thức và trí tuệ của người nghệ sĩ dân gian, những tấm tranh Tết ra đời, đường nét và hình sắc làm tươi rực thế giới nhân sinh, thật ra lại chỉ phát nguồn từ những chất liệu thiên nhiên quanh nhà, quanh vùng sản xuất tranh, khá giản đơn, dễ kiếm. Những màu sống, màu thuốc cái được chế biến không có gì là phức tạp lắm, ấy thế mà chúng ta sẽ có được các tấm tranh Tết với nhiều màu sắc tươi sáng, rực rỡ, nhiều sắc độ, đã hợp được với mỹ cảm và tâm hồn dân tộc qua bao nhiêu thế kỷ thăng trầm*".

Những tiếng như "màu sống", "màu thuốc cái" rõ ràng là những tiếng kỹ thuật của nghề làm tranh nhưng vẫn làm gợn trong lòng ta một nỗi nhớ thương về quá khứ, làm cho ta chợt gần gũi với các sinh hoạt chân chất trong lành của dân tộc một thời đã qua.

Kỹ thuật thì khô khan, nhưng Huỳnh Hữu Ủy tả kỹ thuật làm tranh thì rất gợi tình:

"*Nhịp chày giã vỏ dó ở phường Yên Thái, bên cạnh Hồ Tây, đã một thời gắn liền với những sinh hoạt thơ mộng và đẹp đẽ nhất. Đầu thế kỷ XV, trong Dư Địa Chí, Nguyễn Trãi đã nhắc đến phường làm giấy Yên Thái. Nguyễn Huy Lượng viết Tụng Tây Hồ Phú năm 1801 cũng đã từng ghi nhận: 'Chày Yên Thái nện trong sương chếnh choáng'. Và trong ca dao cổ, chúng ta lại gặp hình ảnh ấy, một cảnh tượng nhộn nhịp, xôn xao mà rất thanh nhã, gợi cảm.*

Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

Giấy dó làng Bưởi, quét phủ lên một nền điệp trắng là loại giấy tuyệt nhất, lý tưởng nhất để in tranh Tết.

Điệp là vỏ sò, hến được hầm đốt, nung lên và đem tán nhỏ, trộn nấu với hồ tẻ. Quét điệp bằng chổi thông lên giấy dó, sẽ tạo một vẻ đẹp

rất lạ, những đường gợn óng ánh tự nhiên, gợi lên cái lấp lánh, chìm ẩn mơ hồ của trời và biển, của mặt trời, trăng, sao và cát trắng."

Nhờ vào một bút pháp và một tâm tình đặc biệt như thế, Huỳnh Hữu Ủy đã dẫn dắt người đọc một cách dễ dàng vào lãnh vực mà ông muốn. Ông đã điểm qua tranh Hàng Trống và Kim Hoàng, tranh mộc bản dân gian ở Huế, tranh dân gian miền núi, mỗi thứ đều miêu tả kỹ lưỡng lịch sử, đặc tính kỹ thuật, tác dụng trong dân gian, vẫn luôn luôn với lối trình bày làm nổi bật lên tâm tình của mỗi loại. Tranh mộc bản ở Huế phục vụ cho nhu cầu thờ cúng dân gian đã được tác giả khảo sát và phân loại một cách chính xác, ngắn gọn. Và khi mô tả bộ tranh Bát Âm của Huế, tác giả đã bác bỏ lối đánh giá nặng mùi đấu tranh giai cấp của các nhà nghiên cứu cộng sản "*vẫn lầm tưởng hoặc vì định kiến, hoặc cứ cố tình giải thích qua lăng kính hẹp hòi của một phạm trù có sẵn, rằng đã là nghệ thuật dân gian thì phải đơn giản, khỏe khoắn, tỏ rõ một sức sống vững bền kỳ diệu, bên cạnh một nền nghệ thuật vương giả, tỉ mỉ, rườm rà của chốn triều miếu xưa kia. Ở đây, chúng ta mới thấy rằng giữa hai dòng nghệ thuật cung đình, bác học và dân gian vẫn có sự ảnh hưởng qua lại, ghi chép, mô phỏng lẫn nhau...*"

Khi phân tích về nội dung đường nét và bố cục tranh dân gian, Huỳnh Hữu Ủy có con mắt khảo sát chính xác trong phân loại (10 loại) và khi dẫn giải về nội dung và nghệ thuật tạo hình.

"*Mộc bản dân gian Việt Nam mở ra một thế giới táo bạo, phóng khoáng, hồn nhiên, gần với cách nhìn mới mẻ của trẻ thơ, tất cả đều dàn trải trên một mặt phẳng và dẹt... Và màu sắc thì đôi lúc rất ấm áp, cái ấm áp của đất đai sưởi nắng thơm mùi rạ mới, có lúc lại rất vui tươi, dã thú, xiết bao rực rỡ nồng nàn.*"

Phần khảo về bộ bài tới ở Trung bộ rất độc đáo. Không những tác giả mô tả lại một cách sinh động lối chơi bài chòi mà nhiều người trước đây đã nói tới, phần quan trọng là ông đã xem xét và lý giải về hình vẽ trên từng quân bài mà ông cho là "cực kỳ lạ lùng và bí hiểm". Đó cũng là cảm tưởng của nhiều người khi nghe tên gọi các quân bài và khi nhìn bộ bài ấy, "những hình vẽ mà chúng ta không sao hiểu nổi đã phát xuất từ những cơ cấu trí tuệ như thế nào". Huỳnh Hữu Ủy đã cố gắng giải tỏa những cảm giác kỳ quái đó bằng cái nhìn khoa học, cho thấy đây là sản phẩm của một cuộc giao lưu văn hóa, đã nhìn thấy yếu tố Chàm, yếu tố Tây Nguyên cùng cái tâm lý cười cợt sơ khai hoang dã của đám lưu dân Việt Nam trên con đường Nam tiến đã đọng lại trên bộ bài này. Tôi cho đây là một cái nhìn rất thú vị, gần như là sự giải mộng, lý giải những cái kỳ bí của giấc mơ bằng những điều có thể hiểu được. Bộ bài Tới quả là một kỳ bí bằng hình vẽ và tên gọi quá khứ đã để lại cho chúng ta mà Huỳnh Hữu Ủy đã phanh phui rất hữu hiệu bằng những kiến thức và tình cảm tổng hợp.

Tranh dân gian có nguồn gốc rất xưa, theo tác giả ít ra là cả ngàn năm, nhưng các tranh hiện có thì có lẽ không xưa lắm, chắc khoảng cuối thế kỷ 19 trở lại đây. Trong khi đó điêu khắc dân gian đã để lại các hình tượng cổ hơn nhiều trong các đình chùa. Trong bài viết về vẻ đẹp của nền điêu khắc dân gian cổ Huỳnh Hữu Ủy đã giới thiệu, cùng với hình chụp, những tác phẩm chạm trổ trên gỗ, trên đá trong một số đình làng có tuổi thọ ba, bốn trăm năm. Đấy là những tác phẩm nói lên một thế giới gần gũi, thân quen, yêu đời giữa các làng mạc Việt Nam xưa thể hiện bằng các nhát dao, nhát búa mạnh khỏe, vững chãi. Đề tài các bức chạm trổ ấy rất phong phú, đó là các sinh hoạt xã hội, cảnh săn bắn, trồng tỉa, giải trí, những khía cạnh trữ tình trong đời sống bình thường như cảnh tình tự, tắm trong đầm sen, chải tóc v.v... Tác giả nghệ thuật tạo hình dân gian Việt Nam đã mang lại cho chúng ta một vẻ đẹp vẫn nằm cố định đâu đó trong các ngôi đình xưa, nối chúng ta với một mảng quá khứ rất đáng hãnh diện mà nếu không có những công trình như cuốn sách này được phổ biến rộng rãi thì chúng ta cũng khó có cơ hội để hiểu biết thêm.

Cho nên đối với tôi Nghệ Thuật Tạo Hình Dân Gian Việt Nam là một quyển sách quý đã mang lại cho tôi nhiều điều. Tác giả đã viết nó với một tâm hồn và tài năng đặc biệt, đã rung động được các rung động của quá khứ và có đầy đủ khả năng ngôn từ để truyền các rung động ấy cho người hôm nay. Điều đó bắt buộc tác giả phải có hai điều kiện: tâm hồn rất nghệ sĩ và rất dân tộc cùng một khả năng sáng tạo chân thành và trong sáng. ■

1 tháng Sáu, 94

(1) Hồng Lĩnh xuất bản 1993, 292 trang, giá 18MK

Hàng cơm bình dân (album H. Oger)

NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN VÀ 'MÓN QUÀ BÁO HIẾU'

NGUYỄN NAM ANH

Trẻ trung, năng động, duyên dáng, lưu loát, và nụ cười lúc nào cũng nở trên môi là những gì mà cô thiếu nữ hơn 20 tuổi này chiếm được cảm tình ngay với người tiếp xúc với cô. Đó là Nguyễn Cao Kỳ Duyên, con gái của cựu tướng Không Quân, cựu Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương VNCH, Nguyễn Cao Kỳ.

Cô là một trong những khuôn mặt quen thuộc trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Cô được rất nhiều người biết, không những qua hình ảnh một người điều khiển xuất sắc các chương trình ca nhạc trên sân khấu và trên Video, mà cô còn là một sinh viên ưu tú trong ngành luật. Nguyễn Cao Kỳ Duyên vừa tốt nghiệp tiến sĩ Luật và đậu luôn bằng hành nghề luật sư ngay lần thi đầu.

Nguyễn Cao Kỳ Duyên

"Tôi muốn xin phép bạn đọc được nói lời đầu tiên là lời cám ơn với Mẹ tôi. Mẹ là người thúc đẩy Kỳ Duyên thực hiện giấc mơ của Mẹ: học luật, và trở thành luật sư trên xứ Mỹ. Và cho đến giờ phút này Kỳ Duyên vui sướng dâng lên Mẹ món quà báo hiếu bù lại công lao nuôi dưỡng của Mẹ." Cô Kỳ Duyên đã mở đầu như vậy trong cuộc chuyện trò với chúng tôi.

Đến Mỹ từ năm 1975, khi mới lên chín tuổi, lúc đầu Kỳ Duyên theo gia đình định cư ở Virgina, chừng một năm sau cả nhà dời về California. Cô học tiểu học và trung học ở Huntington Beach, và đại học ở Cal Poly Pomona. Sau đó, cô nghỉ học một vài năm để đi làm, trước khi quyết định học luật ở Western. Cô vừa ra trường vào tháng Mười Hai 1993. Western là một đại học tư chuyên về môn Luật, có nhiều sinh viên nhất ở Hoa Kỳ. Trường có ba cơ sở ở Irvine, Fullerton và San Diego. Kỳ Duyên cho biết học phí trường Western khá cao. Một lớp (*unit*) ở trường Western là 389 mỹ kim, một học kỳ (*semester*) phải lấy chừng 15 lớp, chưa kể tiền sách. Do đó Kỳ Duyên phải đi làm ở các "*show* ca nhạc cuối tuần" để có tiền đi học.

Kỳ Duyên cho biết làm "*show*" cũng là một thú vui, giúp cô đỡ căng thẳng tinh thần và rất may là việc làm này diễn ra vào cuối tuần thôi. Mỗi tháng cô làm một hoặc hai ngày và thời gian còn lại cô dành cho việc học.

Kỳ Duyên có đôi mắt đẹp, nhưng cô bảo việc chúi mũi vào sách vở có thể đã làm mất cô lên độ.

Nói chuyện với Kỳ Duyên, người ta được nghe rất nhiều tiếng cười... rất duyên. Ngành luật cô học là luật nói chung, nhưng cô có học thêm một chương trình đặc biệt về thuế — thuế lợi tức, thuế liên bang, thuế nhà cửa...

Nhắc đến "bố Nguyễn Cao Kỳ," Kỳ Duyên cho biết khi cô đi "*show*" hoặc tiếp xúc ngoài xã hội nói chung, mọi người đều dành cảm tình đặc biệt cho cô, vì biết cô là "con gái của Bố." "Tôi cảm thấy rất may mắn là con của Bố."

Vì bận học, mỗi năm cô chỉ gặp "bố Nguyễn Cao Kỳ" một, hai lần. Hai bố con đi ăn cơm, nói chuyện gia đình, việc học hành của cô thôi. Cô ít theo dõi những hoạt động của bố cô, nhưng Kỳ Duyên nói chắc chắn một điều là mỗi lần gặp cô, "Bố" hay nói về quê hương đất nước. Kỳ Duyên tin chắc "Bố" là một người yêu nước. "Bố" thường nói với cô: "Nếu sau này con có cơ hội hoạt động cho đất nước, tới một lúc nào đó, việc gì mà con không chắc đúng hay sai, thì con hãy tự hỏi ngay chính con là con đã làm vì con hay làm vì đất nước."

Kỳ Duyên nói cô ít quan tâm đến chuyện chính trị, vì việc học đã nuốt hết thì giờ của cô, số thì giờ hiếm hoi còn lại cô muốn tìm

sự thoải mái. Như xem Thúy Nga Paris chẳng hạn.

Trả lời câu hỏi về vụ Nicole Simpson bị người chồng cũ là cầu thủ *football* (bóng bầu dục) nổi tiếng O.J.Simpson giết, "báo chí Mỹ có vẻ bênh Simpson," Kỳ Duyên nói ở bên Mỹ, muốn kết án ai rất là khó. Luật ở Mỹ thiên về khuynh hướng tha lầm còn hơn bắt lầm.

Kỳ Duyên là người thích âm nhạc, chắc chắn như vậy. Cô bảo cô mê nhạc Jazz, Blues, mê tiếng kèn, mê hát.

Thế còn âm nhạc Việt Nam?

Kỳ Duyên cho biết cô đặc biệt ưa thích Trịnh Công Sơn, Đức Huy. "Và tôi cũng yêu em" của Đức Huy là một ca khúc cô ưa thích.

Nói chung, cô ưa thích những điều đơn giản, chân thật trong cuộc sống. Một ly cà phê buổi sớm, một đóa hoa hồng trong vườn, một chút mặt trời trong nước lạnh...

Người nữ luật sư trẻ tuổi, hồn nhiên, và yêu đời, cho biết cô thích đọc các tác phẩm văn chương quốc tế như sách của Hemingway chẳng hạn. "Học xong luật rồi Duyên sẽ đọc sách nhiều hơn nữa." Cô cho biết như thế.

Còn văn chương Việt Nam thì sao?

Kỳ Duyên nói cô thích Nhất Linh, Mai Thảo, Lệ Hằng, đặc biệt truyện chưởng Kim Dung do Hàn Giang Nhạn dịch.

Còn thơ, Kỳ Duyên thích Nguyên Sa, Vũ Hoàng Chương... Cô bảo cô cũng ưa thích hội họa, đặc biệt tranh của Monet, những họa phẩm tuyệt vời đầy mầu sắc rực rỡ.

Cái nhìn xã hội của Kỳ Duyên?

"Duyên đứng về phía người nghèo, những người yếu đuối, nhất là trẻ con."

Cô nói cô rất quan tâm đến những người trẻ không có gia đình, những người già cô đơn.

Hiện nay Nguyễn Cao Kỳ Duyên đang rảnh, cô cho biết sẽ cộng tác với một vài người bạn cũng trong ngành luật, để làm các công tác xã hội.

Kỳ Duyên có dự định xin việc trong tòa án Hoa Kỳ?

"Một ông tòa ở hạt Santa Ana có ý muốn dành cho Duyên một công việc làm ở tòa án, nhưng khoảng sáu, bẩy tháng nữa mới bắt đầu vì còn phải đợi sắp xếp."

Đó là công việc, còn tình yêu thì sao? Người ta bảo...

"Vâng, 'anh ấy' là người Mỹ và cũng sắp là luật sư. Tháng Bẩy này 'anh ấy' ra trường."

Ấn tượng còn đọng lại sau khi tiếp xúc với người nữ luật sư trẻ tuổi và lạc quan này là những tiếng cười dòn, một tâm hồn chân phương, một tình cảm vị tha, và sự duyên dáng như tên của cô. ■

SỔ TAY

O.J.Simpson

O.J. Simpson, cựu cầu thủ Hoa Kỳ, hôm Thứ Hai ra trước tòa án khai rằng mình vô can trong vụ hạ sát vợ cũ và người bạn trai của bà này.

Khi Simpson được đưa từ nhà tù đến tòa án hôm thứ Hai 20 tháng Sáu, trên một chiếc xe ca màu trắng, được nhân viên an ninh canh giữ hết sức chặt chẽ, thì đây là lần đầu tiên người ta thấy anh ta xuất hiện kể từ khi bị bắt giữ chiều thứ Sáu 17 tháng Sáu 1994. Trong dáng điệu buồn rầu và mỏi mệt, Simpson khai trước tòa án rằng mình vô tội. Nhưng một nữ công tố viên khẳng định Simpson là thủ phạm duy nhất và bà sẽ trình tòa những chứng cứ buộc tội nghi can.

Simpson là một cầu thủ bóng bầu dục (*football* của Mỹ) nổi danh và sau này còn được quen thuộc với quần chúng qua các chương trình phát thanh và truyền hình thể thao. Vụ bắt giữ anh đã được tất cả các đài truyền hình và báo chí trong vùng Los Angeles đưa lên thành tin tức hàng đầu trong suốt mấy ngày cuối tuần giữa tháng Sáu.

Ngày 12-6 người ta tìm thấy xác của Nicole Brown Simpson, 35 tuổi, vợ cũ O.J. Simpson, và người bạn trai của bà ta là Ronald Goldman, bị đâm chết ở gần nhà Nicole.

Trước tòa, Simpson hơi co người lại khi bà Phó biện lý Marcia Clark đọc bản cáo trạng trong khi luật sư Robert Shapiro đặt tay trên vai trái đương sự xiết nhẹ. Trong cuộc họp báo sau phiên tòa, bà Clark nói rằng các điều tra viên tin là Simpson đã hành động một mình và có lẽ đã dự mưu hạ sát ít nhất từ một thời gian ngắn trước đó. Bà khước từ bình luận thêm về những chứng cứ.

Luật sư Shapiro nói rằng bản kết quả giảo nghiệm máu của cảnh sát mà ông đã nhận được chưa đủ yếu tố kết luận.

Bà Clark chưa cho biết bao giờ đại bồi thẩm đoàn sẽ họp để thẩm cung. Một thẩm phán cho biết tòa án sẽ họp để nghe trình bày về những tang chứng vào ngày thứ Tư và phiên xử sơ khởi sẽ bắt đầu vào ngày 30 tháng Sáu. Simpson, nếu bị bị xác định có tội, có thể lãnh án tử hình.

Điều đáng nói trong vụ này, là giới truyền thông Mỹ đã khai thác tin như một cuốn phim "nghẹt thở," với những cảnh rượt đuổi bằng xe trên xa lộ — đoạn đường dài tới 60 dặm (khoảng 100 km). Cùng lúc đó, lại có cảnh những nhóm người đứng ở bên lề đường giơ tay vẫy chào "nghi can" khi xe của anh ta do bạn thân là Al Cowling lái đi qua. Rồi hàng trăm phóng viên và "người ái mộ Simpson" túc trực ở trước nhà Simpson, có người còn cầm biểu ngữ cổ võ (?) tinh thần.

Đúng vào lúc cuộc rượt đuổi của hàng chục xe cảnh sát theo sau một xe díp thùng hiệu Bronco diễn ra trên xa lộ Nam California, mà hàng triệu người có thể theo dõi trên màn ảnh truyền hình, thì màn ảnh có lúc đã phải ngăn đôi, một nửa dành cho...đá banh tranh giải World Cup USA 94! Theo tường thuật của báo chí, nhiều phóng viên ngoại quốc đến Mỹ săn tin đá banh, thấy dân Mỹ theo dõi vụ Simpson còn đông đảo và say mê hơn coi đá banh, thì họ rất ngạc nhiên, và hỏi: "Simpson là ai vậy?"

O.J. Simpson, cầu thủ *football* lừng danh, được yêu mến đến độ có nhiều bằng chứng cho thấy can tội sát nhân, và trước đó đã từng bị bắt vì tội...đánh vợ, mà vẫn được gọi là "anh hùng" — đang trở thành biểu tượng cho một "hội chứng anh hùng kiểu Mỹ.■"

CỎ MỀM LÃNG ĐÃNG

SONG THAO

Con nhỏ trông khấu khỉnh tệ. Chỉ nguyên đôi mắt đã đáng đồng tiền bát gạo rồi. Loại mắt lớn, đen nháy, làm sáng trưng cả khuôn mặt. Ngày nào như ngày nấy, con nhỏ ngồi bệt xuống sàn gạch, lưng dựa vào cánh cửa tủ, cuốn sách mở trên hai đầu gối co lên trong một thế ngồi khúm núm tội nghiệp. Khi Nghiệp đi ngang qua mặt, con nhỏ khẽ ngẩng đầu lên, mớ tóc đen ngang vai óng mượt xô đẩy nhau, đôi mắt ngước cao nhìn Nghiệp như vỡ ra ngàn tiếng reo vui.

Năm học mới bắt đầu, Nghiệp lại ngày ngày ôm cặp đi dạy. Những ngày hè cố níu kéo giờ đã tan ra nhập vào mảng thời gian đã mất. Dư vị của những buổi rong chơi với nắng ấm làm bước chân anh nặng nề trên hành lang dẫn tới lớp học. Hai bên tường những dãy tủ xám xanh dành cho học sinh chạy ngút ngàn trông buồn nản như những cánh cửa nhà tù. Nghiệp chưa bao giờ thấy thoải mái thanh thản trên dãy hành lang này. Đám nam sinh chạy nhảy, đấm đá, la hét ồn ào nhộn nhịp nhức đầu nhức óc. Các nữ sinh mồm miệng tía lia, chân tay múa may lao xao như những con rối. Một vài cặp ghì nhau dựa vào cửa tủ ôm hôn tỉnh bơ như chốn không người. Chỉ có con nhỏ khấu khỉnh ngồi lặng thinh làm Nghiệp thấy thú vị. Nghiệp không biết con nhỏ học lớp nào. Anh chưa nghĩ ra cách nào để biết thêm về con nhỏ dễ thương này. Nếu ở Việt Nam thì quá dễ. Hỏi dò vài đứa học trò hoặc đánh tiếng với vài đồng nghiệp thân là ra ngay. Ở đây tự do của con người được đưa lên bàn thờ cao ngất nên thật là lố bịch khi muốn hỏi dò về đời tư của người khác dù đó chỉ là con nhỏ học trò đáng tuổi con anh. Xứ sở gì mà lạ. Tương quan xã hội được bao trùm trong cái vỏ đậm đặc dục tính. Anh nhớ hồi còn đi học mấy thằng bạn thân dắt tay nhau rong chơi phố phường tự nhiên như không. Vậy mà ở đây hai người đồng phái

nắm tay nhau ngoài đường phố là nhận được ngay những ánh mắt nghi ngờ của người qua đường. Ánh mắt nào cũng mang lời kết án "bệnh hoạn" nằm phơi ra không cần dấu diếm. Hình như con ma *sex* đã len lỏi vào từng mạch máu li ti trong óc não mọi người. Bây giờ mà anh ra miệng hỏi thăm về con nhỏ học trò này thì hậu quả chẳng biết tới đâu.

Tiếng ồm ồm của một nam học sinh to lớn như một ông hộ pháp đứng hai tay chống nạnh mặt ngẩng cao không chút rụt rè cắt đứt dòng suy nghĩ của Nghiệp: "Ông Lee, hôm qua tôi bị cảm nên không nộp bài hôm nay được!" Đám chân râu nâu vàng leo từ hai mái tóc xuống nằm kín hai bên má sánh vai cùng hàng ria mép mềm oặt làm cho khuôn mặt của chú học trò thêm phần thách đố. Nghiệp khẽ gật đầu, khoát tay bảo chú học trò về chỗ. Anh không nghe thấy chữ thầy, không nghe thấy cái tên Nghiệp mà cũng chẳng nghe thấy cái họ Lê của anh. Anh đã biến thành Lee, một cái tên chẳng dây mơ rễ má gì với anh mà chỉ có một công dụng duy nhất là dễ đọc dễ nhớ cho các đồng nghiệp và học sinh. Anh nhìn xuống. Lớp học của anh như một giỏ cua nhộn nhạo. Trước mắt Nghiệp là những cặp chân được phủ bằng những ống quần jean và những đôi giầy vải thô kệch có những đường màu néon chói chang sặc sỡ chạy lộn xộn. Chân trên thành ghế, chân trên lối đi và thậm chí chân vắt chéo nhau trên mặt bàn học. Lúc đầu Nghiệp thấy chướng mắt nhưng riết rồi cũng quen đi. Anh nhớ lại những ngày còn đi học chỉ tì hai đầu gối lên mép bàn cũng đủ được thưởng thức những ngọn roi của thày cô.

Cách nói năng của đám học sinh thân hình dềnh dàng to lớn hơn Nghiệp cũng mang vẻ ngang ngang khinh mạn. Chẳng thưa chẳng gửi. Lúc nào cũng gọi tên thày trống không bằng cái giọng trâng tráo ngang vai. Nghiệp đã nhiều phen ngỡ ngàng tưởng như mình không phải là một ông thày dạy học đứng trước đám học trò trong lớp. Có một cái gì quá đáng làm Nghiệp thấy bâng khuâng nuối

tiếc thời đi dạy ở quê nhà. Những ngày êm đềm thày ra thày trò ra trò đó có lẽ chẳng bao giờ trở lại nữa. Nghiệp thả hồn về những khuôn mặt học trò cũ. Những cái tên học trò từ gần hai chục năm trước vẫn còn cố bám víu trong mảng ký ức ngày một teo tắt của anh. Những khuôn mặt đẫm vẻ kính cẩn sợ sệt thày đến tội nghiệp. Rồi những giọt nước mắt, những cái miệng méo xệch bịn rịn, những cái bắt tay chặt chẽ níu kéo, những bàn tay nhỏ nhắn lao xao vẫy chia tay mỗi khi hè tới. Những hình ảnh thân thương của chuỗi ngày xưa cũ làm mềm lòng Nghiệp. Anh uể oải bắt đầu giờ học. Miệng anh khô khốc đắng ngắt.

Trận bão tuyết dữ dội phủ xuống thành phố tấm khăn trắng khổng lồ dày gần nửa thước. Nhìn tuyết mà thấy ớn tới tận cổ. Xe xúc tuyết chạy ngang dọc khắp phố phường gạt từng mảng tuyết sang hai bên lề đường thành những đống tuyết cao ngang đầu người. Chiếc xe của Nghiệp bị chôn trong đống tuyết trông như một con voi trắng đang phủ phục chờ lệnh của chủ. Nghiệp đứng giữa trời lạnh điếc tai ngao ngán nhìn chiếc xe. Anh bật cười một mình khi nghĩ lại cú điện thoại của ông bạn bên Cali gọi tối qua. Anh bạn than vắn thở dài là cả đời chưa được thấy tuyết. Một bữa hai vợ chồng rủ nhau lái xe gần một ngày lên Reno coi tuyết. Lên đến nơi tuyết đã tan hết chỉ nhìn được vài vẩy tuyết ướt dưới đất. Vậy mà cũng té một cái nhớ đời. Chẳng bù với ở đây. Chung quanh Nghiệp người ta đang hối hả đào tuyết để lôi từng chiếc xe ra. Hình như gia đình nào cũng đổ dồn ra đường đào tuyết. Bà hàng xóm trẻ đẹp của Nghiệp giấu khuôn mặt thanh tú dưới chiếc mũ len bịt kín mít chỉ hở đôi mắt tinh quái nhìn Nghiệp hất hất cái đầu như thúc dục anh tham gia vào trò chơi mệt nhọc vất vả. Nghiệp cười lại nhưng vẫn đứng bất động nhìn chiếc xe. Anh nhẩm tính bây giờ mà bắt tay vào đào thì phải mất ít nhất nửa giờ nữa mới có thể chui được vào xe. Mà rồi chẳng biết nó có chịu nổ máy cho không. Mấy chiếc xe chung quanh đang ho khục khặc như những ông già bát tuần gặp ngày giá lạnh. Chiếc nào may mắn nổ được máy thì phun khói đen ngòm lắc lư như đe dọa có thể im tiếng bất cứ lúc nào. Nghiệp nhìn đồng hồ tay. Anh chẳng còn đủ thời giờ để phí phạm nếu không muốn tới trường trễ. Anh vội vàng kéo cao cổ áo lội bộ ra bến xe buýt.

Chiếc xe buýt, thường ngày mầu xanh nay bị một lớp tuyết pha bùn đông đặc dính cứng trông không còn ra mầu gì, thận trọng dừng lại. Nghiệp theo hàng người xếp hàng thứ tự lên xe. Liếc nhìn thấy một chiếc ghế trống, anh bắt gặp nụ cười chào đón của con nhỏ khấu khỉnh trong trường. Dáng ngồi nghiêng nghiêng với mớ tóc hất sang một bên và một bên má vươn ra bướng bỉnh cùng với đôi mắt đen láy ướt rượt long lanh thách thức làm Nghiệp choáng váng. Ngàn cũng có dáng ngồi như vậy khi anh gặp nàng lần đầu tiên trong phòng khách nhà Kim. Kim cùng dạy chung trường với anh. Khi Kim vừa mở cửa cho anh vào thì anh sững người nhìn thấy Ngàn ngồi trên chiếc ghế dài nằm choáng hết một bên phòng. Ngàn khẽ mỉm cười chào anh. Loáng thoáng bên tai anh tiếng Kim giới thiệu em gái. Anh lúng túng gật đầu chào Ngàn. Tim anh như con ngựa đua đang phì phò thở dốc. Anh mê mệt nhìn Ngàn ôm cả cái dáng ngồi dễ thương bỏ vào trong đầu. Và anh khóa chặt lại trong đó. Anh biết anh vừa lao vào một cuộc rượt bắt chẳng có cách gì bỏ được.

Chiếc áo lạnh cổng kềnh làm Nghiệp ngồi xuống ghế một cách khó khăn. Anh quay qua nhìn con nhỏ gật đầu chào. Con nhỏ khẽ nhếch miệng *Hi!*

Nghiệp tiếp tục đánh vật với mớ quần áo cấn cái trên người cố tìm một thế ngồi thoải mái. Anh tháo đôi găng tay và chiếc khăn len trên cổ cho bớt vướng víu. Con nhỏ chăm chú nhìn ông thầy xoay qua xoay lại. Cái miệng lách chách buột lên câu nói:

"Xe của ông đâu, ông Lee?"

Nghiệp vừa tìm được một thế ngồi vừa ý nên cảm thấy vui vẻ:

"Ngủ rồi. Cu cậu chơi trò trốn tìm trong tuyết làm khó tôi, không ngờ tôi cho cu cậu nằm đó luôn chẳng thèm kéo ra. Nếu em là cái xe em có tức không?"

"Tức chứ! Không gì ấm ách cho bằng chơi trò trốn tìm mà người ta chẳng thèm tìm mình. Tức chết đi được ấy chứ, ông Lee nhỉ?"

Nghiệp buông thõng:

"Tôi cũng đang tức chết đi được. Tên tôi là Nghiệp, họ tôi là Lê mà ai cũng gọi tôi bằng cái tên Lee chẳng biết của thằng cha căng chú kiết nào cả!"

Con nhỏ ôm bụng cười ngặt nghẽo. Đôi mắt kéo tít lại nhỏ như một sợi chỉ đen. Hai cánh mũi hỉnh lên thoải mái. Môi dưới leo lên nằm úp trên môi trên cố nén tiếng cười nghịch ngợm lại. Đôi gò má hồng lên như hai trái đào. Nghiệp ngây người nhìn con nhỏ. Điệu cười của Ngàn. Điệu cười Nghiệp đã từng mê mệt. Cách gì mà quên nổi. Con nhỏ thấy Nghiệp chăm chú nhìn đâm ra mắc cỡ. Nụ cười từ từ tắt ngúm. Khó khăn như phải bỏ cuộc chơi đang hồi thú vị. Nó ngoẹo cổ, nghiêng đầu, đôi mắt tinh quái nhìn lại Nghiệp:

"Vậy tôi kêu ông bằng tên nghe, ông Nghiệp."

Chữ Nghiệp được phát âm khá rõ ràng làm Nghiệp ngạc nhiên. Anh ú ớ không biết nói sao. Chẳng lẽ con nhỏ là người Việt Nam? Anh nhìn sâu vào mặt con nhỏ. Nét mặt như vầy cũng dám lắm à. Nghiệp định hỏi một câu tiếng Việt nhưng kịp dừng lại. Anh sợ thất vọng. Anh hồi hộp dò la loanh quanh:

"Cám ơn em. Còn em tên chi?"

Nghiệp nín thở chờ câu trả lời. Như một tội nhân đứng trước vành móng ngựa chờ nghe quan tòa đọc bản án. Anh mong được nghe một cái tên mang âm hưởng quen thuộc. Con nhỏ mau mắn trả lời:

"Sarah!"

Nghiệp cảm thấy như vừa đánh rớt một món đồ cổ quí giá. Anh thở dài tiếc nuối. Con nhỏ vênh váo nói thêm:

"Sarah Lee!"

Nghiệp cố níu vào chiếc phao hy vọng:

"Lee hay là Lê?"

Con nhỏ bưng miệng cười:

"Lee. Đó là cái tên bị vứt lăn lóc trên đường, tôi thấy tội nghiệp lượm lên dùng tạm vậy!"

Mặt Nghiệp bừng đỏ. Con nhỏ quái quỉ đã bắt được chân anh kéo anh ngã lăn quay không thương tiếc. Anh thầm phục con nhỏ thông minh lanh lẹ. Nó khép kín miệng anh không cho anh hỏi tới nữa. Anh ấm ức trong bụng mà miệng vẫn phải cười tán thưởng câu khôi hài duyên dáng của con nhỏ.

Sarah trở thành mối ám ảnh trong đầu Nghiệp. Anh nhìn thấy người yêu cũ trở lại trong từng dáng điệu, từng cử chỉ, từng lời nói của con nhỏ. Ngàn của tình đầu dang dở vẫn đậm đà hương vị quanh quất đâu đây. Tình yêu đầu đời như vạt cỏ non xanh mướt dịu dàng, anh như một con ngựa ham rong ruổi đường xa nhưng đầu lúc nào cũng muốn ngoái về vạt cỏ non mượt mà thanh tân của ngày cũ. Nghiệp giật mình khi thấy mình thả hồn đi quá xa. Anh cảm thấy như có điều không phải đối với Nhã và hai con.

Nhã cho anh một mái gia đình ấm cúng, một tình yêu bền bỉ đậm đà và hai đứa con khấu khỉnh dễ thương. Anh chẳng dám đòi hỏi gì hơn. Cuộc sống tha hương chênh vênh trước những đổi thay dồn dập lại thiếu bóng dáng của các cụ Khổng cụ Mạnh nên một mái gia đình yên ổn là điều mà nhiều người thèm muốn. Bạn bè anh biết bao người ngơ ngẩn vì miếng hạnh phúc trơn lù rớt ra khỏi tầm tay lẹ làng như một cánh chim mất hút ở cuối chân trời. Tình yêu của anh với Nhã không giống như với Ngàn. Nhã đến với anh khi anh sa cơ thất thế chẳng còn thiết sống nữa. Anh vào tù Cộng sản với cái đầu chĩu nặng tủi nhục tức tối. Những tưởng những tá mới đó còn ồn ào tuyên bố những lời chém đinh chặt sắt đã một phút lủi đi mất hết. Cấp chỉ huy trực tiếp của anh vừa ra hàng rào phòng thủ phồng mang trợn má vậy mà tối đến đã mất tăm mất tích. Giờ buông súng đầu hàng anh chỉ muốn quay súng vào mang tai nổ đoành một phát cho nhẹ kiếp nhục nhằn. Bạn bè, chiến hữu nhìn nhau nước mắt tràn ứ lăn xuống mằn mặn nơi miệng.

BÙI DUY THUYẾT

NHỮNG Ý NGHĨ VỀ ĐÊM

Đêm trói chặt cuộc đời
Đêm phá tan sự sống
Đêm hoang mang trống rỗng
Đêm phi lý rã rời.

Đêm vô minh dụ dỗ
Đêm ẩn hiện vô thường
Đêm đọa đày khốn khó
Đêm bệnh hoạn chán chường.

Đêm kéo dài thân phận
Đêm cách biệt tình người
Đêm xót xa uất hận
Đêm lận đận bồi hồi.

Đêm miệt mài lao động
Đêm góp nhặt tàn hơi
Đêm tham lam mơ mộng
Đêm chấn động kiếp người.

Dùng dằng trút bỏ bộ quân phục, giật ra khỏi ngực những bông mai đen ngụy trang, anh trở về nhà Ngàn. Ngàn đã ra đi. Anh trắng tay đưa thân vào tù. Chỉ còn được chút lương tâm yên ổn. Còn nhìn được mặt mình trong gương mà không thấy hổ thẹn.

Trong tù anh ngậm câm trả giá cho cái lương tâm tỉnh táo của anh. Anh chai lì chịu trận. Ông Đại Úy già nằm bên cạnh lai láng cảm tình với anh Đại Úy trẻ đầy sĩ khí. Trong một lúc vui miệng ông nhận anh làm rể. Thú vui trong tù chẳng có là bao nên cứ bố bố con con cũng vui qua ngày. Một bữa vợ con ông lên thăm nuôi nhằm ngày anh lao động gần khu tiếp tân. Anh nhác trông thấy Nhã và cảm thấy như có một con suối mát rượi chảy qua hồn anh. Buổi tối, ông bố mang túi quà ra chia cho anh một phần nửa đùa nửa thật bảo vợ mày gửi cho mày đấy. Anh lịm người trong nỗi sung sướng đê mê. Bên tình rốn bên quà thật, bên nào cũng ăm ắp niềm vui. Trong tù anh là con bà phước chẳng có ai thăm nuôi. Đời anh chỉ có bạn bè mà bạn bè anh bây giờ đều nằm trong tù cả. Còn nước non gì nữa. Cầm những món quà quí giá trong tay anh như thấy lại được tình gia đình mà anh đã mất từ lâu. Ông Đại Úy già thấy mặt anh buồn rười rượi ngồi lặng thinh nhìn chăm chăm vào những gói, những chai, những lọ ngổn ngang bèn hỏi:

"Nghiệp à, sao tao thấy mày tội nghiệp quá!"

Nghiệp như vừa thoát khỏi giấc mơ lấy lại giọng đùa cợt ngang tàng thường ngày:

"Thôi bố ơi! Cho con xin đi! Bộ bố không tội nghiệp cho bố sao?"

Ông bố chép miệng thở dài:

"Tao già rồi không nói chi. Sống đã nhiều rồi chết lúc nào cũng được. Mấy đứa bay còn trẻ mà phải bó cẳng cho mấy thằng

người chẳng ra người ngợm chẳng ra ngợm muốn bẻ ngang bẻ dọc gì cũng được làm tao thấy thương tụi bay quá. Này, mày ưng con Nhã không?"

Nghiệp nhìn ông bố dò xét xem ông nói thật hay rỡn:

"Cho con xin đi bố. Cái thân mình bây giờ cũng chẳng phải của mình nữa nói chi tới đèo bòng vợ con. Mà con gái bố có thèm lấy một thằng tù không mà bố hỏi?"

Ông bố quắc mắt:

"Bộ bố nó không phải là tù à? Tụi chúng mày nằm ở trong này hết ráo ở ngoài có thằng nào ra hồn đâu. Chẳng lẽ nó lại đi ưa mấy thằng bất bố nó vô tù sao?"

Mỗi tháng một lá thư ông bố gửi về nhà. Ông chăm chỉ viết những hàng chữ nhỏ li ti nằm gọn trong một tờ giấy được phép gửi. Nghiệp nghĩ là nếu trại tù cho phép viết thư thả dàn thì ông cũng dám viết về nhà mỗi ngày lắm. Những lá thư chăm chỉ đó lá nào cũng có những hàng nhắc tới Nghiệp. Gần đến kỳ thăm nuôi, ông gọi Nghiệp ra một góc sân vắng rỉ tai nói nhỏ:

"Kỳ thăm nuôi tới con Nhã sẽ thăm mày, còn bà vợ già của tao thăm tao. Tao đã dặn con Nhã nhận mày là anh. Tụi cán bộ có hỏi thì cứ trả lời như vậy nghe! Mà tao dặn trước mày, từ nay tới ngày đó đừng có ngang tàng làm tụi nó ghét cúp thăm nuôi thì...mất vợ nghe con!" Nói xong ông cười sảng khoái đập vai Nghiệp đôm đốp.

Chỉ vài kỳ thăm nuôi là đủ cho những lá thư của Nghiệp và Nhã trở mình thành những lá thư tình. Anh ứa nước mắt nhận mối tình khập khễnh như một tín đồ nhận ân sủng của Đấng Tối Cao. Anh bám víu vào Nhã như một đứa con nắm chặt vạt áo mẹ. Anh nhẫn nhục đếm từng ngày tù. Phải mất hai ngàn một trăm lẻ tám ngày anh mới được bước chân ra khỏi trại giam. Ông Đại Úy già vui tính thì chẳng bao giờ có được ngày đó. Căn bệnh kiết lỵ lẳng xẹt đã cướp mất đời sống của ông. Thân tù tội trở về lại lâm vào vòng quản chế chẳng làm được tích sự gì khiến Nghiệp thấy cuống chân chán nản. Nhã mang tất cả chân tình ra bảo bọc anh. Mẹ Nhã gom góp tiền bạc lo cho cả hai vượt biên. Một buổi chiều trên đảo tị nạn, khi ánh mặt trời yếu ớt nhuộm vàng những ngọn sóng lao xao dổ vào chân Nghiệp và Nhã, hai người đã cầm tay nhau thề hứa trước trời đất để thành vợ thành chồng. Nghiệp ôm gọn Nhã trong vòng tay mà đầu vẫn cấn cái mặc cảm của một kẻ chịu ơn.

Nhã giật tay chồng chỉ về phía trước nói:

"Có con nhỏ nào đang vẫy anh kìa."

Nghiệp nheo mắt nhìn về phía trước. Những vạt nắng hè rạng rỡ đổ xuống thảm cỏ xanh mướt nằm giữa những hàng cây cao vút cành lá xum xuê. Sarah đứng trốn nắng dưới một gốc cây đang giơ tay chào Nghiệp. Anh quay sang bảo vợ:

"Sarah ! Con nhỏ mà anh hay kể chuyện với em đó!"

Từ sau ngày tình cờ gặp Sarah trên xe buýt, mối thân tình giữa anh và con nhỏ khá đậm đà. Mỗi lần đụng đầu nhau, Sarah đều nán lại nói với anh dăm ba câu chuyện. Chuyện trường, chuyện lớp, chuyện thầy, chuyện bạn, chuyện âm nhạc, chuyện thể thao, chuyện xi nê và đôi khi nhờ anh góp ý cho một vài việc khó xử. Nhưng chuyện mà Nghiệp muốn biết nhất là chuyện gia đình Sarah thì con nhỏ câm như hến. Chớ có bao giờ nó mở miệng kể cho Nghiệp một câu. Nghiệp đã nhiều lần khôn khéo gợi chuyện nhưng con nhỏ đều nhẹ nhàng tránh né. Nghiệp đành chịu. Bụng anh ấm ức không yên. Anh kể chuyện với vợ. Nhã cũng thắc mắc muốn biết. Nàng vội kéo Nghiệp đi về phía Sarah:

"Anh giới thiệu em với nó đi. Biết đâu em có tài "thám tử" hơn anh."

Nghiệp giới thiệu vợ, Sarah chào hỏi đôi câu lấy lệ rồi nheo mắt rỡn với hai đứa con Nghiệp đang lanh chanh chạy nhảy trên cỏ. Nó nhanh chóng làm quen với hai đứa bé rồi xin phép vợ chồng Nghiệp đưa hai đứa nhỏ vào công viên dành cho trẻ em nằm ngay bên cạnh. Nghiệp và Nhã ngồi trên ghế đá nhìn ba đứa mặc sức trửng rỡn. Chúng quấn quít nhau la hét vang trời làm vợ chồng Nghiệp có cảm tưởng như chúng là ba chị em ruột.

Tới giờ về, cả Sarah lẫn bé Vinh bé Hà mồ hôi mồ kê nhễ nhại

YÊN TY

CHUYỆN KỂ MỘT MÌNH

ngày người vẫy tay chào mùa hạ
sầu gửi vào chiếc lá mùa thu
hàng mưa trầm nhè nhẹ tiếng ru
bờ môi lạnh người gọi thầm sợi nắng

ngày người xõa tóc buồn nửa mặt
rẽ lối về quá khứ tương lai
kỷ niệm nào khóc ngất trên vai
khi mộng ước thôi ngừng tiếng hát

ngày người nhận vào đời u uất
soi trái tim những góc hoang tàn
nụ hoa hồng bụi phủ khăn tang
khi yêu dấu ngăn bờ thương nhớ

đời qua đi như dòng sông nhỏ
cát lở bồi những vết thương sâu
thôi nói gì những chuyện trước sau
khi người đã chào thua định mệnh

tíu tít không muốn rời nhau. Hai đứa nhỏ nhăn nhó đòi đi theo Sarah. Nhã ôm con dỗ dành:

"Mai mốt chị Sarah sẽ tới nhà chơi với bé Vinh bé Hà nghe."

Hai đứa bé nước mắt lưng tròng nhìn Sarah. Nhã nháy mắt với Sarah:

"Phải không chị Sarah?"

Sarah gật đầu:

"Mai mốt chị tới chơi với Vinh và Hà thiệt lâu nghe không!"

Nói xong nó cúi xuống hôn hai đứa nhỏ tới mấy lần mới dứt ra được.

Sarah trở thành khách quen thuộc của gia đình Nghiệp. Cứ có dịp rảnh rỗi là nó ghé qua nhà chơi với hai đứa bé. Sao mà ba đứa chúng nó hợp nhau đến thế. Chơi thả dàn, nói cười huyên thuyên chẳng cần tới ai. Bé Hà thường ngày nhõng nhẽo là thế mà khi chơi với Sarah hầu như quên hẳn mẹ. Chỉ khi nào Nhã bắt chúng nghỉ chơi để uống nước, ăm kem hoặc trái cây thì nàng mới có dịp nói chuyện với Sarah. Con nhỏ có vẻ thương mến và tin cẩn nàng. Vậy mà khi gợi tới chuyện gia đình thì nó im thin thít. Nhã quả quyết với Nghiệp là con nhỏ có vấn đề với gia đình. Nhưng Sarah lại hé cho biết nó là con một và ở với bố mẹ. Nghiệp thấy là lạ nhưng không thể đoán ra chuyện gì. Con nhỏ lì thiệt. Không cậy ra thêm được một chi tiết nào từ cái miệng tươi như hoa của nó. Lúc còn nhỏ Nghiệp cũng lì như vậy. Nhưng anh có lý do. Anh bị mất gia đình.

Bố Nghiệp là một sĩ quan Dù loại chì. Lúc ông nằm xuống trong một trận đánh ác liệt thì chỉ hơn một năm sau mẹ anh đã đưa anh vào trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu rồi bỏ đi biệt tích. Anh còn giữ mãi tấm hình căn cước chụp ngày mới nhập trường như một kỷ niệm xót xa chẳng bao giờ quên được. Nét mặt vừa lo sợ vừa căm tức, đôi mắt nhìn như muốn chọc thủng không gian trước mặt, chiếc đầu vừa được hớt ngắn trông cộc cằn khó chịu, chiếc áo rộng thùng thình cổ xoạc ra tới vai. Lúc đó anh cảm thấy cô đơn và buồn chán vô cùng. Buổi tối đầu tiên nằm ngủ Nghiệp mở mắt thao láo nhìn đỉnh mùng màu cứt ngựa xa lạ nước mắt rần rụa. Anh không thèm lấy tay quệt mắt để mặc cho những dòng lệ chảy dài xuống ướt đẫm chiếc gối cứng cỏi. Những ngày thăm viếng anh ủ rũ đứng nhìn qua cửa sổ trông mong bóng dáng mẹ mà anh thấy khó có hy vọng gặp lại. Anh bặm miệng tủi thân trước niềm vui gặp lại gia đình của bạn bè cùng lớp. Một vài đứa bạn thân kêu anh ra ngồi ăn chung nhưng anh cương quyết lắc đầu từ chối. Anh nuôi trong người mối hận thù. Hận mẹ. Hận cuộc đời. Hận tất cả mọi người. Anh chuyển mối hận thành ý chí sắt đá. Phải học thật giỏi mới có thể ngẩng cao mặt trước cuộc đời được. Anh chúi mũi học. Kiên nhẫn như một con kiến đầy tự tin. Mới mười hai tuổi mà Nghiệp lì lợm chai đá không ai bằng.

Sự lì lợm của Sarah làm Nghiệp bùi ngùi nhớ lại những ngày cấm nín xưa. Con nhỏ coi bộ giống anh. Cũng thuộc hàng cao thủ. Nhà "thám tử" tài ba không bao giờ thiếu sự tò mò và kiên nhẫn như Nhã mà cũng phải chịu thua. Nhã chỉ có thể đưa ra một chi tiết mà nàng nghĩ là đúng. Con nhỏ có nhiều phần chắc là người Việt Nam vì một đôi khi nàng nói tiếng Việt với hai con mà Sarah dường như cũng hiểu. Nghiệp cảm thấy ấm lòng. Anh cảm thấy con nhỏ gần anh hơn. Anh nghĩ xa hơn một chút nữa. Bụng anh dấy lên câu hỏi làm anh lúng túng nhìn Nhã. Ngàn ở quanh quất trong thành phố này sao?

Chính Nhã bảo Nghiệp mời Sarah tới ăn sinh nhật bé Vinh. Sinh nhật của các con là dịp để cả nhà dẫn nhau đi ăn tiệm. Nghiệp coi đây là dịp vui riêng của gia đình nên không mời bà con bạn bè. Năm nay Nhã phá lệ. Sarah mừng rỡ chạy tới ôm hôn bé Vinh và hứa chắc chắn sẽ tới dự.

Sau bữa ăn Nhã đề nghị đưa Sarah về. Sarah lưỡng lự không biết trả lời sao. Nó không muốn vợ chồng Nghiệp tới nhà nhưng từ nhà hàng về tới nhà nó khá xa lại không tiện đường xe buýt. Nhìn bầu trời tối như bưng nó đành phải miễn cưỡng nhận lời. Nó xin phép ra điện thoại về nhà trước. Nghiệp buông xuôi tay theo định mệnh. Nghe lời đề nghị của Nhã trước đó Nghiệp thấy bồi hồi ruột gan. Anh nửa muốn con bé bằng lòng nửa muốn nó từ chối. Thần kinh anh căng thẳng. Anh vừa muốn gặp lại Ngàn vừa sợ giây phút trùng phùng người yêu cũ.

Trên đường tới nhà Sarah anh lái xe vụng về lúng túng. Đầu óc anh loay hoay không biết sẽ phải ứng phó ra sao khi giáp mặt Ngàn. Anh nghĩ chắc mẹ của Sarah phải là Ngàn. Anh liếc nhìn sang Nhã ngồi bên cạnh. Làm sao cho Nhã không nghi ngờ gì về mối quan hệ giữa anh và Ngàn. Đàn bà họ tinh mắt lắm. Thoáng một cái là đặt dấu hỏi liền. Anh phân vân sắp đặt mọi cử chỉ, lời nói sao cho khéo léo. Tim anh nhảy loạn xạ khi nghĩ tới cuộc tái ngộ sắp tới. Anh bỏ qua một bảng stop không dừng xe. Nhã ngạc nhiên nhìn sang anh. Thường ngày anh lái xe rất cẩn thận. Nghiệp dính cứng vào tay lái lầm lì không nói gì. Anh cố tập trung lái xe trong khi bụng anh như có một bàn tay khuấy lung tung ở trong.

Người ra mở cổng không phải là Ngàn mà là một bà đứng tuổi người bản xứ. Sarah giới thiệu mẹ. Nghiệp đứng ngơ ngác như người mất hồn. Anh vừa mừng vừa thất vọng. May quá không phải là Ngàn. Mà tại sao không là Ngàn? Tưởng sẽ phải vất vả với giông gió phũ phàng mà bỗng chốc trời quang mây tạnh phô ra một vẻ tầm thường dễ giận. Nghiệp đâm ra hụt hẫng. Anh như thoát ra khỏi cơn mơ khi người đàn bà cười xã giao đưa tay cho anh bắt:

"Sarah nhắc tới gia đình ông bà hoài mà hôm nay tôi mới được hân hạnh gặp mặt. Mời ông bà vào nhà chơi. Ông nhà tôi chắc sẽ mừng lắm."

Nghiệp lúng túng đáp lễ:

"Rất hân hạnh được gặp ông bà. Chúng tôi rất quí cháu Sarah và luôn luôn mong có cơ hội được biết ông bà. Chúng tôi xin lỗi bà vì hôm nay đưa cháu Sarah về hơi trễ."

NGUYỄN TẤN HƯNG

NGỘ

Bao la đất rộng trời cao
Vũng đêm sa mạc trăng sao tỏ, mờ
Có không, một cõi chơ vơ!?
Chợt nghe tiếng gọi bên bờ tử sinh

Luân hồi qua phút cầu kinh
Tỉnh ra mới biết phận mình nặng mang
Nợ văn chương, nghiệp trái oan
Đừng hòng chạy thoát, hèn sang phải cày

Hậu thân chữ nghĩa kiếp này
Cũng vì nghiên bút trong tay thuở nào
Thôi thì ráng độ về sau
Đem tâm chấp ngã góp vào thơ văn

Rằng ai nói cuội viết nhăng
Rằng ai viết bậy nói xằng cũng nên
Ai người trở mặt làm quen?
Thì ra hai chữ trắng đen một vần!

Họ bước vào trong nhà. Phòng khách thật trang nhã. Ông chủ nhà bước ra vồn vã chào hỏi. Sarah xin phép đưa hai đứa bé lên phòng chơi. Bốn người mời nhau ngồi xuống ghế. Ông chủ nhà lên tiếng trước:

"Cháu Sarah khoe với tôi là có quen với gia đình một giáo sư người Việt Nam trong trường. Bà nhà tôi và tôi mừng lắm. Như ông bà biết đấy, chúng tôi không phải là cha mẹ ruột của cháu. Vợ chồng tôi hiếm hoi không có con nên xin cháu về nuôi từ lúc cháu mới có sáu tuổi. Chúng tôi thương cháu vô cùng. Nay cháu lại được ông bà là người đồng chủng thương yêu chúng tôi mừng lắm."

Nhã khôn khéo dò hỏi:

"Cháu Sarah dễ thương quá nên ai biết cháu chắc cũng yêu quí cháu. Chúng tôi vẫn coi cháu như con dù thực ra chúng tôi không biết cháu có phải là người Việt Nam giống như chúng tôi không."

Bà chủ nhà vội vàng xen vào:

"Thực ra chúng tôi cũng không biết rõ lắm. Khi cháu về với chúng tôi cháu có vẻ buồn. Có lúc cháu ngồi nói lảm nhảm những gì mà chúng tôi không hiểu. Một người bạn của ông nhà tôi hồi trước có qua làm việc ở Việt Nam bảo với chúng tôi có lẽ cháu nói tiếng Việt Nam vì ông nghe được một vài âm quen quen."

Nghiệp cảm thấy trong thâm tâm con nhỏ là người Việt Nam. Không thể khác được. Anh hỏi thêm:

"Cháu về với ông bà lúc cháu được sáu tuổi, tôi nghĩ là một đứa trẻ ở tuổi đó cũng nhớ được ít nhiều chuyện. Vậy cháu có nói chi với ông bà về gia đình cháu không?"

Bà chủ nhà bĩu môi lắc đầu:

"Tôi chưa thấy đứa nhỏ nào kín đáo như Sarah. Cháu không hề đả động gì tới gia đình cháu cả. Tôi cảm thấy cháu như có điều gì không hài lòng nhưng cháu không bao giờ thổ lộ ra. Dạo mới về một đôi lần cháu đứng nhìn ra cửa sổ, nét mặt cau có và thốt ra vài tiếng mà, theo như linh tính của một người đàn bà, tôi nghĩ là cháu gọi mẹ cháu."

Như có tiếng sóng lao xao dịu nhẹ đập vào màng tang Nghiệp. Anh lịm người để cho hồn bồng bềnh trôi về đĩ vãng. Cuối tháng Tư năm 1975. Những ngày chộn rộn hốt hoảng. Ngàn tới căn phòng trọ của Nghiệp nằm sâu trong một con hẻm trên đường Thủ Khoa Huân gần chợ Bến Thành. Nàng van vỉ Nghiệp di tản cùng gia đình nàng. Nghiệp nhất mực từ chối. Mặt mũi nào làm một tên đào ngũ. Lương tâm nào cho phép anh bỏ bạn bè trốn chạy. Tiếng bom nổ từ phía dinh Độc Lập làm căn phòng của anh như muốn sập. Ngàn mặt mũi thất thần ôm chặt lấy anh. Nước mắt ràn rụa hoảng hốt. Nàng nhìn như uống lấy khuôn mặt anh. Tay nàng đưa xuống ngập ngừng cởi từng hột nút áo trên ngực. Dù sao đi nữa em cũng chỉ có anh là chồng. Đôi gò ngực trinh nguyên của Ngàn phơi ra hồng hào. Nàng vít đầu Nghiệp xuống. Mặt Nghiệp ấm áp. Hơi thở anh gấp rút. Anh nhắm mắt lại. Anh thấy người trôi lãng đãng trong nội cỏ mềm mại xanh rì trải dài bao la ngút ngàn. Những hạt sương long lanh trên đầu cỏ óng ánh dưới ánh nắng dậy thì đầu ngày. Môi Nghiệp êm ái trên đỉnh xuân thì đỏ hồng. Anh lăn lộn trong bát ngát mịt mùng của đất trời thuở hồng hoang. Sấm chớp từng chập vọng về những âm thanh man dại ngây ngất. Anh như người tiền sử đặt dấu chân trên miền hang động hoang sơ quyến rũ. Ngàn lịm đi trong vòng tay anh si mê cuồng dại. Cơn mưa đầu mùa òa vỡ những giọt hạnh phúc nhễu nhão chìm lần vào lòng đất.

Tiếng Nhã cáo từ ông bà chủ nhà kéo anh ra khỏi cơn mê dịu dàng. Sarah dẫn hai đứa nhỏ ra cửa. Nhìn dáng dấp Ngàn lồng trong bóng dáng nhỏ nhắn của Sarah anh bỗng cảm thấy rõ ràng con nhỏ đã được tượng hình vào một buổi chiều chạng vạng trong một ngày nhộn nhạo hốt hoảng năm xưa. Anh khẽ gọi thầm trong miệng: "Con ơi!"

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

HOÀNG KHỞI PHONG & LÊ TAM CA

Tình Ca Đăng Khánh, tuyển tập nhạc in trên giấy đặc biệt, dầy 72 trang khổ lớn, nhà xuất bản Đại Nam ấn hành, giá US$12. Liên lạc: Đăng Khánh, 2900 Travis, Suite B, Houston, TX 77006. ĐT (713) 650-0455.

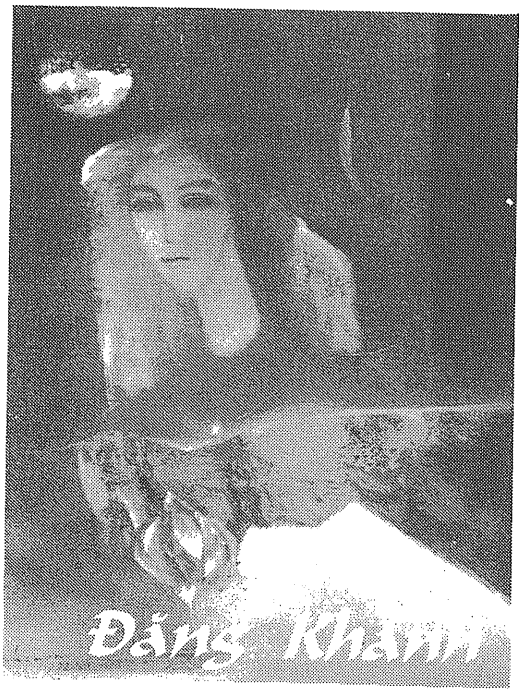

Tất cả gồm 10 bản nhạc viết trong khoảng thời gian 30 năm, mà trong đó bản nhạc đầu đời Đăng Khánh đã làm trong lúc ông đang theo học Nha Khoa ở Sài Gòn. Mười bản nhạc mới đã được hát bởi một số ca sĩ hàng đầu như Anh Ngọc, Duy Trác, Ý Lan, Vũ Khanh, v.v... trong một cuộn băng cassette, một compact disc, sản xuất cùng với tập nhạc.

Đây là một tuyển tập ca khúc trình bầy trang nhã với tranh bìa của Đinh Cường, phụ bản của Mùi Quý Bồng, và những bài viết tựa và bạt của Mai Thảo, Du Tử Lê, Phạm Duy và Từ Nguyên.

Quan Hai Lang Tây Lính Thủy Đánh Bộ, bút ký của **Tôn Kàn**. Sách dầy 108 trang, bìa và phụ bản của Lisa, do Tập San Y Sĩ ấn hành, giá 12 Gia Kim. Liên lạc: 5851 Viau, Montréal, Québec, H1T 2Y2 Canada. ĐT (514) 255-0622 và 324-1655.

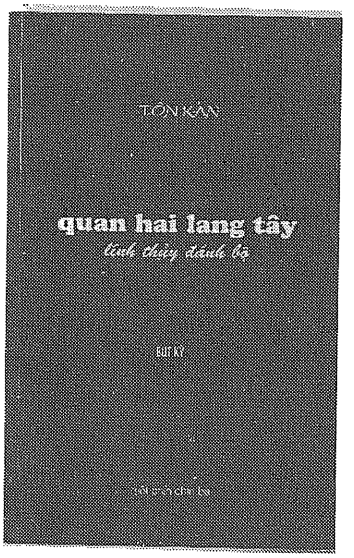

Bác sĩ Phạm Hữu Trác, trong lời tựa của quyển sách, viết: "... *Giá trị của tập bút ký này nằm trong cái tâm thức 'thấy sao nói vậy,' chẳng cần phải thăng hoa, khuếch đại. Tôi tin rằng trên con đường trở lại quá khứ, anh sẽ vô cùng hạnh phúc. Trí nhớ không bị xoi mòn, anh được trở lại với tình bạn, những tình cảm đã giúp anh và đồng bạn vượt qua đau khổ...*"

Trong vòng một trăm trang sách người y sĩ gốc "lính thủy đánh bộ" đã cho độc giả thấy thế nào là một y sĩ trong chiến tranh, với những ý nghĩ tuy đôi khi rất vụn vặt về ta, địch và những người dân vô tội không thuộc vào phe nào.

Gần cuối cuốn sách, Tôn Kàn cho biết ông có du học ở Mỹ lúc cuối mùa trận chiến. Có người đề nghị giúp ông ở lại, trốn qua Canada tức là chỗ ở hiện nay của ông. Nếu ông trốn ở lại thì ông đã định cư sớm hơn vài năm, và như thế thì có lẽ không có...quyển bút ký này. Đây là một chương hay, nhiều khi chất thật của đời sống không cần phải có văn chương phụ họa.

Kỷ Niệm Trên Đồi, tập truyện của **Nguyễn Thanh Giản**, nhà xuất bản Bút Việt Hải Ngoại Hoa Kỳ phát hành năm 1994. Dầy 260 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Đinh Nhật Thịnh, 2750 Mc Kee Rd #8, San Jose CA 95127.

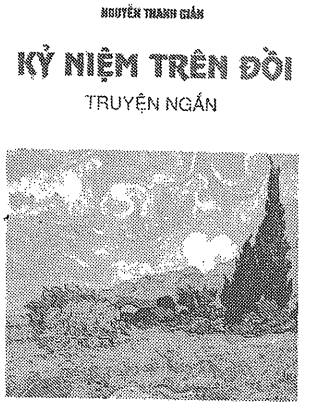

Tuyển tập gồm tám truyện ngắn đã được Nguyễn Tuấn giới thiệu như sau: "... *Nguyễn Thanh Giản đã tìm được một mẫu số chung cho tất cả mọi người. Đó là cái quê hương rách*

NHÀ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH THẾ KỶ

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 894-9021 . FAX (714) 894-2752

THƯ MỤC

SỐ	TỰA (*Tác giả*)	GIÁ
9401	Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*)	$10.00
9402	Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*)	$8.00
9403	Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*)	$10.00
9301	Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*)	$10.00
9302	Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*)	$19.00
9303	Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*)	$12.00
9304	Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*)	$14.00
9305	Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*)	$11.00
9306	Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9307	Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9308	Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*)	$12.00
9309	Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch)	$19.50
9310	Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*)	$10.00
9311	Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập)	$6.50
9312	Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	$12.00
9313	Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*)	$9.00
9314	Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*)	$12.00
9315	Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*)	$10.00
9316	Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9317	Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9318	Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9319	Những Ngày Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*)	$18.00
9320	War & Exile (East Coast VN *PEN*)	$12.00
9321	Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*)	$12.00
9322	Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*)	$12.00
9323	Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*)	$10.00
9324	Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*)	$10.00
9325	Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*)	$7.00
9326	Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*)	$8.00
9327	Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*)	$8.00
9328	Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*)	$14.00
9329	Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*)	$8.00
9330	Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*)	$25.00
9331	Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*)	$10.00
9332	Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*)	$12.00
9333	Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập)	$22.00
9334	Tuyển tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*)	$10.00
9335	Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*)	$15.00
9336	Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*)	$6.00
9337	Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*)	$15.00
9338	Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*)	$12.00
9339	Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*)	$6.00

nát đầy thống khổ đó sao nó cứ nằm mãi trong lòng chúng ta..."

Nguyễn Thanh Giản vốn là một y sĩ, nhưng nay không hành nghề, mặc dù ông vẫn còn làm việc trong môi trường y khoa, chuyên về nghiên cứu. Ông đến Mỹ khá muộn màng so với các đồng nghiệp của ông. Trong truyện ngắn của ông người đọc thấy ông hóa thân thành nhiều nhân cách khác nhau: chính ông trong *Thương con mèo ốm* và *Kỷ Niệm Trên Đồi*. Đây có thể là những đoạn hồi ký. *Tiếng Chuông* là một truyện ngắn nhuốm mầu triết lý nhà Phật. *Trầm Ca Bộ Lạc* lại có giọng của truyện cổ tích. Những truyện còn lại như: *Biển Đông Sóng Bạc, Tình Yêu Chung Thủy, Tâm Hồn Cao Thượng,* là những mảnh đời khác nhau mà tác giả bắt gặp khi đất nước đã không còn là đất nước cũ.

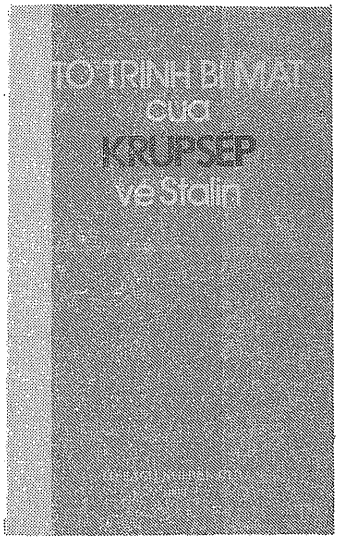

Con Đường Trước Mặt, bút ký của **Nguyên Lương**, nhà xuất bản Tân Thư phát hành năm 1994. Dầy 260 trang, giá US$12.00. Liên lạc PO Box 277, Garden Grove CA 92642. ĐT (714) 537-2468.

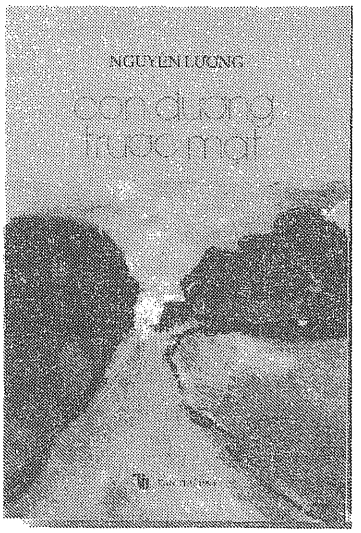

Nguyên Lương sinh tại Bình Định, tốt nghiệp Đại học Đà Lạt 1972, sang Mỹ năm 1975, tiếp tục học Cao học Hóa học và Quản trị tại Đại học Pennsylvania. Ông hiện là giám đốc kỹ thuật cho công ty hóa học Rohm and Haas đặc trách vùng Thái Bình Dương. Con Đường Trước Mặt là tác phẩm đầu tay của ông, viết về những chuyến trở về Việt Nam trong thời gian vài năm trở lại đây.

Nguyên Lương cùng với Bắc Phong, Giang Hữu Tuyên là những nhà thơ có sức sáng tác mạnh trong giai đoạn đầu của mùa di tản. Những bài thơ của ông nghe thấp thoáng như lời hịch, hô hào người lưu vong hãy đoàn kết lại lật đổ bạo quyền trong nước. Năm 1990 Nguyên Lương lên đường về thăm lại Việt Nam, nhìn lại những con đường cũ, những làng thôn xưa, ông thay đổi toàn diện cách nhìn của ông. Hình như ông vẫn còn làm thơ, nhưng dòng thơ của ông đã chảy theo một hướng khác.

Tất nhiên đây là cách nhìn riêng của Nguyên Lương, nhưng dù đứng ở vị trí nào, nếu chúng ta quan tâm đến số phận của Việt Nam thì cũng nên đọc tác phẩm này, và tìm ra cảm nhận riêng cho mình.

Từ Trình Bí Mật của Krúpsếp về Stalin., biên khảo, bản dịch của **Đỗ Thịnh**, Tủ Sách Nghiên Cứu phát hành năm 1994. Dầy 160 trang, giá US$7.00. Liên lạc: Boite Postale 246, 75224 Paris Cedex 11, France.

Sách chia làm ba phần: trọng tâm là bản phúc trình bí mật của Krutchev; phần thứ hai là những phụ lục như thơ của Tố Hữu, diễn văn của Mikoyan, thư của Lenin gửi cho Trostky, cùng di chúc của Lenin; sau cùng là phần niên đại của Xã Hội Chủ Nghĩa tính từ năm 1879 (Cách Mạng Pháp) cho đến năm 1961 là năm xác ướp của Stalin bị mang ra khỏi lăng và chôn ở chân tường Kremlin.

Đây là quyển sách dứt điểm Stalin do chính phe Xã Hội Chủ Nghĩa soạn. Trostky viết về Stalin:

Dưới sức nặng của những tội ác của y, Stalin sẽ biến mất trên sân khấu, như một người đã đào mồ chôn vùi cách mạng và có một bộ mặt ghê tởm nhất nhân loại.

Mẹ Đâu Ngờ, tuyển tập thơ **Bùi Minh Quốc**, nhà xuất bản Tin (Paris) ấn hành 1994. Dày 60 trang, giá 40FF (khoảng 6 mỹ kim). Liên lạc: 54 avenue Léon Blum, 92160 Antony, France.

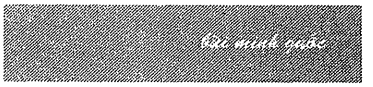

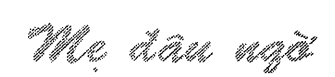

Bùi Minh Quốc là một tên tuổi còn xa lạ với người đọc hải ngoại, vì đây là tập thơ đầu tiên của ông được một nhà xuất bản hải ngoại ấn hành. Ông vốn là đảng viên Cộng sản, đã từng tham gia cuộc chiến "chống Mỹ," nhưng thất vọng về Đảng khi cuộc chiến chấm dứt. Cũng như Hà Sĩ Phu, Bảo Cự — đã hăng say phục vụ

Đảng, rồi cũng nhiệt thành chống đối, và cuối cùng cay đắng rút lui với tâm thức của "kẻ bị lừa."

Trong thư gửi nhà xuất bản Tin, Bùi Minh Quốc cho biết tập thơ này đã gửi cho ba nhà xuất bản trong nước mà không nhà nào dám in. Vì thơ ông đi tìm sự thật. Vì ông đã viết ngay trong lời mở đầu tập thơ: *Những dòng thơ này là chút của riêng còm cõi mà người viết tự trang bị cho mình vào tuổi ngoài năm mươi, và hy vọng được góp vào hành trang của nhân dân mình, trên hành trình khổ đi giành Tự do.*

Một Thời Để Nhớ, tập truyện của **Ái Khanh**, tác giả xuất bản 1994, dày 190 trang, giá US$10.00. Liên lạc: 639 K Tully Rd, San Jose CA 95111; ĐT (408) 292-4944.

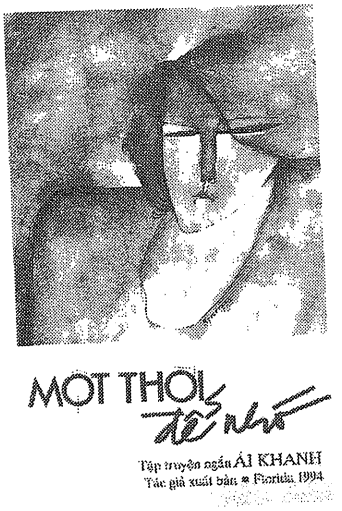

Như tác giả đã giới thiệu trước khi "vào truyện": *Đây là những mẩu truyện ngắn thật ngắn của tôi.*

Quả thật, trong số 21 truyện của tuyển tập, có truyện chỉ bốn trang. Nhưng tác giả đã nói rõ "chẳng bận tâm chi lắm" về chuyện ngắn dài, mà chỉ "viết để giữ lại **Một Thời Để Nhớ**," ghi lại những mẩu đời sống của một giai đoạn tị nạn, định cư với đầy đủ những niềm vui, những nỗi cay đắng, những cơ may và những thất bại...

Việt Nam, Khúc Quanh Lịch Sử 1995, biên khảo của **Nam Trực**, dày 478 trang, giá US$19.50.00. Liên lạc: Viet Publishing, PO Box 61-05-73, San Jose CA 95161.

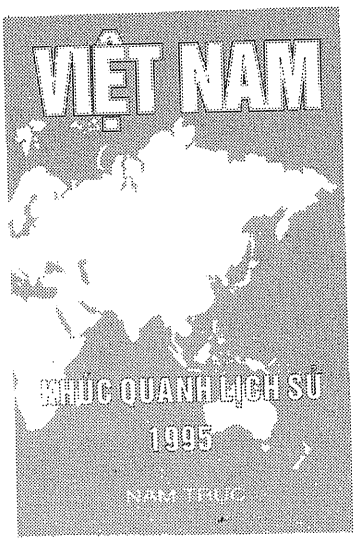

Tác giả nguyên là một trung úy Quân lực VNCH, đã ở đơn vị tác chiến từ 1963 đến 1970 trước khi được biệt phái về Bộ Tài chánh làm việc cho đến 30 tháng Tư 1975. Ông bị tù "cải tạo" năm năm, và đến Mỹ định cư từ 1992.

Cuốn sách lược khảo về lịch sử những mối tranh chấp chính trị và ý thức hệ trên thế giới và ở Việt Nam, đặc biệt chú trọng cuộc "chiến tranh lạnh," và cuộc chiến "quốc-cộng." Tác giả đưa ra dự đoán "sự tan rã của Đảng cầm quyền ở Việt Nam vào năm 1995 sẽ là một biến cố lớn trong lịch sử Việt Nam cận đại để từ đó mọi người Việt Nam không phân biệt quá khứ có thể cùng nhau bắt tay vào việc xây dựng lại nước nhà."

Cười Là Tiếng Ca Đại Thắng, phiếm luận của **Tú Gàn**, cơ sở xuất bản Mẹ (Houston) ấn hành 1994. Dày 208 trang, giá US$10.00. Liên lạc: PO Box 4244, Garden Grove CA 92642; ĐT (714) 775-2630.

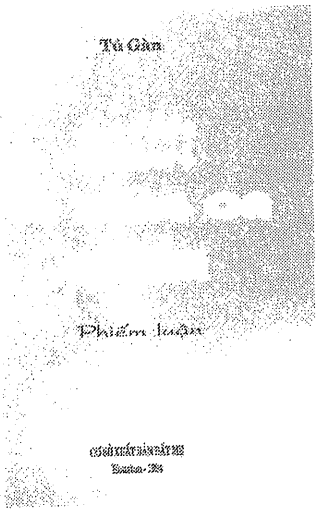

Tú Gàn là một bút hiệu khác của **Nguyễn Cẩn**, cựu thẩm phán VNCH. Mới tháng trước, ông cho in cuốn **Những Bí Mật Đằng Sau Các Cuộc Thánh Chiến Tại Việt Nam** dưới bút hiệu **Lữ Giang**.

Tập phiếm luận **Cười Là...** là những bài báo (người trong làng báo thường gọi là "phim") đăng rải rác trên nhiều báo trong nhiều năm qua, với giọng châm biếm, bóng gió — cũng có khi trực tiếp tấn công — với mục đích (theo ý tác giả) là dùng tiếng cười để sửa chữa những tệ nạn xã hội.

Lời Mẹ Hiền, tuyển tập sưu tầm ca dao, tục ngữ Việt Nam, có minh họa nhiều mẩu, do **Quý Linh** chủ biên, Ý Linh xuất bản. Dày 240 trang khổ lớn, giá (không ghi trên sách) US$15.00.

Đây là tuyển tập thứ tư trong bộ **Tôi Yêu Quê Tôi** của Quý Linh, với kỹ thuật ấn loát công phu, với tranh vẽ của các họa sĩ Tố Oanh, May Verkaik, Don Breeden, và tranh dân gian Việt Nam.

Tác giả cho biết, trong lời Tựa: *Những lúc dạy con học, chúng tôi nhận thấy có nhiều bài ca dao hay, những câu tục ngữ ý nghĩa sâu sắc (...) Chúng tôi nẩy sinh ý tưởng biên soạn một quyển sách giản dị và thực dụng về ca dao tục ngữ cho các bạn trẻ của những thế hệ đang tới, trong đó có các con*

mình, chứ không có ý định làm một công việc biên khảo sâu rộng...

BÁO

Dân Chủ và Phát Triển, số 1, tháng Năm 1994, tập san nghiên cứu, lý luận về chính trị và văn hóa, do Hiệp Hội Dân Chủ và Phát Triển Việt Nam xuất bản, một năm ra ba số (Xuân, Thu và Đông).

Với chủ bút là Tiến sĩ **Âu Dương Thệ**, cũng là chủ tịch Hội, tờ báo DC&PT chủ trương là một diễn đàn cho *anh chị em trí thức Việt Nam thuộc mọi ngành nghề, muốn góp phần xây dựng nền dân chủ chân chính và phát triển cho quê hương Việt Nam.*

Báo trình bày trang nhã, kích thước tương tự như *Thế Kỷ 21*, in trên giấy trắng, bài vở hơi khô, nhưng viết kỹ.

Liên lạc: Postfach 2526-D, 58595 Iserlon, Germany.

Tin Văn, các số 1 và 2/94: Bản tin văn học nghệ thuật của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại / Trung Tâm Âu Châu, do **Từ Nguyên** và **Phạm Việt Tuyền** chủ trương biên tập.

Tuy mỏng, *Tin Văn* chứa đựng lượng thông tin lớn về các sinh hoạt văn học và các nhân vật trong làng văn Việt Nam ở Âu châu.

Liên lạc: 23 Place Flaubert, 67200 Strasbourg, hoặc 53 Amiral Mouchez, 75013 Paris, France.

Lê Hoa, số 3 (mùa xuân 1994), tiếng nói của **Lê Tộc Hội Hải Ngoại**. Báo khổ lỡ (7 x 9 ins) tương tự tờ *National Geographic* của Mỹ, in giấy trắng, bìa lọc mầu (những chùm hoa lê trắng nổi bật trên nền đen), dầy 104 trang, có nhiều bài vở liên quan đến những người họ Lê, nhưng cũng có giá trị nghiên cứu cho độc giả nói chung.

Liên lạc: Lê Duy Hồng, 10444 Flanders Pl, San Diego CA 92126; ĐT (619) 586-1867.

*

Trong tháng qua, TK 21 nhận được báo do các đồng nghiệp gửi tặng. Xin ghi nhận ở đây và xin cám ơn quý đồng nghiệp.

- *Diễn Đàn*, số 30, 31. BP 50, 92340 Bourg-la-Reine, France.
- *Người Dân*, số 44. PO Box 2674, Costa Mesa CA 92628.
- *Cánh Én*, số 33. Lotharstr 2, 90431 Nurnberg, Germany.
- *Sinh Hoạt Cộng Đồng*, số 5/94. Carlos-Grethe Weg 2, 7000 Stuttgart 1, Germany.
- *Văn Học*, số 98. PO Box 1359, Garden Grove CA 92642-1359.
- *Thế Giới Ngày Nay* (Wichita), số 121. 410 W 21st St., Wichita KS 67203.
- *Dân Chúa* (Âu Châu), số 137. Pfizerstr 5 D-70182 Stuttgart 107, Germany.
- *Việt Luận*, các số từ 893 đến 898. PO Box 99 Bankstown NSW 2200 Autralia.
- *Dân Việt*, các số từ 31 đến 33. PO Box 368 Cabramatta NSW 2166 Australia.
- *Ngày Nay*, các số từ 298. 3121 San Jacinto, Houston TX 77004.
- *Hiệp Nhất*, số 18. PO Box 6521, Santa Ana CA 92706.
- *Phật Giáo Việt Nam*, số 88. 863 S Berendo St., Los Angeles CA 90005.
- *Định Hướng*, số 4. PO Box 2228-156, Westminster CA 92684.
- *Tin Nhà*, số 15. 54 Léon Blum 92160, Antony, France.
- *Horizons*, Vol 2 #3-4. 3245 S White Rd #202, San Jose CA 95148-4056.
- *Y Tế Phổ Thông*, số 17. PO Box 4193, Mission Viejo CA 92690.
- *Hợp Lưu*, số 17. PO Box 277, Garden Grove CA 92642.
- *Đối Thoại*, số 2. PO Box 4692, Garden Grove CA 92642.
- *Thông Luận*, số 71. PO Box 672323, Houston TX 77267-2323.
- *Người Việt Thế Giới*, số 2. 14922 Moran St., Westminster CA 92683.
- *Nắng Mới*, số 32. CP 40 Côte des Neiges, MTL QUE H3S 2S4 Canada.
- *Chân Nguyên*, số 22. 424 S Ramona Ave., Monterey Park CA 91754.
- *Giao Điểm*, số 16. PO Box 2188, Garden Grove CA 92642.
- *Lạc Việt*, số 4. 4413 W Walnut St. #417, Garland TX 75042.
- *Dân Chủ và Phát Triển*, số 1. Postfach 2526-D, 58595 Iserlon, Germany.
- *Tin Văn*, số 1 và 2. 53 Amiral Mouchez, 75013 Paris, France.
- *Phổ Thông*, số 8. PO Box 16 Northlands WA 6021, Australia.■

ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Hàng trước, từ trái qua: Đỗ Ngọc Yến, Bùi Bích Hà, Bạch Thu Hà, Lê Văn Khoa, Phạm Phú Minh, Ann Phong, Trần Đại Lộc. Hàng sau: Suzie Vương, Trương Minh Cường, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Nghiêm Phú Phát, Lý Văn Chương (hội viên) và Hoàng Khởi Phong.

Đại hội thường niên của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ đã được tổ chức lúc 3 giờ chiều ngày thứ Bẩy 18 tháng Sáu 1994 tại trụ sở của hội, số 14901 đường Moran, Westminster, California.

Trong phần báo cáo nhiệm kỳ 1993-94, Phạm Phú Minh, Tổng thư ký của Hội, báo cáo các công tác hội đã thực hiện trong năm qua (từ tháng Bẩy 1993 đến tháng Sáu 1994).

1. **Sinh hoạt văn học:**

- Ngày 10-7-93, hội luận văn học mang đề tài "Tâm tình người cầm bút Việt Nam tại hải ngoại" tại trụ sở của Hội.

- Bảo trợ khóa hội học "Văn hóa và lịch sử Việt Nam" kéo dài từ tháng Tám đến tháng Mười Một 1993. Xuất bản cuốn kỷ yếu của khóa học, in lại các bài giảng và nội dung thảo luận để làm tài liệu.

- Hợp tác với tạp chí *Thế Kỷ 21* tổ chức hội thảo văn học ngày 19-12-93 với đề tài "Tại sao tôi viết văn," qui tụ khoảng 40 nhà văn nhà thơ tại Quận Cam, với rất nhiều đóng góp ý kiến của các nhà văn Việt Nam đang sống tại Mỹ cũng như nhiều nơi khác trên thế giới.

- Tổ chức buổi ra mắt cuốn sách "Miền Đất Hứa" của nhà văn Trà Lũ (Canada), vào ngày 23-10-93 tại trụ sở của Hội.

- Tổ chức buổi ra mắt cuốn sách về Điện Toán của Đỗ Thông Minh (Nhật Bản), và cuốn hồi ký của Phạm Ngọc Lũy, ngày 15-12-93 tại trụ sở của hội.

- Tổ chức buổi ra mắt cuốn "Cây Tùng Trước Bão" của nhà văn Hoàng Khởi Phong ngày 19-2-94 tại trụ sở hội.

- Phối hợp với nhật báo *Người Việt* và Phân khoa Báo chí trường Đại học Fullerton, tổ chức hai ngày hội học về Báo chí: (1) Ngày 12-12-93 tại trụ sở VAALA, với phái đoàn giáo sư báo chí học của Đại học Fullerton đến thuyết trình.(2) Ngày 28-3-94 tại phân khoa Báo chí của Đại học Fullerton với sự tham dự của khoảng 30 nhà báo Việt Nam.

- Bảo trợ tổ chức cuộc họp báo tại sở Hội của nhóm thực hiện phim "Mùi Đu Đủ Xanh" từ Pháp sang, với đạo diễn Trần Anh Hùng và diễn viên chính Trần Nữ Yên Khê.

2. **Sinh hoạt nghệ thuật trình diễn:**

- Từ tháng Bẩy 1993: lớp đàn tranh cho thiếu nhi, do giáo sư Nguyễn Thị Mai phụ trách.

- Tổ chức tại trụ sở Hội bốn buổi diễn kịch của nhóm kịch sinh viên Club O'Noodles vào các ngày 7, 24-7, 28-8 và 11-9-1993.

- Ngày 5-9-93, tổ chức buổi ca nhạc ra mắt CD của nhạc sĩ Phạm Anh Dũng.

- Tổ chức đêm nhạc Đỗ Thế Phiệt.

- Tổ chức ra mắt sách "học dương cầm theo phương pháp mới" của nữ nhạc sĩ dương cầm Xuân Thuyền (tức bà Đỗ Thế Phiệt).

- Đêm trình tấu Tây ban cầm, phối hợp tổ chức với Hội Tây ban cầm Việt Nam.

- Văn nghệ mừng sinh nhật Phạm Duy, và đón mừng Nghiêm Phú Phát và Trần Đại Lộc vừa từ Việt Nam sang.

- Tổ chức đêm Christmas Carol 18-12-1993, với nhạc sĩ Mỹ Richard Rios và nhóm Los Angeles Young Children Artists của ông, đọc truyện và đàn hát nhạc Giáng Sinh cho các em thiếu nhi tại trụ sở VAALA.

- Tổ chức "Đêm Hội Ngộ" giới thiệu Nghiêm Phú Phát và chương trình sinh hoạt của "Câu lạc bộ VAALA."

- Ngày 8-5-94 tổ chức tại rạp hát thư viện Huntington Beach buổi trình diễn dương cầm của Đỗ Bằng Lăng, một nhạc sĩ dương cầm Việt Nam hiện ở Canada, lần đầu tiên xuất hiện tại Quận Cam.

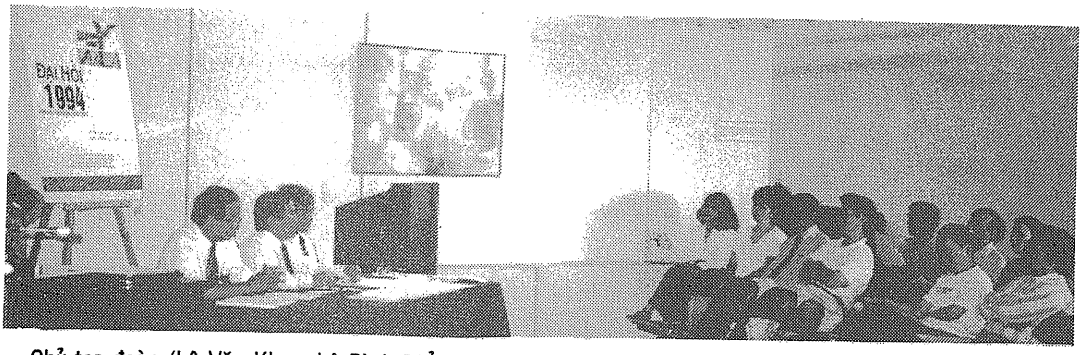

Chủ tọa đoàn (Lê Văn Khoa, Lê Đình Điểu và Phạm Phú Minh), và tham dự viên Đại hội.

3. **Sinh hoạt nghệ thuật tạo hình:**

- Từ 7 đến 22-8-93: triển lãm tranh của họa sĩ Phạm Bách Phi tại trụ sở Hội.
- Ngày 5-11-93: triển lãm tranh của nhiều họa sĩ tại trụ sở Hội trong dịp đón tiếp một phái đoàn giáo sư Đại học Mỹ đến thăm VAALA.
- Triển lãm tranh Trương Bửu Giám.
- Ngày 25-2-1994, tại trụ sở hội, tổ chức triển lãm, chiếu slides và nói chuyện về hội họa, với nữ họa sĩ Phấn Nguyễn Baker, từ Hawaii sang.

Ngoài các sinh hoạt trên, Hội đã tổ chức một bữa **tiệc gây quỹ** tại nhà hàng Grand Garden vào ngày 15-10-93, với sự tham dự của hơn 300 khách mời, có trình diễn văn nghệ và bán đấu giá tranh. Buổi tiệc cũng được xem là một sinh hoạt có tính cách văn hóa nghệ thuật, là dịp gặp gỡ của đông đảo những người làm hoặc quan tâm tới các bộ môn văn học nghệ thuật, các nghệ sĩ trình diễn, và các họa phẩm của các họa sĩ nổi tiếng. Mục đích và các hoạt động của Hội nhân dịp này đã được biết đến rộng rãi.

Trụ sở của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, ngoài việc là nơi tổ chức của các sinh hoạt thường xuyên của hội, còn là chỗ các hội đoàn, các nhóm và cá nhân tổ chức nhiều loại sinh hoạt khác. Do đó, trong mấy năm qua đây là nơi sinh hoạt rất quen thuộc đối với mọi giới đồng bào người Việt và cả người Mỹ. Hai tờ báo lớn của Mỹ (*Los Angeles Times* và *Orange County Register* đều có bài giới thiệu các sinh hoạt của Hội)

Báo cáo tài chánh: Phó Chủ tịch kiêm Thủ quỹ, ông Trần Kiêm Thêm, bị bệnh nên vắng mặt. Báo cáo tài chánh, do văn phòng kế toán Budget Service đúc kết, đã được Chủ tịch Hội tường trình trước Đại Hội như sau:

a. Tài khóa 1993 (tính đến 31-12-93): - Thu $21,162.80 - Chi $21,353.76.

b. Năm tháng đầu năm 1994 (tính đến ngày 31-5-1994) - Thu $4,274.54 - Chi $4,748.83.

c. Tháng Sáu, nhờ tiền niên liễm của Hội Viên đóng trước ngày Đại Hội, quỹ còn trong trương mục ngân hàng (tính đến 17-6-1994): $2,022.98. Các hội viên có thể tham khảo hồ sơ tại VP Budget Service, số 10512 Bolsa Ave # 205, Westminster, CA 92683.

Trong các dự án đang tiến hành, VAALA đang yểm trợ cho Dự án 20 (*Project 20*). Ông Lê Văn Khoa (phó chủ tịch) cho biết Dự án 20 là ý định của một số anh em trong giới văn học nghệ thuật muốn kỷ niệm 20 năm người Việt Nam di tản ra xứ người (1975-1995) bằng các sinh hoạt âm nhạc, văn học, hội họa, hội thảo v.v...

Một số dự án khác đang tiến hành là triển lãm ảnh của Tôn Lập (hội viên nhiếp ảnh Hoàng Gia Anh), triển lãm tranh của các nữ họa sĩ và đêm nhạc Lê Uyên Phương.

Một **"dự án" đặc biệt** là tờ báo *Thế Kỷ 21* được công ty Người Việt tặng Hội VAALA. Ông Đỗ Ngọc Yến, Tổng Giám đốc công ty Người Việt, cho biết: Báo *Thế Kỷ 21* là một nguyệt san chuyên về chính trị, văn học, nghệ thuật, do công ty Người Việt sáng lập cách đây sáu năm. Nay vì thấy tôn chỉ và nội dung của tờ báo này phù hợp với các hoạt động văn học nghệ thuật vô vị lợi của VAALA, công ty Người Việt quyết định bán lại quyền sở hữu tờ báo cho Hội, với giá tượng trưng US$1.00.

Phần thứ hai của chương trình Đại hội là thảo luận một số **đề nghị**, và Đại hội đã thông qua các điều sau đây:

1. Gia tăng nhiệm kỳ của HĐQT lên hai năm (thay vì một năm).
2. Ấn định số thành viên của Hội Đồng Quản Trị là 15 người.
3. Một Ban Thường Vụ năm người sẽ do HĐQT cử, để điều hành công việc Hội giữa các phiên họp (một năm bốn lần) của HĐQT.

Cùng với các phiếu bầu bằng thư nhận được trước ngày Đại hội, Đại hội đã bầu ra một Hội Đồng Quản Trị gồm 15 người sau đây:

1.Lê Đình Điểu 2.Lê Văn Khoa 3.Phạm Phú Minh 4. Ann Phong 5.Bạch Thu Hà 6.Bùi Bích Hà 7.Đỗ Ngọc Yến 8.Hà Tường Cát 9.Trần Đại Lộc 10.Hoàng Khởi Phong 11.Hoàng Ngọc Tuệ 12.Nghiêm Phú Phát 13.Nguyễn Mạnh 14.Suzie Vương 15.Trương Minh Cường.

Ban Thường Vụ cũng được cử ngay sau đó, gồm: 1. Lê Đình Điểu (chủ tịch); 2.Lê Văn Khoa (phó chủ tịch ngoại vụ); 3.Trần Đại Lộc (phó chủ tịch nội vụ); 4.Phạm Phú Minh (tổng thư ký); 5.Ann Phong (thủ quỹ). Đại hội cũng ủy cho HĐQT mời thêm các mạnh thường quân, các văn nghệ sĩ và các chuyên viên, vào các cơ cấu khác của Hội như Hội đồng Cố vấn, Hội đồng Bảo trợ, Ban Chấp hành, v.v...

GIẢI TÚC CẦU WORLD CUP USA-94

HÀ TƯỜNG CÁT

Khẩu hiệu của Liên đoàn Túc cầu Thế giới (FIFA) đặt cho việc tổ chức giải Thế giới kỳ thứ 15 tại Hoa Kỳ (World Cup USA-94) là "Làm một biến cố lịch sử cho môn túc cầu." Đây là lần đầu tiên World Cup được tổ chức ở một quốc gia mà túc cầu không phải là môn thể thao chính, số người ái mộ không chiếm một tỉ lệ cao trong quần chúng.

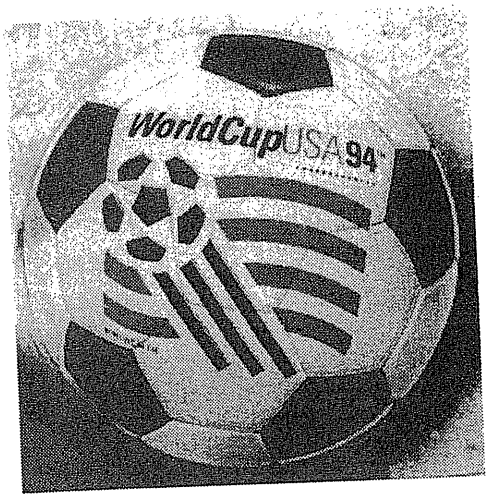

Căn cứ trên dư luận chê bai quyết định này của FIFA và trên thăm dò dư luận ngay trước khi giải khai mạc — hơn 60% dân Mỹ không biết World Cup là cái gì — những người bi quan lo ngại World Cup USA-94 sẽ không thành công. Nhưng qua năm ngày đầu giao đấu, chưa đề cập đến khía cạnh kỹ thuật của việc tổ chức, chỉ nhìn vào số khán giả đã có thể nhận định rằng sự thành công sẽ là điều không thể nghi ngờ. Trên tất cả chín sân, từ sân nhỏ nhất Foxboro, Boston, 54,000 chỗ, đến Rose Bowl, Pasadena, 92,000 chỗ, không một trận nào còn ghế trống. So sánh với những kỳ World Cup trước, các trận đá trong vòng đầu bao giờ cũng còn rất nhiều khoảng trống trên khán đài, thì có thể kết luận được ngay rằng thành công về mặt tổ chức, tài chánh — và sự tham dự nhiệt tình của khán giả tại Hoa Kỳ — là rất rõ ràng.

World Cup được tổ chức mỗi bốn năm một lần, là biến cố thể thao lớn hơn bất cứ một môn thể thao nào khác. Tổng cộng tất cả số người theo dõi các trận đấu bóng bầu dục (*football* kiểu Hoa Kỳ), bóng rổ (*basketball*), bóng chày (*baseball*), quần vợt (*tennis*) cũng không bằng chỉ một môn bóng tròn. Theo dự tính sẽ có 32 tỉ lượt người xem qua màn ảnh truyền hình 52 trận đấu của World Cup USA-94, và riêng trận chung kết ngày 17 tháng Bẩy ở sân Rose Bowl sẽ là 2 tỉ. Bóng tròn là môn thể thao được trên 3/4 nhân loại ưa chuộng, ở một số quốc gia đạt sự ái mộ đến gần mức cuồng tín.

Sự kiện môn túc cầu chưa được hâm mộ nhiều tại Hoa Kỳ có những lý do tâm lý, truyền thông và...kinh tế. Hơn nửa thế kỷ qua, chưa bao giờ đội túc cầu Hoa Kỳ lập được một thành tích khả quan trong những cuộc gặp gỡ quốc tế. Nghệ thuật của môn thể thao này không được đề cao trong khi tính cách khó khăn về một bàn thắng hình như không hợp với tâm lý chuộng con số thống kê cùng những đảo lộn kết quả mau chóng trong những môn thể thao khác. Giới truyền thông Hoa Kỳ, đặc biệt là ngành truyền hình, cho rằng túc cầu khó được khai thác thuận tiện cho những chương trình quảng cáo, vì một hiệp thi đấu túc cầu (45 phút) quá dài và không có những khoảng thời gian tạm ngưng (*time out*) để có thể chen quảng cáo vô. Nếu so sánh, hiện nay có 17 triệu người — đa số là sinh viên học sinh — đang chơi môn trượt băng chẳng hạn, thì rõ ràng túc cầu đông người xem hơn. Nhưng người Mỹ biết tới Nancy Kerrigan và Tony Harding hơn là Pele, Maradona, Baggio. Ngoài việc hai cô trên là người Mỹ, còn có vấn đề giới truyền thông Mỹ cho đến nay chưa chịu lưu ý đến túc cầu.

Với World Cup diễn ra trong suốt một tháng tại Hoa Kỳ, có lẽ cuối cùng FIFA đạt được ước vọng, ngoài thành công về tài chánh, là tạo được phong trào hâm mộ môn túc cầu trên đất Mỹ. Điều ấy cũng là hợp lý vì trong lúc 23 đội bóng và hàng trăm ngàn du khách từ nhiều quốc gia đổ về các vận động trường, hàng tỉ người khác hướng về Hoa Kỳ qua các màn ảnh truyền hình, thì chẳng có lý do nào người Mỹ lại thờ ơ hay xem như không biết. Tổng thống Clinton có thể tóm tắt đúng được tầm quan trọng của môn thể thao này cho dân Mỹ khi ông phát biểu trong buổi khai mạc World Cup: "Bóng tròn là ngôn ngữ quốc tế đưa đến hòa hợp."

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT:** Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM:** Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

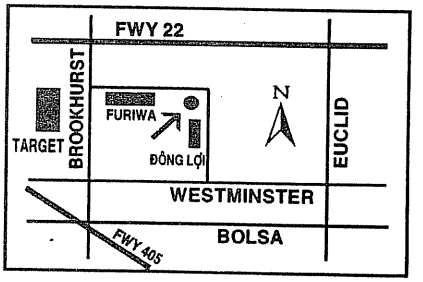

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ

*Không bột ngọt

*Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali

MUA 2 TẶNG 1

Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)

(714) 531-4556

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chểnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC **THẾ KỶ 21**

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

PROJECT 20
1975-1995

DỰ ÁN 20:
NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT
HAI MƯƠI NĂM SAU

Chuẩn bị
kỷ niệm 20 năm
sống xa
quê cha đất tổ

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

* Bánh mì thịt nguội
* Bánh mì bì
* Bánh mì chả lụa
* Bánh mì thịt nướng
* Bánh mì nem chua
* Bánh mì xíu mại
* Bánh mì gà rô-ti
* Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

AS certified AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT. VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:
Vô xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chuẩn dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

AIR CONDITIONING SPECIALIST

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại.*
- *Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

- * *Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- * *Máy lạnh thổi không ra hơi*
- * *Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- * *Hệ thống lạnh bị xì*
- * *Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- * *Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL. (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tăng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén diã tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lotters LOTTO
California Lotters DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như diã giấy, ly, muổng, nỉa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."

Tựa của **Trần Hồng Châu**

■ *185 trang. Giá $10.00*

Nửa Đời Nhìn Lại

Truyện của **Tiêu Dao Bảo Cự** (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.

Tựa của **Đặng Tiến**. Bạt của **Hà Sĩ Phu**.

■ *340 trang. Giá $14.00*

Thơ Bùi Giáng

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

Giá $8.00

Thư từ và ngân/lệnh phiếu (US$) xin đề THẾ KỶ, và gửi về PO BOX 2054-H39 Westminster CA 92684. ĐT (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752.

Giá: US $ 3.00